

Nam Phong tạp chí — Quyển I

Phạm Quỳnh



Được lấy từ Wikisource vào ngày 16 tháng 10, 2021

L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE — SON RÔLE
DANS LA GUERRE DES NATIONS

(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur
Général de l'Indochine)

NAM-PHONG TẠP-CHÍ



CHỦ BÚT

Phần quốc-ngữ
PHẠM QUỲNH

Phần chữ nho
NGUYỄN-BÁ-TRÁC

Tome I

N^{OS} 1-6

JUILLET - DÉCEMBRE

1917



IN TÀI
ĐÔNG-KINH ẤN-QUÁN (Imprimerie Tonkinoise)
14-16, Rue du Celen, Hanoi

1917

NGUYỄN-TIÊN-LANG

NAM-PHONG TẠP-CHÍ

M Ụ C - L Ụ C

Quyển thứ I (từ số 1 đến số 6)

(*Nam-phong tạp-chí* mỗi năm chia làm hai quyển, mỗi quyển sáu số. Mục-lục này là thuộc về quyển thứ I, từ số 1 đến số 6, tức là từ tháng bảy đến tháng chạp tây)

năm 1917, phải đóng vào sau số báo thứ 6. Đóng thành quyển thì phải bóc bìa ra, xếp quốc-ngữ chữ nho ra hai phần, rồi đóng làm một, phần Tự-vượng để giữa. — Từ số 7 giờ đi là sang quyển thứ II, bắt đầu số trang mới.) [1]

Số 1 — Juillet 1917

	Số trang
<u>Mấy nhời nói đầu</u>	1
<u>Bàn về văn-minh học-thuật nước Pháp</u>	9
<u>Một bộ tiểu-thuyết mới « Nghĩa cái chết »</u>	19
<u>Cái vấn-đề về sự tiến-bộ</u>	29
<u>Tàu ngầm tàu lặn. I</u>	43
<u>Văn-uyển</u>	51
<u>Hội Hàn-lâm nước Pháp</u>	55
<u>Thời-đàm</u>	61
<u>Truyện cái dấu đỏ (tiểu-thuyết) I</u>	71

Số 2 — Août 1917

<u>Văn quốc-ngữ</u>	<u>77</u>
<u>Một bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền</u>	<u>80</u>
<u>Nước Mĩ trong cuộc chiến-tranh</u>	<u>85</u>
<u>Nghĩa gia-tộc</u>	<u>89</u>
<u>Sử luận</u>	<u>93</u>
<u>Triết-học là gì ?</u>	<u>97</u>

<u>Tổ triết-học nước Pháp : ông DESCARTES</u>	100
<u>Tàu ngầm tàu lặn. II</u>	105
<u>Cây cũng có cảm-giác như người</u>	110
<u>Thơ. — Văn-tế ông Bách-đa-lộc. — Tự tình với sông Hương. — Hát mừng gió nồm</u>	115
<u>Truyện người lính bằng tuyết. — Bình-phẩm sách mới : « Một tấm lòng ». — Nước Mĩ vào cuộc với Đồng-minh</u>	121
<u>Thời-đàm (Việc cách-mệnh Nga, nội-loạn Tàu)</u>	129
<u>Truyện cái dấu đỏ (tiểu-thuyết). II</u>	141

Số 3 — Septembre 1917

Trường Đại-học	145
Trường Hậu bổ cũ với trường Pháp-chính mới	153

Số trang

Bàn về bộ tiểu-thuyết « Vua hề »	159
Dịch sách « Phương-pháp luật » của ông DESCARTES I	169
Máy bay tàu bay. I	175
Bài văn ông Hoàng-tử Cảnh tế ông Bách-đa-lộc. — Bàn về chữ « tài ». — Thơ	179
Bàn thêm về trường Pháp-chính (Thư của quan tuần Phạm-văn-Thụ)	187
Truyện cái dấu đỏ (tiểu-thuyết). III	193
Thời đàm. — (Việc chiến-tranh). — Việc chính-trị	197

ngoại-giao. — Việc Đông-dương

Số 4 — Octobre 1917

Sự giáo-dục đàn bà con gái	207
Nghĩa-vụ là gì ?	217
Sử-học chuyên-luận I	223
Văn-học Hi-lạp I	226
Dịch sách « Phương-pháp luận ». II	231
Triết-học của sự chiến-tranh	238
Máy bay tàu bay. II	241
Thơ cụ Yên-đổ. — Nghe đàn. — Đêm đêm tiếng dế kêu sầu. — Thơ văn đàn bà	251
Về luật mới	261
Truyện cái dấu đỏ (tiểu-thuyết) IV	269
Thời-đàm (từ ngày 20 tháng chín đến ngày 20 tháng 10)	271

Số 5 — Novembre 1917

Quan trường	277
Quan hạnh. — Thanh-liêm với tham-những	283
Bàn về thơ nôm	293
Văn-học Hi-lạp. II	297
Dịch sách « Phương-pháp luận » của ông DESCARTES. III	301
Một nhà khoa-học đại-danh của nước Pháp : BERTHELOT tiên-sinh. I	307

Thơ cụ Yên-đổ. — Ông phỏng đá. — Sấm. — Thơ văn đàn bà. — Nhân-Khanh thi-tập	311
Tự nguyện hóa chồng (Đoản-thiên tiểu-thuyết)	323
Giàu sang chưa chín một nồi kê (Truyện Tàu)	325
Nhờ người Tây-ban-nha tặng nước Pháp	327
Cảm-tình của bạn đọc báo	329
Truyện cái dấu đỏ (tiểu-thuyết). V	329
Thời-đàm (từ ngày 20 tháng 10 đến ngày 20 tháng 11). — Một bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền Xa-Lộ	335

Số 6 — Décembre 1917

Thánh-dụ khuyên dân làm sách	349
Nghĩa-vụ nhà làm báo	352
Thế-lực Nhật-bản ở Tàu. I	357
Văn-thuyết	365
Pháp-văn thi-thoại : BAUDELAIRE tiên-sinh	367
Văn-học Hi-lạp. III	372
Đẹp là gì ? I	375
Một nhà khoa-học đại-danh của nước Pháp : BERTHELOT tiên-sinh III.	379
Thơ cụ Yên-đổ. — Thơ văn mới. — Ca từ. — Nhân- Khanh thi tập	384
Tồn-cổ-lục. I.	393
Truyện cái dấu đỏ (tiểu-thuyết). VI	399
Thời-đàm (từ ngày 20 tháng 11 đến ngày 20 tháng	402

12)



1. ▲ Nhiều người tưởng phải nên chia ra từng mục mà đóng, mục nào riêng mục ấy. Chủ-ý bản-báo không phải như thế, chỉ định đóng liền 6 số với nhau thành một quyển nhón, nên đánh số trang liền nhau từ số 1 đến số 6. Vậy xin các ngài có đóng cứ theo như thế.

大學者
Dai học giả
東洋全權沙露公
Đông Dương Toàn quyền Sa Lộ Công
創立東洋
sáng lập Đông Dương



Quan Toàn-Quyền SARRAUT

Chú thích

Số 1 — Juillet 1917

	Số trang
<u>Mấy nhời nói đầu</u>	1
<u>Bàn về văn-minh học-thuật nước Pháp</u>	9
<u>Một bộ tiểu-thuyết mới « Nghĩa cái chết »</u>	19
<u>Cái vấn-đề về sự tiến-bộ</u>	29
<u>Tàu ngầm tàu lặn. I</u>	43
<u>Văn-uyển</u>	51
<u>Hội Hàn-lâm nước Pháp</u>	55
<u>Thời-đàm</u>	61
<u>Truyện cái dấu đỏ (tiểu-thuyết) I</u>	71

phần

(không được liệt kê trong bản gốc)

- [Độc-thư tạp-ký](#)
- [Bộ tiểu-thuyết « Cái vinh cái nhục của nhà quân »](#)
- [Tự-vưng](#)

TỰ - VỰ NG

QUỐC-NGŨ — CHỮ NHO — CHỮ PHÁP

Quốc-văn ta hiện còn nghèo lắm, chưa đủ tiếng mà dùng. Thế tất phải mượn thêm chữ nho thì mới có thể gọi được những sự-vật mới, diễn được những tư-tưởng mới. Điều đó thiết-tưởng quốc-dân ta ai cũng đã hiểu rõ rồi. Vậy báo Nam-Phong chủ thân nhật những điều mới lạ trong các môn học ngày xưa ngày nay, cũng không thể tránh được cái thế tất-nhiên ấy, nên các bài báo thường dùng đến nhiều những danh-từ mới. Kể ra những chữ ấy cũng không lấy gì làm khó hiểu, người nào đã có biết ít nhiều chữ nho cũng có thể tự giải được.

Nhưng lúc đầu này cần phải định-nghĩa phân-minh những chữ mới dùng để sau khỏi lẫn-lộn sai-nhầm. Và hiện nay chữ nho ít người học, các nhà tây-học tất không được tinh cách dùng chữ lắm. Vậy bản-báo tưởng cũng là một việc có ích mà phụ thêm sau mỗi số báo mấy tờ « Tự-vựng » thích-nghĩa những tiếng mới, vừa bằng quốc-ngữ, vừa bằng chữ nho, vừa bằng chữ Pháp để giúp những người hoặc biết chữ nho

mà không biết nghĩa tây, hoặc biết chữ tây mà không biết tên ta.

Bản-báo thiết-nghĩ phạm chữ mới chỉ mới một lúc đầu thôi. Dùng một lần thì còn mới, dùng vài ba lần thì nghe đã quen tai, dùng đến mười lần thì đã cũ rích vậy. Mười năm trước, ai từng nói đến những tiếng như văn-minh, xã-hội ? Thế mà bây giờ những tiếng ấy thông-dụng rồi. Ngày nay những tiếng như quan-niệm, thái-độ, nghe còn lạ tai, an-tri ít lâu nữa lại chẳng thành những tiếng thường dùng ư ? Tiếng An-nam ta đối với chữ Tàu vốn vẫn có cái hấp-lực rất mạnh, cốt là bây giờ dùng chữ nào định-nghĩa phân-minh chữ ấy là đủ vậy.

Đó là cái mục đích của tập Tự-vựng này.



- Anh-hùng-ca.** — 英雄歌 = Bài ca tán tụng công-đức những bậc anh-hùng hào-kiệt. — ÉPOPÉE.
- Ảnh-hưởng.** — 影響 = Chính nghĩa là cái bóng, cái tiếng vang. Dùng rộng nghĩa thì chỉ cái thế-lực của vật nọ lan-động sang vật kia, như cái bóng chiếu, cái tiếng vang. — INFLUENCE, EXERCER UNE INFLUENCE.
- Áp-chế-chủ-nghĩa.** — 壓制主義 = Chủ-nghĩa đè nén, áp ức người ta. — DESPOTISME.
- Bán-khai.** — 半開 = Là mới văn-minh mở-mang được nửa. — SE DIT D'UNE CIVILISATION

- Bành-trướng.** — 彭漲 = Dương rộng ra, phát to ra.
— EXPANSION, FORCE D'EXPANSION.
- Bảo-hiêm-công-ti.** — 保險公司 = Hội phải đóng tiền thì được cứu giúp những khi tai nạn : như cháy nhà, đắm tàu, v., v. — COMPAGNIE D'ASSURANCE.
- Bi-đát.** — 悲怛 = Buồn thảm. — ÉMOUVANT, TRAGIQUE.
- Bi-kịch.** — 悲劇 = Cuộc buồn, cuộc-thảm. Lối diễn-kịch diễn những sự buồn, sự thảm. — DRAME, TRAGÈDIE.
- Bí-quyết.** — 秘訣 = Phép bí-mật không ai biết. — SECRET, ÉNIGME.
- Biểu-diện.** — 表面 = Bề ngoài, mặt ngoài, sự phát-hiện ra ngoài. — FACE, APPARENCE, MANIFESTATION EXTÉRIEURE.
- Biểu-hiệu.** — 表號 = Dấu hiệu để hình tượng ra ngoài. — SYMBOLE.
- Cảm-tình-hồn.** — 感情魂 = Phần hồn thuộc về tình cảm. — PSYCHISME SENTIMENTAL.
- Cảm-giác.** — 感覺 = Sự cảm biết, cảm mà biết, không phải suy nghĩ mà biết. — SENSATION, PERCEPTION, IMPRESSION.
- Cảnh-cáo.** — 警告 = Báo trước cho biết một sự nguy-hiêm. — AVERTISSEMENT.

- Chế-độ.** — **制度** = Thể cách sắp đặt việc chính-trị cùng các việc khác trong nước. — INSTITUTION, RÉGIME.
- Chi-phối.** — **支配** = Cai-quản, sai khiến — DIRIGER, DIRECTION.
- Chiến-tuyến.** — **戰線** = Hàng trận, đường quân đứng để đánh trận. — FRONT, LIGNE DE BATAILLE.
- Chính-sách.** — **政策** = Phương-phép thuộc về chính-trị — MÉTHODE POLITIQUE, POLITIQUE.
- Chủ-động.** — **主動** = Người chủ-trương đứng đầu trong một việc gì. — PROMOTEUR.
- Cổ-diễn-học-vấn.** — **古典學問** = Sự học văn-chương cũ, học những sách vở đời cổ-đại — CULTURE CLASSIQUE.
- Cổ-diễn-chủ-nghĩa.** — **古典主義** = Chủ-nghĩa trọng-sự văn-học đời cổ-đại — HUMANISME.
- Cơ-quan.** — **機關** = Máy móc, then máy, đồ-dùng, phần quan-trọng, cốt-yếu (Dùng trong chữ: *Báo cơ-quan* thì nghĩa là cái báo làm then máy, làm đồ-dùng cho nhà-nước.) — ORGANE.
- Cục-chế.** — **局制** = Các cuộc của nhà-nước sắp đặt để biện việc. — BUREAUCRATIE.
- Cự-li-độ.** — **距離度** = Độ cách xa, sức bắn xa.

- DISTANCE, PORTÉE (d'une arme).
- **究竟** = Cuối cùng, sau cùng, cùng cực, đến thế là thôi không còn gì nữa.
- Cứu-cánh.** — DERNIER, SUPRÊME, ULTIME.
- **猶太** = tiếng Tàu dịch tiếng Judée. Do-thái chỉ chung là người JUIFS, HÉBREUX, ISRAÉLITES.
- Do-thái.** — **營業** = Doanh-nghiệp là những người làm nghề nghiệp, người buôn bán. *Doanh-nghiệp-đồng-minh* là hội những nhà làm nghề để giữ cùng chiếm lấy lợi-quyền riêng cho mình.
- Doanh-nghiệp.** — SYNDICAT, TRUST, CARTEL.
- **惟己主義** = Chủ-nghĩa vị mình hơn người. — ÉGOTISME.
- Duy-kỷ-chủ-nghĩa.** — **惟心主義** = Chủ-nghĩa trọng sự vô-hình, sự thuộc về tinh-thần, về tâm-tính. — IDÉALISME.
- Duy-tâm chủ-nghĩa.** — **惟他主義** = Chủ-nghĩa vị người hơn mình. — ALTRUISME.
- Duy-tha-chủ-nghĩa.** — **惟物主義** = Chủ-nghĩa trọng sự hữu-hình, sự thuộc về vật chất, về thực sự. — MATÉRIALISME.
- Duy-vật-chủ-nghĩa.** — **輿論** = Nhời bàn chung, ý kiến của nhiều người, của cả bàn-dân. — OPINION (du peuple).
- Dư-luận.** — **代價** = Cái giá để thế vào, thay

vào, đền vào. Như được một sự hơn phải một sự thiệt thì cái thiệt ấy là *đại-giá* cho cái hơn. — PRIX, RANÇON, GARANTIE.

Đại-tử-giáo.

— **大司教** = Là chức cao hơn nhất trong đạo Thiên-chúa, dưới chức Giáo-hoàng. — CARDINAL.

Đẳng-cấp.

— **等級** = Hạng người, bậc người trong xã-hội. — CLASSE SOCIALE, CASTE.

Đế-quốc-chủ-nghĩa.

— **帝國主義** = Là chủ-nghĩa đi chiếm lấy những nước khác để làm cho nước mình thành nước cực lớn, — IMPÉRIALISME.

Địa-chất-học.

— **地質學** = Học về cái vỏ địa-cầu. — GÉOLOGIE.

Điều-khắc.

— **彫刻** = Nghề trạm khắc. — SCULPTURE.

Độc-đoán.

— **獨斷** = Quyết-đoán một mình. Về triết-học thì chỉ các môn học quyết-đoán tự cho mình là phải, không để người ta được nghi ngờ nữa — DOGMATISME, DOGMATIQUE.

Đồng-hóa.

— **同化** = Hóa theo mình, hóa cho giống mình. — ASSIMILATION.

Giới-thiệu.

— **介紹** = Đứng giữa dẫn trình một người cho người khác. — PRÉSENTER

(une personne à une autre).

Hạm-đội. — 艦隊 = Đội tàu chiến. —
ESCADRE, FLOTTE.

Hi-lạp. — 希臘 = Tiếng tàu dịch tiếng
Hellade, tức là nước GRÈCE, người
GREC, tiếng GREC.

Hi-sinh. — 犧牲 = Chính-nghĩa là con vật
làm thịt để cúng thần, Dùng rộng ra
thì chỉ phạm cái gì phải bỏ hoại đi để
vị một nghĩa nhơn. — VICTIME,
SACRIFICE.

Hiện-tượng. — 現象 = Hình tượng phát hiện ra
ngoài — MANIFESTATION EXTÉRIEURE
(d'un phénomène).

Hiệu-lực. — 效力 = Sức công hiệu. —
EFFICACITÉ.

Hoàng-kim-thời-đại. — 黃金時代 = Theo các nhà làm
sử cũ là cái thời đại lúc loài người
mới sinh ra trên mặt đất, quanh năm
là mùa xuân cả, người ta thật thà
hiền lành, chưa biết cái khổ sở là cái
gì. — ÂGE D'OR.

Hoạt-động. — 活動 = Sự vận-động hoạt-bác.
— VITALITÉ, ACTIVITÉ.

Hội-họa. — 繪畫 = Nghề vẽ họa. —
PEINTURE.

Kết-cấu. — 結構 = Sắp đặt, sắp dựng, nói về

nghề làm văn thì là cái phép sắp đặt ý-tứ để làm thành bài văn, thành quyển sách. — COMPOSITION (art de composer en littérature.)

Kết-quả.

— **結果** = Sự thành công của một việc gì. — RÉSULTAT, EFFET.

— **客觀** = Đứng ngoài mà trông, mà xem. — SPECTATEUR, TÉMOIN.

Khách-quan.

(Về triết-học thì chỉ phạm cái gì thuộc về ngoài, do ngoài mà xét, không thuộc về chính mình (OBJECTIF), đối với *chủ-quản* là SUBJECTIF.)

Khả-quyết.

— **可決** = Nghị-viên bỏ vé quyết ưng. Đối với *phủ quyết* là không ưng.

— VOTER (pour et contre).

Khẩu-kính.

— **口徑** = Đường thẳng đi qua trung-tâm một cái vòng tròn, chạy ngang từ bên này sang bên kia. — DIAMÈTRE.

Khoa-học.

— **科學** = Sự học vấn chia từng khoa một, sự học thực dụng. — *Khoa-học* thường dùng đối với *đạo-học* là học về đạo-lý. — LA SCIENCE, LES SCIENCES.

Khuyết-điểm.

— **缺點** = Điều thiếu thốn, sự khiếm khuyết, phần kém. —

DÉFAUT, IMPERFECTION.

Khuynh-hướng.

— 傾向 = Có ý thiên về đường
nào, mặt nào. — TENDANCE,
PENCHANT.

Kiến-chúc-thuật.

— 建築術 = Nghề xây dựng, tức là
nghề đặt kiểu nhà, họa kiểu nhà. —
ARCHITECTURE.

Kinh-doanh.

— 經營 = Sếp đặt, sửa sang. —
ORGANISER.

Kinh-tế-học.

— 經濟學 = Học về cách sinh sản,
san sẻ, tiêu-dùng các của cải. Dùng
rộng nghĩa thì là chỉ phạm cái-gì
quan-hệ đến việc sếp đặt các
lợi-quyền trong xã-hội. — ÉCONOMIE
POLITIQUE, ÉCONOMIE SOCIALE
,ÉCONOMIQUE.

Lạc-quan-chủ-nghĩa.

— 樂觀主義 = Chủ-nghĩa xét việc
đời ra hay cả mà đáng vui. —
OPTIMISME.

Lạp-đinh.

— 拉丁 = Tiếng tàu dịch âm tiếng
LATIN tức ta gọi là la-tinh. — .

Lĩnh-thổ.

— 領土 = Phần đất riêng của mình.
— TERRITOIRE, DOMAINE.

Lĩnh-tụ.

— 領袖 = Người đứng đầu một
đảng chính-trị, v. v. — CHEF (d'un
parti politique).

Lý-hóa.

— 理化 = Vừa thuộc về vật-lý-học,

- vừa thuộc về hóa-học. —
PHYSICO-CHIMIQUE.
- Lý-tài.** — **理財** = Phép quản-trị của cái. —
FINANCES.
- Lý-thuyết.** — **理說** = Nhời bàn, nhời dạy lấy
nhẽ mà suy. — THÉORIE, DOCTRINE.
- Lý-tưởng-chủ-nghĩa.** — **理想主義** = Chủ-nghĩa trọng cái
tư-tưởng hơn sự thực-tế. —
IDÉALISME.
- Mĩ-thuật.** — **美術** = Nghề đẹp, nghề lấy sự
đẹp làm cốt, nghề làm ra sự đẹp. —
ART, ARTISTIQUE, ESTHÉTIQUE.
- Nguy-cơ.** — **危機** = Lúc đương
nguy-hiểm, lúc phải suy-vi. —
CRISE.
- Nghịch-thuyết.** — **逆說** = Nhời bàn ngược lại
nhẽ thường. — PARADOXE.
- Nhân-quyền-tuyên-ngôn.** — **人權宣言** = Nhời công-báo
về quyền làm người của
chính-phủ cách-mệnh nước
Pháp năm 1789. —
DECLARATION DES DROITS DE
L'HOMME.
- Nhập-tịch.** — **入籍** = Chính nghĩa là vào
sổ, vào ngạch. Chữ này ta
thường dùng để chỉ sự người

	bản-quốc vào làm dân tây. — NATURALISATION.
Nhất-ban.	— 一般 = Nhất loạt, đại-thể, hết thấy. — GÉNÉRALITÉ, TOTALITÉ, ENSEMBLE.
Nhiệm-vụ.	— 任務 = Công việc thuộc về mình phải làm. — RÔLE.
Nhục-thể.	— 肉體 = Hình-thể, xác-thịt (đối với linh-hồn). — CORPS, CORPOREL.
Nhỡn-giới.	— 眼界 = Cái giới-hạn của con mắt mình trông. — HORIZON.
Nông-phố-học-vấn.	— 農圃學問 = Sự học về nghề làm ruộng, làm vườn. — SCIENCE AGRICOLE, HORTICOLE.
Phạm-vi.	— 範圍 = Chính nghĩa là cái khuôn, cái vòng. Thường dùng để chỉ cái bờ cõi, cái khu-vực của một môn học, một nghề, v. v. — DOMAINE (d'une science, d'un art).
Phẩm-đích.	— 品的 = Thuộc về phẩm. — QUALITATIF. (Phàm tiếng bằng chữ nho có chữ <i>đích</i> theo sau là thường để chỉ như trong mẹo tây gọi là <i>forme adjective</i> . Như « lượng » (<i>quantité</i>), « lượng

đích » (quantitatif), « phẩm » (qualité), « phẩm-đích » (qualitatif) v. v..)

Phê-bình.

— 批評 = Môn học riêng chủ sự bình-phẩm xét đoán các sách văn-chương, triết-học, v. v. — CRITIQUE.

Phong-trào.

— 風潮 = Chính nghĩa là *gió* với *sóng*. Nghĩa rộng là chỉ cái sức mạnh của thời-thế nó cuốn người ta đi như gió với sóng vậy. — COURANT, MOUVEMENT (d'idées, d'opinion).

Phúc-âm (kinh).

— 福音經 = Sách tin-lành, kinh thuật nhờ đức Gia-tô cùng các tông-đồ. — EVANGILE.

Phương-châm.

— 方針 = Cái kim chỉ phương-hướng, cái phương hướng, cái phép tắc nhất-định. — RÈGLE, CRITÉRIUM.

Quan-hệ.

— 關係 = Chỉ cái mối, cái nhẽ tương-can của sự nọ với sự kia, vật nọ với vật kia, như xét một việc tìm xem nó có dính dáng gì với việc khác không, thế gọi là tìm cái *mối quan-hệ* của hai việc với nhau. Chớ lẫn *quan-hệ* với *quan-trọng*. — RAPPORT, RELATION, CONNEXION.

Quan-niệm.	— 觀念 = Sự suy-nghĩ, tư-tưởng, ngẫm xét riêng về một việc gì ra thế nào. — IDÉE, CONCEPTION, NOTION.
Quân-bình.	— 平均 = Ngang nhau, bằng nhau. — EQUILIBRE.
Qui-nạp-pháp.	— 歸納法 = Phép nhân những việc riêng gồm lại một nhẽ chung. — INDUCTION.
Quốc-túy.	— 國粹 = Phần tinh-hoa, tốt đẹp trong một nước. — ESPRIT NATIONAL.
Siêu-việt.	— 超越 = Vượt cao, xa cách nhẽ thường. — RELEVÉ, SUPÉRIEUR, TRANSCENDANT.
Sinh-lý-học.	— 生理學 = Học về cái nhẽ sinh-hoạt của các vật sống. — PHYSIOLOGIE.
Sinh-tồn-cạnh-tranh.	— 生存競爭 = Phép tranh nhau lấy sống. — LA LUTTE POUR LA VIE.
Suy-diễn-pháp.	— 推演法 = Phép nhân một nhẽ chung suy rộng ra nhiều việc riêng. — DÉDUCTION.
Tâm-lý-học.	— 心理學 = Học về các nhẽ trong tâm-tính người ta. — PSYCHOLOGIE.
Thái-độ.	— 態度 = Cái vẻ, cái giáng, cái cách mình đối với ai, hoặc đối với một sự một vật gì. — ATTITUDE.

- Thần-bí.** — 神祕 = Sự bí-mật thuộc về thần-thánh, về tôn-giáo. — MYSTÈRE, MYSTICISME, MYSTIQUE.
- Thần-học.** — 神學 = Học về thần, về những nhẽ màu-nhiệm trong tôn-giáo. — THÉOLOGIE.
- Thần-kinh-bộ.** — 神經部 = Bộ gân não trong người ta. — SYSTÈME NERVEUX.
- Thiên-chức.** — 天職 = Chức trách chịu được tự giờ, chức trách thiên-nhiên. — MISSION, VOCATION.
- Thiết-hạm.** — 鐵艦 = Tàu chiến có vỏ sắt dầy gọi là thiết-giáp. — CUIRASSÉ.
- Thiếu-úy.** — 少尉 = Chức quan-một. — SOUS-LIEUTENANT.
- Thoái-khước.** — 退却 = Quân đi trận phải tháo lui về. — RETRAITE.
- Thú-sử.** — 趣史 = Cuộc vui sướng êm ái. — IDYLLE, IDYLLIQUE.
- Thuần-lý-học.** — 純理學 = Học thuần về những nhẽ cùng cực, không vụ sự thực. Còn tên nữa gọi là *siêu-hình học* là học những sự vật ở ngoài hình tượng, như linh-hồn, bản-thể, v. v. — MÉTAPHYSIQUE.

Thức-giả-xã-hội.	— 識者社會 = Bọn người có học có biết trong xã-hội. — CLASSE CULTIVÉE, INTELLECTUELLE.
Thức-nghiệp-chủ-nghĩa.	— 實業主義 = Chủ-nghĩa của người Mĩ xướng ra trọng sự thực-nghiệp hơn là sự lý-tưởng. — PRAGMATISME.
Thứợng-lưu.	— 上流 = Bọn cao-trọng trong xã-hội. — HAUTES CLASSES SOCIALES, ÉLITE.
Thứợng-võ.	— 尙武 = Thích việc võ, việc quân, việc chiến đấu. — ESPRIT MILITAIRE, GUERRIER.
Tỉ-lệ.	— 比例 = Lệ để so-sánh, cái gì làm cốt để so-sánh cái khác. — TERME DE COMPARAISON.
Tị-tổ.	— 鼻祖 = Ông tổ đầu, người xướng ra đầu, khởi ra chước nhất một sự gì, nghề gì. — ANCÊTRE, PROMOTEUR, PREMIER INVENTEUR.
Tiềm-lực.	— 潛力 = Sức ngầm, không phát rõ ra ngoài. — FORCE LATENTE, CACHÉE ; VIRTUALITÉ.
Tiến-hóa.	— 進化 = Phép vạn-vật giống nọ nhân giống kia mà biến-hóa,

	càng hóa thì càng tiến. — EVOLUTION, EVOLUTIONNISME .
Tiêu-chuẩn.	— 標準 = Cái nêu, cái đích, cái lấy làm mẫu, làm thước để xét cái khác. — MODÈLE, NORME, ÉTALON.
Tiêu-cực.	— 消極 = Tiếng về điện-học chỉ cái đầu điện tiêu đi, đối với <i>tích-cực</i> 積極 là cái đầu điện tích lại. — PÔLE NÉGATIF, PÔLE POSITIF. (Hai tiếng này chữ tàu dùng rộng nghĩa mà chỉ phạm cái gì thuộc về có là <i>tích-cực</i> , phạm cái gì thuộc về không là <i>tiêu-cực</i>)
Tín-ngưỡng.	— 信仰 = Lòng tin-đạo — FOI, CROYANCE.
Tổ-chức.	— 組織 = Dệt dựng, sắp đặt, dựng đặt. — ORGANISER, ORGANISATION.
Tổ-thuật.	— 祖述 = Theo đòi người trước. — SUIVRE LES TRACES, L'EXEMPLE DE..., S'INSPIRER.
Tốc-độ.	— 速度 = Sức chạy nhanh. — VITESSE.
Tôn-chỉ.	— 宗旨 = Là cái nghĩa sâu, nghĩa cốt yếu, nghĩa chính-truyền của

- một môn, một giáo. — PRINCIPE, DOGME, DOCTRINE.
- **宗教** = Đạo thờ một đấng thiêng liêng, đáng kính, đáng trọng. Nhời dạy trong đạo — RELIGION, DOCTRINE RELIGIEUSE.
- Tôn-giáo.**
- **思潮** = Cái sóng tư-tưởng, cái luồng tư-tưởng. — COURANT DE PENSÉE, MOUVEMENT D'IDÉES.
- Tư-trào.**
- **自由輕氣球** = Lối « ba-lông » tự khiến được. — DIRIGEABLE (BALLON).
- Tự-do-khinh-khí-cầu.**
- **智識魂** = Phần hồn thuộc về trí biết. — PSYCHISME INTELLECTUEL.
- Trí-thức-hồn.**
- **折衷主義** = Chủ-nghĩa của những nhà triết-học vụ lấy nhẽ trung bình làm phải, kén chọn trong các môn học người trước, điều gì hay thì theo, điều gì dở thì bỏ, không thiên-trọng một môn nào. — ECLECTISME, DOCTRINE ÉCLECTIQUE.
- Triết-trung-chủ-nghĩa.**
- **程度** = Độ-đường, bậc, độ, như cái đường dài đã đi đến bậc nào, độ nào. — ETAPE, NIVEAU, DEGRÉ.
- Trình-độ.**

- Trực-tiếp.** — 直接 = Thẳng tiếp, không có xa cách. — DIRECT, IMMÉDIAT.
- Trung-ương.** — 中央 = Ở giữa *Trung-ương chính-phủ* là chính phủ ở giữa, gồm cả các quyền trong nước. — GOUVERNEMENT CENTRAL.
- Ưu-điểm.** — 優點 = Phần-tốt hơn cả. Đối với khuyết-điểm là phần xấu.
- Văn-hào.** — 文豪 = Nhà làm văn có danh tiếng. — ECRIVAIN CÉLÈBRE.
- Văn-phái.** — 文派 = Môn-phái về văn-chương. — ECOLE LITTÉRAIRE, CÉNACLE.
- Vật-lý-học.** — 物理學 = Học về tính-cách các vật-chất cùng cái nhẽ các vật-chất biến động ra làm sao. — PHYSIQUE.
- Viên-mãn.** — 圓滿 = Đầy-đủ, hoàn-toàn — PLEIN, PARFAIT.
- Vô-thần-chủ-nghĩa.** — 無神主義 = Chủ-nghĩa không tin thần, không theo đạo. — ATHÉISME.



L'INFORMATION FRANÇAISE

LA FRANCE DEVANT LE MONDE — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS

(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

MẤY NHỜI NÓI ĐẦU

I

Nhà buôn mới mở ngôi hàng tất phải đề ra ngoài biển chiêu khách : Bản-hiệu « phát-đoái » những thức gì, thức gì, lại thêm một câu : cực rẻ ! cực tốt ! — Tòa Nội-các mới lập thành tất phải ra tuyên-cáo với nghị-viện : bản chính-phủ mưu-toan những việc này, việc này, rất là ích-quốc lợi-dân.

Muốn xét đồ hàng của nhà buôn có thực rẻ, thực tốt, thì phải thử dùng mới biết được ; muốn xét cái chính-kiến của tòa

Nội-các có thực ích, thực lợi thì phải đợi thi-hành ra thực sự mới biết được. Song cái lệ thường là dù nhà hàng mới, dù chính-phủ mới, lúc khai-chương, cũng phải có mấy nhời trình-bày với bạn-hàng, với quốc-dân,... rồi mà đến sau sự thực có trái với nhời hứa thì cũng là *phó ư bất vấn !*

Cái lệ hay mà tiện thay !

Bản-báo mới xuất-bản há lại không theo lệ thường ư ? Và bản-báo cũng tự-phụ có một cái chương-trình riêng, thì há lại không lợi-dụng cái lệ thường ấy mà nói mấy nhời đồng-giải với các bạn đọc báo, ư ? Trước là để làm quen với các ngài, sau là để các ngài biết chúng tôi định hiến các ngài thức hàng gì,... không dám thêm câu : « cực đẹp ! cực tốt ! » như nhà buôn kia, nhưng nếu đồ hàng được vừa ý các bạn hàng, thì chúng tôi cũng lấy làm vui lòng.

Trước hết xin nói bản-báo không phải là một cửa hàng « thập-cẩm », không dám đảm-nhận với quốc-dân rằng có đủ mặt hàng cho trẻ con người nhớn, cậu học trò, ông làm quan, nhà cày ruộng, người bán buôn.

Bản-báo không dám tự-phụ đem ban-bố cái phổ-thông trí-thức cho khắp các hạng người trong xã-hội, như mưa xuân tưới khắp cỏ cây.

Bản-báo không dám có cái chí to-tát muốn vừa giúp cho cuộc kinh-tế trong nước được thêm phát-đạt, lại vừa giúp cho sự khai-hóa trong dân được càng tiến-bộ.

Bản-báo không dám tự coi như một cửa công-đường mà ra tay sử-đoán những thói ăn cách ở hay dở dại khôn của quốc dân.

Vậy thì bản-báo định làm gì ?

Bản-báo có một cái chương-trình riêng, một cái tôn-chỉ riêng.

Trước nhất bản-báo muốn đem sức nhỏ tài mọn mà giúp cho sự học trong nước. Ngày nay ai cũng biết rằng học-giới nước ta chống-chải suồng-sã là nhường nào. Dân có giàu, người có khôn, nhưng sự học xem như còn mơ-hồ lắm lắm. Mà có khôn, có giàu, ít học, thì tưởng cũng chưa gọi là tiến-bộ cho lắm.

Hoặc giả có người nói rằng : Ngày nay trường học dựng lên nhan-nhản, đứa trẻ mười tuổi cũng biết điện-khí hơi-nước là cái gì, cũng biết làm nổi bốn phép tính, viết được cái thư quốc-ngữ hỏi thăm bố mẹ anh em ; so với trước sự học chẳng phải là có tiến-bộ lắm dư ?

Xin đáp rằng : Sự học có năm bảy đường, người học có năm bảy hạng. Khác nhau chỉ bởi cái trình-độ cao-thấp mà thôi. Nhất-ban quốc-dân đều biết chữ cả thì thực là một sự rất hay. Nước lấy dân làm gốc, trong dân nếu được nhiều người có cái thông-thường học-thức, thì cái gốc trong nước tất được bền-chặt, cái nền trong nước tất được vững-vàng thêm lên. Và phạm sự tiến-bộ quan-hệ đến một dân một nước, tất

phải bắt đầu từ dưới lên. Trước dễ sau khó là cái nhẽ thường vậy. Như sự học trước phải cốt cho phổ-thông, sau mới cầu được hoàn-bị. Nhà-nước Bảo-hộ thực đã thâm-hiểu nhẽ đó, cho nên trong việc khai hóa dân ta lấy sự phổ-thông giáo dục làm một sự yếu-cần. Mỗi ngày mở thêm trường Pháp-Việt để dạy-dỗ cho bọn thiếu-niên nước ta biết những điều cần-dùng nên biết. Nhờ đó ngày nay trong nước mới có nhiều trẻ đã biết điện-khí hơi-nước là vật gì, đã làm nổi bốn phép tính, viết được một bức thư. — Về phương-diện ấy thì có tiến-bộ hơn xưa thực. Sự tiến-bộ ấy hiển-nhiên ai cũng biết. Nhưng xét về một phương-diện khác, thì xem như sự tiến-bộ còn chưa được rõ lắm ; xét kỹ thì ngờ rằng không biết có tiến-bộ hay không. Nước cốt ở dân, dân chủ ở một bọn người gọi là bọn « thượng-lưu », hay là bọn « thức giả xã hội », như nhà có cái óc vậy. Nhà không có óc thì ở sao được ? Nước không có một bọn thượng-lưu trí-thức để giữ-gìn cái cốt-cách trong nước, để bồi-dưỡng cái quốc-túy, thì sao gọi là một nước được ? Có nhà danh-sĩ Pháp đã nói rằng : « Nước Pháp sở-dĩ là nước Pháp, cũng chỉ nhờ một bọn bốn năm mươi người đại-trí. Nếu không có bọn ấy thì nước Pháp không phải là nước Pháp nữa. » Xưa kia bọn thượng-lưu trong nước ta là bọn nho-học. Nước ta không có đẳng-cấp sai-biệt như các nước khác, song sùng-trọng riêng một bọn nho, là vì bọn nho là đại-biểu cái « cao-đẳng học-thức » trong nước. Ngày nay nho-học không thích-hợp với thời-thế như xưa, sự bài-bác cái cựu-học đã thành lệ, nhờ bài bác đã thành sáo vậy. Nhưng bất luận cái cựu-học hay hay là dở, cũng phải biết rằng đương thời thực là hợp với cái tình-thế trong nước, hợp với cái trình-độ quốc-dân, mà lâu ngày di-

truyền đã thành như cái nền cái gốc của sự sinh-hoạt người nước ta về đường trí-thức, về đường đạo-lý. Về đường trí-thức thì cái học-vấn cũ đã in sâu vào trong não ta những lối tư-tưởng cảm-giác, không bao giờ mất hẳn đi được. Về đường đạo-đức thì cái luân-lý cũ đã gây dựng ra xã-hội ta, mà làm nền làm gốc cho cái gia-tộc của ta, cùng các chế-độ nhơn trong nước. Nhờ cái học-vấn cũ, cái đạo-đức cũ ấy, mà nước ta đã sinh-tồn được đến ngày nay, đã có một cái lịch-sử cũ đến hai ba nghìn năm, đã chiếm-cứ được một khu-vực riêng ở cái bán-đảo trên bờ-bể Nam-Hải này.

Nhưng cái học-vấn ấy, cái đạo-đức ấy là học-vấn đạo-đức của một thời-đại người nước ta chưa có cái tư-tưởng, cái quan-niệm gì đến thế-giới. Ông cha ta đã đề tạo ra cái Tổ quốc ta, đã chung đúc thành cái quốc hồn ta, không ngờ rằng ngoài nước ta còn có nhiều nước khác, ngoài cái học-vấn đạo-đức của ta còn nhiều cái học-vấn đạo-đức khác nữa, mà có ngày ta không thể không biết được. Ngày ấy nay đã đến. Người nước ta nay đã tỉnh giấc mộng trăm năm mở cái mắt mơ-màng ra mà nhìn cái thế-giới mới. Trông thấy những cảnh-tượng lạ-lùng mà kinh mà sợ. Tưởng mình như người thầy-tu khổ-hạnh ở chốn già-lam mà hốt-nhiên ai đem ra giữa một nơi thành-thị nôn-nao, cho đứng xem một đám cờ-bạc hay một cuộc hội-hè. Trước còn thấy những tiếng xô-xao dộn-dịp chưa giải ra làm sao, sau nhìn kỹ mới biết rằng cái xô-xao dộn-dịp ấy là cái biểu-diện sự hoạt-động của loài người-ta trong thế-giới bây giờ. Sống ở trong thời-đại này tất phải có một phần trong sự hoạt-động ấy. Muốn có một phần trong sự hoạt-động ấy, tất phải biết cái cơ-quan nó thế nào.

Muốn biết cái cơ-quan nó thế nào, tất phải biết cái nguyên-ly, biết cái cỗi-dễ nó, vậy thì tất phải nghiên-cứu cái học-thuật của các nước văn-minh bên Thái-Tây, là những nước chủ-động trong thế-giới bây giờ.

Nhưng phải nên nghiên-cứu ra làm sao ? Đó là cái vấn-đề mà bọn thượng-lưu trí-thức trong nước ta phải giải-quyết. Cái vấn-đề ấy rất quan-trọng, vì-giải quyết vấn-đề ấy tức là định cái thái-độ người nước ta đối với cái văn-minh học-thuật mới, cùng đối với đại-quốc đã đảm-nhận cái trách-nhào đem ban-bố cái văn-minh học-thuật ấy trong cõi Việt-Nam này để đưa rất dân ta lên đường tiến-bộ.

Cái vấn-đề ấy xem như bọn thượng-lưu trí-thức trong nước chưa từng lưu-tâm đến lắm. Bởi thế cho nên dân ta theo đòi tây-học đã ba bốn mươi năm nay mà trong tân-học giới hầy còn vắng-vẻ như không. Về đường phổ-thông thì cũng có tiến-bộ một đôi chút, nhưng về mặt cao-đẳng thì xem ra chậm-chạp quá chừng. Đến như cựu-học giới thì bởi thời thế mỗi ngày một eo-hẹp mãi đi. Một mai rồi cũng mai-một đi mất. Đến bấy giờ thì cái công-phu bồi-dưỡng quốc-hồn phó mặc cho ai ?

Hiện nay cái công-phu ấy đã trể-nải lắm rồi; quốc-dân đã sụt xuống mấy bậc trên cái thang đạo-đức, mà cái thang trí thức cũng chưa từng thấy bước lên được bước nào. Phong-tục đã thấy suy-vi, nhân-tình đã thấy kiêu-bạc. Đã hay rằng cái buổi này là buổi giao-thời, cái nền-nếp cũ đã mất mà cái nền-nếp

mới chưa thành, nhưng nếu không vượt qua buổi này cho an-toàn chót-lọt thì cái tương-lai ra làm sao ?

Mấy anh em đồng-chí chúng tôi băn-khoăn về cái vấn-đề ấy, mới mở ra tập báo này để cùng với các bậc trí-thức trong nước tìm cách giải-quyết cho an-thỏa.

Chúng tôi thiết-tưởng rằng đương buổi bây giờ không gì cần-cấp bằng gây lấy một cái cao-đẳng học-thức mới để thay vào cái học thức cũ đã gần mất. Vì một dân một nước không thể giây phút bỏ qua được một cái phương-trâm thích-đáng về đường trí-thức, về đường đạo-đức, mà cái phương-trâm ấy phi tìm ở một cái cao-đẳng học-thức thì không đâu thấy được. Muốn gây lấy một cái học-thức như thế thì chúng tôi lại thiết-tưởng rằng không gì bằng khéo điều-hòa dung-hợp cái học cũ của ta với cái học mới thời nay. khiến cho sự học của ta sau này vừa không đến nỗi thất-bản mà vừa không đến nỗi trậm thời. Vì sự học cũng như mọi sự « hiện-tượng » khác trong cuộc sinh-hoạt một dân một nước, phải có gốc mà phải có ngọn. Cái ngọn là cái phần tăng-tiến lên được mãi, cái gốc là cái nền vĩnh-viễn của lịch-sử đã xây dựng lên. Có gốc thì mới vững được, có ngọn thì mới sống được. Có gốc mà không có ngọn thì là cái cây đã già cỗi, sắp đến ngày mục nát ; có ngọn mà không có gốc thì như cái dải giấy leo tự mình không mọc thành cây được.

Trong nước ta ngày nay không những là những người thuần-cựu-học mà không thích-dụng với thời-thế, những người thuần tân-học cũng là không ứng-thuận với quốc-dân. Người

nọ thiếu cái gốc mà người kia thiếu cái ngọn vậy. Chi bằng ta tiếp ngọn nọ vào gốc kia mà gây lấy một giống cây riêng cho cái vườn Nam-Việt ta ?

Nhà làm vườn vẫn lấy việc tiếp cây là một việc khó. Nhưng nếu cái « nông-phổ học-vấn » của ta còn thiếu-thốn nhiều thì ta đã có ông thầy chuyên-môn ở cạnh mình vạch đường chỉ lối cho ta.

Nhà-nước Bảo-hộ tất sẵn lòng mà giúp cho ta gây nên một cái tư-trào mới. Cái thiên-chức của nước Đại-Pháp xưa nay vẫn là đi dạy cho các dân các nước biết phát-siển cái quốc-túy của mình, khiến cho mỗi dân mỗi nước biết mình có một cái « nhân-cách » riêng mà sống theo cái « nhân-cách » ấy, chớ nước Pháp chưa từng bao giờ lấy sự đồng-hóa các dân khác theo như mình làm một cái lương-hảo chính-sách. Nước Pháp vẫn biết rằng mỗi dân cũng tức như mỗi người, không người nào giống người nào, không dân nào giống dân nào, nếu cưỡng-hóa cho giống nhau thì chỉ có hại mà không có lợi. Bởi thế cho nên từ khi sang cầm quyền chính-trị ở nước ta, nước Đại-Pháp vẫn tôn-trọng những lẽ-lối phong-tục của ta, không hề phạm đến cái thể-chế trong xã-hội ta, phạm đến cái giường-mối của luân-lý ta. Không những thế, mà nhà-nước có khi lại còn phải ngăn cái lòng nóng nảy quá đáng của nhiều người đồng-bào ta muốn cấp-tiến mà phá-đổ cả cái nền-nếp của ông cha. Ta nên thể cái chính-sách khôn-ngoan ấy, mà trong sự nghiên-cứu cái học-thuật mới nên khéo kén-chọn điều-hòa cho quốc-dân được một cái « đồ ăn của tinh-thần » thích-đáng.

Vậy thì cái trách-nhiệm của bọn trí-thức trong nước ta ngày nay thực là to-tát lắm thay ! Ta phải đưa đường chỉ lối cho quốc-dân trong buổi giao-thời này. Ta phải hiểu rõ cái nghĩa-vụ của ta đối với nước ta, đối với cái đại-quốc đã nhận trách bảo hộ cho ta mà dạy cho ta biết cái thuật sinh-tồn trong thế-giới bây giờ.

Cái trách-nhiệm của ta ngày nay có nặng, nhưng cái kết-quả mai sau tất được thập-phần lương-hảo. Nhờ có nước Đại-Pháp binh-vực cho ta ở ngoài, trị-bình cho ta ở trong, ta được yên-ổn tiện-lợi mà tập lấy cái nghề khó làm một dân-quốc trong cái đời sinh-tồn cạnh-tranh này. Bọn học-thức thì mở mang trí-thức cho dân, cho hiểu biết cái phép tiến-hóa các dân các nước, cái nhẽ trị-loạn đời xưa đời nay, mà lượng biết cái địa-vị mình cho khỏi sai nhảm. Bọn nông, công, thương, thì hết sức khai-khẩn, chế-tạo, vận-chuyên, cho nước được thêm giàu có, thêm thịnh-vượng mãi lên. Hết thấy quốc-dân đều một lòng khuynh-hướng vào một cái mục-đích chung, thì sao chẳng có ngày đạt tới được ? Biết đâu ? đến ngày ta có đủ tư-cách mà quản-trị lấy công-việc ta thì nhà-nước hẹp gì mà chẳng cho ta được quyền tự-trị. Cái lượng nhớn ấy không phải là trái với chính-sách của nhà-nước Bảo-hộ, mà thực là hợp với cái lý-tưởng, cái lịch-sử của nước Đại-Pháp.

Nhưng trước hết ta phải cố công cùng sức mà làm-ăn học-hành, cho xứng đáng cái lòng hi-vọng kia, cái lượng nhớn-nhao này.

Bản-báo cũng muốn giúp một phần nhỏ trong cái công-cuộc nhớn ấy. Bản-báo muốn vun giồng lấy cái gốc học ở trong nước mà đưa cái tư-tưởng của quốc-dân vào đường chính-đáng.

Cái tôn-chỉ của bản-báo rất là thiết-thực, cái ý-hướng của bản-báo rất là phân-minh. Còn sự thực-hành được hay chẳng thì không dám nói trước.

Nay tập thứ nhất mới xuất-bản, gọi là có mấy nhời phiếm-luận để cùng với các bạn đọc-báo giải chút lòng si.

Ôi ! trong sách có câu : Gió phương nam ấm-áp, khá lấy giải được cái lòng hờn giận của dân ta ! Ước gì bản-báo cũng khiến được các bạn đọc-báo có cái cảm-giác như cái cảm-giác gió *Nam Phong* ! Bởi thế đặt tên báo.

Sau này xin liệt qua cái chương-trình của bản-báo.

II

1. — Cái mục-đích của bản-báo là muốn gây lấy một nền học mới để thay vào cái nho-học cũ, cùng đề-xướng lên một cái tư-trào mới hợp với thời-thế cùng trình-độ dân ta. Cái tính-cách của sự học-vấn mới cùng cái tư-trào mới ấy là tổ-

thuật cái học-vấn tư-tưởng của Thái-Tây, nhất là của nước Đại-Pháp, mà không quên cái quốc-túy trong nước.

2. — Bản-báo không chủ sự phổ-thông mà muốn làm cái cơ-quan riêng cho bọn cao-đẳng học-giới nước ta, gồm cả những bậc cựu-học cùng tân-học mà dung-hòa làm một.

3. — Cái phạm-vi của bản-báo là gồm những sự học-thuật tư-tưởng-đời xưa đời nay cùng những vấn-đề quan-trọng trong thế-giới bây giờ. Nhưng trong cách diễn-thuật bình-phẩm những học-thuật tư-tưởng cùng những vấn-đề ấy, bản-báo vự theo lấy cái phương-diện dẫn-dị hơn nhất, cho thích-hợp với trình-độ người nước ta.

4. — Bản-báo theo thể « tạp-chí », mỗi tháng xuất-bản một tập, vừa bằng quốc-ngữ, vừa bằng chữ nho, mỗi phần ước 50, 60 trang, chia mấy mục như sau này :

- 1) Luận-thuyết.
- 2) Văn-học bình-luận.
- 3) Triết-học bình-luận.
- 4) Khoa-học bình-luận.
- 5) Văn-uyển.
- 6) Tạp-trở.

7) Thời-đàm.

8) Tiểu-thuyết.

— Mục « Luận-thuyết » là những bài bàn chung về các vấn-đề quan-hệ với thời-thế, nhất là những vấn-đề quan-hệ riêng với dân ta. Cái mục-đích những bài luận-thuyết ấy là cốt khiến cho người nước ta có một cái quan-niệm phân-minh chính-đáng về những vấn-đề ấy, để lý-hội thông-hiểu được việc nhơn trong thế-giới cùng trong nước nhà.

— Ba mục « Văn-học », « Triết-học », « Khoa-học » là cái phần cốt trong bản-báo. Cái thể là thể *bình luận*, nghĩa là bàn rộng để mà lĩnh-hội lấy cái nghĩa nhơn. — « Văn-học » là gồm những khoa văn-chương, lịch-sử, cùng đại-đề các môn-học thường gọi tổng-danh là *văn-học*. Mục này thường nhân những sách hay, hoặc sách cũ, hoặc sách mới, mà bàn rộng ra để thâm-nhật lấy những tư-tưởng ý-kiến mới mà hay ; lại hoặc lược, hoặc dịch, hoặc diễn-thích mà giới-thiệu cho người nước ta biết những sách-vở có danh tiếng trong văn-chương các nước đời xưa đời nay, nhất là văn-chương nước Pháp là cái văn-chương ta có thể trực-tiếp mà lĩnh-hội cùng thường-giám được. — « Triết học » là nghiên-cứu các lý-tưởng, lý-thuyết, đời xưa đời nay, so-sánh cái tư-tưởng của Tây-phương với cái tư-tưởng của Đông-phương, mà giúp cho sự đề-xướng một cái tư-trào riêng cho nước ta. Trong những bài bình-luận về triết-học này chúng tôi lấy cái « triết-trung chủ-nghĩa » làm cốt, nghĩa là không thiên về một cái học-thuyết nào, cái nào hay cũng thâm nhậ lấy. Nhưng cái

tôn-chỉ của chúng tôi là giúp cho sự tiến-bộ của quốc-dân về đường trí-thức, về đường đạo-đức, thì tất khuynh-hướng về cái « duy-tâm chủ-nghĩa » hơn là cái « duy-vật chủ-nghĩa », « duy-tha chủ-nghĩa » hơn là cái « duy-kỷ chủ-nghĩa ». Vậy về đường tư-tưởng chúng tôi thiên-trọng cái triết-học của nước Pháp, vì cái triết-học Pháp thực là gồm cả bấy nhiêu cái khuynh-hướng « duy-tâm », « duy-tha », mà thực là đáng làm mẫu cho cái tư-tưởng mới của ta. « Khoa-học » tức là gồm cả các khoa-học chuyên-môn (vật-lý học, hóa-học, bác-vật học, sinh-lý học, số-học, thiên-văn học, địa-chất học, v. v.), cái phạm-vi rất là rộng. Cái mục-đích của chúng tôi không phải là muốn chuyên-luận riêng về từng khoa một, mà làm như một lớp dạy cách-trí đâu. Các khoa-học, ngày nay mỗi ngày một nhiều, mỗi ngày một thêm phức-tạp, dẫu người đại-trí dụng công nghiên-cứu suốt đời cũng không thể biết khắp được. Bởi thế các khoa-học mới thành những khoa chuyên-môn, nhưng vì chuyên-môn quá lắm khi các nhà chuyên-môn lạc mất cái nguyên-lý, cái phép-tắc nhơn, mỗi người có cái thiên-ý xét sự-vật theo phương-diện riêng của môn học mình. Chúng tôi muốn bàn chung về cái nguyên-lý, cái phép-tắc ấy, bàn chung về cái phương-pháp của các khoa-học, nghiên-cứu những nguyên-nhân nó đã khiến cho các khoa-học phát-đạt thịnh-hành như thế, thuật lại cái lịch-sử các khoa-học sinh-thành tiến-hóa ra làm sao, cùng cái lịch-sử của các sự phát-minh chế-tạo nhơn trong khoa-học giới. Mục này cũng có những bài chuyên-luận về những vấn-đề riêng của một khoa-học nào, nhưng đều là theo một cái tôn-chỉ cai-quát như thế cả.

— Mục « Văn-uyển » là để riêng cho những bài vận-văn, tản văn, từ-phú, ca-khúc, v. v. bằng quốc-âm cùng bằng chữ nho. Mục này sẽ rộng mở để hoan-ngênh các nhà văn-sĩ mới nước ta, nhất là những nhà đã khéo đào-luyện cái chất nô-m mà mở đường cho một lối văn-chương riêng bằng quốc-ngữ. Chúng tôi mong ở các nhà văn-sĩ mới ấy lắm, vì bao giờ nhờ nô-m ta có được « bằng nhập-tịch » vào cõi văn-chương thì sự học trong nước mới có cơ phát-đạt lên được, văn-chương vốn là cái máy truyền-đạt tư-tưởng rất nhậy !

— Mục « Tạp-trở » là gồm những bài nho nhỏ, những truyện vụn vặt, không thuộc vào các mục trên, những bài giới-thiệu các sách mới, những nhờ danh-ngôn trích-lục các sách, những tin-tức về học-giới, v. v.

— Mục « Thời-đàm » là mục bàn về thời-sự, về các việc nhớn trong ngoài. Bản-báo sẽ bình-tĩnh mà thuật những việc quan-hệ về chính-trị trong nước, khiến cho quốc-dân hiểu rõ cái chính-kiến của nhà-nước, cùng những sự nhà-nước mưu-toan ích-lợi cho dân ta. Trong mục này sẽ để riêng một phần để thuật cái đại-thế cuộc chiến-tranh trong một tháng.

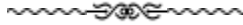
— « Tiểu-thuyết » thì dịch những tiểu-thuyết hay ở tiếng Pháp ra. Trong sự kén-chọn những tiểu-thuyết hay để dịch, chúng tôi sẽ chủ nhất một điều : là chọn những sách văn-chương hay, kết-cấu khéo, khả lấy làm mẫu cho cái lối tiểu-thuyết của ta về sau này.

— Sau hết, mỗi số sẽ thêm mấy từ « Tự-vựng » để diễn-thích những tiếng mới. Từ-vựng có ba phần : một phần quốc-ngữ, một phần chữ nho, một phần chữ pháp. Tưởng cũng là một việc có ích, có thể giúp được những người hoặc biết chữ tây mà không biết nghĩa ta, hoặc biết chữ nho mà không biết nghĩa tây ; cốt nhất là để định nghĩa những chữ mới cho dùng khỏi sai nhầm, mà đặt cái cơ-sở một bộ « Pháp-Nam đại tự-điển » về sau này.

PHẠM QUỲNH



LUẬN-THUYẾT



BÀN VỀ VĂN-MINH HỌC-THUẬT NƯỚC PHÁP

Văn-minh học-thuật một nước là biểu-hiệu của cái tinh-thần nước ấy. Cái tinh thần ấy phát-hiện ra nhiều cách, nhưng rút lại có mấy cái đặc-tính nó phân-biệt nước ấy với các nước khác, khiến cho nước ấy có một cái hình-dung riêng trong vạn-quốc, một cái địa-vị riêng trong thế-giới vậy. Phàm các nước nhơn đời xưa đời nay, đã có ảnh-hưởng đến cuộc tiến-hóa của nhân-loại, đều có một cái tinh-thần riêng như thế cả. Cái tinh-thần ấy cũng tức như cái nhân-cách của từng người vậy. Nhân-cách mỗi người một khác, phát-hiện ra cái cách tư-tưởng, cảm-giác, sự cư-xử, hành-vi của mỗi người. Tinh-thần một nước cũng vậy mà phản-chiếu vào cái văn-minh học-thuật của nước ấy. Vậy muốn lý-hội được nghĩa sâu một cái văn-minh học-thuật nào, tất phải hiểu cái tinh-thần riêng của nước đã sinh-thành ra cái văn-minh học-thuật ấy.

Nay thử hỏi các nhà tây-học nước ta, sau khi đọc xong một quyển sách hay bằng chữ Pháp, sách văn-chương hay sách nghị-luận, sách tiểu-thuyết hay sách nhàn-đàm, thì cái cảm-giác ra làm sao ? Tất ai ai cũng từng nhận rằng cái cảm-giác

ấy có nhẹ-nhàng mà thiết-thực, thơm-tho mà mặn-mà ; cái hương, cái sắc, cái điệu, cái tình nó có một vẻ thiên-nhiên mà đằm-nhuận, thanh-tao mà đậm-đà, thực xưa nay ta chưa từng được hưởng biết bao giờ. Cái cảm-giác ấy tui không nói ra ra nhời được, nhưng phàm người nào đã hơi hiểu văn-chương nước Pháp đều thấy phảng-phất như thế cả. Bởi đâu mà văn-chương nước Pháp có cái sức cảm-hóa sâu-xa mà đặc-biệt như thế ? Bởi cái tinh-thần riêng của nước Pháp vậy.

Ngày nay người nước ta đã quyết-chí theo đòi văn-minh học-thuật nước Pháp để nhờ đấy mà noi lên đường tiến-bộ ; vậy tưởng nên biết cái tinh-thần ấy thế nào để khỏi hiểu nhầm cái văn-minh học-thuật kia.

Giải rõ được cái tinh-thần ấy, phát-biểu được cái đặc-tính của nó, không phải là một việc dễ. Tất phải am-hiểu tính-tình tư-tưởng người Pháp, thông-thuộc văn-chương xã-hội nước Pháp, lý-hội lịch-sử hiện-tình dân Pháp, mới có thể phát-ngôn một các sắc-đáng được. Chúng tôi không dám tự-phụ có đủ tư-cách như thế. Nhân mới được đọc một bài luận rất hay về « Văn-minh nước Pháp » (*La civilisation française*) của một nhà danh sĩ bên quý quốc, VICTOR GIRAUD tiên sinh [1], thấy nhờ nhẽ thực là ứng-hợp với cái cảm-giác lúc bình-thời, tựa hồ như cái mình vẫn ám-giải một cách phảng-phất xưa nay, nay có người đến chỉ-thị, diễn-thích, phát-minh cho rất tinh-tường, khám-phá được nhiều điều hay nhẽ thực về văn-minh học-thuật nước Pháp. Vậy tưởng không gì bằng tóm-tắt đại-ý ra sau này, bàn thêm vào, để

giúp cho bọn ta hiểu rõ cái tinh-thần một nước đã có tiếng gọi là « ông thầy dạy nhân-đạo » (*la France, préceptrice d'humanité*) cho thế-giới vậy.

I

Trong một bộ tiểu-thuyết chức-danh của một nhà đại văn-hào Pháp ngày nay, có kể truyện một người thiếu-niên châu Á-tản (Alsace), trong bụng nhiệt-thành yêu tổ-quốc Pháp, có cái chí cao-thượng muốn thờ tổ-quốc một cách đặc-biệt, khiến cho người Đức cũng phải cảm-phục. Bèn quyết-chí ở đất Á-tản, không xin về nước Pháp, đến tuổi binh-dịch lại nhận đăng làm lính với Đức, tự nghĩ rằng : mình là con nhà Pháp-lan, đại-biểu một lối văn-minh cao-thượng, lạc loài ở cùng với một giống người thô bỉ cường-bạo, cái nghĩa-vụ của mình là phải ở chốn nhượng-địa này, như người lính canh bờ cõi, để giữ cho cái văn-minh tổ-quốc, phát-biểu cái văn-minh ấy ra mà cảm-hóa bọn thô-bỉ kia. Một năm giời ở trong trại quân Đức, thực là được lòng đủ mọi người, quan trên yêu, bạn-bè phục, sử với ai cũng rất mực nhã-nhận, đến lúc mãn-khóa ra về, ai nấy đều tiếc ; khi từ-giã viên đội Phổ già coi mình trước thì được tin con gái lão vừa mới chết, bèn đi mua ngay một vòng hoa sắt đến viếng. Hai vợ chồng lão đội thấy anh ta sắp biệt mình mà còn sử tử-tế như thế, rất cảm-động trong lòng, mà nói rằng : « Phải chịu rằng người nước Pháp có nhiều nhân đạo hơn người các nước khác. ».....

Một câu của lão đội già nước Đức ấy thực là tóm-tắt được cái tinh-thần, cái đặc-sắc của văn-minh nước Pháp vậy.

Dân Pháp xưa nay vẫn là dân có cái nhân-đạo phong-phú hơn các dân khác. Trong các dân-quốc đời xưa đời nay, có lắm dân còn hiển-hách hơn dân Pháp nhiều. Nhưng chưa thấy dân nào gồm được đủ cái tư-cách chung của nhân-loại bằng dân Pháp vậy.

Một nhà thi-nhân Pháp đã có câu thơ rằng :

Plus je suis Français, plus je me sens humain.

(Tôi càng là người Pháp bao nhiêu thì tôi càng thấy tôi là người bấy nhiêu).

Người các nước khác thì thường càng gần cái quốc-tính bao nhiêu lại càng xa cái « nhân-tính » bấy nhiêu, vì quốc-tính là cái đặc-biệt, mà « nhân tính » là cái thông-thường vậy. Xem như nước Đức : người Đức càng là người Đức bao nhiêu thì lại càng phản-đối với nhân-loại bấy nhiêu, vì cái nghĩa của người Đức không giống cái quyền-lợi chung của thế-giới, càng sai-biệt bao nhiêu thì lại càng xa-cách bấy nhiêu. Đến như người Pháp thì có cái đặc-tính quan-sát mọi sự mọi vật theo cái phương-diện chung hơn là cái phương-diện riêng, theo cái thông-thường hơn là cái đặc-biệt, thành ra người Pháp càng gần quốc-tính bao nhiêu lại càng gần « nhân-tính » bấy nhiêu. Cho nên nói rằng người Pháp có nhiều nhân-đạo hơn các người khác là thế.

Nhân đạo là cái gì ? Nhân-đạo tức là cái người ta sở-dĩ là người ta vậy. Muốn nói dẫn-dị hơn thì nhân-đạo là cái cách làm người, cái thuật làm người theo một cái lý-tưởng thông-thường. Như thế thì trong thế-giới này-không có dân nào thuộc cái cách ấy bằng dân Pháp vậy.

Cả văn-minh học-thuật nước Pháp đều là nhuần-nhiễm một cái chất nhân-đạo ấy cả. Muốn minh-chứng điều ấy thì phải nghiên-cứu bốn cái bộ-phận nhơn nó dựng thành ra nền văn-minh một nước : 1° là văn-chương ; 2° là triết-học ; 3° là tôn-giáo ; 4° là lịch-sử.

GIRAUD tiên-sinh xét lần-lượt bốn cái bộ-phận ấy một cách rất tinh-tế, diễn-thích phân-minh, luận-chứng thâm-thiết, nhờ văn bình-dị mà hùng-hồn, nét bút tả-thực mà văn-hoa, người thuật tiếc không thể truyền được cái hứng vị của của nguyên-văn sang nhờ nôm sốc-nổi.

II

Trước hết xét văn-chương. Tiên-sinh nói :

« Văn-chương là cái hình-ảnh cái tinh-thần riêng, cái tính-chất riêng của một dân một nước, mà là cái hình-ảnh tự-nhiên hơn cả.

« Nói rằng văn-chương nước Pháp có nhiều *nhân-đạo* hơn các văn-chương đời nay thì thiết tưởng chỉ xét qua các văn-chương khác ấy là đủ biết vậy. Như văn-chương nước nga thì thiên-trọng cái thần-bí, văn-chương nước Anh thì nhiều

thi-liệu, văn-chương nước Đức thì nhiều triết-lý, văn-chương nước Tây-ban-nha thì nhiều tưởng-tượng hơn văn-chương Pháp. Nhưng so-sánh với các văn-chương ấy thì văn-chương Pháp có nhiều nhân-đạo hơn. Các nhà làm văn Pháp chỉ tư-nghị đến người ta trước nhất cả, chỉ chủ hình-dung tả-mạc con người ta trong cái tình-cảnh, cái tâm tính, cái ý-tứ của mỗi người. Phàm những vấn-đề xét đến là những vấn-đề quan hệ với người ta cả, vấn đề thuộc về đạo-lý hay vấn-đề thuộc về xã-hội vậy. Bao giờ cũng là chủ-ý về cái phép sử-thế của người ta, phép sử-thế riêng của từng người hay phép sử-thế chung của một đoàn-thể. Mà các nhà làm văn ấy chước-thuật cũng là chỉ vị người ta, muốn trực-tiếp với người ta, mà chủ nhất là cái người hiển-nhiên trông thấy, chớ không phải cái người lỗi-lạc đặc-biệt, tức là người trung bình mà không phải người siêu-việt. Vậy nhời văn cốt bình-thường cho người ta hiểu được, ý-tứ cốt dẫn-dị cho người ta hội được. Nói rút lại thì cái mục-đích cốt-tử của các nhà làm văn ấy là dạy-dỗ khuyên-răn người đời, truyền-thụ cho người ta cái nhân-đạo vậy. Cụ BOSSUET ngày xưa có phê-bình các nhà thi-nhân Hi-lạp mấy câu rằng : « Sách-vở của các bậc ấy vừa có cái vẻ vui-thú mà vừa có cái vẻ nghiêm-trang. *Các ngài chỉ tán-tụng những công-nghiệp có ích-lợi cho đời người ta, chỉ vụ việc công-ích, ích nước-nhà, ích cho xã-hội, thực là có cái khí-vị lương-thuần vậy.* » Mấy câu ấy dùng để giải các văn-chương nước Pháp tưởng cũng không phải là không đáng.

Tiên-sinh đã giải cái tính cách chung của văn-chương nước Pháp như thế rồi, bèn cứ từng thời-đại, từng văn-phái mà

bàn cho rõ thêm mãi ra.

Hai thời-đại chước-danh nhất trong văn-học sử nước Pháp là thế-kỷ thứ 17 cùng thế-kỷ thứ 18, Hai thế-kỷ ấy có khác nhau mà có giống nhau. Thế-kỷ thứ 17 thì là đời *cổ-diễn*, thế-kỷ thứ 18 là đời *cách-mệnh*. Các nhà làm văn đời *cổ-diễn* chỉ vụ nghiên-cứu cái tâm-lý người ta. Lấy người ta là một « giống rất hư-hoang, uyển-chuyển, tạp-đạp » (*être merveilleusement vain, ondoyant et divers*), nên phải xét nghiệm nó thật kỹ, cho giải được hết cái khốe ăn ở của nó, để tìm cách mà chữa-dậy. Vì các nhà ấy đã thông-tỏ cái tâm-tính con người ta mà biết rằng người ta *tính bản ác*, nếu không kiềm-chế những cái dục-tình sẵn lại thì xã-hội không thể ở được. Bởi thế các nhà ấy lấy sự duy-trì xã-hội làm mục-đích, vì xã-hội có duy-trì được, lòng người có kiềm-chết được thì người ta cùng xã-hội mới được sung-sướng. Nói rút lại thì văn-chương thế-kỷ 17 là văn-chương chữa đời, chủ sự ích-lợi cho người đời, tức là một pho tâm-lý, một bài luân-lý thực-hành vậy. — Thế-kỷ thứ 18 cũng là vụ cho người đời được sung-sướng. Các nhà làm văn đời *cách-mệnh* cũng chỉ nghiên-cứu một cái vấn đề về sự hạnh-phúc của người ta, nhưng khác người đời trước, là đời trước lấy cái hạnh-phúc ở sự kiềm-chế, đời này lấy cái hạnh-phúc ở sự tự-do, đời trước chủ sự duy-trì, đời này dùng kế phá-hoại vậy. Đời trước dạy người đời tính vốn ác, đời này xướng người đời tính vốn lành. Người đời đã tính vốn lành thì mọi sự khổ sở ở đời là bởi xã-hội cả, xã-hội đã không ra gì thì phải phá đổ xã-hội đi, mà hồi-phục lấy cái bản-tính của người ta lúc mới sinh-thành. Bởi thế mà các nhà làm văn chỉ thấy công-

kích xã-hội, mà tán-tụng đời cổ-sơ là cái « hoàng-kim thời-đại » của loài người. Xem thế thì cái hai cái tư-trào của thế-kỷ thứ 17 cùng thế-kỷ thứ 18 thực là trái ngược nhau vậy. Nhưng xét kỹ có phải cái tôn-chỉ cùng là giống nhau không ? Hai đời tuy xét người đời ra hai phương-diện khác nhau, song đều là chủ tìm cái cách cho người đời được sung-sướng, đều là vị cái nhân-đạo vậy.

Đã cai-quát hai thế-kỷ nhón trong văn-học sử, lại bắt đầu từ khi mới có văn-chương cho đến đời cận-thế, lục ra những sách nào là lưu-truyền hơn cả mà xét xem sở-dĩ làm sao mà những sách ấy được lưu-truyền như thế, thì thấy những sách ấy đều là diễn giải cái nhân-đạo một cách tuyệt-phẩm vậy. Kể từ sách *Roland anh-hùng ca* (La Chanson de Roland) là nền văn-chương cổ nhất của nước Pháp, đến bài tuồng *Le Cid* của ông CORNEILLE, đến tập Tư-tưởng lục (les Pensées) của ông PASCAL, đến những bài hí-kịch của ông MOLIÈRE, đến sách *Vạn pháp tinh-lý* (l'Esprit des lois) của ông MONTESQUIEU, cho đến thơ ông LAMARTINE, cho đến tiểu-thuyết bà GEORGE SAND, cho đến những bài phê-bình của ông SAINTE-BEUVE, tuy cái văn-chương phong-phú như thế, mà rút lại trong bấy nhiêu sách cái tôn-chỉ cũng là một, là tả con người ta ra đủ mọi cách, trong đủ mọi cảnh : khi sướng, khi khổ, khi vui, khi buồn. — lúc khôn-ngoa, lúc khờ-dại, — lúc khao-khát những sự vô hạn, lúc mưu-toan những việc trị-bình — lúc khổ vì cái ái-tình uốn-éo, lúc than vì thế-sự ngặt nghèo....

Xét như thế thì từ xưa đến nay phàm những sách hay trong văn-chương Pháp, được người đương thời cảm-phục, hậu thế suy-tôn, chính là những sách có nhiều cái nhân-đạo hơn cả. Văn-chương Pháp có nhiều nhân-đạo vì văn-chương Pháp chủ nghiên-cứu người ta, mà trọng nhất là những cái vấn-đề quan-hệ đến người ta, đến cuộc hạnh-phúc ở đời, phép xử-thế cùng đường vận-mệnh. Nhà thi-nhân La-mã có câu thơ rằng : « Tôi là người, phàm cái gì quan-hệ đến người ta không phải là không quan-hệ đến tôi. » Câu thơ ấy thực là cái biểu-hiệu của các nhà làm văn nước Pháp vậy.

Xưa nay người ta vẫn khen văn Pháp có ba cái tính-cách hay nhất : một là phân-minh, hai là giản-gi, ba là thành-thực. Ba cái tính-cách ấy cũng là bởi cái nhân-đạo trong văn-chương mà ra cả. Như người Anh, người Đức, người Ý, làm văn thường là để sướng lấy một mình, để diễn lấy cái giấc mộng riêng ở trong lòng mà làm một mối khoái-lạc cho mình. Người Pháp làm văn vì người hơn là vì mình, cầm ngòi bút viết là chủ nói cái gì cho người đời nghe. Vậy cốt nhất là cho người ta hiểu mình. Nên phàm xướng ra cái tư-tưởng gì, không phải cứ mộc-mạc thế mà đem diễn ra đâu ; còn suy đi nghĩ lại, chắt lọc chung đúc mãi, gạn lấy cái tinh-hoa rồi mới diễn nó ra thành nhời ; cái nhời văn ấy cũng không phải là cầu-thả, thực là chải-chuốt chau-ruã cho nó rất vắn-tắt, rất giản-gi, rất phân-minh, khiến cho người đọc thấu-giải được ngay, không phải mất công khó nhọc tí nào. Bởi văn Pháp có cái đặc-tính như thế nên xưa nay đã được cái danh-dự dùng làm văn chung cho vạn-quốc trong việc giao-tế các nước với nhau. [2] Cái danh-dự ấy thực là xứng-đáng vậy thay !

III

Thứ-chi đến triết-học.

Muốn phát-biểu cái đặc-tính của triết-học nước Pháp, không gì bằng so sánh triết-học Pháp với triết-học Đức. Nước Đức xưa nay vẫn tự-phụ là nước chuyên-trị triết-học nhiều. Cái triết-học ấy hay dở thế nào, sự chiến-tranh ngày nay đã chứng hiển-nhiên cho thiên-hạ biết rồi. Nay cứ cái hình-thức mà xét thì triết-học Pháp thực là trái hẳn với triết-học Đức. Nước Đức lấy triết-học làm khoa chuyên-môn, chỉ một bọn người chuyên-trị, học riêng với nhau, bàn riêng với nhau, không trực-tiếp với người ngoài, mà không vụ cho cái tư-tưởng của mình đối-chiếu với nhẽ thực, nhẽ phải thông-thường. Bởi thế mà cái triết-học của Đức bí-mật, u-ám, khi cao thì siêu-việt quá mà biến ra mây ra khói cả, khi thấp thì đê-liệt quá, thô-bỉ mà cứng-cỏi. — Triết-học Pháp thì thực là khác. Người Pháp lấy triết-học là một món chung cho cả mọi người có học-vấn, có trí-thức. Phàm làm người ai cũng có cái tư-cách biết suy-nghĩ, biết tư-tưởng, vậy thì ai cũng có thể lĩnh-hội phán-đoán cái chân-lý được. Nhà triết-học nghiên-cứu cái chân-lý, sở-đắc điều gì, phải đem công-bố ra cho mọi người biết, không phải là để nghiên-ngẫm trong một bọn chuyên-môn với nhau. Bởi thế mà phần nhiều các nhà triết-học Pháp đều là những nhà làm văn hay cả, vì muốn công-bố cái tư-tưởng của mình cho đăc-lực, tất phải biết diễn-giải nó ra cho người ta dễ nghe và dễ hiểu. Thực là trái với những nhà triết-học Đức, thường dùng một lối văn kỳ-khu trặc-trở, ngoài bọn nhà nghề ai xem cũng phải chán. —

Triết-học Pháp lại còn có một các đặc-tính nữa, là nó thâm-nhập cả các môn học khác. Các nhà triết-học thường kiêm văn-học, các nhà văn-học cũng không mấy khi là không có tư-cách nhà triết-học. Những bậc văn-hào như BOSSUET, VOLTAIRE, LAMENNAIS, TAINE, RENAN mấy tiên-sinh, thực có thể liệt bằng-đẳng với những nhà triết-học chức-danh được. Không kể những bậc ấy, đến những nhà thuần văn-chương như CORNEILLE, MOLIÈRE, RACINE các tiên-sinh, mỗi nhà cũng có một cái « triết-học » riêng, tức là một cái quan-niệm về thế-giới, về người ta, cái triết-học ấy tán mạn trong khắp sách vở của mỗi nhà. Triết-học Pháp cũng thâm-nhập cả khoa-học nữa. Không những cái lệ thường ở nước Pháp là những nhà triết-học phải có một cái « cách-trí học-vấn » rộng ; lắm nhà đại triết-học lại vừa là những bậc lý-học danh-gia nữa, như DESCARTES, PASCAL, AUGUSTE COMTE, COURNOT, CLAUDE BERNARD, HENRI POINCARÉ các tiên-sinh. Khoa-học triết-học thâm-nhập nhau như thế thì lợi cả hai đàng. Nhà triết-học trong khi quan-sát các nguyên-lý, lấy thực-tế làm căn-cứ, không sợ tư-tưởng những sự hoang-đường. Nhà khoa-học trong khi nghiên-cứu các vật-chất, lấy cái nguyên-lý làm qui-nạp, không sộ mê man những sự phiền-toái. — Một cái đặc-tính nữa của triết-học Pháp, là cái triết-học ấy không ưa những lối độc-đoán. Ngồi không mà kết-cấu những « lâu-đài tư-tưởng » không nương-tựa vào cái gì chắc-thực, không căn-cứ vào cái gì vững-vàng, ấy là cái lối những nhà triết-học Đức. Các nhà triết-học Pháp thì chỉ chủ sự thiết-thực, không phải rằng không có tài kết-cấu bằng người Đức : DESCARTES nước Pháp có kém gì KANT nước Đức, AUGUSTE COMTE có kém gì HEGEL ? Nhưng người Pháp

không lấy cái học-thuyết của mình mà làm như cái ngục để tự giam mình vào đấy, không bao giờ dám ra ngoài mà xét sự-vật ra cái phương-diện khác nữa. Người Pháp trọng sự tự-do, biết rằng cái chân-lý có năm bảy đường tới được, đường nào cũng là chính-đáng cả, không bắt ai phải theo một đường nào. Bởi thế mà triết-học nước Pháp có cái tính thiết-thực hơn triết-học các nước khác.

Nói rút lại thì các nhà triết học Pháp kỳ nhất là những lối tư-tưởng hoang-đường, mà trọng nhất là những cái vấn-đề thiết-yếu cho người ta. Trong những sự bí-quyết của giới đất, các nhà ấy lấy cái bí-quyết về tâm-tính người ta là cái nên chú-ý mà nghiên-cứu trước nhất. Vì giải được cái bí-quyết ấy, là giải được cái nghĩa đời nghĩa. Thế chẳng hơn là lấy cái tư-tưởng làm con cờ mà đem cái nọ chọi với cái kia trên cái bàn cờ vô-hình ư ? Thế chẳng hơn là lấy cái tư-tưởng làm viên gạch, chồng viên nọ lên viên kia mà xây cái lâu-đài trên bãi cát ư ?

Tiên-sinh nói : « Dạy cho người ta biết làm người, làm người cho rất hoàn-toàn, rất thâm-thiết ; cái bản-tính con người ta thế nào thì coi nó như thế, đừng quá trọng mà cũng chớ quá khinh, đừng suy-tôn quá mà cũng chớ hạ-miệt hoài ; phải nhận-biết cái giới-hạn của nó, phải phát-đạt cái tiềm-lực của nó, phải điều-hòa sự phản-trái của nó ; ấy là cái tôn-chỉ của triết-học nước Pháp từ xưa đến nay, cái tôn-chỉ ấy các nhà triết-học Pháp đã truyền-bá ra khắp thế-giới. Thiên-hạ còn có cái lý-tưởng kiêu-căng hơn ; đâu có cái khôn-ngoan, nhũn-nhặn, mà quảng-đại bằng ? »

Vị chi là triết-học Pháp cũng có cái đức tính thuộc về nhân-đạo vậy.

IV

Thứ chi đến tôn giáo.

Đại-để có thể được rằng triết-học là tôn-giáo của bọn trí-thực, mà tôn-giáo là triết-học của người thường dân vậy. Người dân là số nhiều trong một nước ; vậy thì tôn-giáo là cái biểu-hiện chân-chính nhất, đều-đủ nhất của cái lòng hi-vọng chung trong một nước.

Nước Pháp từ xưa đến nay vẫn lấy đạo « La-mã Thiên-chúa » làm quốc-giáo. Đạo Thiên-chúa thực đã có một phần to trong sự gây-dựng ra nước Pháp, trong sự giáo-hóa người dân Pháp, mà nước Pháp, người Pháp, từ đời Trung-cổ đến giờ, cũng có công to với giáo-hội, xưa đã được tiếng gọi « nước Pháp là con gái trưởng của Giáo-hội ». Như thế thì đạo Thiên-chúa thực là có thánh-khí với người Pháp, có cái nhân-duyên sâu-xa với dân Pháp vậy.

Vậy thì đạo Thiên-chúa ở nước Pháp có cái đặc-tính gì ? Chắc rằng cái giáo-thống, cái qui-tắc trong đạo thì ở nước nào cũng vậy. Nhưng đại-để cùng một đạo ở một nước cũng có khác nhau nhiều. Như đạo Thiên-chúa ở nước Ý-đại-lợi thì thiên-trọng cái bề mỹ-thuật, đạo Thiên-chúa ở Tây-ban-nha thì thiên-trọng cái bề thần-bí. Đến như đạo Thiên-chúa ở nước Pháp, thì thiên-trọng cái bề xã-hội vậy. Cụ BOSSUET đã

giải đạo Thiên-chúa là cái gây liên-lạc trong xã-hội, không những là liên-lạc người một đời với nhau, mà lại liên-lạc cả người đời này với người đời trước, với người đời sau nữa ; không những là liên-lạc người một nước với nhau, mà liên-lạc cả người nước nọ với người nước kia, hết thấy cả người trong thế-giới nữa. Cái hi-vọng của đạo Thiên-chúa ở nước Pháp không những là muốn gây thành một cái đoàn-thể thuộc về tinh-thần ở trong cái đoàn-thể quốc-gia ; lại còn muốn khoáng-trương cái đoàn-thể ấy ra khắp thế giới mà dựng lên như trong kinh thánh gọi là cái « thiên-quốc » (*la cité de Dieu*) ở trong thiên-hạ. Cứ xem tổng-số những nhà truyền-giáo-sư của đạo La-mã Thiên-chúa, ba phần đến hai phần là người Pháp, thì đủ chứng rằng cái hi-vọng ấy không phải là hư-tưởng vậy.

Như thế thì Thiên-chúa-giáo của nước Pháp còn vị chung cả loài người hơn là vị riêng một nước mình. Thực là hợp với cái tôn-chỉ trong giáo chủ sự « cứu-thế » vậy.

Nói rút lại thì đạo Thiên-chúa của nước Pháp có mấy cái đặc-tính khác với đạo Thiên-chúa của các nước, mà biểu cái tinh-thần riêng của nước Pháp. Tiên-sinh giải cái đặc-tính ấy như sau này :

« Thiên-chúa giáo của nước Pháp bao giờ cũng chủ nhất một điều, là tăng-tiến cái giá-trị về « phần-hồn », cái phẩm-cách của người ta. Nên chuộng cái công-nghiệp hơn là sự « nguyên ngẫm », mà chuộng cái công-nghiệp có ích cho xã-hội hơn là sự tu-hành riêng cho từng người. Tu-hàng cũng

không phải là tu-hàng lấy một mình, bao giờ cũng là chủ lấy ích-lợi cho nhân-quần. Bởi thế mà các nhà tôn-giáo nước Pháp không hứng những sự biệ-nạn huyền-bí về thần-học, những sự khảo-cứu tỉ-mỉ về thánh-thư, những sự tôn-sùng phiề-n-phức mà cầu-kỳ, như nhà tôn-giáo các nước khác. Nhà tôn-giáo nước Pháp lấy cái nhẽ phải thông-thường mà vụ những điều cốt-yếu ; lòng tín ngưỡng bình-dị mà không tần-phiền ; rất hiểu những cảnh thực trong lòng người ; nhiệt-thành muốn truyền cái lòng tin của mình cho người khác ; nhất là khao-khát cái lòng từ-bi bác-ái vậy ».

Gồm bấy nhiêu cái đặc-tính lại chẳng phải là trọn cái nhân-đạo ư ?

Bởi vậy nói tôn giáo nước Pháp cũng là chủ nhân-đạo vậy.

V

Thứ chi đến lịch-sử.

Một nước có văn-chương, triết-học, tôn-giáo hay cũng chưa đủ ; phải có cái lịch-sử hiển-hách thì mới đủ chứng cái hay ấy.

Lịch sử nước Pháp thực là xứng đáng với văn-chương, triết-học, tôn-giáo nước Pháp vậy.

Nước Pháp thành-quốc sớm, sớm đã tự-biết mình có cái tư-cách một nước nhơn. Từ đời Trung-cổ cuộc nhất-thống trong nước đã tiệm thành, tuy chưa được hoàn-toàn, nhưng cái cơ-

sở dĩ có. Gây được cuộc nhất-thống ấy, phải nhiều phen chiến-tranh. Nước Pháp ngày xưa đã có tiếng là nước thượng-võ, đã từng biết đủ các lối chiến-tranh : chiến-tranh để giữ nước, chiến-tranh để lấy đất, chiến-tranh vì cái thế quân-bình, chiến-tranh vì cái sức bành-trướng, chiến-tranh để đồ đế-quyền, chiến-tranh để đi truyền-bá. Nhưng đại-để những sự chiến-tranh ấy chỉ chủ một mục đích : là làm cho vững bền cái vận nước vậy. Nhân làm vững-bền cái vận nước mình, mà vừa giữ được cái thế quân-bình trong Âu-châu. Vì cái chính-sách của nước Pháp xưa nay vẫn là cầm-giữ ngăn-ngừa những nước nhớn khác không được sâm-phạm đến bờ cõi, đến quyền độc-lập của những nước nhỏ, để chiếm lấy phần hơn trong Âu-châu. Cái chính-sách ấy vẫn chủ lấy nước nọ mà hạn-chế nước kia, khiến cho cái thế-lực các nước ngang nhau, mỗi nước được tự-do mà phát-siển cái quốc-túy, theo-đuổi cái vận-minh riêng của mình. Bởi thế cho nên khi nào có một nước hay một vua hùng-cường khởi lên, muốn đoạt các nước khác, để cướp lấy cái thế-lực to hơn, thì nước Pháp cũng can-thiệp vào đánh, cố giữ lấy cái thế quân-bình cho Âu-châu. Xem như mấy phen nước Pháp đánh nhau với nhà vua Tây-ban-nha cùng nhà vua Áo-đại-lợi thì đủ biết vậy. Chắc rằng trong những trận ấy nước Pháp cũng có cái lợi riêng của mình ; nhưng bao giờ cái lợi riêng ấy cũng hợp với cái lợi chung của Âu-châu, nên lần nào nước Pháp được thắng trận là hồi ấy Âu-châu được hưởng hòa-bình. Nước Pháp không những giữ cho các nước được quyền tự-do, độc-lập, mà lại còn đem tiền đem người đi giúp nhiều nước để khôi-phục lại cái quyền tự-do độc-lập của mình đã bị mất. Nước Mĩ được độc-lập cũng là nhờ có nước Pháp

cứu-viện. Nước Ý được thống nhất thực là bởi công người Pháp nhiều. Nước Hi-lạp thoát-ly được quyền áp chế người Thổ-nhĩ-kỳ, chẳng phải là may mà được người Pháp can-thiệp và giúp ư ? Nước Pháp có công với vạn-quốc như thế, là bởi nước Pháp vốn có cái tài khéo điều-hòa cái lợi riêng của mình với cái lợi chung hoặc của Âu-châu hoặc của thế-giới. Cũng vì đó mà nước Pháp được hơn các nước khác có cái tư cách biết quên mình mà vì người, hay cổ-võ những việc nghĩa-cử, nhiệt-thành vì những tư-tưởng công-lý nhân-đạo vậy.

Hoặc có người chê nước Pháp đi viễn-chinh để lấy thuộc-địa là trái với cái lý-tưởng trong nước. Chê thế là không hiểu cái tình-thế một nước nhón ở trong thế-giới đời nay. Nước Pháp đi lấy thuộc-địa cũng là bởi vì cái địa-vị mình trong vạn-quốc nó khiến như thế. Các nước khác đều có thuộc-địa mà mình không thì chẳng hóa ra đành chịu phần kém phần thiệt, mà không giữ được cái thế quân-bình trong liệt-cường. Một đại-quốc sao có chịu như thế ? Vả sự đi lấy thuộc-địa không phải tất nhiên là một sự phi nghĩa. Lấy đất, bắt người dân làm nô-lệ cho mình, thế là phi-nghĩa. Nhưng bảo-hộ cho một dân hậu-tiến, bênh-giữ quyền-lợi cho người dân, khai-hóa cho, dạy-dỗ cho, đưa giắt lên đường văn-minh, thiết-tưởng cái lối đi lấy thuộc-địa như thế không những là không phải là một sự phi-nghĩa, mà lại chính là một việc đại-nghĩa vậy. Cái lối ấy thực là cái lối của nước Pháp xưa nay. Cứ xét hiện-trạng những thuộc-địa của nước Pháp, từ hai châu Algérie, Tunisie, đến đất Maroc, đến đảo Madagascar, cho đến cõi Đông-dương ta này, thì đủ biết vậy.

Suốt lịch sử nước Pháp cũng là minh-chứng rằng nước ấy từ xưa đến nay vẫn biết ham-mê những việc nghĩa, biết hỗn-hợp cái nghĩa riêng của mình với cái nghĩa chung của văn-minh, của thế-giới. Hồi giặc Hung-nô sang sâm-nhập Âu-châu, bấy giờ nước Pháp chưa thành nước Pháp, mà đã ngăn-ngữ được quân giặc phải lùi về, khiến cho văn-minh Âu-châu khỏi phải chìm đắm trong cái sóng già-man theo chân quân rợ-mọi mà chàn sang vậy. Lại hai thế-kỷ về sau, giặc Hồi-hồi tiếng sang nam-bộ Âu-châu, nước Pháp cũng phá tan được ở đồng-bằng Poitiers, cứu được đạo Thiên-chúa khỏi cái nạn dị-đoan. Lại mới rồi giặc Đức chàn sang như nước lụt, đến bờ sông Marne nước Pháp cũng ngăn-cầm lại được, tự cứu cho mình mà lại vừa cứu cho thế-giới khỏi phải chịu cái già-man mới của giống Điêu-đương.

Xét như thế thì cái tính-cách của lịch-sử nước Pháp thực là rộng-rãi, mà không phải khu-khu vị một mình. Không những là trong khi đối với ngoài mà có cái tính-cách ấy ; những việc riêng trong nước cũng vậy. Tựa hồ như nước Pháp có cái sức phản-chiến ra ngoài rất mạnh, phàm mình cử-hành việc gì, dầu chỉ quan-hệ đến một mình, cũng có ảnh-hưởng ra ngoài, người khác nhân đấy mà lấy làm gương, mà bắt chước... Cứ xét một cuộc Đại Cách-mệnh năm 1789 thì đủ biết rằng cái ảnh-hưởng ấy sâu-xa là chừng nào. Cái cách-mệnh ấy bất-quá là chỉ chủ phá-đổ cái quân-chủ chính-thể cũ mà đặt dân-chủ chính-thể mới, tưởng cũng là một sự nội-biến tầm-thường, không có quan-hệ gì đến thế-giới. Bởi đâu mà mới nổi lên đã kích-động cả toàn Âu ? Chẳng phải là bởi cái cách-mệnh ấy tui vị nghĩa riêng một nước mà kiêm cả cái

nghĩa chung của nhân-loại, ư ? Sau khi phá được nhà ngục Bastille, ngày 27 tháng 8 năm 1789, hội « Lập-hiến » (la Constituante) bá-cáo tờ « Nhân-quyền tuyên-ngôn », xướng lên rằng phàm làm người ai cũng được tự-do bình-đẳng cả. Nhời tuyên-ngôn ấy chỉ chung cả nhân-loại, không phải chỉ riêng một người nước Pháp. Bởi cái tính-cách đại-đồng ấy mà cuộc cách-mệnh năm 1789 đã có cái thế-lực to hơn như thế, mà tờ « Nhân-quyền tuyên-ngôn » năm ấy đã được một nhà sử-học gọi là « cái kinh Phúc-âm của thời-thế mới » .

Vị chi là lịch-sử nước Pháp cũng như văn-chương, triết-học, tôn-giáo mà cùng thuộc về một cái lý-tưởng nhân-đạo vậy.

VI

Nói tổng-kết lại thì cái nhân-đạo là cái đặc-tính hiển-nhiên, có thể gọi được là cái « linh-tính » của sự văn-minh học-thuật nước Pháp. Suy-diễn ra cũng một cái đặc-tính ấy, qui-nạp lại cũng một cái linh-tính ấy.

Tiên-sinh đã suy-diễn cái tư-tưởng nhân-đạo trong suốt một bài đại-luận, nhời nhẽ nghiêm trang như cái lâu-đài cổ Hi-lạp, tình-tứ cảm-động như bộ tiểu-thuyết mới thời nay, qui-nạp lại mấy câu kết-luận như sau này :

« Cái đặc-nhiệm, cái thiên-chức của nước Pháp là phải xét mọi sự mọi vật theo cái phương-diện nhân-đạo. Bởi đó mà văn-chương, triết-học, tôn-giáo, lịch-sử nước Pháp, đều có cái cảm-lực mạnh như thế. Nước Pháp đã mang cái lòng

hiếu nhân-đạo đến cực điểm, đến bức nguy-hiểm cho mình. Bình-sinh đã từng lắm phen phải lừa phải hại vì cái lòng nhân-đạo ấy. Nhưng mà cái « đại » ấy cũng là vẻ-vang, vì đại là đại không biết ghen-ghét ai, không biết nghi-hoặc người đời, đại là đại biết trông quên những sự kinh-lich gian nan, những sự ghen-ghét thâm-trầm, những sự tham-lam quá độ. Nước Pháp không bao giờ để lòng tin được rằng muôn việc trong thế-giới chỉ dùng cái võ-lực, cái võ-lực kiêu-căng tàn-ngược, mà giải-quyết được. Nước Pháp không bao giờ chịu rằng cái cứu-cánh mục đích của sự học là chỉ để nghỉ thêm cho người ta những cách phá-hoại áp-chế lẫn nhau. Một nhà văn-sĩ cổ của nước Pháp tên là RABELAIS đã từng nói câu tuyệt-ngôn này : « Học-vấn không có lương-tâm chỉ là tai-hại tâm-tính » (*Science sans conscience n'est que ruine de l'âme*). Nước Pháp không thể tưởng-tượng được rằng một dân, một lối tinh-thần riêng nào, lại có cái quyền đạp-đổ những dân khác, những lối tinh-thần khác được. Cái lý-tưởng mà nước Pháp mong tới đến được, không phải là cái lý-tưởng muốn biến sự tư-tưởng, sự sinh-hoạt của người ta thành cái máy vô-hồn cứng-cỏi, thực là cái lý-tưởng muốn để cho cái tinh-thần riêng của mỗi nước được tự-do mà phát-siển ra cho điều-hòa. Một thế-giới chỉ thấy thịnh-hành cái võ-lực của bọn quân-nhân, cái hình-thức của bọn nguy-nho, cái kiêu-căng của bọn quan-lại, chỉ thấy thiên-trọng cái xấu-xa thô-bỉ, cái to-nhớn quá độ, một thế-giới như thế, thì nước Pháp lấy làm một nơi địa-ngục cực-kỳ khả ố vậy. Kẻ khác gọi là cái « văn hóa », thì nước Pháp gọi chính danh nó là cái giã-man vậy. Cái giã-man càng có học bao nhiêu lại càng giã-man bấy nhiêu. Đối với cái giã-man ấy thì cái văn-minh của nước

Pháp thực là trái ngược hẳn. Nước Pháp là sự tự-do, là cái vẻ ưu-mĩ khả-ái, là sự biết điều độ, là sự lễ-mạo văn nhã, là sự kín-đáo, là sự tiêm-tất ; nước Pháp là sự khoan-dung, sự nhân từ, sự bác-ái ; nói rút lại một chữ thì nước Pháp là nhân-đạo vậy. Nếu nước Pháp mà biến mất đi thì đời người cũng giảm mất một phần cao-thượng, một phần phong-thú vậy. »

Bọn ta nay đã biết cái tinh-thần của nước Pháp tốt đẹp là chừng nào, thì cái lòng cảm-giác phảng-phất lúc nãy tất tỏ-rạng dần ra mà biến thành cái bụng cảm-phục sáng-suốt.

PHẠM QUỲNH



1. ▲ Tiên-sinh là một nhà « phê-bình » có tiếng ở nước Pháp. Nguyên dạy văn-chương Pháp ở trường Đại-học Fribourg, bên Thụy-sĩ. Tiên-sinh làm bài luận về Văn-minh nước Pháp này, đã từng được hội Hàn-lâm ban « thưởng hùng-biện » (prix d'éloquence) năm 1916.
2. ▲ Hòa-ước Nhật-Nga năm 1906, điều 25 nói rằng : « Hòa-ước này làm bằng văn Pháp cùng văn Anh. Hai bản thực giống nhau, nhưng hễ khi có dị-nghị thì sẽ lấy

bản Pháp văn làm bằng. » — Một người Nga tên là J. Novicow mấy năm trước có xướng lên cái nghị rằng các nước văn-minh Âu-châu, ngoài tiếng mình, nên dùng tiếng Pháp làm tiếng giao-thiệp chung.

Chú thích

VĂN-HỌC BÌNH-LUẬN

MỘT BỘ TIỂU-THUYẾT MỚI : « NGHĨA CÁI CHẾT » ^[1]

Cái chết có nghĩa không ? Hỏi câu ấy thì nhà bác-học đáp « không » mà nhà tôn-giáo đáp « có ». Nhà bác-học nói : Chết là cái cùng-tận của sự sống ; phạm giống sinh-vật lúc sống thì cái sinh-khí ngưng-kết lại, khi chết thì cái sinh-khí giải-tán ra. Cuộc sinh-tử là một cuộc hợp tan, không có nghĩa gì đối với ai cả, vì trước khi sống là cái hư-không, sau khi chết cũng là cái hư-không mà thôi. — Nhà tôn-giáo nói : Người ta có hai phần, cái linh-hồn cùng cái nhục-thể. Linh-hồn vĩnh-viễn bất diệt, chỉ có cái nhục-thể là sống chết theo phép « lý-hóa ». Đời người bất quá là một cái độ đường của linh-hồn, không phải là hình-dung cả cái đời của linh-hồn vậy. Lúc chết là lúc linh-hồn đời xác-thịt mà siêu-thăng lên một cõi cao hơn cõi trần-thế. Vậy thì sự chết không phải là một sự cùng-tận, thực là một sự bắt-đầu, bắt-đầu một cuộc đời mới thuần về linh-hồn.

— Trong hai cái lý-thuyết ấy cái nào là phải ? Không thể quyết-định được. Các nhà tư-tưởng cũng chia ra làm hai đảng, không đồng ý nhau. Lúc bình-thường thì cái vấn-đề về sự chết ấy là một cái cao-đẳng vấn-đề thuộc về thuần-lý học,

về thần-học, không có cái tính-cách cần-cấp mà thế-nhân cũng không thường lưu-tâm đến. Người ta không tất là phải kén chọn trong hai cái lý-thuyết cho biết nên theo cái nào, bỏ cái nào. Đương lúc sống thì tưởng cái chết như một cái kỳ-hạn xa-xa, có bàn đến cũng là coi như một món thanh-đàm, coi như một cái vấn-đề không quan-hệ gì với mình cho lắm. Nhưng hiện nay cuộc gươm-lửa kinh-thiên động-địa đương biến-hóa một phần thế-giới ra máu ra ro. Hàng vạn hàng ức con người xô đẩy nhau vào cái vực vô-hạn, không người nào là không hình như đã được đến gần cái chết mà biết mặt mũi nó thế nào rồi. Đương buổi cái chết thịnh-hành như thế, người đời đau sót trong lòng mà băn-khoăn tự hỏi cái chết là cái gì ? Cau thanh-đàm khi xưa nay thành nhờ bi-đát. Cái vấn-đề về sự chết phát-hiện ra tai mắt thế-nhân như viết bằng chữ lửa chữ máu.

Không những là những nhà chuyên-môn về thuần-lý-học thần-học mới có tư-cách mà nghiên-cứu cái vấn-đề ấy. Vấn-đề là cái vấn-đề chung cho mọi người có tấm-lòng khối-óc, ai ai cũng có thể tư-nghị được. PAUL BOURGET tiên-sinh tất nghĩ thế nên mới soạn bộ tiểu-thuyết đề là « Nghĩa cái chết » để thiết hiên-nhiên cái vấn-đề cho người đời biết rõ. Tiên-sinh lấy địa-vị cáo trong văn-học giới nước Pháp, lấy tướng-tượng rộng, kết-cấu khéo, văn-chương hay, tư-cách riêng về tâm-lý-học, gồm bấy nhiêu biệt-tài đã nổi tiếng trong khắp hoàn-cầu, mà xét cái vấn-đề tâm-huyết ấy, thì chắc là phát-minh ra được nhiều ý-kiến hay, nhiều tư-tưởng lạ.

Tiên-sinh bày cho ta hai cảnh chết cùng cao-thượng như nhau mà phản đối với nhau, vì hai cái là biểu-hiệu hai lý-thuyết như trên kia đã nói. Nhưng trong cái cách tiên-sinh hình-dung tả-mạc hai cảnh ấy, thực đã khéo diễn-xuất được cái nghĩa sâu ngù ở trong, khiến cho ta lý-hội được hết những nhẽ tinh-vi nó làm cho tiên-sinh khuynh-hướng về bên nào.

Đại khái truyện như sau này :

Tiên-sinh giả-thiết mình là người khách-quan, tình-cờ được biết đầu-đuôi một việc bi-kịch trong mấy người với nhau, việc xong thuật lại để ghi nhớ về sau. Tự-thuật dùng lối kỹ-sự, nghĩa là cứ việc mà kể, không đem cái tư-tưởng riêng mình can-thiệp vào. Nhưng việc rất bi-thảm, không thể dùng cảm-động được, vả mình cũng có quan-hệ vào đấy một đôi tí, nên trong nhời tự-thuật không thể bình-dị được như nhà bác-học nghiên-cứu một cái vấn-đề về khoa-học vậy. Cả cái phong-thú trong truyện cũng bởi cái giọng ngậm-ngùi cảm-động ấy.

MARSAL, y-sư (tức là người khách-quan, tức là tiên-sinh) nguyên là học-trò của ngoại-khoa danh-y ORTÈGUE, vẫn giúp việc quản-lý nhà bệnh-viện của danh-y lập ra. Truyện này bắt đầu giữa lúc khởi cuộc chiến-tranh bên Âu-châu. Y-sư vì có tật chân, nên không được cái danh-dự ra chữa bệnh nơi chiến-trường. Nhân thầy là danh-sư ORTÈGUE xin được phép Binh-bộ biến cái bệnh-viện của mình làm nhà-thương cho lính-bị-thương, chuyên-trị những vết thương thuộc về

thần-kinh bộ, cố giữ y-sư ở lại giúp việc. Y-sư tự nghĩ đâu cũng là cái nghĩa-vụ, dù ở nơi chiến-trường, dù ở trong bệnh-viện, cũng là có thể hết lòng thờ nước được, bèn nhận nhời thầy. Bởi cái cơ-hội như thế mà y-sư được tiếp-súc một cái bi-kịch riêng trong gia-đình ông thầy mình, cùng diễn ngang với cái bi-kịch chung trong nước. Cái bi-kịch riêng ấy tuy chỉ có quan-hệ đến vận-mệnh mấy người vờn nhau, ngoài mấy người ấy cùng một vai người khác nữa không ai biết đến, người ở bên cạnh cũng không ai ngờ, mà cái ý-nghĩa nó rất là sâu-xa, không những là khá lấy giải được một phần cái bi-kịch nhớn, mà lại còn rạng-tỏ được cái nguyên-nhân tối-tầm của sự sinh-tử con người ta. Nhưng phải kể cả đầu-đuôi mới hiểu được. Mấy ngày đầu thì trong bệnh-viện còn dọn-dẹp sắp dọn để đợi lính bị-thương đến. Danh-y cùng phu-nhân tận lực mà sửa-sang cho chỉnh-bị, muốn đem hết lòng yêu nước, hết tài sức riêng mà giúp nước trong buổi nạn chung. Danh-y là một nhà ngoại-khoa chước-danh nhất trong y-giới nước Pháp, có nhẽ trong cả thế-giới nữa. Chuyên-môn những bệnh thuộc về thần-kinh bộ, ngài đã chữa được nhiều bệnh bí-hiểm, phát-minh được nhiều cái bệnh-nguyên kỳ lạ. Ngài lại được cái tay khéo không ai bằng, múa dao trong tâm-can phế-phủ kẻ bệnh nhân một cách tuyệt-diệu, cũng dịp-dàng tiết-tấu như tên bào-đinh trong sách Trang-tử vậy.

Bởi vậy mà ngài đã gây nên một cái danh-dự nhớn, dựng được một cái gia-tư to. Vừa giàu-có, vừa vẻ-vang, thực là đã được cực-phẩm hạnh-phúc ở đời. Lại được phu-nhân là một người tuyệt đẹp, bụng tốt, trí cao. Tưởng cái hạnh-phúc đến thế là thập-phần viên-mãn. Cái cuộc hôn-nhân của danh- với

phu-nhân thực là một cuộc thú-sử. Danh-y bấy giờ đã ngoài bốn mươi tuổi.-Kẻ quen người thuộc đều tưởng rằng quyết-chí không lấy vợ. Một hôm hứng-hở mừng-rỡ chạy lại bảo học-trò thân là MARSAL y-sư rằng : « Anh ơi, tôi mới được cái Tuyệt-phẩm ở đời, anh ạ. Anh thử đoán xem !... Tôi sắp cưới vợ, vợ tôi là con gái ông cố danh-y M..., hẳn anh cũng biết tiếng. » Công-nương bấy giờ mới có hai mươi tuổi, mồ-côi bố, mẹ đi lấy chồng. Ông bố ngày trước cũng là một nhà y-học có danh-tiếng, đồng-bố với danh-y ; danh-y biết công-nương từ thừa còn nhỏ, vẫn yêu chuộng tính-nết, kịp đến tuổi nhớn lên trông như nàng tiên ở trên giời xuống. Danh-y bấy giờ mới biết cái sức mạnh vô cùng của cái ái-tình. Hai vợ chồng tuy tuổi cách nhau xa mà yêu-sùng nhau đến rút mực. Từ khi lấy nhau cho đến lúc bắt đầu truyện này đã qua sáu năm giời. Trong bấy lâu cái cuộc nhân-duyên hai người lại càng thêm mặn thêm nồng mãi lên. Trong cái ái-tình của phu-nhân đối với chồng lại thêm cái lòng cảm-phục kính-trọng nữa. Nhưng trung-gian, danh-y lúc lấy phu-nhân đã bốn mươi tư tuổi mà người còn như trai trẻ, nay năm mươi tuổi mà trông đã ra mặt già. Người thấy mỗi ngày một gầy, sức thấy mỗi ngày một yếu. Tự nghiệm ra thì biết trong mình mang một cái quái-bệnh, không thể nào chữa được, là một cái ung ở gần gan, chỉ mấy tháng nữa thì nó vỡ, là cái chết đến nơi. Nhưng vẫn giấu, không hề nói cho vợ biết. Học-tò cũng không ngờ rằng thầy phải cái bệnh nguy-hiểm ấy, vẫn tưởng rằng vì làm việc quá mà yếu người đi. Danh-y chỉ một mình biết bệnh mình, một mình chịu đau khổ trong người mình. Lắm lúc đau đớn quá, phải tiêm tinh thuốc phiện vào người cho nó nguôi đi. Cái tinh thuốc phiện là một cái thuốc

độc, dùng mãi cũng hại người bằng bệnh vậy. Thành ra vừa cái bệnh, vừa cái thuốc dùng để nguôi bệnh, hai cái nó cùng công-kích mà không mấy nổi phá-đổ được cái thành sinh-hoạt đã lung-lay sẵn. Lại thêm từ khi mở bệnh-viện để tiếp lính bị-thương, danh-y ngày đêm săn sóc cho những người đã liều thân vì nước mà phải những vết đau-đớn hiểm-nghèo, nay nhà-nước ủy-thác vào cái tay thần của danh-y để biến-hóa những mảnh người bán-sinh bán-tử ấy thành người toàn- vẹn, còn có thể lại ra chống giữ cho nước được nữa. Những công việc khó nhọc ấy càng tiếp mạnh thêm cho cái sức bệnh, mà lại càng rút ngắn bớt cái kỳ-hạn sau cùng đã sắp tới. Một hôm đương mổ một viên quan ba phải đạn ở giữa đường xương sống, sâm-sâm tối mắt lại, buông dao ra mà ngã người xuống. Người nhà vục sang buồng bên cạnh, được ít lâu mới hồi tỉnh lại. — Chỗ này là chỗ trung-tâm trong truyện, chỗ hai vợ-chồng sắp ra đối mặt nhau, đối với cái chết, mà cùng nhau thề quyết một sự rất cuồng mà rất thảm. — Phu-nhân vẫn nhận biết đã lâu rằng chồng có bệnh nặng, lấy làm lo-lắng trong lòng, nhưng vẫn thấy cần-mẫn như thường, không dám hỏi. Nhân cái cơn vụng hôm ấy, lúc hồi tỉnh dậy, cố kêu van chồng nói thực cho biết. Chồng bấy giờ không thể cầm lòng được phải nói rõ cái tên bệnh ra, cùng thở-than hết nỗi đau đớn trong lòng : mình bệnh hiểm sắp chết, vợ tuổi trẻ đương xuân, bỏ nhau thảm biết chừng nào ! Lại nói : vả mình lâu nay mang cái ác-bệnh trong người, hình-thể đã suy-đồi lảm rồi, vợ chắc không giữ được với mình cái ái-tình như xưa nữa. Cái bụng yêu nay tất đã đổi ra cái bụng thương rồi. Lắm lúc nghĩ đến cái chết tức quá, phát cuồng lên, muốn giết vợ, rồi tự tận để hia người

cùng chết một lúc cho thỏa lòng. Yêu sùng vợ đến thế là cùng vậy. Nhưng vợ chắc có còn yêu mình nữa không?... Phu-nhân thấy chồng ngờ cái ái-tình của mình, bèn kêu lên rằng :

« . . . Thế ra mình vẫn không rõ rằng vì sao mà tôi yêu mình, vì sao mà tôi đem cả cái sinh-mệnh tôi gửi vào mình, hỡi mình ơi ! Thực tôi đã đem cả cái sinh-mệnh tôi mà phó-thác vào trong tay mình. Tôi vẫn lay rằng phạm làm phận đàn-bà không được yêu hai lượt, đã yêu ai không được dứt tình yêu, nhất là không được tái-tạo cái đời mình. Bởi thế cho nên không bao giờ tôi khỏi oán mẹ tôi đã đi cải-giá. Tôi vẫn biết rằng mình nhiều tuổi hơn tôi ; tôi vẫn biết rằng rồi mình già trước tôi. Vì thế mà tôi lại yêu mình hơn lên. Cha tôi ngày xưa đã dạy cho tôi biết thờ sự học-vấn. Cha tôi đã bảo cho tôi biết rằng cha tôi trọng mình là nhường nào, rằng cái học-vấn của mình thâm-thúy là chừng nào. Tôi lấy mình cũng là vì tôi ham cái phong-thú một đời người tận-tụy về sự học-vấn, vì tôi hiểu cái nghĩa cao-thượng, cái công nhón-nhào của nghề ngoại-khoa của mình, người đời tưởng nhầm thường cho là một nghề thô-bỉ. Tôi vẫn tự nghĩ trong bụng rằng : đến khi chồng tôi giở về già thì tôi phụng-dưỡng chồng tôi : chồng tôi có đau yếu thì tôi thuốc thang cho chồng tôi. Nếu được như thế thì cái đời tôi mới là trọn vẹn... Giữa lúc này là cái lúc mình phải biết bụng cho tôi, mà mình không biết, thì cái thân tôi ra làm sao ?-Tôi biết trông cậy vào đâu ? Nếu tron gluc cùng-cực này mà tôi không giúp đỡ mình thì thực không còn trông mong gì nữa. Nhưng mà tôi gánh vác cho mình, tôi giùm-đỡ cho mình.. » Nói đến đấy thì

phu-nhân dừng lại một tí, rồi nói to lên ra giọng người đương quyết định trong bụng một việc kịch-liệt, hỏi rằng : « Có phải mình đã nghĩ muốn giết tôi không ? Có phải thế không ? »

Chồng đáp : — Phải.

Lại hỏi : — Có phải mình muốn tự-tận cả mình nữa không ?

Chồng đáp : — Phải.

Phu-nhân lại nói : — Ừ ! Thế thì hai chúng ta cùng chết cả chẳng hơn ư ? Thế mình đã tin rằng ta yêu mình chưa ?...

Ông chồng nghe câu ấy như say như mê, mặt đương buồn rầu mà đổi ra vui vẻ, nói rằng :

« Mình nói thế ta mới tin.... Thế thì ta cảm ơn, cảm ơn mình lắm. Đã mấy tháng nay ta như nằm trong cơn ác-mộng, bây giờ ta mới thấy tỉnh ra, mới thấy được thở cái không-khí mát. Thực thế, bây giờ ta mới có cái cảm-giác rằng mình yêu ta. Bây giờ ta mới thấy được bình-tĩnh khoan-khoái trong người. Mình nói với ta một câu như thế, thì mình yêu ta đến bao nhiêu !

« Phu-nhân nói : — Thế chứ ! Bây giờ mình mới thật là tin ta !... Thực ta yêu mình vô-hồi vô-hạn. Đến khi mình không còn nữa thì ta còn tiếc gì cái cõi trần-gian này mà không bỏ đi để theo mình. Ta không sợ cái chết. Ta cũng biết rằng cái chết là cái giấc ngủ vô-cùng. Mình định đến bao giờ để đòi ta

cùng rứt tay nhau vào giấc ngủ ấy ? Ngay hôm nay, né ? cho mình khỏi đau đớn. Hay là ngay bây giờ, ngay cái giây phút này, giữa lúc đôi ta đương đồng-tình đồng-cảm với nhau, đương như mở hai tấm lòng ra cho nhau soi ?... Ừ, mình có muốn bay bây giờ không ? Tôi đã sẵn sàng đây.

« Chồng đáp : — Chưa. Tôi đương sướng quá. Tôi không muốn bỏ qua mấy cái lúc này. Mắt tôi còn trông thấy mình, tay tôi còn cầm được mình, tôi còn có cái tư-tưởng để biết được rằng mình còn đây, rằng mình yêu tôi, thì tôi còn chưa muốn chết vội, tôi không muốn mất một giờ, một phút nào cùng với mình. Đã có cái tinh thuốc-phiện nó cứu cho tôi đỡ đau đớn quá. Trước kia tôi vẫn sợ nó, không dám dùng nhiều, vì tôi đã nghiệm dùng nó thì không làm việc gì được nữa. Nay tôi dùng nó cho đỡ đau đớn mà được ngồi trông mình, nhìn mình, biết rằng mình vẫn ngồi đây thì tôi sướng biết chừng nào. Tôi còn sống được mấy tuần lễ nữa, dễ cũng có nhẽ được mấy tháng nữa. Tôi còn muốn hưởng cho hết cái thời giờ ấy.

« Vợ nói : — Tôi cũng thế. Nhưng tôi xin mình thề với tôi một điều, lấy cái ái-tình ta làm chứng mà thề với tôi rằng cái cuộc chết của đôi ta chỉ là hoãn lại đó mà thôi ; chớ bao giờ đến kỳ thì mình sẽ bảo tôi, không có để yên mà đi lấy một mình. Tôi xin mình nguyện ước với tôi như thế, như ngày đôi ta mới lấy nhau, mình có nhớ không ?.... Tay mình làm thuốc, tất biết cái hiệu lúc nào là lúc sắp đến. Gần đến bấy giờ thì mình bảo cho tôi biết, mình bảo cả cho tôi phải dùng cái cách gì. Tôi sẽ có cái can-đảm mà theo mình. Đôi ta cùng

nhau mà bước xuống cái vực thăm, vực tối, vực sâu. Mình thử nghĩ xem, cái thăm ấy, cái tối ấy, cái sâu ấy còn chưa thăm vào đâu với cái vắng-vẻ lặng-lẽ trong nhà ta, sau khi mình đi mà tôi còn lại... Anh ơi, xưa nay tôi vẫn biết anh là người thành-tín. Thế anh có thề với tôi điều ấy, không ?

« Chồng đáp : — Tôi thề với mình.

« Vợ nói : — Thế thì tôi cảm ơn.....»

Hai người lúc nói bấy nhiêu câu, không còn gì là cái tâm-tính thường nữa. Thực là hai người cuồng-sảng, mà trong cơn cuồng-sảng đã đem cái ái-tình ra ngoài giới-hạn thiên-nhiên. Vợ hiến mình cho chồng, chồng nhận nhời của vợ, trong lúc bấy giờ cũng là thánh-thực trong lòng cả, nhưng mà sở dĩ một người hiến như thế, một người nhận như thế, chẳng phải là một sự phi-thường, ư ? Bởi đâu mà gây nên một sự phi-thường như thế ? Cái chết thường nó vẫn là một sự rất dễ-dàng mà sao đây nó gian-nan trắc-trở như thế ? Chẳng qua là bởi cái quan-niệm của hai người ấy về sự chết vậy. Hai người cho cái chết là cái hết, lấy cái chết làm một sự vô-nghĩa, coi cái chết như một cái thiên-tai vậy. Kìa như hai vợ chồng mình, đương xum-hiệp vui-vầy, mọi về sung sướng ở đời không thiếu gì cả, có đủ tư-cách mà diễn một cuộc ái-tình như xưa nay người đời chưa từng trông thấy nhiều lần, đáng phải sống cho trọn cái đời êm-ái ấy thì mới là hợp nhẽ. Có sao mà đương nửa chừng, bài kịch đương giữa hồi hay, cái chết đã vội đến phá đám như thế ? Một sự xảy ra vừa ác-hại mà vừa vô-nghĩa như thế, thì dù sức người không thể

cưỡng được, nhưng lòng người cũng không thể nhận được. Chết thì đành là phải chịu, nhưng không chịu rằng một cái chết chương-ngược như thế là phải nhẽ. Bởi vậy mà trong cơn điên-cuồng tức-giận, nghĩ đến những kế cùng để phản-đối với cái chết cho cam-tâm. Tựa hồ như thách cái chết rằng : Đôi ta đương ham mê nhau, mà ỷ ác, mà ỷ hại, mà ỷ đến lia hai người ra, mà phá đổ cuộc nhân-duyên. Nhưng ta thử hỏi : Đôi ta cùng đi cả thì mà ỷ ác với ai ? mà ỷ hại ai ? mà ỷ lia ai ?.. Đó thực-là một câu nói cùng vậy. Danh-y cũng là vào bậc những nhà bác-học tin cuộc sinh-tử là một cuộc hợp-tan, trước sau đời người là cái hư-không cả ; cho nên đến lúc chính mình sắp phải vào cái cõi hư-không ấy, nghĩ nó thắm, nó tối, nó sâu là chừng nào mà ghê, mà sợ. Phu-nhân là còn nhà bác-học, lại chịu cái tư-tưởng như chồng vậy. Cho nên lúc biết cái nguy-cơ của chồng, muốn cứu giúp chồng, muốn làm cho cái chết nó khỏi nặng-nề cho người yêu, tưởng không gì bằng là cùng chết với chồng. Đến sau ngẫm nghĩ ra, không phải rằng có hối-hận gì, nhưng mới rõ rằng cái kế ấy chưa phải là chính-đáng lắm.

Bởi cơ-hội gì phu-nhân ngẫm-nghĩ như thế ? Vì sự suy nghĩ ấy là miễn-cưỡng, cứ tự-nhiên thì một người cao-thượng khảng-khái như phu-nhân, trong bụng đã quyết-định một việc, tất không có xét lại rằng việc ấy hay hay là dở, phải hay là chẳng nữa. Phương chi cái việc mình quyết-định lại là một việc không duy-kỷ, rất đại-lượng, tức cũng như bên giáo gọi là một việc « cứt vớt linh-hồn » vậy.

Cái cơ-hội nó khiến cho phu-nhân miễn-cưỡng mà suy-nghĩ đến cái việc mình đã quyết-định ấy là cái cơ-hội như sau này, — tức là phần thứ nhì trong truyện, tức là cái cảnh thứ nhì mà nhà làm sách đã định hiến cho ta để so sánh hai cái chết.

Phu-nhân nguyên có một người em giai họ tên là LE GALLIC, trước khi chiến-tranh học ở trường võ-bị *Saint-Cyr*, đến khi khai-chiến đóng thùy-úy đi tông-chinh. Hai chị em thua nhỏ chơi thân-thiết với nhau lắm, dễ có lúc cũng đã ước thắm với nhau những cuộc trăm năm. [2] Nhưng đến tuổi nhớn lên, một người đi lấy chồng, một người đi theo học, thì những sự mơ-tưởng lúc thua nhỏ như cái hoa cuối mùa, dần dần rơi rụng hết. Chị dễ không còn nhớ đến nữa, nhưng cái ái-tình trong bụng em vẫn đầm thắm như xưa, biết rằng không bao giờ thành-tựu được lại càng thâm-thiết hơn lên. Thiếu-úy vốn là người đa-tình đa-cảm, lại là người rất sùng-đạo, dễ trong bụng tin rằng đời này không được gặp nhau, lai-sinh tất được tái-hợp. Nhưng cái tình-cảm ấy là âm thầm trong bụng mà thôi, một mình mình biết một mình mình hay, vẫn vùi rập trong tâm-khảm, không lộ ra cho ai biết. Chị cũng không biết, mà anh rể cũng không ngờ. Danh-y đối-đãi với em họ vợ mình rất là nhã-nhận tử-tế. Chỉ có một khoản là hai người vẫn bất như-ý nhau, là khoản tôn-giáo vậy. Thiếu-úy là người rất tin-sùng đạo Gia-tô, danh-y thì giữ cái vô-thần chủ-nghĩa. Cái tư-tưởng hai người xa nhau như Nam Bắc cực vậy. Trong lúc bình-thường họp mặt, vẫn thường cái nhau về cái vấn-đề sự tín-ngưỡng. Thiếu-úy thì lấy lòng nhiệt-thành vì đạo mà nói : danh y thì coi cái tôn-giáo là một sự mê-tín, người tri-thức không đáng dụng công mà nghiên-cứu làm gì.

Còn phu-nhân thì bởi sự cảm-hóa của cha ngày xưa với của chồng bây giờ, khuynh-hướng về phương-diện chồng hơn là về phương-diện em. Nói rút lại thì sự bất như-ý, sự phản-đối ấy chỉ là thuộc về tư-tưởng mà thôi. Nhân việc ngẫu-nhiên mà xui phát-hiện ra sự-thực. Thiếu úy đi tòng-chinh tự khi khởi việc chiến-tranh, theo đánh mấy trận ở Á-tản Lô-liên. Được ít lâu thì bị thương, phải một viên đạn vào đầu. Quan thầy thuốc ở hàng quân lấy làm một vết thương nặng, sợ có hư-tổn đến bộ thần-kinh, xin cho đem về bệnh-viện của danh-y ở Ba-lê để chữa. Thế là tình-cờ mà em vợ được vào tay anh rể chữa. Nhưng bấy giờ giữa là lúc xảy ra cái bi-kịch trên kia. Danh-y cùng phu-nhân đương vào cái tuần mê-sảng nguyên ước với nhau cùng chết. Hai người đương băn-khoăn về cái chết mà ở đâu có một người cũng đương thập-tử nhất-sinh đến bày cho mình một cái cảnh chết khác, thì hai cái quan-niệm về sự chết ấy khởi sung-đột với nhau sao được ! Trong hai cái quan-niệm ấy phu-nhân xưa nay mới được biết có một, là cái quan-niệm của chồng. Nay sắp được biết cái khác, là cái quan-niệm của người em họ mình, mà tự-nhiên thành ra phải so sánh hai cái với nhau. Thiếu-úy từ khi phải bị thương đau đớn vẫn giữ được bình-khí, không những thế mà cái lòng sùng-tín đạo lại lấy cái đau-đớn là một sự hay, là một cái dịp tăng-tiến cho linh-hồn. Người ta lúc bình-thường thì ai cũng như ai, hơn nhau chỉ ở những lúc hoạn-nạn đau-khổ ; những lúc bấy giờ nếu không vững lòng kiên chí mà chịu nhịn, không những thế, người đời lấy làm khổ mà ta biết lấy làm sướng, thế mới là có cái linh-hồn quý báu hơn người. Và người ta ở đời có phải là chỉ quan-hệ với một cái đời này đâu. Sau cái đời ngang-ngửa chéch-lệch này còn có

một cái lai-sinh hoàn-toàn hơn, làm người ai cũng phải mong cho đến được đấy. Nếu không có cái hi-vọng ấy, nếu cái nhơn-giới của người ta chỉ đến chết là cùng, nếu cái cứu-cánh một đời chỉ ở trong khoảng mấy mươi năm, thì giới đất này không có giống gì khổ bằng giống người, không có vật gì hèn-mạt xấu-xa bằng cái đời người vậy. Nếu linh-hồn người ta như giam trong cái buồng-kín, trông trước trông sau không thấy gì nữa, không có chỗ nào mà nhìn đến cái vô-hạn mênh-mông, thì lấy đâu sức mạnh mà gánh vác những việc nặng nhọc ở đời ? Kìa như sự chiến-tranh long giờ lở đất này, có phải đã từng nghiệm rằng phàm những người có cái tín-ngưỡng trong lòng thường biết vui-vẻ mà chết cho nước hơn là chỉ vì một cái nghĩa-vụ mà thôi ? — Bấy nhiêu câu, hình như phu-nhân đọc thấy trên nét mặt viên Thiếu-úy vậy. Từ khi mang về bệnh-viện, Thiếu-úy tuy đau nặng mà tinh-thần vẫn sáng suốt. Thường nói chuyện với phu-nhân, biết cái bệnh hiểm của danh-y, lại cảm-giác mà biết phảng-phất cái bi-kịch hai người với nhau, lấy lăm thương-tâm vô cùng. Về phần mình thì không còn nghi-ngờ nữa : thường trông thấy anh em bị hại mà biết rằng một cái vết thương ở đầu như cái vết thương của mình là trước sau cũng đến chết mà thôi. Cho nên bao nhiêu tâm-lực chỉ chú vào một sự chết ấy, hình như muốn sắp-sẵn trong mình để chết cho sừng đáng. Nghĩ đến cái chết không hề sợ-hãi tức giận, mà lại bình-tĩnh khoán-khoái trong lòng. Mắt hồ nhắm lại đã tựa-hồ như trông thấy cái ánh-sáng thiên-niên. Thấy mình đối với cái chết vững vàng như thế, mà lại trông thấy hai người kia đối với cái chết một cách bi-thảm như thế, cái bi-thảm phát-hiện ra cả ngoài mặt hai vợ chồng, thì thấy trong lòng có cái vô-hạn thương-

tâm, muốn làm thế nào mà cứu-vớt cho hai người ấy, bèn cầu giới xin hiến cái hồn của mình để chuộc tội cho kẻ nhầm đường lạc lối. — Phu-nhân trông thấy cái thái-độ viên Thiếu-úy như thế mà tự cảm trong lòng, chạnh nghĩ đến cái thái-độ của mình cùng chồng mình : một bên thì bình-tĩnh mà kiên-nghị, một bên thì khắc-khoải mà chuân-chuyên. Lại thêm mấy hôm sau, danh-y bệnh mỗi ngày một nặng, biến đổi cả tính-khí đi : người xưa nay có độ-lượng nhờn nhao như thế, mà một hôm nghi-ngờ thế nào thậm-chí mình là người chữa bệnh, người ta là người có bệnh sắp chết, đến nỗi lại hỏi đập vào mặt viên Thiếu-úy rằng có phải xưa nay vẫn yêu thầm trộm giấu vợ mình không ! Một người trí-thức cao-thượng như danh-y mà tự-hạ đến những thói ghen tuông tầm thường như thế, thì thực là một sự cuồng-sảng vậy. — Trông thấy hai cái thái-độ phải đối nhau như thế, phu-nhân không thể không hồi tưởng đến cái việc quyết-định của mình mà tự hỏi nó có chính-đáng không. Bấy giờ trong bụng phu-nhân phát-hiện ra một sự hồ-nghi nhờn. Nghĩ cái tâm-sự phu-nhân lúc ấy mà thương thay ! Nay sắp phải thi-hành cái nhời ước của mình, mà trong bụng mình không tin cái ước ấy nữa. Mà nào có cái ước tầm-thường đâu, cái ước gồm ghê thay !... Trong bụng phu-nhân đã biến-đổi như thế, mà trong lúc ấy ông chồng vẫn còn mê chưa tỉnh, cho mãi đến lúc sau cùng là lúc cùng tận mới tỉnh-ngộ. Hôm ấy là hôm trước ngày ông định từ biệt thế-gian để cùng đi với vợ. Phu-nhân thấy ông sắp sửa, biết đã tới hẹn, nhưng đến lúc sắp bước chân xuống vực, thì thấy có cái ám-lực gì nó cầm lại, không thể nào bước được cái bước sau cùng. Cực thân, tủi phận, thẹn với chồng, thẹn với mình vì thất-ước, ôm mặt nức-nở

khóc, lấy mảnh giấy vạc mấy nhời để giải tâm-sự. Chồng xem giấy bấy giờ mới tỉnh-ngộ, không những là không giận vợ thất-ước, mà lại hối rằng mình đã mê-cuồng. Bấy giờ mới nói với học-trò mấy nhời tuyệt-ngôn, rồi vào tiêm một liều tinh thuốc phiện mạnh hơn mọi lần, ngồi tựa vào cái ghế mà chết...

Viên thiếu-úy mấy hôm sau, cái vết đau nặng mãi lên, không thể chữa được, cũng tạ thế. Lúc hấp-hối tay ôm thánh-giá trên ngực, miệng cầu kinh, mặt đằm-nhiên, sắc tươi-tĩnh, như người đã bước chân vào cực-lạc. . .

Phu-nhân từ đấy như mang cái u sầu ở trong lòng, ngày đêm chỉ kiệt-lực thuốc thang cho những người ốm trong bệnh-viện, quên ăn quên ngủ, tựa-hồ như có ý muốn hi-sinh cái thân-mình để báo-đáp cho vong linh người thác.

MARSAL y-sư thấy phu-nhân làm việc nhiều quá, thường khuyên nên nghỉ sức thì phu-nhân đáp lại rằng :

« Bác khuyên tôi không nên làm việc quá. Tôi có làm việc thì tôi mới khuây-khỏa được. Có khi đã làm việc cả ngày cả đêm, mệt nhọc quá, tôi tự nghĩ trong bụng rằng : Nếu cái lòng tín-ngưỡng của anh LE GALLIC là phải, nếu còn có một cái thế-giới khác nữa, nếu cái linh-hồn của chồng tôi không tiệt-diệt mất, nếu còn phảng-phất ở nơi nào mà phải chịu đau khổ, thì có lẽ cái công tôi giúp đỡ cho những người đau ốm ở đây cũng ảnh-hưởng đến chồng tôi được ít nhiều chăng... Ấy là trong bụng tôi ước-ao như thế, vẫn còn hồ-nghi lắm.

Nhưng hễ tôi nghĩ đến thế thì tôi thấy trong người tôi nó khoan-khoái lạ, tựa hồ như có một tiếng cảm ơn ở đâu xa đưa văng-vẳng đến tai tôi . . . Nhưng ở đâu ? »

Nhưng ở đâu ? . . . Muốn đáp được cái câu hỏi ấy thì phải có cái lòng tín-ngưỡng, không lấy sự suy-lý thường mà giải được. Phu nhân tuy chưa có cái lòng tín-ngưỡng, nhưng đã khởi lên câu hỏi ấy thì đủ biết rằng đã có tư-cách mà chịu cái cảm-hóa của tôn-giáo vậy.

Đó là cái kết-luận trong truyện. Nhà làm truyện đã tả cho ta hai cảnh chết thực là khác nhau ; một bên thì một người thương-lưu nhân-vật, đủ bề tài-trí vẻ-vang. Hốt-nhiên thấy cái chết nó phát-hiện ra trước mặt, bèn lấy một cái quan-niệm riêng mà đối-đãi với nó. Nhưng không thể thích-hợp với nó được. Vì cứ cái quan-niệm ấy thì cái chết là sự tiệt-diệt cả cái « cảm-tình hồn » của mình, tất bao nhiêu tình-dục trong người nó nổi cả lên mà đỗi-kháng lại. Cứ cái quan-niệm ấy thì cái chết lại là sự tiệt-diệt cả cái « trí-thức hồn » của mình nữa. Chắc sau khi mình chết thì học-trò mình lại kể lấy nghiệm mình, những người ốm mình đã chữa cho khỏi nhờ mình mà được sống thêm lên. Cái danh-tiếng mình chắc không sợ mai-một đi mất. Nhưng cái tư-tưởng mình, cái tinh-túy của công-phu học-vấn nghĩ-ngợi của mình, cái sức mạnh trong tinh-thần nó đã khiến cho mình cai-quát được cả vũ trụ, bấy nhiêu cái sẽ chìm đắm vào trong cái hư-không mất cả. Cả cái nhân-thân của mình rồi sẽ không còn tí gì nữa. Nghĩ đến thế mà chán, mà tức, mà nổi giận, mà phát cuồng. Nhưng sau biết tức giận cũng là vô-ích, bèn cam-tâm

mà chịu phạt, khác nào như anh tướng giặc thế bất-đắc-dĩ phải ra hàng, nhưng trong bụng vẫn không phục. — Một bên thì một người bình thường, một tay « vận-động », [3] nhưng mà cái thế-giới cũng không phải có gì là thâm-thúy. Cái quan-niệm của mình cũng không phải là tự mình gây dựng lấy, thực là đã chịu được của ông cha. Phàm đoán xét sự đời đều là do cái kinh-nghiệm di-truyền của đời trước. Người ấy hốt-nhiên cũng phải ra đối-đãi với cái chết. Nhờ có cái quan-niệm di-truyền ấy mà thuận-nhận ngay cái chết được, lấy cái chết làm cái vật để tự luyện mình, coi cái chết như cái dịp tăng-tiến cho mình, tăng-tiến cho kẻ khác. Cái « cảm-tình hồn » của mình cũng thích hợp với cái chết, vì mình có thể đem hiến cái đau khổ của mình làm hi-sinh để cứu giúp cho kẻ thân yêu. Cái « trí-thức hồn » của mình cũng thích-hợp như vậy, vì mình có thể nhẫn nhục mà giữ được cái phần hay trong người mình. — Xét như thế thì khác nào như hai người cùng phải ra quyết-đấu với cái chết, một người cương-cường mà chịu thua, một người nhu-thuận mà được thắng, một người thì coi cái chết là một sự tai-hại mà ruồng-rẫy, một người thì coi cái chết là một sự thành-tựu mà hoan-ngênh. Trong hai cách đối-đãi cái chết ấy thì nhà làm sách phán-đoán ra làm sao ? Nhà làm sách nói : Trong hai cách ấy bất luận rằng cái nào là chân-chính, cái nào là không, cũng phải nhận rằng một cái thì *hữu-dụng*, một cái thì không. Cái hữu-dụng ấy là cái cách đối-đãi của người « nhu-thuận », tức là của viên thiếu-úy trong truyện vậy. Thế nào gọi là *hữu-dụng* ? Hữu-dụng nghĩa là được việc cho mình, được việc cho người khác. Thử xét cách chết của viên thiếu-úy có phải

là gồm cả hai điều ấy không ? Không những lấy cái chết làm một sự tăng-tiến cho mình, mà lại coi cái chết là một dịp cứu giúp cho kẻ khác. Đương lúc thế-giới đa sự, quốc-bộ gian nan, dù người không tin cái thần-lực của tôn-giáo cũng phải chịu rằng cái cách chết ấy là thiện hơn, là hợp thời hơn cả.

Cái kết luận dẫn dị mà có ý vị thay ! Nhưng đến được đấy tất phải vượt qua cái sông « Hoài-Nghi » mà bước sang bờ « Tín-Nguỡng ». Người đời nhiều người lấy bước đường ấy làm rất khó khăn. Cho hay ở đời một cái lý-thuyết hay cũng chưa đủ mà cảm-phục được người ta vậy !



Cái mục-đích chúng tôi trong những bài bàn này là muốn giới-thiệu những sách văn-chương hay của Âu-châu cho người nước ta biết. Lần này chúng tôi bàn riêng về bộ tiểu-thuyết « Nghĩa cái chết », vì sách ấy xuất-bản năm 1915, đương buổi chiến-tranh, đã ảnh hưởng sâu trong dư-luận nước Pháp. Sách ấy nghiên-cứu một cái vấn-đề xưa nay người nước ta chưa xét đến bao giờ, mà giải cái vấn-đề ấy ra một phương-diện thực là mới lạ cho tai-mắt ta. Chúng tôi đã cố giải cho dễ hiểu, nhưng cũng tự biết rằng còn lỗ-mỗ lắm. Có lắm cái tư-tưởng cảm-giác không tài nào diễn ra tiếng ta cho minh-liệu được. Cho hay cái quốc-văn ta mới nở còn non-nớt chưa đủ sức mà ra vẫy-vùng trong bể ngôn-luận. Bởi vậy mà ta phải luyện cho nó có cái tư-cách ấy. Bài này cũng tức là một bài tập-luyện như thế. Tưởng các nhà đọc-báo cũng lượng biết cho.



1. ▲ *Le sens de la mort*, par PAUL BOURGET
 2. ▲ Tục tây anh em, chị em họ lấy nhau được.
 3. ▲ Người « vận-động » đối với người « tư-tưởng, học-vấn ». Nhà quân tức là một người vận-động vậy.
-
-

Chú thích

TRIẾT-HỌC BÌNH-LUẬN

CÁI VẤN-ĐỀ VỀ SỰ TIẾN-BỘ

HAI CÁI TỈ-LỆ CỦA SỰ VĂN-MINH : CÁI « LƯỢNG » CÙNG CÁI
« PHẨM »

Thế-giới ngày nay có tiến-bộ hay không ? Mới hỏi câu ấy thì ai cũng nghĩ ngay đến ngày nay sự giao-thông tiện-lợi, các máy-móc phát-đạt, nghĩ đến hỏa-xa điện-khí, mà tất đáp lại rằng : thế-giới có tiến-bộ. Nhưng nghĩ kỹ đến phong-tục suy-vi, những thói cách phong nhã ngày xưa không còn nữa, những tính nết cao-thượng đã mất đi nhiều, thì lại ngờ rằng không biết thế-giới có tiến-bộ thực, hay là thế-giới suy-đồi. Xét như trên là xét theo cái lượng (quantité), tức là cái có thể đo-lường được, tức là cái hình-thức vậy. Xét như dưới là xét theo cái phẩm (qualité), tức là thuộc về « phẩm chất », thuộc về tinh-thần, thuộc về vô-hình mà không thể đo-lường được vậy.

Thế-giới ngày nay là thế-giới của cái lượng với cái phẩm cạnh-tranh nhau, kết-cục là sự chiến-tranh kinh-thiên động-địa này.

GUGLIELMO FERRERO tiên-sinh là một nhà làm sử có danh tiếng ở nước Ý-đại-lợi. Tiên-sinh thường chủ ý nghiên-cứu cái vấn-đề về phẩm lượng ấy. Mấy năm trước đã từng sang du-lich Mĩ-châu, là nơi cái văn-minh thuộc về phần lượng thịnh-

hành hơn nhất trong đời bây giờ. Khi về tiên-sinh có soạn một bộ sách bằng chữ Pháp, thuật-lại những sự kinh-lich ở Mĩ-châu, so-sánh hai cái văn-minh thuộc về lượng cùng thuộc về phẩm mà kết-luận rằng thế-giới ngày nay thiên-trọng cái lượng hơn cái phẩm thì có hại mà không có lợi, hai cái phải điều-hòa ngang nhau thì sự văn-minh trong thế-giới mới thực là có tiến-bộ. Trước khi chiến-tranh, tiên-sinh có đọc một bài diễn-thuyết tóm-tắt đại-ý trong sách ấy tại trường đại-học Sorbonne ở Paris. Bài diễn thuyết ấy giải cái vấn-đề một cách rất rõ-ràng phân-minh ; nhờ nhẽ bình-dị mà thuần-nhã, có cái hứng-vị riêng, dẫu chuyển sang nời nôm cũng còn phảng-phất ít nhiều. Bởi vậy chúng tôi dịch cả nguyên văn như sau này để hiến các nhà học-vấn nước ta một món tư-tưởng mới.

Vả cái vấn-đề về phẩm lượng ấy không phải là chỉ quan-hệ riêng đến các xã-hội Âu-châu, thực là quan-hệ đến cả thế-giới vậy. Các nước Đông-phương ta ngày nay đua nhau xô-đẩy vào trường sinh-tồn cạnh-tranh, cũng đã đến ngày sắp phải giải-quyết cái vấn-đề khốn-nạn ấy. Cái văn-minh cũ của ta ngày xưa là cái văn-minh thuần-phẩm, phần lượng rút lại không có mấy. Nên xưa nay ta chỉ thiên-trọng bề tinh-thần mà nhãng bỏ bề hình thức. Bởi thế mà ta không đủ tư-cách ra đua tranh trong cái thế-giới thuần-lượng ngày nay. Muốn có cái tư-cách ấy thì thế tất ta phải rút bớt cái phẩm cũ đi, mà tăng thêm cái lượng mới lên. Vậy thì buổi này là buổi rất quan-trọng cho ta ; ta phải nên cẩn-thận, khéo kén chọn, khéo điều-hòa, cho hai cái phượng-diện phẩm lượng cân nhau, thì

sự tiến-bộ của ta mới được vững-vàng chắc-chắn. Về phần lượng thì ta phải học lấy

những nghề khôn-khéo, khéo đua-tranh thời nay, mà chiếm lấy quyền-lợi trong trường kinh-tế. Về phần ấy ta còn thiếu-thốn nhiều ; ta phải bổ lấy sự thiếu-thốn ấy, phát-đạt cái năng-lực riêng của ta. Nói rút lại thì người ta phải khôn, của phải giàu, thì nước ta mới thịnh-vượng được. Về phần phẩm thì ta phải thâm-nhật cái văn-minh tư-tưởng mới để bổ cứu cái văn-minh tư-tưởng cũ của ta. Ta phải mở-mang trí-thức, rèn đúc tính-tình, gìn-giữ những thói cao-nhã đời xưa, chớ nhiễm những lối thô-bỉ bây giờ, bảo-tồn lấy quốc-túy, bồi-dưỡng lấy quốc-hồn. Nói rút lại thì ta cần về cái lượng bao nhiêu, ta phải chăm về cái phẩm bấy nhiêu, chớ thiên-trọng một đường nào.

Như thế thì cái vấn-đề về phẩm lượng tưởng cũng có quan-hệ đến ta lắm vậy.

Bởi vậy dịch bài sau này.

Nhời người dịch.

I

Người Âu-châu sang Mĩ-châu, ngồi trong xe hỏa trông thì đất Mĩ-châu tựa hồ như một bãi sa-mạc mông-mênh. Như ở xứ Argentine thì bát ngát những đồng-điền xanh dì, chốc chốc

đến một cái nhà ga, đằng sau có một dãy 4, 5 cái nhà đỏ một tầng gác, thì mới gọi là nhớ rằng trong cái sa-mạc ấy có người ở. Ở xứ Brésil thì giờ nắng chói lọi, chỉ thấy tịt-mịt những dãy núi tối, trong đám có mấy cái sáng hơn, là những cái đã đốt rừng để giồng cà-phê. Nhưng trong bấy nhiêu dãy núi, cái tối cũng chừa cái sáng, mắt cố nhìn mà không trông thấy nhà cửa là cái dấu rằng có người ở. Phải đi hàng giờ mới gặp được một làng. Ở Bắc-Mĩ cũng vậy, nhất là về tây-bộ, bát ngát những khoảng rộng vắng tanh, dần dần mới thấy nhiều thôn-lạc chơm chớm những ống khói ; làng nọ cách làng kia không xa nhau lắm nữa, rồi vụt chốc xe hỏa đi vào giữa đám nhà cửa ; nhà cửa cứ kế tiếp nhau mãi không dứt ; mặt nào cũng nhan nhản những ống khói ; giữa đám nhà nhỏ đột khởi lên những nhà lầu thật to, như người Khổng-lồ đứng giữa đám người Chim-chích; trong phố trông thấy những xe điện, xe tự-động chạy. Tức là một nơi đô-hội nhón vậy. Một nửa triệu, một triệu, hai triệu người chõng chất nhau ở đấy, hàng nghìn cái ống khói rợp giờ, chung quanh là khoáng-dã, vì xe hỏa lại đi thì lại chạy vào quăng đồng không mông quạnh, buồn rứt vắng tanh.

Mình là người Âu-châu, quen ở một xứ đông người nhất trong thế-giới, đâu đâu cũng có nhà cửa, từ bờ bể cho đến cùng những đỉnh núi người ở được, mà trông thấy những khoảng không vô cùng vô hạn như thế, thì thực là một cái cảnh-tượng kỳ lạ vậy. Nhưng mà những đồng điền núi non ấy trông ra vắng-vẻ mà thực không phải là bỏ không. Người ta đã kiệt-lực dùng những cơ-khí rất mạnh mà cày bừa, đào xẻ, bới móc cái đất ấy đủ mọi cách cho mỗi năm sinh-sản ra

được vô-số là thóc lúa, bông thuốc lá, cà phê, lông chiên, thịt, vàng, bạc, đồng than, sắt, như cái kho vô-tận chàn ra khắp thế-giới như nước vỡ đê. Rồi những sản-vật ấy đem về các nhà máy những tỉnh nhón ở bắc Mĩ mà chế-tạo ra nhanh chóng và nhiều biết chừng nào ! Âu-châu thường hay hoặc quá khen, hoặc quá chê Mĩ-châu, nhưng có một điều dễ sự thực còn quá hơn cái ý-tưởng người Âu-châu : là sự giàu có của châu Mĩ. Không bao giờ, không nơi nào người ta làm ra của nhanh bằng và nhiều bằng ở nước Hoa-kỳ cùng mấy nước nhón ở Nam-mỹ, như nước Argentine, nước Brésil, kể từ nửa thế-kỷ 19 đến giờ. Đồi xưa người ta còn mơ tưởng cái vườn hoa vàng quả bạc trong truyện thần-tiên, ngày nay tựa hồ như cái vườn ấy đã tìm thấy ở bên kia bể Đại-tây-dương rồi ; thực là nơi phúc-địa có thể cấp cho cái văn-minh ta trong mấy mươi thế-kỷ nữa những đồ ăn, đồ mặc, vàng, bạc, dầu, than, cần dùng cho cái thói xa-xỉ của ta ; thực là cái đất phong-đăng giới sinh ra để cứu cho thế giới khỏi cái tai-nạn đời đời kinh-sợ, là sự thiếu ăn vậy. Nói thế cũng đủ hiểu rằng từ năm mươi nhăm năm nay ở những nơi đồng điền núi non đô-thị châu Mĩ làm nên cái công việc nhón nhao chừng nào, mà giải được cái địa-vị cao-trọng của các nước tân-thế-giới đã chiếm được trong thế-kỷ này. Song cái của cải Mĩ châu nếu chỉ giúp được cho người ta thêm cách làm ăn sung sướng hơn xưa thì cũng chưa là một cái hiện-tượng lạ lắm trong lịch-sử đời nay. Cái thế-lực của cái của ấy nó còn rộng hơn và sâu hơn, vì không mấy nổi mà nó đem đến cực-điểm một cái phong-trào bắt đầu tự hơn một thế-kỷ này, cái phong-trào ấy có nhẽ lay động được cả cái cơ-sở của sự văn-minh ta ; cái của cải châu Mĩ ấy nó thiết ra cho ta một cái

vấn-đề rất to lớn, mà tôi thiết-tưởng là quan-trọng hơn cả các cái vấn-đề khác phát-hiện ra trong trí-não ta ; phàm những sự khó-khăn thuộc về luân-lý, thuộc về xã-hội mà ta không thể giải-quyết được, tựu-trung cũng có cái vấn đề ấy cả, nó thường đi với cái lòng ghét hay là phục những của cải của Mĩ châu : cái vấn-đề ấy là cái vấn-đề về sự tiến-bộ vậy. Nói thế để còn chưa được phân-minh lắm : tôi xin cố giải cho tường.

II

Bên Âu-châu ta hay nói đến cái của cải của Mĩ-châu nhiều, mà thường nói ra giọng ố-ky, tựa hồ như nó là cái của cải một dân già-man, khinh rẻ những công việc cao-thượng của trí-thức, mà chỉ biết chăm chăm thu-hoạch lấy những sự lợi-lộc thô-bi. Nhưng chẳng cần phải đi du-lịch nhiều bên Nam Bắc Mĩ mới rõ rằng người Mĩ không phải là người già-man chỉ biết chăm một việc kiếm tiền. Tôi chỉ xin kể mấy điều sau này ở Bắc-Mĩ để làm chứng ; tôi lấy cái chứng-cớ ở Bắc Mĩ vì ở đây cái chứng-cớ nó nhiều hơn và rõ ràng hơn ; nhưng các nước nhớn ở Nam Mĩ đại-loại cũng như thế cả, tuy nhỏ kém mà thôi. Cứ xem một điều người Bắc Mĩ chịu khó lập bao nhiêu trường học khắp trong nước thì cũng là đủ minh-chứng được điều ấy. Các ông tất đã nghe nói những trường đại-học nhớn của Mĩ, như trường Harward, trường Columbia. Vậy thì những trường ấy tức như cái thành của sự học-vấn vậy, dinh-thấy nguy-nga, nào là vườn, nào là nhà biệt-viện, phòng thí-nghiệm, bác-vật quán, tàng-thư lâu, trường thể-thao, bể nước cho học trò tập bơi. Cứ xem cái

nhà học to nhớn đẹp dễ như thế thì cũng đủ chứng rằng bên Mĩ biết trọng sự học-vấn chừng nào ; nhưng sét cái cách kinh-doanh sự học thì lại minh-chứng một cách hiển-nhiên hơn nữa. Dám quyết được rằng trong những trường đại-học nhớn ấy phàm cái gì có thể dạy được trong thế-giới là ở đấy có dạy cả : các tiếng nói đời xưa đời nay ; các văn-chương lịch-sử cổ kim đã có ảnh-hưởng ít nhiều đến cuộc văn-minh tiến-hóa ; các khoa-học thuần-lý cùng các khoa-học có ứng-dụng ra thực-tế. Giữ gìn những nhà học to nhớn như thế, giả lương biết bao nhiêu ông giáo, mỗi năm phải mấy mươi triệu bạc, thế mà đại-để gần khắp các trường đại-học lớn ấy, như trường Harward trường Columbia, không được nhà nước tư cấp cho một su nào. Chỉ trông vào tiền học-phí của học trò cùng sự hảo-tâm của các nhà phú-hào. Chính là những nhà chủ ngân-hàng, những nhà công-nghệ, nhà đại-thương xuất ra một phần tiền to cho những trường nhớn ấy, để giả lương biết bao nhiêu ôn giáo dạy tiếng do-thái, tiếng hi-lạp, tiếng lap-đinh, dạy triết-học, số-học, v. v... Kể cái cái tiền của nhà nước cùng bọn phú-hào để riêng mà giúp cho sự học trong nước, các trường đại-học nhớn ấy cũng không dùng đến hết cả. Khắp các đô-thị, các địa-phương, những nhà đại-phú đều dựng những bác-vật-quán, thư-viện, lập các thứ trường học cho đàn ông, đàn bà, cho người thường dân, cho các bọn trung-lưu, để ban-bố cái phổ-thông học-thức, tăng-tiến sự thực-nghiệp giáo-dục. Sự thực đã hiển-nhiên như thế mà nói rằng các bọn thượng-lưu bên Mĩ-châu, ngoài tiền bạc không thiết đến việc gì nữa thì thật là nói nhằm vậy. Nhưng mà có người lại nói rằng người Mĩ không biết thích cái mĩ-thuật ; những đô-thị của họ trông xấu lạ. Nói rằng những đô-thị của

người Mỹ đẹp thì thật cũng khôn dám quyết như thế ; nhưng mà nói rằng người Mỹ không thiết cái đẹp, không biết công mà làm cho đất nước mình đẹp ra, thì là quá đáng vậy. Phàm những trường dạy nghề kiến-chúc ở bên Âu-châu, nhất là trường kiến-chúc ở Paris, là đầy những người Mỹ sang học chăm chỉ lắm. Cái số tiền của các đô-thị, các địa-phương, các nhà ngân-hàng, các công-ti bảo-hiểm, trường đại-học, sở hỏa-sa, xuất ra để xây dựng những nhà cửa trang-hoàng, thật là không thể tư-lượng được. Những nhà cửa ấy chắc chưa phải là những tuyệt-tác công-trình ; nhưng ai dám nói rằng bên Mỹ không có lắm nhà thật đẹp, không có những tay kiến-chúc đại-gia ? Bên Âu-châu ta lại thường nói người Mỹ có cái tính phàm đồ cổ hay mua thật đắt, bất cứ đồ gì, đồ mạo sững là cổ cũng mua, không biết phân biệt cái xấu cái đẹp, cái thực cái giả. Nhưng ai đã có đi lại các nhà những bực giàu có bên Mỹ mới biết rằng ở bên Mỹ cũng như ở mọi nơi, tuy có kẻ hiếu kỳ, kẻ mắc lừa, nhưng cũng nhiều người sành biết mua những đồ đẹp.

Túng-sử có một nhà làm sách thích cái lối nghịch-thuyết mà muốn cố cãi rằng người Mỹ còn có nhiều cái « lý-tưởng chủ-nghĩa » hơn người Âu-châu, thì cũng dễ lắm ; nếu cho sự thích phàm cái mỹ-thuật nào, cái tư-tưởng nào, cái tôn-giáo nào, cũng muốn hiểu, muốn cảm, muốn lý-hội được cả, là thuộc về lý-tưởng chủ-nghĩa, thì người Mỹ thật có nhiều cái chủ-nghĩa ấy... Các ông thử đến chơi thành Nữ-ước : trong thành phố thì các ông thấy lối kiến-chúc nào cũng có, trong thư-viện thì sách văn-chương gì cũng có. trong nhà giáo-đường thì đủ các tôn-giáo, trong nhà diễn-kịch thì đủ các

âm-nhạc, trong nhà ở riêng thì đủ các lối trang-sức trong thế-giới. Mà cái thành Nữ-ước ấy thật là biểu-hiệu được rõ ràng cái trí muốn điều-hòa hết thảy, cái trí ấy tuy chưa được phân-minh mà còn nông nổi, nhưng thực là cái đặc-tính của người Mĩ ngày nay vậy. Về đường triết-học thì cái trí ấy nó phát-hiện ra cái « thực-nghiệp chủ-nghĩa ». Người ta thường nói cái « thực-nghiệp chủ-nghĩa » của người Mĩ lấy phàm lý-tưởng nào có thể dùng được việc là lý-tưởng chính-đáng, thực là muốn đem cái lý-tưởng làm nô-lệ cho cái thực-nghiệp, có phải hay không ? Tôi thiết-tưởngai đã sang hô-hấp qua cái không-khí đất Mĩ-châu thì không thể tin như thế được nữa. Không phải thế, cái « thực-nghiệp chủ-nghĩa » vẫn là một cái lý-thuyết chủ sự điều-hòa hết thảy, muốn đặt cho người ta một cái phương-kế để điều-hòa được mọi lý-tưởng, lý-thuyết phản-đối nhau mà chứng rằng phàm lý-tưởng dù trái nhau đến nỗi không thể dung nhau được, cũng có thể giúp cho người ta được khôn hơn, mạnh hơn, hay hơn lên. Như thế thì việc gì mà tranh-giành nhau cho cái lý-tưởng này thắng - đoạt được cái lý-tưởng kia, cứ để cho người ta được tự-do dùng mỗi cái cho hết lợi, chẳng hơn ư ? Phàm người nào đã quen biết đất Bắc Mĩ tất phải cho cái « thực-nghiệp chủ-nghĩa » ấy là một cái lý-thuyết rất hợp với tính-chất người Mĩ, một cái lý-thuyết như thế mà đem ra xét về đường triết-học thì có thể bác được nhiều điều ; nhưng mà dù thực dù hư, nó cũng đủ chứng rằng cái dân đã sáng nghĩ ra nó không phải khinh dể cái lý-tưởng, nhưng thực là biết trọng hết thảy các lý-tưởng đến nỗi không dám bỏ bác một cái nào.

Nói rút lại thì ở bên Mĩ cũng có người giàu mà dốt ; nhưng mà cái anh mọi trát vàng vào người thì thật là một nhân-vật chuyện cổ-tích vậy. Vả sự đó cũng không lấy gì làm lạ. Cái cách tổ-chức các xã-hội ngày nay khiến cho người ta không thể tưởng-tượng được một dân giàu có mà dốt nát. Sự công-nghệ, sự buôn-bán, sự canh-nông ngày nay rất tinh-tường, cần phải có một cái thể-chế trong xã-hội rất hoàn-toàn, tức là phải có một sự h^uc-vấn về khoa-học, về pháp-luật cao cao mới được. Xét như thế thì biết bên Mĩ-châu không phải là không thiết đến những việc cao-thượng thuộc về trí-thức ; nói cho đúng hơn thì phải nói rằng nhất-ban dân Mĩ, trừ ra một phần ít người, còn thì đại-để có phần chuộng những sự công-nghệ, buôn-bán, canh-nông hơn sự trí-thức. Nhưng mà ở Âu-châu chẳng cũng thế ư ? Ai dám quyết rằng bên cựu thế-giới các chính-phủ cùng những bọn thức-giả xã-hội ngày nay hiện đương chuyên-cần nhất là sự tiến-bộ về đường mĩ-thuật, văn-học, khoa-học ? Ta thử nghe người ta nói chung quanh mình : chỉ thấy bàn cải-lương đồ khí-giới cho việc kinh-tế, khai-khẩn những mỏ than sắt, lợi-dụng những thác nước chảy, khuếch-trương sự buôn bán. Các vua chúa được ơn giời trị dân cũng công-bố cho nhân dân biết rằng không gì mình lưu-tâm cố-ý bằng sự buôn bán trong nước. Nếu những sự ấy toàn là thuộc về cái lối giã-man của Mĩ-châu cả, thì phải chịu rằng Âu-châu hóa theo Mĩ-châu một cách nhanh lạ, mà khả kính vậy. Nhưng mà sự g^hng-sức của Âu-châu về đường kinh-tế, có gì là lạ đâu, bất quá cũng là do cái phong-trào nhớn trong lịch-sử bắt đầu tự ngày có một người Ý-đại-lợi gan-góc mạo-hi^hm [1] giương buồm vượt bể mà đi sang

cõi tây phương tịch-mịch, cái phong-trào ấy ngày nay nó thổi mạnh rất kịch-liệt mà thôi. Thực thế, từ trước đến bấy giờ Âu-châu đã nghĩ ra những lối mỹ-thuật văn-chương rất hay, rất đẹp, triết-học rất sâu, những tôn-giáo rất khéo an-ủi lòng người, luân-lý cao, pháp-luật chỉnh-đốn khôn-khéo ; nhưng Âu-châu đời bấy giờ nghèo, sinh-sản được ít mà chậm, biết tôn-trọng quyền người trên, nền-nếp cũ, lấy pháp-luật, lấy tập-tục, lấy nhời răn bảo mà hạn-chế cái cường-lực của người ta ; dạy cho người biết đè nén cái lòng kiêu-căng của mình, mà biết rằng mình là giống yếu hèn, lòng bất thường, bụng dạ sảng, ở đời ví như người lái đò chở chiếc thuyền lên ngược dòng sông vậy. Chỉ nhờ tay một tí, không chống lại được với sức nước thì hại thay ; nước tắt trôi phăng thuyền đi. Nhưng may sao Âu-châu lại khai-tịch được ở giữa bể một cái đại-châu mới ; rồi mới xét ra rằng thần Prométhée ngày xưa ăn trộm lửa của Thiên-đế cũng là một tay ăn trộm vụng, vì chỉ ăn trộm được có một sợi lửa ; bởi thế mới tìm kiếm được mỏ than, phát-minh ra điện-khí ; chế-tạo ra cái máy bằng hơi nước cùng các máy khác do đấy mà ra ; lại tìm được cái cách tăng thêm của cải rất nhanh, ông cha ngày xưa chưa từng biết. Từ lúc bấy giờ người ta không một là mơ-tưởng cái cõi-phúc ấy nữa, mà lại muốn đến tận nơi ; phát đồ cả những nền-nếp cũ, những pháp-luật cùng chế-độ đã ngăn-trở cái sức mạnh con người ta không bành-trước ra được ; tập làm cho nhanh, cho được nhiều ; vừa chiếm được cái quyền tự-do lại vừa được sự giàu có ; bấy giờ mới xướng ra hai chữ tiến-bộ vậy.

Thực thế, cái lý-tưởng về sự tiến-bộ mới phát hiện ra vào khoảng cuối thế-kỷ thứ 17 sang đầu thế-kỷ thứ 18, là lúc người ta mới thấy mình có cái thế-lực đi chinh-phục được thế-giới, khai-khẩn được những của cải trên mặt đất. Cái lý-tưởng ấy phát-đạt truyền-bá ra trong thế-kỷ thứ 19, người ta càng khuếch-trương được cái thế-lực trong thế-giới, càng chiếm được nhiều của cải, càng lay động được cái quyền bó buộc của những phép-tắc cũ, thì cái lý-tưởng ấy lại càng phá đổ được những sự bài bác của các nhà triết-học, cái tính nhu-nhược của bọn thường dân, cái lòng tôn-giáo, cái tính thủ-cựu, thường phản-đối với nó. Kịp đến khi các nước nhón bên Mĩ-châu phát-đạt lên rất dữ, thì cái lý-tưởng ấy được toàn-thắng ; ngày nay nó làm chủ-động cho sự văn-minh ta, không những là chủ-động mà nó lại như ông vua áp-chế nữa, vì mỗi ngày nó bắt ta phải gắng-sức thêm lên, phải mạo-hiểm thêm lên, phải chịu khó chịu nhọc thêm mãi lên ! Dù thế mà giả sử đem những người mỗi ngày đọc cái tiếng thần-bí ấy đến trăm lượt ra mà hỏi : sự tiến-bộ là cái gì, thì hồ dễ đã mấy người đáp lại được cái câu hỏi ấy cho phân-minh. Còn những người đáp lại cái câu hỏi ấy thì biết bao nhiêu là câu giả nhời khác nhau ! Cứ xem những sách vở, những bài báo, những tập biên chép của các hội-nghị về xã-hội-học bàn riêng về cái vấn-đề ấy, thì biết rằng cái ý-kiến của các nhà bác-học mập-mờ mà phản trái nhau là chừng nào. Tựa hồ như cái lý-tưởng về sự tiến-bộ nó càng mập-mờ không rõ bao nhiêu thì nó lại càng có sức mạnh, được nhiều người tin bấy nhiêu. Ai cũng nói đến mà không ai biết rõ nó là cái gì. Lại còn một điều lạ nữa, là trong cái thời-đại tiến-bộ này ma ai cũng than rằng thế-giới suy-đồi. Người thợ

thuyền, người làm công, người lính tráng, người học trò, người làm con, người làm cha, người làm mẹ, người tôi tớ, nhất là bọn tôi tớ ngày nay, đều là không bằng người ngày xưa ; đồ ăn ngon, câu văn hay, đồ chơi đẹp, mỹ-nghệ, mỹ-tục, mỗi ngày một mất dần đi. Làm sao mà trong cái thời-dại tiến-bộ lại thấy sự gì vật gì cũng suy-bại đi thế ? Thế thì ta có tiến-bộ hay không, có hay không ? Ta lấy làm tự-cao cái sự tiến-bộ của ta như thế, mỗi ngày ta mất ăn mất ngủ, liều cả cái tính-mệnh ta cho sự tiến-bộ ấy, thì nó có thực hay không, hay nó chỉ là một cái hư-tưởng mà thôi ?

III

Không cần phải giải ai cũng hiểu cái vấn-đề ấy là quan-trọng, Có thể gọi là một cái vấn-đề căn-bản được, vì muốn xét đoán cho đích-sắc cái giá-trị của sự văn-minh ta, xét xem nó là một sự hay hay là một sự cuồng nhốn, thì cũng là phải do tự cái vấn-đề ấy vậy. Ấy thế mà thời-dại ta không biết giải-quyết được cái vấn-đề ấy. Làm làm sao vậy ? Làm thế nào mà giải được một cái tình-trạng xem ra phản trái nhau như thế ? Đó là cái cứu-cánh vấn-đề nó đã bày ra cho tôi trong những sự tôi kinh-lịch ở Mĩ-châu, những sự tôi đã trông thấy, nhận thấy, học được ở Bắc-Mĩ Nam Mĩ. Hoặc giả vì lúc khởi hành sang Mĩ-châu tôi mới làm xong bộ La-mã toàn-sử, mà trong cách tôi xét đoán cái vấn-đề tân-thế-giới ấy tôi không lấy cái tỉ-lệ ở Âu-châu ngày nay mà lại lấy cái tỉ-lệ ở những đời đã qua rồi trong lịch-sử cũ chẳng ? Cũng có nhẽ như thế. Song tôi tưởng hình như đem so sánh cái cảnh-tượng các xã-hội Mĩ-châu, nhất là ở Bắc Mĩ, với cái cảnh-

tượng những xã-hội đời cổ-đại mà tôi nghiên-cứu đã lâu năm, thì cái vấn đề ám-muội ấy nó cũng rạn tỏ ra được ít nhiều. Thực thế, những văn-minh tổ của văn-minh ta đời xưa là những văn-minh nghèo cả ; người đời xưa phải hạn-chế cái lòng tham-dục, cái trí phát-khởi, cái tính mạo-hiểm, cái tài tân-tạo của mình ; sinh-sản được ít mà chậm, khổ về sự thiếu thốn những đồ vật-liệu, mà lại coi cái việc làm tiền của là một sự bất-đắc-dĩ. Nhưng nhất-thiết mọi sự khác, hoặc là về mĩ-thuật, về văn-chương, về luân-lý, về tôn-giáo đều cố công cho tới một cái tuyệt-phẩm mô-phạm rất khó. Cứ xét như đại-để các công-nghệ ngày xưa đều có một cái tính-cách thuộc về mĩ-thuật, xét các thuật trang-sức ngày xưa quan-trọng là nhường nào, cùng xét những cách thuộc về tu-thân, lễ-nghi, hình-thức, thì cũng đủ chứng được điều ấy. Thời bấy giờ cái *phẩm* cao hơn cái *lượng*, mà những văn-minh ấy sở-dĩ phải chịu bấy nhiêu sự hạn-chế ngày nay ta lấy làm lạ, chẳng qua cũng là chịu cái đại-giá tất-nhiên của bấy nhiêu sự khôn-khéo mà thôi.... Nay ta đã phá đổ cái thế-giới của ông cha ta ngày xưa. Ta đã lấy sự tăng nhiều của cải làm mục-đích ; ta đã chiếm được cái quyền tự-do, phá được gần hết những sự hạn-chế ngày xưa ; nhưng mà ta lại phải bỏ gần hết những cái lý-tưởng tuyệt-phẩm cũ về mĩ-thuật, luân-lý, tôn-giáo mà tổ-tiên ta tôn-trọng ngày xưa, mà nhất-thiết cái gì ta cũng phải đem cái *phẩm* làm hi-sinh cho cái *lượng*. Thử xét cái nguy-cơ của sự «cổ-điển học-vấn» ngày nay. Làm sao người đời xưa ham học sách Homère sách Cicéron [2] như thế ? Vì rằng các nhà đại văn-gia Hi-lạp Lạp-đình, thời bấy giờ coi là cái mẫu của sự tuyệt-phẩm về văn-chương, bọn tai

mất trong dân sùng-phụng lắm, chứ không những là một cái trang-sức của trí-thức mà thôi đâu. Cái văn-chương hay đời bấy giờ nó làm cho được lòng yêu chuộng của chúng, được nổi danh tiếng, có khi được vinh-hiến, được ngôi cao chức trọng. Nhưng mà những bậc mô-phạm về văn-chương ấy, trong thế-kỷ mới rồi đã mất thế lực đi nhiều lắm ; hoặc là bởi có nhiều người đã biết thưởng-giám nhiều lối văn-chương khác, hoặc là bởi đời nay cần phải nói nhanh quá, viết nhanh quá mà lấy những cái mô-phạm ấy là một sự phiến... Thử lấy một nhà ra ứng bầu làm chức Tổng-thống nước Mĩ, mỗi ngày phải đọc đến mười mười lăm bài diễn-thuyết dài, mà muốn cho mỗi bài phải theo cho đúng mực những lẽ lối nhà diễn-thuyết như ông Cicéron, ông Quintilien ngày xưa đã đặt ra, thì thế sao được ? Nhưng mà đến ngày cái « cổ-diễn học-vấn » đã không coi là cái mẫu cho sự thưởng-giám về văn-chương nữa, thì tất là phải suy-đòi đi ; các sách vở ngày xưa đã không coi là sách mô-phạm nữa thì tất cũng hạ xuống bậc như mọi sách khác, có nhẽ nhiều người xem lại không thích bằng những sách văn-chương mới thời nay. — Người ta cũng lại thường nói đến cái nguy-cơ của các nghề mĩ-thuật, son phải phân-biệt mới được. Phàm các mĩ-thuật có thể chia ra làm hai hạng : một hạng là những nghề làm cho vui người ta, làm cho người ta qua thì-giờ cho có hứng-vị, như nghề âm-nhạc, diễn-kịch, nghề văn-chương cũng có một ít ; hai là những nghề làm cho đẹp đẽ thế-giới, nhưng nghề kiến-chúc, điêu-khắc, hội-họa cùng đại-để các nghề trang-sức. Tuy hết thấy các nghề mĩ-thuật ngày nay là vào buổi nguy-cơ cả, nhưng cái nguy-cơ nó còn sâu hơn cho những nghề thuộc về hạng thứ nhì. Không thời-đại nào tiêu

nhều tiền bằng đời ta để trang-sức cho thế giới được đẹp ; không thời đại nào nuôi đến một đội quân những người chuyên về nghề kiến-chúc, điêu-khắc, hội-họa, trang-sức, nhiều rất dữ bằng đời ta, không có thời-đại nào xây dựng được nhiều bằng đời ta những đô-thị, lâu-đài, vườn-hoa, cầu-cống, đường-phố... Cớ sao mà ta lại không bằng lòng những cái công-trình đã thành được ? Cớ sao mà người Mĩ-châu tiêu biết cơ man nào là của để trang-sức cho những nơi đô-thị của mình, mà vẫn không tài nao dựng được một cái nhờ thờ đẹp bằng nhà thờ Saint-Marc ở thành Venise, hay là nhà Đại-giáo-đường ở thành Paris ? Ta đã nói rằng đời này cái gì cũng có : tiền, người thợ làm, cái lòng sở thích muốn làm những sự đẹp đẽ : vậy thì còn thiếu cái gì ? Chỉ thiếu có một cái : là cái thì-giờ vậy. Một ngày tôi nói chuyện với một nhà kiến-chúc có tài ở Nữu-ước, tôi có khen cái nghề kiến-chúc ở nước Mĩ. Ông ta cười mà giả nhời tôi rằng : « Phải, phải, các ông đồng-bào tôi túng-sử phải xuất một trăm triệu bạc để dựng một cái nhờ thờ đẹp bằng nhà thờ Saint-Marc ở thành Venise, thì cũng bằng lòng bỏ tiền ra ngay ; nhưng mà các ông ấy bắt tôi một điều là phải làm xong trong 18 tháng ». Cái câu nói thực là có ý-vị vậy. Làm thế nào mà trang-sức được một cái thế-giới biến-cải luôn luôn, không có cái gì nhất-định, cái gì cũng muốn làm cho nhiều, nhà cửa cũng vậy, đồ dùng cũng vậy ? Muốn xây dựng được những lâu-đài đẹp, chế-tạo những đồ dùng đẹp, muốn cho đạt tới một cái tuyệt-phẩm lý-tưởng, thì phải có thì-giờ, phải biết khoan-khoan chằm-chậm, phải có một sự hạn-chế phải chăng. phải có sự yếu-cần riêng về đường vật-liệu, phải cho cái lòng sở thích bền bền mới được. Không thể xây một cái

nhà thờ Saint-Marc hay một nhà Đại-giáo-đương trong 18 tháng được, mà nước Pháp về thế-kỷ thứ 18, nếu cái thời-thượng lúc bấy giờ đã hay bất-nhất như đời bây giờ, ai ai trong hạn 10 năm cũng phải thay đổi đồ dùng một lần, thì thế nào mà sáng tạo được những lối trang sức đẹp có tiếng trong thế-giới ?

IV

Còn biết bao nhiêu điều khác nữa có thể kể ra làm chứng được ! Ta thử xét quanh mình ta ; đâu đâu cũng thấy cái *lượng* với cái *phẩm* cạnh-tranh nhau, mà sự cạnh-tranh ấy tựa hồ như là cái phần cốt-chính trong văn-minh ngày nay. Thực thế, trong thời-đại ta có hai cái thế-giới nó tranh-cạnh nhau ; nhưng hai cái thế-giới ấy không phải như nhiều người tưởng nhầm là Âu-châu với Mĩ-châu đâu, thực là cái *lượng* với cái *phẩm* vậy ; mà hai cái nó tranh giành nhau làm cho rối-loạn khổ-sở cả Mĩ-châu lẫn Âu-châu. Người ta sờ-dĩ không giải được sự tiến bộ là cái gì, sờ-dĩ phải chịu cái sự trái ngược lạ lùng là lúc nào cũng vẫn tin rằng thế-giới có tiến-bộ, mà bao giờ cũng thấy than rằng thế-giới suy-đồi, cũng là do sự cạnh-tranh ấy cả. Đời ta đã tăng cái *lượng* của nhiều vật, mà làm hủy-hoại mất cái *phẩm* của nó đi ; thành ra nếu xét về phương-diện cái *lượng* thì xem như tiến-bộ được nhiều lắm ; mà xét về phương-diện cái *phẩm* thì xem như lại suy-đồi vậy. Ta không biết lấy cái phương-trâm ở đâu nữa, vì ta cứ nhầm lẫn luôn hai cái tỉ-lệ với nhau, là cái *lượng* cùng cái *phẩm*, khi thì dùng cái này, lúc thì dùng cái kia. Thử đem một nhà « kiến-chúc-thuật chuyên-môn » với

một người thầu khoán xây nhà bằng « xi-mo sắt » (ciment armé), cho hai người nghị-luận về cái thời-đại ta ; nhà chuyên-môn tất cãi rằng ngày nay xây vôi-vàng cầu-thả lấy cho thật nhiều những tỉnh những thành, là cái triệu suy-đồi, vì bây giờ không tài nào xây được một cái lâu-đài giống như những lâu-đài tuyệt đẹp của đời Trung-cổ ; nhà thầu khoán thì tất trong bụng cũng nhiệt-thành như thế mà cãi lại rằng không có thời-đại nào tiến-bộ nhanh bằng đời ta, đâu đâu cũng thấy những đô-thị mới dựng lên nhan nhản, mà những đô-thị cũ thời mở rộng ra thật nhanh. Nhà chuyên-môn thì xét về phương-diện cái *phẩm* mà nói rằng một nhà Đại-giáo-đường hay là một nhà thờ Saint-Marc cũng đáng giá bằng cả một đô-thị nước Mĩ, cũng là có nhẽ phải ; nhà thầu khoán xét về phương-diện cái *lượng* mà nói trái lại cũng là có nhẽ phải nữa. Từ nay phàm mọi sự xét-đoán của ta về điều hay điều dở, tợu-trung cũng có cái sự ngộ-giải bi-thảm ấy cả, tôi đã được từng trông thấy ở Mĩ-châu một cái minh-chứng hiển-nhiên. Khi tôi tới đấy thì cái sự vận-động phản-đối với những hội « doanh-nghiệp đồng-minh » (trusts), những nhà ngân-hàng nhớn, những công-ti hỏa-xa, công-ti bảo-hiểm, khởi hành tự mấy năm trước, bấy giờ đương kịch-liệt lắm. Họ làm báo, diễn-thuyết, soạn những sách có chứng-cớ để cáo-tố bọn giàu to buôn nhớn là những tay làm bại-hoại phong-tục, gây lên một cái áp-chế chủ-nghĩa lối mới cũng tệ-hại bằng cái áp-chế chủ-nghĩa cũ, lại đặt ra những thể-chế ám-muội để cướp công làm ăn của những kẻ lương-thiện. Sự vận-động ấy đã thậm nhập vào những bọn trung-lưu hạ-lưu, mà đã có một phần to trong việc phá-đổ đảng cộng-hòa. Nhưng người dân thì nao-nao tức-giận như thế, mà ra ở Mĩ-

châu cũng như ở Âu-châu, bọn kinh-tế-gia, doanh-nghiệp-gia cứ điềm-nhiên như không, trách những khởi ra sự vận-động ấy là đi rất lùi về những lối tư-tưởng đời Trung-cổ, mà đồng-thanh khen cái phép lý-tài đời nay, biết kinh-doanh to-tát, đắc-lợi nhiều, gây dựng nhớn. Thế nào mà trong một thời-đại sáng suốt học giỏi như đời ta, có một cái vấn-đề quan-trọng như vậy, mà ý-kiến người ta khác nhau đến thế ? Hay là một phần thế-giới ngày nay mắc phải cái bệnh mù không thể chữa được, mà chỉ có một phần là có cái đặc-quyền được trông sáng thôi ? Không phải thế. Không có người mù mà cũng không có người sáng, chỉ có những người yêu-cầu hai sự khác nhau mà dùng hai cái tỉ-lệ để đo-lường một vật. Như thế thì đồng-ý với nhau sao được ? Nếu lấy cái tỉ-lệ thuộc về *lượng*, nếu lấy rằng cái cứu cánh mục-đích của đời người là làm ra thật nhanh được thật nhiều của cải, thì các nhà kinh-tế có nhẽ phải. Những sự không công-bằng, những điều tệ-hại mà bọn phản-đối cái phép lý tài ngày nay đã cáo-tố ra, bất quá cũng là những sự bất-tiện nhỏ trong cái cuộc kinh-tế tự-do mà thôi, mà thế-giới bây giờ sở-dĩ được giàu có thực là nhờ cái cách kinh-tế tự-do ấy mới được. Nhưng cái lý-tưởng rằng sự lợi hại của mỗi người phải để cho sự vận-động tự-nhiên của cái sức kinh-tế vô-tri vô-giác nó định, thì những văn-minh đời xưa sinh ra văn-minh ta chưa từng biết cái lý-tưởng ấy bao giờ. Những văn-minh ấy vẫn là tìm cách để chữa lại sự vận-động kia, cho nó hợp với đạo nhân đạo nghĩa. Dù phải hạn-chế sự phát-đạt về công-nghệ, về thương-nghiệp mới làm được, như cấm không được đặt tiền lấy lãi thì cũng không ngại. Những văn-minh ấy lấy sự kinh-tế phát-đạt phải tùy theo một cái lý-tưởng thuộc về luân-lý ; tức là

lấy cái *lượng* phải tùy theo cái *phẩm* vậy. Ngày nay nếu lấy cái tỉ-lệ *phẩm* mà xét cái thế-giới bây giờ, thì là những người phản-đối sự lý-tài có nhẽ phải ; sự lý-tài ngày nay dùng lăm cái phương-kế, có khi dùng cả cách hối-lộ, để mà tăng-tiến sự sinh-sản của cải, thì thật là được việc, nhưng phàm người có lương-tâm cao-thượng cũng vẫn lấy những phương-kế ấy làm đê-tiện, Hai bọn người phản và người phục sự lý-tài ngày nay có thể cãi nhau đến vô cùng, cũng không bao giờ hòa ý nhau được, vì mỗi bên đứng một phương-diện khác nhau, không lấy cái nọ mà phá cái kia được.

Nói rút lại thì cũng vì cái nhẽ ấy mà mọi sự so sánh Âu-châu với Mĩ-châu, muốn biết trong hai thế-giới ấy cái nào hơn cái nào, tất không bao giờ quyết hẳn được. Cái khuyết-điểm của mọi sự so sánh ấy, vẫn là nhằm lẫn hai cái tỉ-lệ. Mĩ-châu quyết không phải là cái đất quái gở người dân chỉ biết nghĩ đến tiền bạc, mà cũng không phải là cái đất kỳ-dị có nhiều sự lạ vật lạ như những người quá phục Mĩ-châu thường ngợi khen. Tức là cái đất mà trong khoảng 155 năm cuối này, cái *lượng* nó trở nên mạnh quá, được cái thắng-lực nhớn nhao vô cùng. Vào giữa lúc văn-minh ta phát-minh ra cái khí-giới có thể khai-khẩn được những đất rộng, sinh sản của cải được nhanh, là cái máy hơi nước, thì bấy giờ có một dân siêng năng, có khí-lực mạnh mẽ, đã chiếm được một cái lĩnh-thổ mông mênh, phần thì đất thật tốt, phần thì nhiều mỏ nhiều rừng. Quanh mình là một cái đại-châu mới mở mang, không bị những nền-nếp cũ nó bó buộc, tựa hồ như trước mặt có con đường mới của lịch-sử cứ bước vào mà đi, tha hồ mà đi nhanh, không cái gì cản được bước chân lại ; cái cảnh-tượng

thực xưa nay chưa từng trông thấy bao giờ ; Trong khoảng một thế-kỷ mà tăng thêm số dân, đặt thêm đô-thị, phàm những của cải người ta ham muốn, đều tăng lên đến 10 lần, 15 lần, 30 lần hơn ; vôi-vàng hỗn-độn mà dựng một xã-hội lấy lý-tưởng ngày xưa phải tùy theo một cái phương-trâm mới : là cái gì cũng làm cho to mà nhanh hơn mãi lên... Không phải rằng Mĩ-châu không thiết những việc cao-thượng về trí-thức, quyết không phải thế ; nhưng mà cái công-phu của Mĩ-châu về đường mĩ-thuật khoa-học cũng phải tùy theo, mà không thể không tùy theo một cái mục-đích mới này được :-là lấy máy móc mà khai-khẩn cái đất đại-châu cho rất nhanh, cho kiệt lực. Đến như nói rằng Âu-châu là biểu cái tinh-hoa của văn-minh đối với cái già-man của Mĩ-châu, hay là nói trái lại mà bảo rằng cựu-thế-giới đã già-cỗi hủ-bại lắm rồi không thể cứu vớt được nữa, thì cũng đều là nói nhầm cả. Các xã-hội già ở Âu-châu cũng đã vào cái tuần có thể gọi là cái tuần thuộc về *lượng* của lịch-sử rồi : ở Âu-châu cũng như ở Mĩ-châu nhân-dân đều muốn được ăn sung ở sướng hơn trước ; những tiền kinh-phí về việc công việc tư tăng thêm lên nhanh quá chừng, cần phải sinh-sản của cải ra thật nhiều mới được. Nhưng mà cái công-nghiệp ấy lại khó cho Âu-châu nhiều hơn là Mĩ-châu. Dân Âu-châu đông đúc hơn Mĩ-châu nhiều. Một phần đất đã kiệt cái sức sinh-sản rồi ; lại trong châu chia vụn ra nhiều nước, nhiều thứ tiếng nói thì lại thêm ngăn-trở nhiều cho sự khai-khẩn hơn ; những nền-nếp khuôn-phép cũ của những thời-đại trước người ta sinh-sản chậm và ít, chỉ cốt cho kịp được một cái tuyệt-phẩm lý-tưởng khó đến được, thì ngày nay cũng vẫn còn mạnh lắm. Âu-châu hơn Mĩ-châu trong những việc

cao-thường thuộc về trí-thức ; nhưng đến những sự-nghiệp về kinh-tế thì rất là rụt rè, bủn xỉn, chậm chạp, bị bó buộc đủ cách, không có thể làm nhanh làm to được bằng Mĩ-châu. Vậy thì Mĩ châu cùng Âu-châu, hoặc lấy cái tỉ-lệ *lượng* hay cái tỉ-lệ *phẩm* mà xét, thì có thể cho bên nọ hơn bên kia được. Nếu một cái văn-minh càng sinh-sản của cải được nhanh bao nhiêu càng cho là hoàn-toàn bấy nhiêu, thì Mĩ-châu thực là cái mẫu văn-minh ; nếu trái lại mà nói rằng sự hơn kém chỉ có thể đo lường bằng những việc cao-thượng về trí-thức, thì Âu-châu được phần hơn...

V

Nhưng nói thế thì hoặc-giả có người bác lại rằng : « Không thể để do-dự bất-quyết mãi thế được. Trong hai cái tỉ-lệ ấy nên chọn cái nào ? Cái cảnh-tượng trong thế-giới bây giờ là cái cảnh-tượng một bài anh-hùng-ca kỳ-diệu của sự tiến-bộ, hay là một bài bi-kịch sầu-thảm của sự suy đồi ? Trong hai cái thế-giới ngày nay, Âu-châu với Mĩ-châu, thì cái nào là hơn cái nào, cái nào có thể làm mẫu cho cái nào được ? Không có phép thiết bấy nhiêu cái vấn-đề ra mà lại không giải-quyết, mà nếu ông không thể giải-quyết được, thì thiết tưởng chẳng nên sang du-lich Mĩ-châu làm gì cho nó mất công, hoặc có sang du-lich thì nên nghĩ đến cái khác mà đừng nghĩ đến cái vấn-đề ấy, đến khi giờ về cũng đừng nên soạn làm gì một quyển sách dài như thế về sự cạnh-tranh hai thế-giới. » Nhờ bài-bác ấy tưởng cũng là thuộc về nhẽ cố-nhiên vậy. Song người ta còn thuộc vào cái tuần văn-minh ngày nay thì chưa chắc đã ra khỏi được cái sự « do-dự bất-

quyết » khốn-nạn ấy, vì sự do-dự bất-quyết ấy là cái đại-giá của sự chinh-phục thế-giới của loài người ta cùng sự phát đạt dữ dội của Mĩ-châu ngày nay. Muốn chinh-phục thế giới cùng những của cải của thế-giới thì loài người ta đã phải bỏ hoài mất nhiều những cái tuyệt-phẩm lý-tưởng về đường mĩ-thuật, đạo-đức, tôn-giáo, của ông cha để-lại cho ; nhưng có thể bỏ hoài được tất cả những cái lý-tưởng ấy không ? Ta có thể tưởng-tượng được một cái thế-giới chỉ thuần là *lượng* cả, không có mĩ-thuật, không có đạo-đức, không có điều đẹp điều nghĩa gì nữa không ? Thiết cái vấn-đề ra là giải quyết cái vấn-đề vậy. Nhưng trong cái cuộc chinh-phục thế-giới này, cái lòng kiêu lòng tham của người ta đã lên đến cực-điểm, thì có nhẽ cái thế-giới ngày nay phen này quyết đi đến cùng đường. Ngày nay chưa chắc đã xướng lên được một cái phong-trào về đường tôn-giáo, luân-lý hay là chính-trị, có thể khiến cho mọi hạng người trong xã-hội biết hạn-chế những sự cần dùng, sự xa-xỉ của mình cho vừa phải ; mà cái dân số, sự yếu-cần của mọi hạng người, sự kinh-phí về việc công việc tư còn tăng lên mãi thì cái thế-lực của cái *lượng* còn bành-trương ra khắp mặt địa-cầu ; ta còn phải đem mĩ-thuật luân-lý mà tùy theo vào sự yếu-cần phải chế-tạo ra máy móc càng ngày càng nhanh, khai khẩn thêm rừng ruộng, tìm kiếm thêm những mỏ nọ mỏ kia ; mỗi ngày sự sinh-sản ra của cải lại càng lấy làm cái thước đo của sự tiến-bộ ; mỗi ngày thời-thế lại càng thuận-tiện cho những dân có linh-thổ rộng, đế-quốc to, mỏ sắt mỏ than nhiều ; cái thần lửa rồi lại làm chúa-tể cho thế-giới như đời thượng-cổ mới có lịch-sử ; cái cảnh do-dự bất-quyết trong lòng trong trí ta không biết đến bao giờ là cùng tận. Không có cái triết-học nọ, không có cái

khoa-học nào là có đủ sức mà đem một cái quan-niệm phân-minh về điều hay điều dở, cái đẹp cái xấu, sự thực, sự hư để thế vào sự do-dự bất-quyết ấy. Phàm những sự hơn kém nhau thuộc về *phẩm* trong sự-vật, rồi sẽ hỗn-tạp trong trí ta. Ta không thể giải nghĩa cho phân minh được sự tiến-bộ, cũng tức như là ta không thể phân biệt được rõ ràng cái gì là cái yếu-cần chính-đáng, cái gì là cái thói quan xằng, thế nào là sự tiêu tiền phải chăng, thế nào là sự lãng-phí. Mỗi năm ta phải đổi cái quan-niệm của ta về sự « *thẩm-mĩ* », trước cho làm đẹp nay cho làm xấu, nay cho làm xấu mai cho làm đẹp ; ông cha ta ngày xưa không dám xét đến cái nhẽ huyền-bí của sự-vật, nay ta đã thấu suốt được cái nhẽ ấy, nên đến ngày cái khoa-học đã được toàn-thắng cực thịnh rồi, thì tất bây giờ ta phải tự vấn trong bụng rằng cái khoa-học ấy nó là thực hay hư, nó có cho ta biết được cái chân-tượng của sự-vật, hay nó chỉ bày cho ta những cái ảo-tượng mà thôi ; có phải là ta biết thực hay là ta mơ mộng ! Đó là cái đại vấn-đề nó khiến cho các nhà triết-học ngày nay phải chuyên-tâm chú-ý mà xét. Người ta bây giờ giờ cường mạnh quá vượt qua cả mọi sự giới-hạn, thì xem như quanh mình cái gì cũng tựa hồ xiêu đồ cả, đến cái thế-giới này cũng không chắc thực hay hư nữa !

VI

Nhưng hoặc-giả lại có người hỏi rằng : nếu cái cảnh-huống ấy không có đường giải-thoát thì lưu-tâm chú-ý đến làm gì ? Như người ta có cái tật không thể chữa được thì làm ngơ đi, không muốn biết đến cái tật ấy nữa. Dù vậy tôi cũng thiết tưởng rằng không phải là mất công mà bày tỏ cái cảnh-

huống kỳ lạ ấy ra, thực là trong lịch-sử chưa từng có bao giờ ; nhưng trong những nước cũng người cũ ta, ngày nay còn là đại biểu cái « phẩm-đích-thế-giới », như trong bọn những nhà văn-học, nhà pháp-luật, nhà tôn-giáo, muốn hiểu rõ cái cảnh-huống ấy cũng không phải là một sự vô ích. Trừ ra nghề học thuốc phải có mà chữa khỏi các tật bệnh, trừ những khoa-học có ích cho các công-nghệ, trừ những nghề chơi làm cách tiêu-khiển cho người ta, còn các công việc khác thuộc về trí-thức ngày nay như sai lạc phương-hướng cả. Thử hỏi ngày nay có nhà giáo-sư thành-thực nào, gặp những buổi chán nản ngã lòng, lại không hề tự-vấn trong bụng rằng ở trong một thời-đại chỉ biết lấy cái lòng kiêu-căng, cái lòng tham-dục đem đến cực-điểm, đến bực gần như điên-cuồng, mà gọi là sự cường mạnh, trong cái thời-đại như thế mà đem diễn cho người đời những đức-tính của đạo Cơ đốc, thì còn có bổ-ích gì ? Thử hỏi có nhà lịch-sử không-khéo nào mà thời hồ lại không có lúc tự nghĩ rằng mình ở trong một thời-đại chỉ biết trông thẳng trước mặt, như cầm đầu mà xô nhẩy vào cái tương-lai, hăng như thế, mạnh như thế, thì mình có cố công kể những việc đời xưa cho người đời nghe làm gì nữa ? Thử hỏi có nhà triết-học nào trông thấy cái thời-thế chỉ biết chăm chút những sự thiết-thực thuộc về đường kinh-tế, lại không có lúc tưởng mình như ở trên một vì hành-tinh nào mới giới xuống mặt địa-cầu ư ? Lại thử hỏi có nhà mĩ-thuật nào sở nguyện trong bụng không một là lấy kiếm được nhiều tiền, mà cốt là cho đến được một cái tuyệt-phẩm lý-tưởng, lại không từng đến trăm lần rửa thềm cái thời-thế hỗn-độn tấp-nhan này nư ? Phải, vẫn biết rằng thời-hồ cũng có lúc xem người đời lại có ý hồi cổ ; như

đột-nhiên thấy nhiều người lưu-tâm chú-ý đến sự cải-lương tôn-giáo, đến cái tương-lai của luân-lý, đến những truyện cũ đời xưa, những vấn-đề về đạo-đức, những vết-tích của các văn-minh cũ đã tàn ròi. Nhưng bất quá là những sự đua vui nhất-thời mà thôi, không đủ khiến cho những nhà mĩ-thuật nhà học-vấn có cái quan-niệm phân-minh rằng mình có một cái công-việc nhất định có ích trong thời buổi bây giờ. Một cái nhẽ vì đất mà những công việc thuộc về tri-thức ngày nay thiên thành ra những nghề hoặc là kiếm tiền được, hoặc là thuộc về « cục-chế » của nhà-nước, là những công việc ấy ngày nay không thấy cái mục-đích ở mình nữa, phải tìm cái mục-đích ấy ở ngoài, ở sự kiếm tiền kiếm bạc, hay là ở cái ngôi vị trong xã-hội. Trong khi du-lich, đi qua những nơi đồng-điền vắng vẻ ở hai châu Mĩ, trông thấy ở bên giọc đường hoả xa, hết ngày nọ đến ngày kia, những cây lúa mì cùng cây ca-phê mọc xanh dì cho đến tận tít mịt giời xanh, trong khi ấy biết mấy mươi lần nhà học sử đời cổ-đại chạnh nghĩ đến những miếng đá hoa nho nhỏ người thợ Hi-lạp ngày xưa chạm khắc chải-chuốt tinh-tế là đường nào, ngày nay thấy bày trong những nhà cổ-vật-quán ta còn phải nức lòng cảm-phục ! Người Hi-lạp sở-dĩ đến được cái bậc tuyệt-phẩm trong mĩ-thuật như thế, chẳng phải là đương vào lúc biết cầm lòng không đi chinh-phục địa-cầu để thu lấy những của cải trên địa-cầu ư ? Mà người đời sở-dĩ lấy cái đường hoả-xa mà chiếm-cứ được những khoảng đất tịch mịch mênh mông, chẳng phải là đã đành lòng chịu bỏ những cái tuyệt-phẩm về mĩ-thuật luân-lý của ông cha ta sùng chuộng ngày xưa ư ? Lấy cái tư-tưởng ấy mà xét thì nhà làm sử tựa hồ như hiểu rõ hơn vừa những văn-minh cổ đời xưa, vừa cái thời-đại mới

ngày nay. Những văn-minh đời xưa đã đem xa quá cái lòng ham muốn sự tuyệt-phẩm, đến nỗi cái khí-lực mình theo đuổi mãi một cái mục-đích vừa hẹp quá vừa cao quá cũng phải tiêu mòn đi mất, thì những văn-minh ngày nay mê cuồng những sự to, nhanh, nhiều, cái số-mệnh chẳng phải là có ngày sẽ chìm đắm vào một sự già man mới, thô-bỉ mà tàn-bạo ư ? Muốn cho một dân được sống vui vẻ, làm ăn có lợi, thời phải cho cái *lượng* với cái *phẩm* nó quân-bình nhau, mà sự quân-bình ấy thì nếu những cái tuyệt-phẩm lý-tưởng về đường mĩ-thuật đạo-đức tôn-giáo có còn đủ thế-lực mà hạn-chế được cái lòng ham muốn của cải, thì sự quân-bình ấy mới có thể có được. Ví những nhà mĩ-thuật, nhà lịch-sử, nhà triết-học, nhà tôn-giáo, nhà văn-học cùng với bọn thượng-lưu xã-hội hiểu mà cảm biết cái nghĩa-vụ nhớn nhao của mình trong thời-thế bây giờ là phải cầm giữ trong lòng người những cái đề đã dựng lên để ngừa cái sóng dữ dội quá của sự tiến-bộ ngày nay, ví ai cũng cảm biết như thế, thì biết bao nhiêu những công việc thuộc về trí-thức ngày nay hoặc nhãng bỏ, hoặc khinh rẻ, hoặc biến hẳn thành những nghề nghiệp thường, rồi có ngày hồi-phục lại mà thành những thiên-chức cao-thượng ! Mà nếu đã có cái quan-niệm rằng cái nghĩa-vụ ấy trong xã-hội nhớn nhao là nhường nào, thì phạm những công việc thuộc về trí-thức ấy, ngày nay còn đương suy-vi, đến bấy giờ cái thế-lực tất tăng lên biết bao nhiêu ! Ta lại thử xét cái vấn-đề về « cổ-điển học-vấn », cái vấn đề ấy trên tôi đã nói quá, nay tôi lại nói đến nữa, vì trong khi du-lịch Mĩ-châu tôi hằng nghĩ ngợi đến, các ông tất cũng hiểu vì cố gì ; vậy thì cái cổ-điển học-vấn ấy ngày nay có chịu rút lại cho vừa phải những cái hình-thức của mình thuộc

về khoa-học, mà hồi-phục lấy cái tính-cách cũ thuộc về mĩ-thuật, về văn-chương, tức là sự học-vấn ấy có biết bồi-dưỡng cho trong trí người ta bao giờ cũng có một cái tuyệt-phẩm lý-tưởng về sự tốt đẹp, có thể thì mới có cái cơ lại thịnh-hành như xưa được. Nhưng ngày nay cũng không có thể giữ lại hẳn cái « cổ-điển chủ-nghĩa » như đời xưa được nữa. Hi-lạp cùng La-mã không thể coi là cái mô-phạm tối cao, cái mẫu độc-nhất-vô-nhị của sự tốt đẹp nữa. Thời-thế đã thay đổi đi rồi, thế-giới không thể chịu được một cái kỷ-luật về sự « thẩm-mĩ » chật hẹp mà nghiêm ngặt như thế nữa. Nhưng mà Hi-lạp cùng La-mã vẫn phải coi mà vẫn nên coi là một cái mô-phạm cổ nhất, danh-dự nhất trong nhiều cái mô-phạm khác nữa. Những mẫu của Hi-lạp cùng La-mã đã sáng nghĩ ra, cái thế-lực nó trong lịch-sử thế-giới đã to hơn vô cùng, nó đã từng giúp được bao nhiêu lần, bao nhiêu quốc-dân ra khỏi vòng giã-man, biết lấy sự hạn-chế mà quan-niệm được những điều tuyệt-mĩ, chân-lý, công-nghĩa ; bởi thế cái nghĩa-vụ ta ngày nay là phải gìn giữ cho những cái mẫu ấy nó khỏi mòn mỏi mất ở trong trí ta, để khi nào có cần đến nó, nó còn giúp cho ta được việc nữa. Mà muốn giữ cho nó sống bền thì phải đặt ra những trường học dạy cho người biết hiểu nó, biết cảm nó. Vì rằng không có cái lý-tưởng nào là tuyệt-đích, là vĩnh-viễn, là tất-yếu cả ; cái nào cũng do một sự hạn-chế người ta tự đặt ra, mà bởi thế chỉ có được nhất thời ; nó cũng tựa hồ như những cái tia sáng nhỏ, tự cái ánh sáng hơn vô cùng nó bao bọc ta mà bắn ra vậy. Nếu người ta không biết cố giữ lấy nó thì nó được một chốc nó lại qua đi.... Ngày nay ta cần trọng mà sưu-tập lấy những vết tích đời xưa, nhưng ngày xưa có lắm đời phá tượng đốt sách ; cái

sự phá-hoại ấy ngày nay cũng có thể tái-hành lại được, tuy không đến nỗi dữ bằng đời xưa mà thôi. Đến ngày thế-giới không còn biết cảm cái đẹp của những tượng Hi-lạp nữa, thì chất đầy những tượng Hi-lạp vào các nhà Cổ-vật-quán mà làm gì ? Đến ngày chỉ trừ mấy nhà chuyên-môn còn không ai đọc đến sách cổ nữa thì in lại những sách cổ cho thật kỹ lưỡng đẹp đẽ mà làm gì ? Chính là bởi ngày nay ở đất Mĩ-châu to nhớn, cái thần lửa lại sắp làm thần chúa-tể của loài người ta như về đời thượng-cổ mới có lịch-cử, chính là bởi thế mà vì cái phép quân-bình thì ở Âu-châu cùng ở Mĩ-châu tất phải có một bọn ít người cao-thượng kính trọng mà thờ những vị thần văn-nghệ, khiến cho trong cái đám xô xao những tiếng máy móc om sòm cả thế-giới còn có một bọn người ấy biết cảm thú cái tiếng đàn êm-ái trong câu thơ ông VIRGILE.

PH. Q dịch.



1. ▲ Tức là ông Kha-luân-bố (Christophe Colomb).
2. ▲ Homère là nhà làm thơ Hi-lạp ; Cicéron là nhà hùng-biện La-mã.

Chú thích

KHOA-HỌC BÌNH-LUẬN

TÀU NGẦM TÀU LẶN

Cuộc chiến-tranh bên Âu-châu ngày nay thực đã phát-hiện ra nhiều sự mới lạ. Cái mới lạ hơn nhất là sự dùng tàu ngầm cùng tàu bay vậy. Cái lối đào hầm-hố để tương-trì nhau, dùng trọng-pháo để phá thành-quách, tuy ngày-xưa không có ghê-gớm dữ-dội như bây giờ, nhưng các trận đời trước cũng đã từng biết. Duy có tàu ngầm với tàu bay là mới xuất-hiện ra nơi chiến-trường ở trên cạn cùng ở dưới nước lần này là lần thứ nhất. Hai thứ máy mới ấy thực là cái đặc-sắc của trận này. Các nhà làm sử đời sau muốn lấy cái khí-giới mà phân-biệt trận này với các trận trước, tất gọi trận này là « trận thứ nhất của tàu ngầm cùng tàu bay » vậy. Lần này ta hăng bàn riêng về cái máy lội dưới bể, lần sau ta sẽ nói đến cái máy bay trên không. Vả cuộc chiến-tranh hiện bây giờ đương vào cái thời-kỳ dùng tàu ngầm rất dữ. Nước Đức từ đầu năm nay lập mưu đánh lừa các nước đồng-minh cùng các nước trung-lập, ngỏ nhờ điều-đình về việc giảng-hòa, lại đe rằng từ nay sẽ đánh toàn bằng tàu ngầm, bất cứ thương-thuyền hay chiến-thuyền, của địch-quốc hay của trung-lập, hễ gặp trên mặt bể thời đánh đắm không tha. Nhờ nói ngông thay ! Nhưng xem thế thì biết rằng lúc này thực là buổi thịnh-thời của tàu ngầm vậy. Bởi vậy chúng tôi lược-dịch trong các

sách tây để tóm tắt lấy những điều yếu-cần về cái lịch-sử, sự chế-tạo, cái nhiệm-vụ, sự hiệu-lực của các thứ tàu ngầm tàu lặn, cho người nước ta biết đại-khái cái tính-cách của một giống cá bể mới, cá phun lửa phun chết, nuốt hàng nghìn con người, nghìn triệu bạc, thực là giống cá riêng của cái đời « siêu văn-minh » này vậy. ^[1]

I

Xưa nay người ta vẫn hay ham-mê những cái mình không có, muốn chiếm-đoạt lấy những cái năng-lực mà tạo-vật không cho mình : như muốn bay lên trên không như con chim, lội xuống dưới nước như con cá. Bởi cái lòng ham-mê những sự không biết ấy mới sinh ra tìm-tòi cái cách để vượt không bằng tàu bay, vượt bể bằng tàu ngầm vậy.

Có một điều lạ nên nhận, là hai cái nghề bay nghề lội ấy thực là đồng thời với nhau. Cái tàu ngầm xuất-hiện ra trước nhất là cái tàu ngầm của người nước Mĩ tên là BUSHNELL, chế năm 1775. Quả khinh-khí-cầu thả lên cao trước nhất là quả khinh-khí-cầu của người Pháp tên là PILÂTRE DE ROZIER cùng hầu-tướng D'ARLANDES năm 1784. Hai việc thực là cách nhau không mấy tí.

Được mười-lăm hai-mươi năm nay, tàu ngầm mới đem ứng-dụng ra thực-tế ; cũng vào khoảng bấy giờ thì cái lối « tự-do khinh-khí-cầu » mới thực là bắt đầu có hiệu-lực. Xem như thế thì biết hai nghề thực là đi ngang nhau vậy.

Nay ta hãy kể qua lịch-sử nghề tàu ngầm, xem từ xưa đến nay đã tiến-bộ ra làm sao.

Cứ trong sách chép thì về thế-kỷ thứ 17 (năm 1624) đã có một người nước Hà-lan tên VAN DREBBEL chế ra một cái tàu đi ngầm dưới nước. Sách nói cả rằng tàu ấy có chạy dưới sông *Tamise*, mà vua nước Anh JACQUES thứ II có xuống tàu ấy đi thử. Cái đó vị tất đã là thực. Sau còn nhiều người nữa nghĩ ra những kiểu tàu đi ngầm, nhưng không được mấy cái thành. Năm 1774 người nước Anh tên là DAY đi thử một chiếc tàu ngầm bị chìm dưới bể, ở PLYMOUTH. Đó là người đứng đầu tên trong cái sổ những người bị hại về nghề tàu ngầm vậy.

Nhưng cứ thực thì tị tổ nghề tàu ngầm là người Mĩ BUSHNELL. Hồi trận Độc-lập nước Mĩ, ông BUSHNELL chế ra năm 1775 một cái tàu ngầm đặt tên là *Con rùa*.

Cái tàu ngầm ấy có một chân-vịt ở đằng trước, một bánh-lái ở đằng sau, hai chỗ chứa nước ở trong đưng đầy nước, để cho cái sức chuyển nước [2] với cái sức nặng của tàu ngang nhau thì tàu mới chìm xuống dưới nước được. Có một cái ống-thụt để khi nào muốn nổi lên mặt nước thì thụt nước trong hai chỗ chứa ấy ra. Lại có một cái chân-vịt thứ nhì nữa, trụ thẳng để chuyển cho cái tàu chìm xuống dưới nước. Hai cái chân-vịt cùng bằng tay người vận-động cả. Cái tàu ngầm ấy không phải là một cái máy làm thử đâu ; chế ra là để chủ dùng về việc binh vậy. Muốn vào đánh chiếc chiến-thuyền nào thì người thủy-thủ ngồi trong tàu phải đưa tàu

xuống dưới cái chiến-thuyền ấy, rồi đâm một cái khoan vào trong vỏ chiến-thuyền ; ở cái khoan ấy có buộc một cái giây đeo một hòm thuốc đạn, có cái máy như máy đồng-hồ, vạy ra thời trong năm phút truyền lửa vào thuốc đạn, bắn vào trong chiến-thuyền mà nổ tan ra vạy. — Ấy đại-khái cái tàu ngầm thứ nhất của ông BUSHNELL như thế. Cái tàu ấy nhỏ lắm, hình hơi như hình quả trứng, chỉ đủ chỗ cho một người ngồi thôi, nhưng trong có đủ cả cơ-quan cần-dùng : máy chuyên-động, máy thăng-bằng, máy chìm, lại thêm cái thủy-lôi nữa, tuy còn đơn-sơ lắm, nhưng cũng có thể gọi là một cái thủy-lôi được. Tàu *Con rùa* của ông BUSHNELL ấy chế ra giữa lúc trận Độc-lập nước Mĩ. Người Mĩ muốn thử dùng để đánh những chiến-thuyền của nước Anh, nhưng thí-nghiệm mấy lần không có công-hiệu gì bèn bỏ.

Sau ông BUSHNELL, lại có một người Mĩ nữa tên là FULTON cũng chế ra một cái tàu ngầm đặt hiệu là *Nautilus*. Ông FULTON chính là người nghĩ ra trước nhất cái tàu chạy bằng hơi nước. Hai lần ông sang hiến công cho nước Pháp để chế tàu ngầm, nhưng không đắc-dụng. Năm 1804 ông sang nước ANh, nước Anh cũng không muốn dùng tàu ngầm của ông, nhưng thưởng cho ông 37 vạn 5 nghìn phật-lãng. Từ bấy giờ không thấy ông làm tàu ngầm nữa. Xem thế thì biết nước Anh cho ông cái thưởng to như thế cũng là để ông đừng chế cái lối máy mới ấy mà đem bán cho nước khác thì có thể hại đến thủy-quân của mình vạy.

Năm 1851 có người Đức tên là BAUER chế thử một cái tàu ngầm đặt hiệu là *Brandlaucher*. Thí-nghiệm nhiều lần không

được thành-hiệu lắm, sang hiến công cho nước Anh nước Nga cũng không đắt, đến năm 1875 nghèo khổ mà chết. Ông BAUER có nói mấy câu về tàu ngầm đối với những chiến-hạm nhớn, thực là tiên-tri cái hiệu-lực của tàu ngầm trong thế-kỷ ta vậy. Nói rằng : « Những chiến-hạm nhớn cùng những thiết-hạm các hạng, muốn cải-lương thế nào trong cách chế-tạo, rồi từ nay giở đi cũng là phải mỗi ngày một bỏ dần đi mà thôi. Cái tàu ngầm nhỏ với cái thiết-hạm nhớn đánh nhau, cái thiết-hạm tất phải thua, thế-kỷ sau này sẽ thấy kết-cục sự cạnh-tranh hai lối tàu ấy... Các lối thiết-hạm cùng các lối tàu nhớn ngày nay cũng tức như là cái xe đám-ma để đem chôn những thủy-quân già-cỗi vậy. » — Nói thế thì cũng là quá đáng, nhưng thực là biết trước mà khéo đoán trong thế-kỷ này cái lối tàu ngầm sẽ thịnh-hành hơn các lối tàu khác. Sự chiến-tranh thực đã minh-chứng điều ấy vậy.

Năm 1860-1863, người Pháp tên là BOURGOIS (bấy giờ làm thủy-quân đại-úy, sau làm đến thủy-quân đại-tướng), củn với một nhà kỹ-sư tên là BRUN chế ra một cái tàu ngầm đặt hiệu là *Le Plongeur* (Anh lặn). Mấy cái lối tàu ngầm nghĩ chế ra từ xưa đến nay đều bé cả. Tàu *Le Plongeur* chế thật to, trường 42 thước rưỡi, khoát 6 thước, sức chuyển nước 453 tấn. Nhưng vì to quá không được vững, khi chìm khi nổi không được đúng mực ; đến năm 1865 thì bỏ không thí-nghiệm nữa.

Hồi trận Nam-Bắc chiến-tranh ở nước Mĩ, có nhiều người Mĩ nghĩ ra mấy lối tàu ngầm để dùng về việc binh. Nhưng chưa được cái nào là trúng cách cả. Có một cái tàu ngầm

hiệu *David* của quân phương Nam đánh đắm được một cái chiến thuyền của quân phương Bắc, nhưng chính mình cũng bị đắm theo. Đó là chiến-công thứ nhất của tàu ngầm vậy.

Sau đấy còn có một người Nga tên là DRZEWIECKI chế một lối tàu ngầm nữa chạy bằng điện. Nghề tàu ngầm bắt đầu dùng điện là tự đấy. Thử mấy lần được cả, chính-phủ nước nga bèn thuê ông DRZEWIECKI làm 52 chiếc cho nhà-nước. Tuy vậy cái lối tàu ấy còn nhỏ lắm (có 6 thước trường mà thôi), dùng thử thì được, nhưng dùng về việc quân thì e còn sớm quá.

Một người Pháp tên là GOUBET bắt trước cái kiểu của nhà chế-tạo Nga mà chế ra một cái tàu ngầm đặt hiệu là tên mình *(tàu *Goubet*). Bộ Thủy-quân nước Pháp bắt thử mấy lần không được trúng cách lắm, đến năm 1891 không ưng nhận.

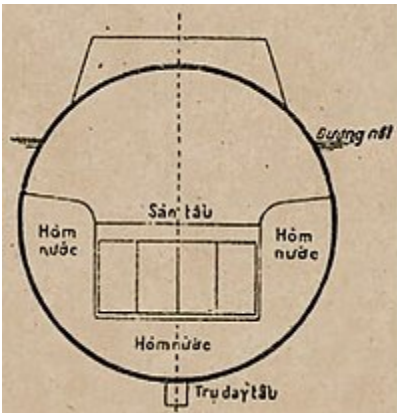
Từ năm 1881 đến năm 1887, một người Thụy-điển tên là NORDENFELT, lại chế ra một lối tàu ngầm nữa, thí-nghiệm mấy lần được cả, lừng-lẫy cả thế-giới. Nhưng xét ra cái lối ấy cũng còn khiếm-khuyết nhiều, như tàu đi ngầm dưới nước chưa được vững-vàng, khi chìm khi nổi không có điều-độ, trong tàu nóng lắm người không ở lâu được.

Sau đấy còn hai nhà chế-tạo tàu-ngầm nữa, một người nước Anh tên là WADDINGTON (1885), một người nước Tây-ban-nha tên là PERAL. Cái tàu ngầm của người Tây-ban-nha lúc mới chế ra lừng-lẫy cả trong nước. Tàu ấy xem ra cũng khá,

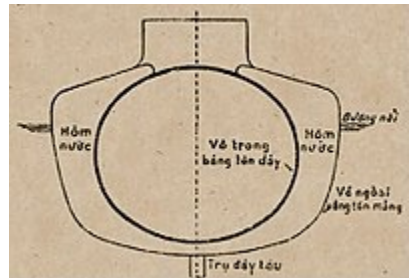
nhưng từ đây không thấy đem ra dùng bao giờ, hồi nước Tây đánh nhau với nước Mĩ cũng không thấy nói đến.

Rồi đến cái tàu ngầm hiệu *Gymnote* của người Pháp tên là GUSTAVE ZÉDÉ. Tàu ấy nhỏ : có 20 thước trường, 1 thước 80 khoát. Chế năm 1886, thử năm 1889 ; lợi giỏi lắm, đi dọc, đi ngang được cả. Từ đây cái vấn-đề về sự đi ngầm dưới nước mới giải-quyết được thỏa-đáng vậy. Nhưng cái tàu ấy nhỏ quá. Đến sau chế một cái nhớn hơn, đặt hiệu là *Gustave Zédé* (tên nhà chế-tạo, lúc bấy giờ đã chết), dài 48 thước rưỡi ; thí-nghiệm ra thì lại hỏng không được bằng cái trước.

Bên Mĩ vào khoảng bấy giờ cũng có người tên là HOLLAND chế ra một lối tàu ngầm nhỏ, rồi sau làm mẫu cho nhiều lối tàu mới của nước Mĩ, nước Anh, nước Nga, vân vân.



Hình thứ 1
Tàu ngầm lối Mĩ, thả năm 1913



Hình thứ 2.
Tàu lặn kiểu Laubeuf,
thả tự năm 1911 đến
1914
Chẻ ngang hình bồ dục.

Chẻ ngang hình tròn ; chỉ có một — Hai vỏ, một dày, một vỏ. — Hòm nước ở trong. — Sức mỏng. Sức nổi : 33 phân. truyền nước : trên mặt 390 tấn. dưới nước 520 tấn. — Sức nổi : 25 phân.

Năm 1896 bộ Thủy-quân nước Pháp có mở một cuộc thi tàu ngầm, để kén chọn lấy cái lối nào là hợp cách hơn. Bấy giờ một nhà kỹ-sư nước Pháp tên là LAUBEUF đem ra ứng-thí một cái tàu ngầm đặt hiệu là *Narval*, chế theo một lối mới gọi là lối « tàu lặn » ^[3], trường 34 thước, khoát 4 thước, sức chuyển nước trên mặt 120 tấn, dưới nước 200 tấn. Cái tàu ấy hợp cách hơn cả, từ năm 1900 cho sáp-nhập vào thủy-quân nước Pháp. Nhiều lối tàu lặn của các nước về sau này cũng bắt chước lối ấy cả.

Từ bấy giờ nước Pháp trước nhất bắt đầu tổ-chức một hạm-đội tàu ngầm. Từ năm 1900 giở lên là cái thời-kỳ thuộc về lịch-sử, từ năm 1900 giở xuống là thời-kỳ thực-hành vậy.

Xem cái lịch-sử nghề tàu ngầm như trên kia thì biết phạm sự chế-tạo mới không phải là một mai mà thành được, phải kể hàng chục năm, hàng thế-kỷ vậy, mà những nhà chế-tạo không những là khổ về những sự khó-khăn trong cái nghề mới của mình, lại khổ vì người đương thời thường không hiểu mình, mà ít khi được người tán-trợ cho mình. Bởi thế mà nhiều nhà đến nửa chừng phải bỏ. Phải có cái nghị-lực, cái kiên-nhẫn rất mạnh mới theo đuổi cho cùng được. Sự tiến-bộ trong thế-giới bất quá cũng là gồm cái nghị-lực, cái

kiên-nhẫn của những người đi tiên-phong trong các nghề, những người khai đường mở lối vậy.

II

Cái vấn-đề đem dùng tàu ngầm về việc binh mới thiết ra từ khi phát-minh được cái « tự-động ngư-lôi » (*torpille automobile*) vậy. Vào khoảng năm 1880, các nước Âu-châu chế ra được một cái khí-giới mới gọi là cái « tự-động ngư-lôi », cái khí-giới ấy cực mạnh, vì nó có thể đâm thủng một cái chiến-hạm mà đem thuốc-đạn vào nổ ngay trong ruột tàu, khiến cho tàu mạnh đến thế nào, thiết-giáp dày đến bao nhiêu, cũng phải đến đắm vậy. Nhưng mà cái cự-li-độ của cái khí-giới ấy ngắn lắm. Muốn dùng nó cho có công-hiệu thì phải đến gần cái mục-đích, cách độ vài trăm thước mới được ; đứng xa thì cái thủy-lôi không bắn tới nó, hoặc tới mà cái sức nó kém đi vậy. Bởi thế mới bắt đầu chế ra một thứ tàu nhẹ, chạy rất nhanh, gọi là ngư-lôi-đĩnh (*torpilleur*), để dùng bắn đêm cho khỏi bị trông thấy, khiến cho đến gần được cái chiến-hạm mình muốn đánh, ném ngư-lôi vào, rồi chạy đi thật nhanh. Nhưng cái lối tàu ấy cũng chưa được tiện, vì chỉ dùng được bắn đêm, mà bắn đêm nữa cũng không khỏi nguy-hiểm, vì có đèn chiếu soi thấy thì bị bắn mất. Vậy phải chế ra một thứ tàu khác có thể dùng bắn ngày được, lặn xuống dưới cái chiến-hạm mà ném ngư-lôi ngay vào sườn thì mạnh hơn và công-hiệu hơn biết bao nhiêu. Tất phải dùng đến cái lối tàu-ngầm, vì chỉ có cái tàu ngầm là mới hợp cách, mới lợi-dụng « tự-động ngư-lôi » đến hết sức, đến cực-điểm được.

Lại giữa vào khoảng lúc bấy giờ cũng mới xuất-hiện ra cái lối máy chứa điện, có thể trữ cái sức điện cho bao giờ dùng cũng được, mà dùng trong một nơi kín không phát nóng, phát hơi độc gì cả. Nhờ có cái động cơ chạy bằng điện của nhà chế-tạo GRAMME, thì cái sức điện ấy biến được ra sức vận-động quanh một cái trụ, trên cái trụ ấy cho quay một cái chân vịt : thế là cái vấn-đề đã tiệm quyết được vậy. Đã có cái động-lực đủ truyền-vận được một cái tàu thì chỉ còn phải nghĩ cách làm cho nó chìm xuống mà đi ngầm dưới nước được. Trong mười năm, từ năm 1886, các nhà chế-tạo tìm-tòi, nghiên-cứu mãi, nghiên cứu mãi, đến cái tàu-ngầm hiệu *Gustave Zédé* mới gọi là tiềm-tiệm được.

Đem một cái tàu vỏ bọc kín mít cả mà bỏ chìm xuống dưới nước thì tưởng cũng không lấy gì làm khó lắm, chỉ phải ngăn ở trong tàu lấy những khu riêng để chứa nước, khác nào như những hòm đựng nước có ống thông với ngoài, rồi mở cho nước chảy vào đầy các hòm thì tàu đủ nặng mà chìm xuống vậy. Lúc nào muốn nổi lên mặt, hoặc muốn đứng lững chững thì có một cái ống thụt vặn bằng tay người thụt nước trong hòm ra thì tàu đủ nhẹ mà bồng lên. Truyền-vận cái tàu thì đã có cái động cơ chạy bằng điện ; lại còn phải khiến cho cái tàu lúc đi dưới nước cao thấp cho vừa độ, không nghiêng-ngửa mà được thẳng-bằng. Các nhà chế-tạo nghĩ mãi, sau mới chế ra một thứ như cái vây cá động đậy được, đính vào hai bên sườn tàu, tức là những cái bánh lái, nhưng bánh-lái đặt ngang, khiến cái tàu đi ngầm cũng như những cái bánh-lái đặt giọc khiến cái tàu đi nổi vậy. Nguyên cái lối vây cá ấy, trước đã dùng cho cái « tự-động ngư-lôi », vì cái « tự động

ngư-lôi » cũng tức là một thứ tàu-ngầm nhỏ đi không có người vậ. Nhưng đem cái lối ấy ra mà ứng-dụng vào cái tàu-ngầm thực to hơn nhiều, thì cũng khó-khăn lắm. Phải chế đến mấy đôi bánh lái như thế — thường thì ba đôi, hai đôi hai đầu, một đôi ở giữa — thì mới đủ khiến cho cái tàu đi dưới nước cao thấp vừa độ mà không nghiêng chúi về một đầu nào.

Cái võ-trang của tàu ngầm là cái « tự-động ngư-lôi » vậy. Vì tàu ngầm chế ra mà dùng về việc binh cũng chỉ cốt là để lợi-dụng cái khí-giói mạnh ấy. Phóng cái ngư-lôi ấy ra thì hoặc bằng một cái ống đặt tự trong tàu, trong ống có không-khí ép, lúc mở ra thì không-khí rãn ra mà bắn mạnh cái ngư-lôi ra ngoài, hoặc bằng những máy có « lò-so » đặt ở ngoài vỏ tàu.

Nhưng cái tàu ngầm kín mít cả mà đi dưới nước thì biết đường nào mà đi ? Vậy muốn cho trông được ngoài mà ngoài không trông được mình, bèn đặt một cái ống thông tự trong tàu ra ngoài vỏ mà cao lên trên mặt nước, trong ống ấy sắp những kính ba góc thế nào cho phản-chiếu được cái hình-tượng ở ngoài vào trong tàu ; cái ống kính ấy gọi là « châu-thị-kính » (*périscop*e, cái kính chiếu quanh). Cái ống ấy tức là cái mắt của tàu ngầm vậy. Nếu bị bắn vỡ thì cái tàu thành như người mù, không biết đường nào mà đi nữa, thật nguy-hiểm to. Nên các chiến-hạm đi bể thường phải nhìn kỹ trên mặt nước, hễ thấy cái ống kính ấy thập thò lên thì cố bắn cho vỡ. Những cái ống-kính trên mặt bể thì khác nào như cái kim trong chậu nước, mà cái kim nó cứ động đây

luôn, không đứng im một chỗ ; súng nào mà bắn cho trúng, bắn cho vỡ được. Nên đánh mù được cái tàu ngầm cũng không phải là một việc dễ vậy !

Đại-khái cái tàu ngầm như thế là thành thân vậy. Nếu đủ dùng để đánh thế công, cũng đủ dùng để giữ thế thủ được. Nhưng còn phải một điều chưa tiện, là những cái máy chứa điện ở trong tàu làm bằng những mảnh chì đắm trong nước lưu-toan (*acide sulfurique*), thời nặng quá. Cái lối máy ấy thì thực là tiện để trữ điện cho được nhiều mà có thể dùng được ngay. Nhưng mà cùng bấy nhiêu điện mà cái trọng-lượng của nó lại to quá. Như trong tàu ngầm hiệu *Gustave Zédé* có một bộ máy chứa điện thật to, để gần chập khắp cả tàu ; bởi thế mà tàu đi chậm không thể đi luôn được một ngày, đi cực nhanh không thể đi hơn được ba giờ đồng-hồ. Lại khi nào cái điện chứa trong máy dùng hết thì phải đến gần nhà máy nào mà lấy điện mới vào : bởi thế tàu ngầm không thể đi xa các cửa bể căn-cứ được.

Vậy muốn cho tàu ngầm dùng về thế công được, tất phải tăng thêm cái độ đường nó lên, khiến cho có thể đi xa ra ngoài bể mà bắt gặp được những chiến thuyền mình muốn hại. Ông LAUBEUF ở nước Pháp, ông HOLLAND ở nước Mĩ, hai người cùng một lúc bèn nghĩ ra đặt thêm vào cái trụ chân-vịt, ngoài cái động-cơ chạy điện để đi ngầm dưới nước, một cái động-cơ chạy nóng nữa để đi nổi trên mặt. Ông LAUBEUF thì dùng một cái máy hơi nước có nồi nước đốt bằng dầu-hỏa ; ông HOLLAND thì dùng cái động-cơ chạy bằng tinh-dầu (*gazoline*), nhẹ hơn nhưng không được căn-chắc bằng, vì cái

tinh-dầu hay có bốc hơi cháy lên mà sinh hỏa-hoạn được. Nhưng hai đặng đều là tiện-lợi cả, mà tăng thêm cái trường-hợp của tàu ngầm ra được nhiều lắm ; vì từ nay có thể đem vào trong tàu đủ đồ « nhiên-liệu » (là đồ dùng để đốt, như dầu hỏa, tinh dầu, v.v.) để đi bể luôn trong mấy ngày được. Mà từ nay cái tàu ngầm được quyền độc-lập tự-trị, không phải tùy thuộc vào cửa bể hoặc nhà máy nào, vì cái động-cơ chạy điện có thể dùng làm « máy sinh điện » (*générateur*), nhờ cái động-cơ chạy nóng mà truyền sang cái máy chứa để thay cái điện cũ đã dùng hết. Cái bộ máy chứa cũng có thể giảm đi được, không hại gì, cho nó bớt nặng, vì trong tàu đã có cách thay điện lấy được, thì chỉ nên chứa cho đủ dùng mà thôi. Phàm những tàu ngầm của nước Pháp cùng các nước khác chế tự bấy giờ đều theo một phép ấy cả.

Sự tiến-bộ ấy đã là to, nhưng xét trong cách sang-nghĩ cái lối tàu ngầm của ông LAUBEUF còn có một cái ưu-điểm nữa. Phàm tàu ngầm dùng thế công trong một cái trường to rộng phải có thể đi bể được lâu mà gồm đủ tư-cách như những tàu đi trên mặt nước cùng to bằng thế ; lại phải có thể người ở được, khiến cho thuyền-viên lợi-dụng được cái trường-hợp của mình cho đến kỳ cùng vậy. Những tàu ngầm chế ra lúc mới đầu, khi đi trên mặt nước, cái sức nổi nó kém lắm, không được đến hơn 5 phân (1 trăm phần 5 phần) cái thể-tích cả tàu. Ông LAUBEUF bèn tăng thêm được lên đến 30 phân, khiến cho cái thân tàu nổi cao lên trên mặt nước, đi bể được thêm tiện-lợi hơn nhiều. Ông lại nghĩ ra cái cách đặt hòm chứa nước ra ngoài cái vỏ dày, khiến cho cái hình tàu ở trong vẫn là hình cái thoi (hay là hình điếu sà-gà), vì cái hình

ấy đã nghiệm ra chịu được áp-lực của nước mạnh hơn các hình khác, mà cái hình vỏ ở ngoài thì giống như hình các tàu đi trên mặt nước. Nhân thế mà trong tàu lại được thêm giộng ra, ở dễ chịu hơn. Cái lối ấy là cái lối « tàu lặn » vậy. cái tên tàu lặn, nay không thường dùng nữa mà gọi chung cả là « tàu ngầm », nhưng cái kiểu tàu lặn thì thực là thông dụng. Nói rút lại thì cái lối « tàu ngầm » là chủ một cái mục-đích như thế này : làm lấy một cái kiểu phóng-ngư-lôi vừa gồm đủ tư-cách cái tàu thường đi trên mặt bể, mà lại vừa có cái năng-lực lặn xuống nước mà đi ngầm được, để vào công-kích mà không bị người ta trông thấy. (Xem nhời chua trên kia về hai lối tàu ngầm, tàu lặn).

Hết thấy những tàu ngầm chế ở nước Pháp từ năm 1904, cùng phần nhiều những tàu ngầm mới chế của các nước khác, đều là thuộc về kiểu tàu lặn cả. Xưa khi mới phát-minh ra cái lối tàu lặn, trong thủy-quân-giới các nước nghị-luận về cái vấn đề sức-nổi của tàu ngầm nhiều lắm, mỗi người bàn một khác, không giống ý-kiến nhau. Từ bấy đến nay kinh-nghiệm đã sắc-chứng rằng tàu ngầm phải có cái sức-nổi mạnh thì mới có thể đem dùng ra công-thế được. Về cái phương-diện ấy thì các lối tàu ngầm thông dụng ngày nay không khác nhau mấy tí. Đến những cái tư-cách khác cần cho việc binh thì các lối tàu ngầm cũng đại-đồng tiểu-dị như nhau cả : như cái tốc-độ, cái trường-hợp trên mặt bể, cái tốc-độ, cái trường hợp trong khi lặn, đại-để cao thấp giộng hẹp cũng không hơn kém nhau là bao nhiêu. Dần dần, các thủy-quân chưa được bằng lòng, lại còn thi nhau mà muốn tăng-tiến phát-đạt những cái tư-cách ấy lên ; nhưng muốn tăng-tiến

phát-đạt một cái nào mà vẫn giữ cái sức truyền nước cũ, thì những cái khác tất phải giảm kém đi, muốn tăng-tiến phát-đạt cả bấy nhiêu cái thì thế-tất phải tăng đến khung-khổ mà chế những tàu ngầm mỗi ngày một to lên vậy. Bởi thế như ở nước Pháp thoạt-tiên tàu hiệu *Narval* mới có 150 tấn, năm 1901 tàu *Aigrelle* tăng lên 230 tấn, năm 1904 tàu *Circé* 250 tấn, năm 1905 tàu *Pluviôse* 400 tấn, năm 1907 tàu *Archimède* 600 tấn, năm 1911 tàu *Gustave-Zédé* lối mới 800 tấn ; gần đây nghe nói còn có cái đến nghìn tấn cùng hơn một nghìn tấn. Các nước khác đại-để cũng tuần-tự mà tăng-gia như thế. Tàu ngầm cũng không tránh khỏi cái lệ thường của các chiến-hạm cùng thương-thuyền ngày nay, là mỗi ngày phải nhớn thêm mãi lên, không biết đến đâu là cùng vậy. Đâu đâu cũng vậy, hoặc là để tiện dùng về việc binh, hoặc là vĩ nhẽ khác, các nước đều thi nhau mà phát-đạt các lối tàu bể cho cực hoàn-toàn, nhất là phát-đạt cái sức đi, cái tốc-độ của tàu vậy. Như tàu *Narval* của ông LAUBEUF khi xưa đi mỗi giờ trên mặt được 8 hải-lí, dưới nước được 5 hải-lí. Ngày nay các tàu ngầm đi trên mặt được hơn 20, đi dưới nước được ngót 15 hải-lí vậy. Chắc là chế những tàu to mà nhanh như thế thì kinh-phí phải nhiều hơn, nhưng lợi-dụng các khí-giới cũng lại tốt hơn nhiều.

Cái khí-giới ấy vẫn là cái « tự-động ngư-lôi » (*torpille automobile*). Những tàu ngầm nhớn thường có 6, 7 cái, đặt sẵn để lúc nào phóng ra cũng được. Ngư-lôi chế theo cái kiểu tối-tân thì chạy nhanh được 35 đến 40 hải-lí một giờ trong một khoảng từ 700 đến 800 thước (cái khoảng rộng đến mấy nghìn thước thì cái tốc-độ phải kém đi nhiều, mà

phải dùng một cách lấy cữ riêng). Hiện nay thì muốn phóng cho trúng chỉ lại gần cái mục-đích là chắc hơn cả, nhưng nếu cái mục-đích ấy là một cái tàu đương chạy, mà chạy nhanh hơn cái tàu ngầm lội dưới nước, thì đến gần được cũng không dễ ; lại còn phải nhằm cho kỹ nữa, lượng cho đúng cái tốc-độ của cái tàu mình đuổi cùng cái phương-hướng nó đi ; bấy nhiêu cái mà đứng trong một cái tàu ngầm trông qua cái ống kính thì cũng khó lắm vậy. Ném một cái ngư-lôi cho có công-hiệu phải cho khéo tay, phải có may rủi mới được. Xưa nay biết bao nhiêu là ngư-lôi ném hỏng !

Nước Đức muốn dùng tàu ngầm để công-kích các thương-thuyền cho dễ, bèn đặt súng đại-bác vào những cái tàu ngầm mới chế. Tàu ngầm vốn không phải là để dùng đến đại-bác, mà thấy đại-bác đột-nhiên xuất-hiện ra ở tàu ngầm như thế, thì thực là một các hình-trạng mới của cuộc hải-chiến đương bây giờ vậy. Các thủy-quân thấy thế lấy làm lạ lắm, đồn cho rằng người Đức dùng đại-bác thế là có ý để cho tàu ngầm lại chống-cự với tàu ngầm được. Nước Anh cũng đã bắt chước làm. Hiện nay những tàu ngầm mới chế của Đức có mang một khẩu đại-bác 76 li, lúc nổi thì dương ra, lúc lặn thì thu vào trong vỏ, cùng hai khẩu 37 li để thò ra ngoài. Những súng ấy cũng là những súng nhỏ cả, cái khẩu-kính nó vừa nhỏ, cái số nó vừa ít, không đủ giao-chiến với những tàu phóng ngư-lôi võ-trang tốt hơn, nhưng mà đủ hại những tàu buôn không có cách phòng-bị ; nước Đức được thế cũng là mãn-nguyện vậy.

PHẠM QUỲNH.

(Còn nữa nữa đăng kỳ sau).



1. ▲ Trong bài này chúng tôi thường lược theo sách : *Sous-marins et submersibles* (Tàu ngầm và tàu lặn) của ông LAUBEUF (Paris, 1915). Ông nguyên làm chức kỹ-sư trong thủy-quân nước Pháp. Chính ông đã nghĩ-chế ra cái lối tàu ngầm bây giờ. Các nước, nhất là nước Đức, đều bắt chước mà theo kiểu của ông cả. Mấy cái hình trong bài này cũng vẽ theo trong sách ấy.
2. ▲ Tàu đặt xuống nước thì đẩy nước đi mà đứng, một phần nước phải chuyển đi để lấy chỗ cho tàu. Thế gọi là cái « sức chuyển nước » của tàu.
3. ▲ Tàu ngầm (*sous-marin*) với tàu lặn (*submersible*) thực là hai lối khác nhau. Đại-khái thì cái lối tàu ngầm thuần đi ngầm dưới nước, ít đi trên mặt ; lối tàu lặn thì to hơn, muốn đi trên mặt, đi dưới nước cũng dễ cả. Nhưng hai lối còn khác nhau ở cái cách chế, cái sức nổi, cái hình giạng. Cách chế thì ở tàu ngầm cái « hòm đựng nước » (*Water ballasts*) đặt ở trong vỏ, ở tàu lặn thì « hòm đựng nước » to hơn mà đặt ở ngoài vỏ. Bởi thế tàu lặn phải có hai vỏ : một vỏ trong phải chịu áp-

lực của nước thì đầy ; một vỏ ngoài chịu áp-lực ít thì mỏng. Sức nổi thì tàu lặn mạnh hơn tàu ngầm. Tàu thường thì cái sức nổi bằng nửa (50 phân) cái thể-tích cả tàu. Tàu ngầm thì chỉ được 12 hay 13 phân mà thôi, mà tàu lặn thì được đến hơn 40 phân. Bởi thế mà tàu ngầm đi trên mặt nước thấp quá, cũng phải đóng kín mít như đi dưới nước vậy. Tàu lặn thì đi trên mặt nước cao như tàu thường, được nhiều điều tiện hơn. Hình-giang thì tàu ngầm như hình điệu thuốc lá « si-gà », chùng-chục giữa, thon hai đầu. Tàu lặn thì hình giăng như tàu thường đi trên mặt nước chẳng khác gì hình một cái ngư-lôi-đỉnh (*torpilleur*) vậy. Người ta vẫn thường chê cái lối tàu-lặn không được tiện, là đương đi trên mặt mà truyền ra đi ngầm thì phải đổi cái động-cơ chạy nóng (moteur thermique) mà dùng cái động-cơ chạy điện (moteur électrique), lại phải cho nhiều nước vào giữa hai lần vỏ thì tàu mới mất hết cái sức nổi mà chìm xuống được : làm bấy nhiêu việc thì phải mất nhiều thì giờ, trong lúc ấy thì cái tàu nguy mất. Trước kia thì có cái bất-tiện ấy thực. Như cái tàu lặn *Narval* mới chế ra phải đến nửa giờ đồng-hồ mới chìm được. Nhưng ngày nay đã tiến-bộ lắm rồi ; tàu lặn kiểu *Pluviôse* của nước Pháp mới chế năm 1905, đương nổi mà truyền ra chìm không đầy 5 phút đồng-hồ, chẳng kém gì tàu ngầm vậy.

Chú thích

phần

(không được liệt kê trong bản gốc)

- [Ngon-gió Hồ-Gươm](#)
- [Bài ký ngày kỷ-niệm quan Toàn-quyền Sarraut đến Hà-nội.](#)

T A P - T R Ỏ

HỘI HÀN-LÂM CỦA NƯỚC PHÁP

Nước Pháp là một nước trọng văn học. Người Pháp xưa nay vẫn ưa những câu văn hay, nhờ nói khéo. Cùng là một cái tư-tưởng, mỗi nước diễn ra một khác, nhưng bao giờ cái nhờ của nước Pháp vẫn là thanh-thoát hơn, có văn-chương, có lý-thú hơn. Người Hi-lạp xưa, nhất là người thành Nhã-điển (*Athènes*), thậm là hiếu văn-chương, mà cái văn-chương của họ sáng-sủa mát-mẻ như cái khí-giờ đất Hi-lạp vậy. Văn-chương nước Pháp ngày nay cũng có cái khí-vị ấy, mà người Pháp thường được gọi là người Nhã-điển đời bây giờ. Thực không phải là quá đáng vậy. Người Pháp lại còn giống người Nhã-điển ngày xưa về cái thói cách phong-nhã nữa, mà cái thói cách phong-nhã-ấy cũng tức là một cái kết-quả của sự văn-học trong nước.

Cả thế-giới không nước nào có một hội những nhà văn-sĩ giống như hội Hàn-lâm của Pháp (*Académie française*). Hội ấy tức như cái trung-tâm của sự sinh-hoạt trong nước về đường văn-học vậy. Hội có bốn mươi viên, toàn là những bậc tài mắt trong văn-học-giới trong nước, những người đã có chước-thuật nhiều, mà có danh-tiếng ai cũng biết. Bốn mươi ông hàn-lâm ấy đã có tên gọi là « bốn mươi ông bất-

tử », là có ý chỉ là những người đã làm sách-vở hay, khá lấy lưu-danh được lâu dài. Cái số các ông Hàn-lâm có ít như thế, thì chắc ở ngoài còn nhiều nhà văn-sĩ có tài nữa, nhưng đại-để những người nào đã có chân Hàn-lâm là vào bậc những người chức-danh hơn cả. Vả phàm nhà văn-sĩ trong nước ai cũng lấy đấy làm cái nơi cao-trọng nhất, tựa hồ như cái chốn thành-tựu của cái công văn-chương của mình, mà trong bụng ước-ao được vào đấy. Cho nên bao nhiêu những người đại-tài xưa nay sớm trưa cũng là được nhậm ngôi « bất-tử » cả.

Hội Hàn-lâm của nước Pháp sáng lập ra tự năm 1634. Đại tư-giáo RICHE-LIEU, làm thượng-thư cho vua LỘ-dịch thứ 13 LOUIS XIII, nghe thấy có mấy nhà văn-sĩ thời bấy giờ thường gộp nhau ở nhà một người tên là CONRART để bàn văn-chương, đọc sách-vở. Đại tư-giáo bèn nghĩ ra muốn biến cái hội riêng ấy thành một hội công của nhà nước. Bởi thế mới định lập ra hội Hàn-lâm để họp-tập những người có tài văn-chương trong nước.

Hội có bốn mươi viên. Trong số ấy thì cử ra ba người, một ông hội-chủ, một ông trưởng-ấn với một ông « vĩnh-viễn thư-ký », để trông nom việc hội. Ông hội-trưởng cùng ông trưởng-ấn thì bầu ba tháng một ; ông thư-ký thì sung chức ấy suốt đời, nên gọi là « vĩnh-viễn thư-ký » (*secrétaire perpétuel*).

Hội họp mật, thiên-hạ không được vào xem. Duy mỗi năm gjoin là « kỳ công-đồng hàng năm » (*séance publique annuelle*) thì thiên-hạ được vào nghe mấy ông Hàn-lâm diễn-

thuyết. Thường có bài diễn-thuyết của ông hội-chủ về việc ban-thưởng cho những người có công-đức, cùng bài báo-cáo của ông thư-ký về việc ban-thưởng cho những nhà làm sách hay. Vì Hàn-lâm có hai cái trách-nhiệm nhón đối với quốc-dân : một là mỗi năm phải tra-xét trong toàn-quốc, bất-cứ đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ, nhưng nhất là trong bọn thường dân, lấy những người nào đã làm nên những việc công-đức nhón nhau, rồi đem ra ngợi khen trước mặt mọi người mà ban thưởng cho, tức là lấy cái thế-lực của văn-chương mà giúp cho sự đạo-đức trong nước vậy ; — hai là sát-hạc những sách của các nhà văn-sĩ đệ lên trình, để ban thưởng cho những quyển nào hay, tức là lấy cái kinh-lich những bậc lão-thành trong nghề văn-chương mà tưởng-lệ cho những người có tài, chỉ bảo cho những bậc hậu-tiến vậy.

[1]

Cái công việc thường của hội Hàn-lâm là phải soạn một bộ « Pháp-văn đại tự-điển », định nghĩa các tiếng rất tinh-tường, để làm cái tiêu-chuẩn chung cho quốc-văn. Việc ấy là một việc to-tát lâu-dài ; cứ xem từ xưa đến nay chưa làm xong được một nửa thì biết vậy.

Trong hội vui nhất là ngày tiếp những ông Hàn-lâm mới. Khi nào trong bốn mươi ông bất-tử có một ông bất-hạnh mất đi, thì hội công-cử lấy một người vào thay. Người nào muốn được vào thì phải ra ứng bầu. Được bầu rồi thì hội bèn định ngày làm lễ tiếp. Lễ ấy trọng-thể lắm. Thực là lúc danh-dự nhất trong một đời người văn-sĩ, chẳng khác gì như bên ta lúc ông tiến-sĩ mới đỗ về vinh-qui vậy. Không gì vẻ vang

bằng được « đứng nói dưới nhà tròn » (nhà trong tức là cái gian chính-đườn trong tòa Hàn-lâm). Ông Hàn-lâm mặc phẩm-phục, đeo gươm, đọc một bài diễn-thuyết để cảm ơn hội đã bầu mình cùng tán-dương ông Hàn-lâm cũ mình đến thay. Những bài ấy thường dài lắm, mà phải đặt hay, đọc khéo, phô-diễn được hết cái cái tài cái hay của ông trước. Đọc đoạn rồi, ông hội-chủ đứng lên đọc một bài diễn-thuyết mừng, vừa khen ông Hàn-lâm cũ, vừa khen ông Hàn-lâm mới. Những nhời khen ấy cũng khéo lắm. Như ông EMILE FAGUET năm 1910 tiếp ông RENÉ DOUMIC vào thay ông GASTON BOISSIER, [2] khởi đầu bài diễn-thuyết như thế này :

« Thừa ngài, cụ giáo-sư TALLEMANT cũng có chân hội ta đây, ngày xưa có tiếng là người diễn-thuyết ở Hàn-lâm giỏi lắm. Bởi thế đến khi cụ DE BOZE khen cụ TALLEMANT có câu nói rằng : « Tiên-sinh tả những người chết trong hội ta khéo cho đến nỗi có lúc mong cho thường có dịp luôn để được nghe tiên-sinh nói. » Cụ DE BOZE nói câu ấy tự nghĩ mình không dám tự nghĩ mình không có quan-hệ vào đấy. Bỉ-nhân đây không dám tự nghĩ như thế ; nên không dám khen ngài câu ấy. Chỉ xin nói rằng trong bài diễn-thuyết mới rồi ngài đã tả BOISSIER tiên-sinh như tiên-sinh ước được tả như thế, nhời bình-dị như nhời văn hi-lạp, nghiêm trang như nhời văn la-mã, lại thêm cái bụng tốt con nhà Đại-pháp nữa... »

Ông DOUMIC bấy giờ mới mất phu-nhân. Phu-nhân là một người thông-minh trí-thức. Trong bài diễn-thuyết ông FAGUET nói về phu-nhân mấy nhời rất khéo mà rất cảm-động. Nhời rằng : «... Khi vào học trường Cao-đẳng sư-

phạm thì ngài đã định-hôn với một cô con gái con nhà danh-giá... Đến khi ngài tốt-nghiệp ở trường ra thì ngài mới kết-hôn với người tri-kỷ. Phu-nhân thực là một người trí-tuệ thông-minh, sành những điều về tinh-thần, về văn-nghệ, học-thức rộng, tri-giác sâu. Từ bây giờ cho đến cái đại-nạn mới rồi đau-đớn cho ngài mà buồn-bã cho cả chúng tôi, ngài không từng viết một giòng mà không trình cho phu-nhân đọc trước, không từng nghĩ một quyển sách hay là một bài gì mà không hỏi ý phu-nhân, không từng khởi ra một cái tư-tưởng gì mà phu-nhân không được biết, không từng soạn một bài diễn-thuyết nào mà trước khi ra diễn lại không diễn riêng cho phu-nhân nghe đã.

« Trong bấy lâu ngài thật đã được cái hạnh-phúc hoàn-toàn. Ngài được cái hạnh-phúc ấy ở trong chốn gia-đình. Ngài được cái hạnh-phúc ấy vì chính ngài đã mang nó lại ; vì một người nữa cũng cùng mang nó lại với ngài. Ở đời nay chỉ có hạnh-phúc ấy mới là chắc-chắn. Nay ngài đã phải đọc đến câu tuyệt-ngôn của ông LOUIS VEUILLOT : « Ôi! Chúa tôi, xin người cất cho tôi cái tuyệt-vọng mà để cho tôi cái bi-ai », [3] thì ngài phải so cái sum-hiệp khi xưa với cái vắng-vẻ ngày nay mà còn nên cảm ơn vì đã được bấy nhiêu sự vui thú ngon lành mà trong sạch, cảm ơn vì cái khổ-nạn này nữa, cái khổ ấy nó vào một người như ngài thì lại càng khiến cho kiên-nghị thêm lên, khiến cho thêm yếu mến những nghĩa cao-thượng. »

Những nhờ an-ủi khôn-khéo mà thiết-tha như thế thì người nghe cảm lòng sao được. Thực là những nhờ tự trong lòng

mà ra, tất cảm sâu đến trong lòng. Văn-chương đã đến bực cảm động ấy thì là văn-chương tuyệt hay vậy. Lại mấy câu kết tả cái khí-tượng riêng của hội Hàn-lâm, cũng khéo lắm. Nhời kết như thế này :

« Thôi, nói rút lại thì xin ngài vui lòng mà vào hội với chúng tôi, chúng tôi đây mong đợi ngài cả. Mời ngài vào trong nhà này là nơi chúng tôi vẫn ước-ao ngài ; ngài không sợ lạ, vì xưa nay tuy ngài chưa ngồi cùng với chúng tôi, nhưng sách vở ngài thay mặt ngài ở đây đã lâu rồi. Ngài vào với chúng tôi rồi ngài sẽ biết rằng cái nhà này cũng dễ chịu, không một là những ngày tiếp khách như ngày hôm nay — cái đó đã cố-nhiên rồi - nhưng ngày bình-thường cũng vậy. Ngài sẽ thấy những biện-sĩ sành nghề hùng-biện đến nỗi biết nói dẫn-dị như người thường, thuộc cả các khóa nói đến nỗi không biết cái cầu-kỳ là cái gì. Ngài sẽ thấy những nhà bác-học có tài văn-chương đến nỗi nhà làm văn trông thấy phải ghen mà nói : « Cái người này là người nào, họ viết phấn trắng lên trên bảng đen, mà họ lại biết viết mực đen lên trên giấy trắng giỏi hơn mình ? » Ngài sẽ thấy những người lúc thừa trẻ đã vui chơi mà làm qua những chức thượng-thư, rồi từ đấy lưu-tâm về những việc chức-thuật quan-trọng hơn, lấy cái kinh-lịch của mình mà gây được một cái « lạc-quan chủ-nghĩa » để xét đoán việc đời. Ngài sẽ thấy những nhà văn-sĩ làm vẻ-vang cho nước Pháp ta trong thế-giới, những nhà ấy cũng không hẹp gì mà coi bọn « phê-bình » ta vào bực văn-sĩ. Nói rút lại thì cái nhà này dễ chịu lắm. Chúng tôi đả nhau thường đổi cái nghĩa đồng-liêu làm cái tình bè-bạn, thực như

trong triết-học gọi là « dung-hòa hai cái phản-trái » vậy. Cái nhà này có triết-học lắm, ngài ạ. »

Những bài diễn-thuyết như thế thực như văn tây gọi là những « bữa tiệc văn-chương » cho tài, cho trí người ta vậy.

Từ khi có việc chiến-tranh đến giờ, Hàn-lâm không làm lễ tiếp những ông hội-viên mới, muốn để đến ngày chiến-thắng cho lễ được trọng-thể hơn. Nhưng cuộc chiến-tranh diên-man ra mãi, nên năm nay Hàn-lâm đã định bắt đầu làm lễ tiếp những ông mới được bầu. Trong các ông ấy có ba người chức-danh nhất, ai cũng biết, là LYAUTEY tướng quân, BOUTROUX cùng BERGSON hai tiên-sinh. Tướng-quân trước làm tổng-đốc Ma-lặc-kha, đầu năm nay sung chức lục-quân tổng-trưởng ; mưu-lược giỏi, văn-chương tài. Hai tiên-sinh thì là hai bậc triết-học nhất-nhì trong thế-giới, lại thêm là hai bậc văn-sĩ tuyệt-luân. Hàn-lâm sắp đãi thiên-hạ mấy « bữa tiệc văn-chương », như xưa nay chưa từng có nhiều lần.

PHẠM QUỲNH

-
1. ▲ Hàn-lâm đã có một cái tư-bản riêng, cùng những tiền của người ta biếu, hoặc nhường, hoặc gửi. Thường có những người giàu có xin với Hàn-lâm đặt ra một cái thưởng riêng mỗi năm là bao nhiêu để thưởng những sách hay hoặc những người có công-đức.

2. ▲ Ông Emille FAGUET cùng ông Réne DOUMIC là hai nhà phê-bình văn-chương có tiếng. — Ông Gaston BOISSIER là một nhà sử-học có làm nhiều sách về cổ-sử La-mã.
 3. ▲ Mất người yêu là một cái sầu không bao giờ hết được. Cái sầu ấy nên giữ mãi trong lòng như cái kỷ-niệm trăm năm. Nhưng sầu mà đến thất-vọng thì không gì hại bằng. Đạo Thiên-chúa dạy cho người ta càng khổ lại càng nên hi-vọng, cái hi-vọng là thuốc chữa bệnh linh-hồn cho người đời. — Câu này là chỉ một cái buồn không bao giờ nguôi được, không những thế mà lại không nên để cho nó nguôi đi, chỉ nên cầu cho nó khỏi cái thất-vọng mà thôi.
-
-

Chú thích

T H Ò I - Đ À M

VIỆC NHỚN THẾ-GIỚI

Việc chiến-tranh. — Bản báo sáng-lập ra là mong để phụng-sự một cái lý-tưởng công-nghĩa, công-hòa, nhân-đạo. Vậy bản-báo vẫn từng ước-ao rằng có nhẽ tập thứ nhất này xuất-bản được vừa gặp dịp mà hoan-ngheh cuộc hòa-bình trong thế-giới. Sự chiến-tranh diên-man đến nay đã ngót ba năm, Âu-châu bị tẩm máu gội lửa cũng đã nhiều ; tự đầu năm nay quân Pháp-Anh đánh luôn được mấy trận đại-thắng, tưởng cái bi-kịch đã sắp đến ngày kết-liều.

Nhưng đảng Đức-Áo tuy đã quệ mà còn đủ sức hấp-hối được ít lâu nữa. Chắc mình rằng không thể tránh được cái số-mệnh sau cùng, chắc rằng quân Đồng-minh tất cố đánh cho được mới thôi, nên bọn Đức-Áo chỉ còn hết sức tìm cách để lùì lại được ít lâu cái kỳ-hạn tất đến ấy. Hiện nay không ai là người có tài dự-đoán được đến ngày nào tháng nào là giải-quyết cái cuộc kinh-thiên động-địa này. Nhưng bọn ta hằng ngày được nghe được biết những thủ-đoạn oanh-liệt của nhà quân Pháp cùng các quân Đồng-minh, đã từng nhiều phen cảm-mộ trong lòng ; vậy có thể hi-vọng được rằng cái công-phu nhớn-nhao ấy sẽ sắp đến ngày kết-quả,

cuộc đại-chiến sẽ sắp đến ngày toàn-thắng, mà giống Điều-đương kiên-căng tàn-bạo đã phạm với nhân-loại nhiều tội cực-ác cũng sắp đến ngày tiệt hết trên mặt đất vậy.

Xét cái đại-thế cuộc chiến-tranh ở khắp mặt quân từ đầu năm đến giờ thì đủ biết rằng phần đắc-lợi là ở bên Đồng-minh.

Ngày 17 tháng 3, hai quân Pháp-Anh hiệp-lực công-kích rất mạnh, quân Đức nhiều đến hai triệu người phải bắt đầu tháo-lui trong suốt giọc quân từ *Arras* đến *Soissons*. Quân Đức rút quân về đến 40 cây-lô-mét, nhờ đấy mà hơn 200 đô-thị cùng thôn-lạc nước Pháp đã phải chịu cường-quyền quân giã-man hơn hai năm giờ, bây giờ mới được giải-thoát.

Sự thoái-khước của quân Đức vừa là một sự đắc-thắng của cái nghị-lực quân Pháp-Anh, lại vừa là một dịp thịnh-hành cho cái lối giã-man giống Nhật-nhĩ-man nữa. Quân Đức không đủ chiến-lực mà đối lại, bèn dùng hết cách để đi đến đâu triệt-hạ phá-hoại đến đấy.

Ta cũng vẫn biết rằng trong khi hành-chiến không sao tránh khỏi những sự phá-hoại được. Như một quan bị thua phải bỏ chạy một địa-hạt nào thì thế tất là phải phá-hoại cả những cái gì là cái quân địch đến sau mình có thể lợi-dụng làm cách tự-thủ, làm nơi căn-cứ, hoặc làm kế đuổi đánh mình. Nhưng phạm những người cùng vậy không can-thiệp gì đến việc hành-chiến, không quan-hệ gì đến sự dùng-binh, thì chẳng nên kiêng-nể, rư ? Xét ra quân Đức trong khi thoái-khước,

đối với những người những vật ấy một cách tối giã-man, tối độc-ác.

Nhà cửa bị đốt phá, người dân bị khu-trục như đàn trâu, đàn ngựa. Có lắm nơi đô-thị bị triệt-hạ không còn một tí gì trên mặt đất : hiện nay cầm cái địa-đồ trên tay không nhận biết được thành *Bapaume* vào nơi nào nữa. Trong nhà bị tàn phá, có đồ gì mang được thì cướp đem về Đức cả. Cây cối ở trong vườn, ở bên đường, cũng bị chặt ngang sẻ giọc cả. Dưới mình những người bị trọng-thương đặt trái-phá cùng thuốc súng để người Pháp có đến cứu thì bị hại. Nói rút lại thì sự tàn-phá thực « hoàn toàn », cái độc-ác đến cực-điểm mà sự gian-hiểm thực vô-chùng, đến nỗi quân tiên-vệ Pháp-Anh đi đến đâu phải đem hóa-học chuyên-môn đến xét trước xem trong nước uống có thuốc độc không !

Tự tháng tư quân Đức đem bớt quân mặt Nga về nhiều lắm, tổ chức một cái chiến-tuyến rất mạnh, cố-ý chống cự lại, lại sắp-đặt sẵn để phòng khi phải lùi về. Nhưng quân Pháp quân Anh đánh được liền mấy trận, đâm thủng được cái chiến-tuyến ấy, khiến cho quân Đức có cái trận địa nào tốt nhất dần dần mất hết (trận *Vimy* ngày 10 tháng tư, trận *Craonne* ngày 16 tháng tư, trận *Messines* ngày 7 tháng 6). Quân Đức ở mặt Pháp bị hại nhiều cho đến nỗi ở bên Đức đã từng gọi đất Pháp là cái mộ-địa chung của quân-đội Đức vậy. Hiện nay quân Đức vẫn cứ rút dần ở đất Pháp về. Muốn tưởng-tượng được cái số quân bị hại của Đức thì xem ngay hồi đầu quân Pháp-Anh đánh công-thế mới rồi có trong khoảng mấy ngày

mà bắt được hơn tám vạn tù-binh Đức còn mạnh khỏe, là đủ biết vậy.

Về mặt Ý thì từ ngày 9 đến ngày 12 tháng 2, quân Áo đánh ở phía đông *Goritzia* mất trận rất dữ, song cũng không thể truyền được cái trận-địa của quân Ý. Sau mất trận ấy được một độ bình-tĩnh, quân Ý nhân kinh-doanh một cái đại công-thế, đến 18 tháng 5 thì khởi-hành, đánh lấy được cả cao-nguyên *Carso* cho đến tận miền phụ-cận thành *Trieste*. Trong ba ngày quân Ý bắt được 2 vạn 4 nghìn tù-binh mạnh khỏe. Quân Áo đánh phản-kích ở đất *Trentin*, kết-cục đến ngày 22 tháng 5 lại phải một trận đại-bại nữa, khiến cho quân Ý lại chiếm được thêm đất. Sau đến ngày 3 tháng 6 quân Áo lại cố công-kích một lần cùng nữa để mong cướp lại cao-nguyên *Carso*. Trận đánh cực-lực, hai bên áp-chiến nhau rất dữ, đến sau quân Áo cũng bị xô về. Thành ra kết-quả trận phản-kích ấy cũng chỉ lại là thêm hại cho quân-địch mà thôi.

Ở *Macedoine* quân Đồng-minh vẫn chỉ đứng ngăn cho nước Hi-lạp cùng đảng Đức-Áo không giao-thông với nhau được. Từ ngày 11 đến ngày 26 tháng 3 miền phụ-cận thành *Monastir* đã khai-khoảng cả để cho tỉnh-thành khỏi phải quân Bảo phóng-pháo vào. Quân Bảo cứ cách ít lâu lại tìm đường vào công-kích, nhưng lần nào cũng bị đuổi hại nhiều. Trong mùa hè năm nay về mặt quân ấy xét ra quân Đồng-minh cũng không sắp đánh trận nào quyết-chiến. Vì cái tình-thế nước Hi-lạp vẫn còn ám muội lắm, nên Đồng-minh trong cách sử-trí vẫn phải giữ cẩn-thận.

Ở Tiểu-Á-tế-á thì quân Anh ngày 11 tháng 3 được một cái chiến-tích rất hiển-hách, là lấy được thành *Bagdad* của Thổ. Thành *Bagdad* là một nơi nào đô-thị nhớn nhất trong đế-quốc Thổ-nhĩ-kỳ. Thành *Bagdad* thất-thủ vừa là một cái hại nhớn cho người Thổ về đường thực-tế mà lại vừa là một cái hại to cho người Đức về đường thanh-thế nữa. Nước Đức vốn có cái mưu nhớn muốn dùng con đường thiết-lộ tự Trung-Âu đến Ba-tư-loan (Golfe Persique) để khuếch-trương thế-lực sang Á-châu, nay cái mưu ấy đã đến ngày đồ-địa vậ.

Sự quân Anh lấy được thành *Bagdad* là kết-quả của cái công-thế khởi đầu tự tháng hai, quân Anh cùng quân Ấn-độ đã tiến được hơn ba trăm cây-lô-mét, đuổi quân Thổ chạy tán-loạn.

Sau khi lấy được thành *Bagdad* thì quân Anh chia làm hai đạo, theo đuổi quân Thổ, đi ngược giòng sông *Tigre* về phía bắc. Đến cuối tháng ba thì hai đạo ấy đã lên được khỏi *Bagdad* một trăm cây-lô-mét về phía bắc, được ít lâu thì kết-liên được với quân Nga cùng lúc bấy giờ cũng đương đuổi quân Thổ đã sang chiếm đất Ba-tư. Từ đấy đến nay cái tình-thế chưa thay đổi. Quân Nga cùng quân Anh đã chinh-phục chiếm-cứ được những đất rộng như thế thì trước phải kinh-doanh xong đã, rồi mới lại tiến lên được nữa. Nhưng mà cái thế-lực Thổ-nhĩ-kỳ ở Tiểu Á-tế-á trước đã bị dân A-lập-bá tuyên-bố độc-lập, nay lại bị thất thủ thành *Bagdad*, thực đã đến ngày bại-hoại to vậ.

Ở địa-giới Ai-cập (Egypte) thì quân Anh cùng quân Úc-châu đã làm lụi được đường chiến-tuyến của quân Thổ ; hiện nay mấy đạo quân Anh chiếm-cứ thành *Gaza* chỉ chực đến mùa mát là tràn sang sâm-nhập đất *Palestine*.

Ở mặt quân Nga thì khí-hậu rét quá nên trong ba tháng đầu năm nay từ bắc chí nam các việc chiến-dịch phải đình lại ; lại thêm việc cách-mệnh Nga mới rồi cùng những việc quân Đức mưu bàn hòa riêng, nên sự chiến-tranh về mặt ất đã bị ngăn-trở nhiều. Song độ tháng hai quân Nga cũng có khởi đánh công-thế mạnh về mặt tây thành *Riga*, nhưng không thể đánh tiếp theo được mãi.

Những việc chiến-dịch hơi có quan-trọng thì thuộc cả về mặt nam, ở nơi địa-giới Hung-gia lợi với Lỗ-mã-ni. Quân của tướng Nga LETCHITSKI khởi hành công-thế tự tháng giêng vẫn từ-từ tiến lên, chực qua ải-đạo *Bargo* mà vào đồng-bằng đất Hung-gia-lợi.

Như thế thì đất Hung-gia-lợi có cái nguy phải sâm-nhập đến nơi ; đến ngày quân Lỗ tới ải-đạo *Bargo* thì địa-thế không có gì hiểm-trở nữa, có thể tiến thẳng vào đến trung-tâm đất Hung-gia-lợi.

Ở mặt quân Lỗ, sự « chiến-tranh vận-động » nay cũng đã đổi ra « chiến-tranh hàm-hố » rồi. Cái tình-thế ở đây về cuối năm 1916 cũng như tình-thế ở mặt quân Nga trong năm 1915.

Quân Đức-Áo nhờ có pháo-binh tốt nên đánh lối chiến-tranh vận-động dễ được thắng lợi, chiếm-cứ được nhiều đất ; nhưng đến khi không tiến lên được nữa thì hai bên đào hầm-hố mà tương-trì nhau, càng ngày càng thêm cách phòng-bị, thì sự chiến-tranh diên-man ra không biết đến bao giờ là cùng. Cuối tháng giêng thì hàng quân Lỗ đứng theo đường sông *Sereth*, hữu-đực tựa vào quân của tướng Nga LETCHISTKI sắp sâm-nhập vào đất Hung-gia-lợi. Quân Đức mấy lần vào công-kích lưỡng-dục quân Lỗ mà hỏng cả. Các quân-đội nước Lỗ nay đã khôi-phục lại, chỉ còn đợi nước Nga bao giờ xong việc nội-biến thì cùng khởi-hành công-thế vậy.

Nói rút lại thì kể cho đến đầu tháng 7 này cái tình-thế việc quân về đường lục-chiến đại-khái như thế này : ở mặt Pháp thì quân Đức đã bị thua còn cố chết giữ lấy những nơi trận-địa rất kiên-cố, lại nhờ có việc cách-mệnh Nga mới rồi, quân Nga không thể đánh được riết, nên quân Đức còn có thể chống-cự được ít lâu nữa.



Việc hải chiến. — Ngày 1 tháng 2, nước Đức công-bố nhời tuyên-cáo như sau này, cả thế-giới lấy làm kinh ngạc, Nhời rằng :

« Tự ngày 1 tháng 2, nước Đức sẽ dùng đủ mọi binh-kế mà ngăn-cấm sự giao-dịch trên mặt bể trong mấy nơi hải-phận liệt ra sau này, ở quanh nước Anh, nước Pháp, nước Ý, cùng trong đông-bộ Địa-trung-hải ».

Kế đến liệt tên các phần bể ấy thì ra gồm hết cả các bể Âu-châu. Rồi nói riêng đến nước Mĩ rằng :

« Các thương-thuyền nước Mĩ chở khách theo lệ thường thì cứ việc đi lại không phải ngại gì, miễn là phải tuân theo mấy điều như sau này : a) những tàu ấy phải lấy cửa *Falmouth* làm nơi đỗ tàu ở Âu-châu ; b) những tàu ấy phải mang dấu hiệu riêng như sau này, mà dấu-hiệu ấy chỉ cho phép riêng tàu nước Mĩ được mang mà thôi : vỏ tàu cùng thân tàu phải bôi giọc trắng và đỏ, từng miếng to ba thước một, v. v. ».

Nước Đức mong đợi ở sự vây bể nhiều cái kết-quả quá-đáng. Đành rằng trên đất không thể đánh được, bèn phao-ngôn lên rằng sẽ triệt-đoạn các đường giao-thông trên mặt bể của Đồng-minh, khiến cho nước Anh phải chết đói, thì Đồng-minh tất phải xin hòa.

Cứ thực ra thì nhờ tuyên-cáo của Đức ngày 1 tháng 2 cũng chẳng thay đổi gì cái tình-thế từ đầu khi chiến-tranh, vì từ năm 1915, tàu ngầm Đức vẫn đã đánh đắm không cảnh-báo những thương-thuyền vừa của chiến-quốc vừa của trung lập. Chỉ có khác rằng từ nay dở đi số tàu ngầm của Đức nhiều hơn cùng đánh dữ hơn trước mà thôi.

Bên Đồng-minh nhất là nước Anh cũng cứ bình-tâm mà nhận cái lối hải-chiến vô-hạn bằng tàu ngầm ấy.

Xét ra từ bấy đến nay tàu ngầm của Đức tuy cũng có làm hại được ít nhiều mà vẫn là chưa tới được mục-đích.

Như trong tháng 2 số tàu của Đồng-minh bị hại cả thảy là 281 chiếc, trọng-lực tổng cộng là 50 vạn tấn. tháng ba 225 chiếc, trọng-lực 40 vạn 2 nghìn tấn. Mấy tháng sau mỗi tháng một bớt đi, vì các thủy-quân Đồng-minh đã thiết kế-để khu-trục tàu ngầm Đức, hiện nay số đã giảm bớt đi nhiều.

Cái lối chiến-tranh tàu ngầm thực là giã-man mà ngu-xuẩn, chỉ làm hại những kẻ vô-cô, nước trung-lập : thực ích-lợi cho việc hành-chiến thì không có tí nào. Cứ xét như thế này thì đủ biết : trong tháng giêng tây các nước Đồng-minh chở ra *Salonique* 12 vạn quân, trong số ấy tàu ngầm Đức chỉ đánh-đắm được có 115 người. Chính-phủ Đông-dương cũng tải sang Pháp hơn 6 vạn người An-nam, vừa công-binh vừa chiến-binh, không hề bị tàu ngầm Đức đánh đắm hoặc ngăn-trở mất chuyến nào.

Như thế thì hải-quyền vẫn là thuộc về hải-quân Đồng-minh, rõ vậy. Những tàu bị tàu ngầm Đức hại thường là những tàu đánh cá cùng những thương-thuyền chở những người thường dân, đàn bà, con trẻ.

Vả cũng phải biết rằng Đồng-minh tuy có mất nhiều tàu vì tàu ngầm cũng không lấy gì làm hại cho lắm, vì vẫn được tiện-lợi hoặc muốn mua thêm cũng được, để đền vào những số thương-thuyền bị hại. Như tự khi khởi-chiến đến đầu năm 1917 hải-quân Pháp bị hại mất cả thảy là 60 vạn tấn, nhưng trong khoảng lại chế thêm hoặc mua thêm 68 vạn tấn khác, cùng được chế gần xong 15 vạn tấn nữa, điền vào cái số bị hại còn dư nhiều. Nói rút lại thì cái vấn-đề là chỉ phải xét

xem sự vận-động của tàu ngầm Đức có ngăn-trở được việc cung-cấp lương-thực của nước Anh cùng sự vận-tải quân Anh sang lục-địa không. Nay xét ra vấn-đề ấy thực là thuộc về tiêu-cực vậy. Số tàu ngầm Đức mỗi ngày một giảm đi, mà sự vận-tải trên mặt bể của nước Anh sang Mĩ-châu, cùng sang-lục-địa Âu-châu lại càng ngày càng tăng-tiến lên vậy.

Đồng-minh đành phải chịu mất ít nhiều thương-thuyền, chịu biên trong số lợi-hại của thủy-quân một khoản nặng-nề, song việc cung-cấp lương-thực tuy có đắt hơn xưa nhưng vẫn được vững bền, khiến cho người dân cùng quân lính vẫn được đủ đồ ăn dùng làm việc.

Muốn xét kết-quả một việc hành-động nhơn, bao giờ cũng phải so sánh cái lợi với cái hại nó thế nào. Như thế thì người Đức tuy được tự-do hành-động, nhưng phải mua cái tự-do ấy đắt biết chừng nào, vì phải mua bằng sự chiến-tranh với nước Mĩ cùng phần nhiều các nước trung-lập ở Nam Mĩ vậy. Mà cái lợi thứ nhất cho Đồng-minh là nhân thế có thể lợi-dụng được những chiếc tàu nhơn của Đức từ khi khai-chiến trốn ở các cửa bể Mĩ-châu rất nhiều.



Việc ngoại-giao chính-trị. — Ngày 4 tháng 2 Mĩ hợp-chúng-quốc tuyệt-giao với nước Đức. Sự đó xem ra dư-luận nước Đức lấy làm kinh-ngạc lắm, không ngờ rằng phải một miếng miếng điếng như thế.

Sự tuyệt-giao ấy là cái giả-nhời tất-nhiên cho nhời tuyên-cáo Đức ngày 1 tháng 2 về việc dùng tàu ngầm, ta mới thuật lại trên kia.

Tổng-thống UY-NHĨ-ĐÔN (WILSON) nước Mĩ tuy hiểu sự hòa-bình, cũng không thể cầm lòng được nữa : tự 2 năm nay nước Đức phạm quốc-thể nước Mĩ đã mấy mươi lần, nay lại tuyên-cáo rằng từ giờ muốn làm gì thì làm, muốn dùng khí-giới gì cũng được, không kiêng nể gì ai, chỉ vụ lợi cho mình. Ngày 4 tháng 5 năm 1916 sau việc đánh đắm tàu *Sussex*, Hoa-thịnh-đốn gửi tờ kháng-nghị, nước Đức đã trịnh-trọng đoan rằng từ đây không dám đánh đắm chiếc tàu nào mà không cảnh-cáo, không bảo-tồn cho sinh-mệnh người, thế mà đến nay nước Đức đã bội nhời ước được ngay, dám quyết rằng hễ gặp chiếc tàu nào trong mấy cái bể quanh Âu-châu, tự Bắc-hải đến Địa-trung-hải, là đánh đắm hết không tha !

Trước khi bỏ đất Mĩ, đại-sứ Đức là bá-tước BERNSTORFF còn muốn yêu-hãnh một lần sau cùng nữa, dụ-hoặc dư-luân nước Mĩ để mong đổi được sự quyết-định của chính-phủ Mĩ. Ngày 10 tháng 2 bèn thông-tin cho các báo rằng nước Đức vẫn còn nhờ Công-sứ Thụy-sĩ thương-thuyết với chính-phủ Hoa-thịnh-đốn. Công-sứ Thụy-sĩ từ khi Mĩ tuyệt-giao với Đức vẫn giữ hộ quyền-lợi Đức ở đất Mĩ, có đến ngõ nhời với ngoại-giao tổng-trưởng Mĩ rằng muốn thương-thuyết xin đừng thay đổi mà thôi. Ngoại-tướng Mĩ bèn xin ông Công-sứ mang giấy lại. Giấy mang lại rồi thì chính-phủ Mĩ gửi cái giả-nhời sau này, thực là đoạn nốt cái đường yêu-hãnh ấy

nữa. Nhời rằng : « Chính-phủ Mĩ vì nước Đức phản-bội nhời ước ngày 4 tháng 5 năm 1916 mới tuyệt-giao với Đức. Vậy thì hễ Đức có tái-ước lại như cũ mà đoán rằng quyết-ý tuân theo nhời ước, thì Mĩ chính-phủ mới chịu thương-thuyết cùng. »

Đương lúc bấy giờ thì tổng-thống Mĩ còn chưa muốn khởi-sự chiến-tranh với Đức, nhưng cốt là Đức đừng có thực-hành nhời tuyên-cáo về tàu ngầm đối với Mĩ. Ngờ đâu cách đây mấy ngày tàu *Laconia* bị đánh đắm, có người Mĩ ở trong bị hại, lại kế liền phát-giác được việc nước Đức vận-động ở Mặc-tây-kha (Mexique) để xui nước ấy khai-chiến với nước Mĩ. Đến thế thì quá vậy, không sao đừng được nữa.

Ngày 5 tháng 4 tổng-thống Uy-nhĩ-đốn bèn hạ chiến-thư cho nước Đức.

Bên Pháp được tin nước Mĩ vì tự-do, vì nhân-quyền vào cuộc đại-chiến lấy làm vui-vẻ cổ-võ vô-cùng. Cả thế-giới cũng biết rằng người nước Pháp vẫn có cảm-tình riêng với tổ-quốc ông Hoa-thịnh-đốn. Cái cảm-tình ấy nước Mĩ cũng lại giả lại nước Pháp bội phần, cứ xem từ khi khởi-chiến nước Mĩ giúp nước Pháp được bao nhiêu công việc thì biết. Cái cảm-tình hai nước ấy là căn nguyên tự năm 1777, nước Pháp giúp tiền giúp binh cho đảng khởi-nghĩa độc-lập bên Mĩ vậy.

Đông-dương ta đã để riêng ngày 14 tháng 4 để hoan-nghênh cái tin nhớn nhao ấy. Báo *Nam-Phong* kỳ sau sẽ dịch mấy bài

diễn-thuyết rất hay của quan Toàn-quyền SARRAUT-cùng quan Học-chính RUSSIER đã đọc tại Hà-nội về dịp ấy.

Những sự kết-quả của việc khai-chiến nước Mĩ với nước Đức thực không biết đâu mà kể. Trước hết nhân việc đó mà các dân-quốc khác bên Mĩ-châu cũng đua nhau mà theo gương nước đàn anh. Đến dân-quốc trẻ tuổi bên Á-đông ta là nước Tàu trông thấy cái phong-trào ấy cũng không thể đứng yên được, ngày 14 tháng 3, tổng thống Lê NGUYỄN-HỒNG cũng tuyên-bố tuyệt-giao với nước Đức.

Nhưng nước Mĩ can-thiệp vào cuộc chiến-tranh được ích-lợi nhất là về đường thực-tế, đường quân-sự, vì nước Mĩ có thể giúp Đồng-minh được nhiều cách : giúp tiền, giúp đồ lương-thực, đồ dụng-cụ, giúp tàu-bè, giúp quân-lính. v. v.

Nhân nước Mĩ mời, chính-phủ Trung-hoa đã bước một bước thứ nhất mà gửi cho công-sứ Đức ở Bắc-kinh một tờ kháng-nghị rất nghiêm-trang đối với nhời tuyên-cáo về sự chiến-tranh bằng tàu ngầm của Đức ngày 1 tháng 2, lại nói thêm rằng thắng-hoặc nhời kháng-nghị ấy mà không có hiệu-nghiem thì Trung-hoa chính-phủ sẽ phải tuyệt-giao với Đức.

Mãi đến ngày 11 tháng 3, Đức-sứ mới đáp lại tờ kháng-nghị ấy, nhời rất kiên-căng khinh người, khiến cho nước Tàu không thể không tuyệt-giao được.

Các báo Tàu bình-phẩm về cái vấn-đề Tàu với Đức ấy gây lên mấy cái phong-trào dư-luận hoặc vị hoặc phản việc tuyệt-

giao với Đức.

Ông LƯƠNG KHẢI-SIÊU đứng đầu đảng tiến-bộ thì cố-võ cho nước Tàu tuyệt-giao với Đức cùng vào cuộc khai-chiến ngay lập-tức. Đảng quốc-dân có ông TÔN DẬT-TIÊN đứng đầu thì lại phản-đối lại. Chính-phủ đứng giữa còn ngần ngại chưa dám vội theo đảng nào. Vả chính-phủ cũng còn đương bị nghị-viện phản đối vì việc nội-chính. Nhất là đảng quốc-dân cố ý kháng-cự ông ĐOÀN KỶ-THỤY làm binh-bộ tổng-trưởng, kiêm nội-các tổng-ly. Ông Đoàn thì có ý muốn nhập cuộc đánh Đức, đảng quốc-dân thì ghét cái chính-sách riêng của ông Đoàn, nên chỉ phản-đối sự nhập-cuộc là cố-ý phá-đổ tòa Nội-các của ông Đoàn mà thôi. Lại thêm ông tổng-thống LÊ NGUYỄN-HỒNG với ông thủ-tướng Đoàn cũng không được như ý với nhau nữa. Song dù vậy mà ông Đoàn cũng khéo khiến cho Nghị-viện khả-quyết việc tuyệt-giao với Đức xong ngay từ ngày 14 tháng 3. Mấy nơi tô-giới Đức ở Thiên-tân cùng Hán-khẩu ngày hôm sau bị truyền thuộc về quyền hành-chính nước Tàu, những thương-thuyền Đức ở các nơi cửa bể cũng bị biên-tịch.

Nhưng ông Đoàn Kỳ-Thụy bản-tâm là muốn cho nước Tàu nhập-cuộc với các đại-quốc trong thế-giới để mong được hưởng quyền-lợi về sau, vậy quyết ý xin khai-chiến với Đức. Chẳng may cái tình-thế trong nước về việc nội-chính càng ngày càng bối-rối, ông thủ-tướng cùng nghị-viện mỗi ngày một trái ý nhau. Đến tháng năm thì cái tình-thế đại-khái như thế này : ở nghị-viện thì đảng quốc-dân cố-ý phản-đối muốn dùng đủ cách để phá-đổ ông Đoàn ; ở ngoại-vụ bộ thì một

viên ngoại tướng già yếu không làm được việc gì, nhất-thiết ủy cả người con tính tham-lam vô-độ ; ở bộ tài-chính thì viên tổng-trưởng cùng viên phó tổng-trưởng bị bắt về việc hối lộ ; ở bộ giao-thông cũng có việc hối lộ như thế, mà viên tổng trưởng bị bắt thì lại là bạn với ông thủ-tướng Đoàn ; gia-dĩ lại thêm người Đức ở Tàu vận-động để truyền-bá những tin tức sằng, phao-ngôn lên rằng nước Nga có ý muốn hòa riêng.

Song, tuy trong chính-giới rối loạn như thế, như vẫn còn bọn quân-đảng giữ được thế-lực mạnh từ lần Cách-mệnh thứ nhất.

Ở các hàng tỉnh thì mỗi tỉnh cũng tựa hồ như có một ông vua nhỏ tranh lẫn nhau, làm loạn nước, mỗi người có một quân-đội riêng nuôi bằng tiền hàng tỉnh.

Trong các tướng có quyền-thế ấy thì TRƯƠNG HUÂN là hiển-hách hơn cả, vì có quân-đội rất chỉnh-đốn và có kỉ-luật hơn nhất. TRƯƠNG HUÂN đóng quân ngay gần kinh-đô, trên đường thiết-lộ tự Thiên-tân đến Bắc-kinh nên rất là có thế-lực, lâm-thời có thể làm nguy cho chính-phủ được.

Ông Đoàn Kỳ-THỤY thì cũng theo một chính-sách như VIÊN THẾ-KHẢI ngày xưa mà muốn thống-nhất cả các quân-đội trong nước, để giữ quyền chi-phối trong tay. Tuy các nước Đồng-minh cũng không mong nước Tàu nhập cuộc có thể thực-lực giúp gì được cho việc chiến-dịch, nhưng sự khai-chiến với Đức cũng là một cái cơ-hội hay cho ông Đoàn để

tổ-chức lại cả các quân-đội trong nước theo một thể-chế nhất-định cùng đặt cả vào quyền một chính-phủ trung-ương ở Bắc-kinh. Ông Đoàn cũng biết rằng tuy nghị-viện đã khả-quyết việc tuyệt-giao với Đức, nhưng nếu những viên đốc-quân các tỉnh không giúp sức cho chính-phủ thì sự đó cũng chẳng có ích-lợi gì, mà bọn đốc-quân lại có thể nhân đấy mà tạ sự gây loạn được. Vậy trước nhất phải dò xem bọn ấy có ý muốn giúp không đã. Bèn xướng ra hội-nghị các đốc-quân ở Bắc-kinh ngày 25 tháng 4, viên thì thân đến hội, viên thì cho người đến thay mặt. Hội-nghị quyết bàn nên khai-chiến với Đức.

Vậy thì việc đó chỉ còn đợi nghị-viện khả-quyết nữa là xong vậy. Ngày 10 tháng 5 nghị-viện họp để xét ; giữa lúc bấy giờ thì người dân đến vận-động cho sự khai-chiến ở ngay cạnh nơi nghị-hội, sự vận-động đó thực là không phải lúc, khiến cho bọn nghị-viện ngờ rằng chính-phủ dùng cách đó để ép mình phải quyết-nghị việc chiến-tranh.

Thủ-tướng Đoàn Kỳ-Thụy đến sau không thể thắng đoạt được đảng phản-đối ở nghị-viện. Cái nghị-án về việc khai-chiến cũng hỏng. Thành ra bị thua bọn phản-đối mình mà tổng-thống Lê NGUYÊN-HỒNG thì nghe nhờ những bọn tả hữu cùng đảng quốc-dân thấy thủ-tướng gặp bước nguy-cơ như thế xem ra lại có ý bằng lòng. Thủ-tướng thì muốn giải-tán nghị-viện ngay lập-tức, tổng-thống không để cho kịp làm, ngày 13 tháng 5 hạ-lệnh cách chức. Ngoại-giao-bộ tổng-trưởng Ngũ ĐÌNH-PHƯƠNG lên thay làm thủ-tướng.

Cái chính-biến ấy khiến cho tức khắc bọn đốc quân trong 11, 12 tỉnh phía bắc, toàn là bạn cùng thủ-túc Đoàn Kỳ-Thụy cả, khởi lên kháng-cự.

TRƯƠNG HUÂN bắt tổng-thống LÊ NGUYÊN-HỒNG giải nghị-viện lập tức, cùng khởi-phục lại tòa nội-các Đoàn Kỳ-Thụy. Trung gian bọn đốc-quân đặt một lâm-thời chính-phủ ở Thiên-tân.

Đó là căn-nguyên cái việc nội-loạn mới đương nổi lên ở nước Tàu hiện bây giờ. Nam Bắc tranh nhau, Bắc thì là đảng các viên đốc-quân, Nam có 6 tỉnh thì về đảng nghị-viện cùng tổng-thống LÊ NGUYÊN-HỒNG. Nghe tin 6 tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây, Qui-châu, Vân-nam, Hồ-nam, Tứ-xuyên, đã tuyên-cáo-độc-lập, sắp sửa đề-binh lên đánh Bắc.

Mới tin hôm 1 tháng 7 tây này, TRƯƠNG HUÂN cùng KHANG HỮU-VI đã ép LÊ NGUYÊN-HỒNG phải từ chức. Vua TUYÊN-THỐNG lại lên làm vua, gọi là Quốc-trưởng. Xuống chiếu phong LÊ NGUYÊN-HỒNG tước thượng-công đại nguyên-súy ; TRƯƠNG HUÂN tổng-đốc Trực-lệ và làm thống-tướng cả các tỉnh phía Bắc ; phó tổng-thống PHÙNG QUỐC-CHƯƠNG tổng-đốc Lương-giang ; đại-tướng LỤC VINH-ĐÌNH tổng-đốc Lương-Quảng. Ở Bắc-kinh có quân-đội của TRƯƠNG HUÂN đàn-áp đã yên cả. LÊ NGUYÊN-HỒNG nói chẳng thà chết chứ không chịu để cho các tỉnh phía Nam hợp lại, lập đảng họ đảng kia. Cứ vậy may còn mong được khởi lưu-huyết chẳng.

[1]

Ta đã thuật lại khá dài những việc nhớn trong thế-giới xảy ra từ đầu năm nay để các nhà đọc báo được đủ tài-liệu mà xét cái đại-thế việc chính-trị trong vạn-quốc hiện bây giờ.

Về việc chiến-tranh thì các nước đồng-minh đã chịu-khổ chịu khó trăm nghìn lần mới phá-hoại dần dần được cái võ-lực của giống Nhật-nhĩ-man. Về đường ngoại-giao thì nước Đức hiện nay thực là đứng cô-độc trong thế-giới. Chỉ còn có giao-thiệp với mấy nước trung-lập nhỏ ở láng-riềng dễ bắt nạt, như nước Hòa-lân, nước Thụy-sĩ, nước Thụy-điển.

Cả thế-giới bây giờ nóng lòng sốt ruột, mong cho cái trận thiên sào vạn thảm này chóng đến ngày kết-liệu, mà ước cho những kẻ gây ra trận ấy là đức-hoàng cùng bọn quân-chủ Đức sẽ sắp đến ngày ra chịu tội với thiên hạ, với giới đất vậy. Hiện nay đã có cái triệu-chứng rằng người dân Đức bị bọn cường-quyền mê hoặc đã lâu, nay đương hi-vọng đập đổ cái ách nước Phổ. Gương nước Nga vừa mới phá-đổ được cái chuyên-chế chính-thể cùng tuyên-lập dân-chủ thực đã kích-động bọn dân Đức dân Áo nhiều lắm.

Hiện nay ta chưa thể thuật lại được những việc xảy ra bên Nga, vì những việc ấy chưa được biết tường lắm. Đại quốc bạn với nước Pháp thực là phú ư cái duy-tâm-tinh-thần, hiện mới trải qua một buổi rất khó-khăn, còn đương khởi-phục lại vừa về đường chính-trị, về đường hành-chính cùng về đường quân-sự nữa. Những sự vận-động của bọn âm-mưu Đức cố ý làm cho bối rối cái tình-thế trong nước Nga để gây lên nội-loạn thì xét ra không thành công cả, chỉ đủ khiến cho

hết thấy dân Nga đồng-tâm hiệp-lực mà kết lại thành một khối bền chặt không lay đổ được ; những nhà lãnh-tụ trong đảng quốc-dân cùng trong lâm-thời-chính-phủ đã trình-trọng tuyên-cáo rằng không bao giờ ký-ước riêng với nước Đức, mà sẽ hết sức theo đuổi sự chiến-tranh cho đến ngày toàn-thắng, có thế thì cuộc hòa-bình mới được vững-vàng, nghĩa dân-chủ mới được thịnh hành trong khắp cả Âu-châu vậy.

Ở bên Á-đông thì nước Nhật-bản nhờ được những lợi-quyền riêng về việc chiến-tranh mà cái tài-sản trong nước đã tăng-tiến lên rất nhanh, vậy cố bảo-tồn cho cuộc hòa-bình ở bên này. Nước Nhật-bản đảm-nhận việc tuần phòng trên mặt bể. Chỉ cố việc nội-loạn bên Tàu là cái khuyết-điểm to trong tình-thế cõi Á-đông ; các nhà thực có bụng với nước Tàu cũng vì những việc đó mà lo thay cho nước ấy, tự nghĩ rằng không biết cái dân-quốc trẻ tuổi kia cứ rối-loạn hỗn-độn mãi như thế thì đến sau kết cục ra làm sao vậy.



Việc trong nước. — Đồng-bào ta trong tai còn văng-vẳng những nhời diễn-thuyết hùng-hồn của quan Toàn-quyền SARRAUT đã đọc gần khắp mọi nơi. Bọn ta đã được biết đại-khái cái chính-sách của ngài : là muốn cực-lực phát-đạt cuộc kinh-tế trong cõi Đông-dương, để cho người dân được thêm giàu-có, mà có thể giúp cho mẫu-quốc được thành công.

Mấy tháng đầu quan Toàn-quyền ở đây chỉ chủ nghiên-cứu những kế-hoạch để thi-hành cái chương-trình ấy. Như sát

hạch lại các ngạch thuế thương-chính, sáng lập ra một đội thương-thuyền nhỏ, tưởng-lệ cho thương-nghiệp công-nghệ trong xứ, đó là mấy việc chính trong sự kinh-tế vận-động của quan Toàn-quyền, có nhẽ đến mùa đông sau này thì sẽ bắt đầu thấy kết-quả.

Quan Toàn-quyền SARRAUT muốn thực hành cái câu : « có tài-chính tốt thì chính-trị mới hay được ». Mà quả-nhiên như vậy. Không có tiền thì làm thế nào mà kinh-doanh được những việc nhớn trong xứ này là xứ mới gọi là tập bước vào đường văn-minh tiến-bộ ngày nay. Vậy thì cái gốc chính-trị của quan Toàn-quyền ta là chủ làm cho dân được thêm giàu-có, mà khéo quân-phân của cải trong nước. Về sau rồi ta sẽ có dịp sét trong báo này những việc mưu-toan nhớn của ngài về đường ấy, những việc ấy nhờ tay ngài quả-quyết sẽ sắp đến ngày thực-hành được.

Quan Toàn-quyền đã chắc cái tiền-đồ xứ này thịnh-vượng thế nào, đã biết những tài-sản trong xứ này phong-phú là chừng nào, thì ngài sẽ rộng mở đường khoan-dung mà khai-hóa cho dân ta, như ngài đã từng công-cáo cho bọn ta biết ; những công-cuộc ngài hứa cho ta ấy sau này sẽ ích lợi cho dân An-nam ta vô cùng vậy.

Ai cũng nhớ những nhời diễn-thuyết của quan Toàn-quyền đọc tại Nam-định đầu tháng sáu vừa rồi, trong mấy bài diễn-thuyết ấy ngài đã kể qua cái chương-trình về việc học cao-đẳng mà ngài có ý muốn thi-hành nay mai. Hiện nay việc cải-lương sự học là cái vấn-đề quan-trọng nhất, cần-cấp nhất

trong xứ ta. Sau này ta sẽ có dịp nhân những việc thực-hành của quan Toàn-quyền mà bàn riêng về cái vấn-đề ấy.

Trong tháng 7 này xứ Bắc-kỳ ta sẽ có một sự cải-cách nhón, ảnh-hưởng rất là sâu-xa. Hoàng-thượng ta đã tỏ ý cùng với nhà nước bảo-hộ khởi-hành những sự cải-lương có ích cho dân ta, bèn định sắp tuyên-bố một bộ luật mới để bắt đầu thi-hành trong các tòa nam án xứ Bắc-kỳ. Hoàng-thượng tuyên-bố xong thì quan Toàn-quyền sẽ chuẩn-nhận cho phép thực-hành ngay, khiến cho những điều tệ-tập cũ chóng trừ được, cho dân ta được hưởng công-bằng hơn xưa. Trong một số sau bản-báo sẽ bàn kỹ về cách thi-hành luật mới ấy thế nào.

Mùa hạ năm nay quan Toàn-quyền sẽ vào nghỉ trong Nam-kỳ để giải-quyết mấy cái vấn-đề quan-trọng về việc kinh-tế trong nước. Song trước khi vào Nam-kỳ ngài sẽ đi kinh-lược mấy tỉnh phía bắc Trung-kỳ, cùng vào chơi kinh-đô, định khởi-hành lễ chính-trung ở trong ấy. Nhân thế ở Huế ngài sẽ cùng Hoàng-thượng điều-đinh mọi việc về sự cải-lương pháp luật ở xứ Bắc-kỳ.



1. ▲ Việc Tàu mỗi ngày một biến-đổi, bây giờ chưa biết rõ tình-hình ra làm sao. Đây là thuật đến đầu tháng 7

tây, còn việc về sau thì kỳ sau mới có thể nói tường
được.

Chú thích

TIÊU-THUYẾT

BỘ TIÊU-THUYẾT « CÁI VINH CÁI NHỤC CỦA NHÀ QUÂN »

Trong xã-hội có một hạng người khi vẻ vang thì cực vẻ vang, mà lúc khổ-nhục, thì thậm khổ-nhục, gặp những buổi quốc-gia nguy-biến thì cầm tính-mệnh một dân ở trong tay, ở vào thời trong nước thái-bình thì không ai hề đoái-hỏi đến. Hạng người ấy là ai ? Hạng người ấy là bọn nhà quân vậy. Ai đã từng trải qua cái cảnh cực vinh cực nhục ấy, mới được biết hết mùi bùi ngọt chua cay. Nhưng mà cái bùi ngọt thì ít có, mà vị chua cay là cái vị thường của con nhà vác súng đeo gươm ! Ta được cái cảnh vinh nhục ấy, không những là cái vinh-hoa nồng-nàn những buổi thành đô nước nghiêng. mà lại nhất là cái nhẫn-nhục thâm-đạm nhwuxng ngày thái-bình vô-sự, để biểu dương cái nghĩa cao-thượng nó ngụ không những là ở cái cảnh vinh-hoa kia mà lại nhất là ở trong cái lòng nhẫn-nhục này, các nhà văn-sĩ từ xưa đến nay, mấy người đã làm trọng được cái công-trình ấy ? Vì không phải là có tài văn-chương mà đủ làm được, tất đã phải thân bước vào cái cảnh ấy, sống ở trong cái cảnh ấy, mà không bị các khí-vị khi nhạt khi nồng trong cảnh ấy nó mờ-ám mất cái nhõn-lực của mình, tựa hồ như đứng trong bọn nhà quân mà

mình vừa là chủ vừa là khách ; phải có thể thì mới thuộc được cái tâm-lý một người xưa nay kẻ chê cũng lắm, người khen cũng nhiều. DE VIGNY tiên-sinh thực đã gồm đủ tư-cách ấy, lại thêm cái tài văn-chương cao-nhã, nên sách « Cái vinh cái nhục ^[1] của nhà quân » (Grandeur et servitude militaires) của tiên-sinh đã lưu-danh trong văn-học nước Pháp như một bức tranh truyền-thần của cái tâm-hồn thân-thể bọn quân-gia vậy.

Sách này gồm mấy truyện nhỏ của tiên-sinh hoặc đã từng-trải, hoặc được nghe biết, cái phần sự thực với phần tưởng-tượng cũng ngang nhau. Chia ra làm hai mục : mục « Nhục » cùng mục « Vinh », để cho biết cái vinh với cái nhục ở đây cũng cao-thượng bằng nhau, mà cả cái thân-thể của con nhà quân cũng chỉ tóm lại trong một chữ : là chữ nghĩa-vụ vậy.

Ôi ! cái Nghĩa-vụ là một cái sức thiêng-liêng, nó khiến cho người ta đã đem lòng vào thờ nó thì không còn biết phân-biệt nhục-vinh gì nữa, chỉ biết chỉ đâu đi đấy mà thôi. Bởi thế mà cái lòng thờ nghĩa-vụ ấy, lắm lúc nó đưa người ta vào những cảnh-ngờ rất bi-thảm, như trong mấy truyện sau này.

Ngày nay một nửa phần trong nhân-loại đương làm hi-sinh cho cái thần chí-nghiêm là thần nghĩa-vụ ấy, tưởng không sách gì độc hợp thời bằng sách « Cái vinh cái nhục của nhà quân » này. Người mình có thể nhân đấy mà hiểu được cái tâm-hồn những người chiến-sĩ đương xông-pha ở nơi chiến-trường Âu-châu, cùng cái cách họ thờ cái Nghĩa-vụ nhiệt-thành tâm-thiết là chừng nào.

Bởi thế dịch sách này ra quốc-văn.

PH. Q.

1. ▲ Nhục đây nghĩa là nhĩn-nhục, không phải là đê-nhục.



Chú thích

Số 2 — Août 1917

<u>Văn quốc-ngữ</u>	77
<u>Một bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền</u>	80
<u>Nước Mĩ trong cuộc chiến-tranh</u>	85
<u>Nghĩa gia-tộc</u>	89
<u>Sử luận</u>	93
<u>Triết-học là gì ?</u>	97
<u>Tổ triết-học nước Pháp : ông DESCARTES</u>	100
<u>Tàu ngầm tàu lặn. II</u>	105
<u>Cây cũng có cảm-giác như người</u>	110
<u>Thơ. — Văn-tế ông Bách-đa-lộc. — Tự tình với sông Hương. — Hát mừng gió nồm</u>	115
<u>Truyện người lính bằng tuyết. — Bình-phẩm sách mới : « Một tấm lòng ». — Nước Mĩ vào cuộc với Đông-minh</u>	121
<u>Thời-đàm (Việc cách-mệnh Nga, nội-loạn Tàu)</u>	129
<u>Truyện cái dấu đỏ (tiểu-thuyết). II</u>	141

phần

(không được liệt kê trong bản gốc)

- Tự-vưng

VĂN QUỐC-NGŨ

Cái vấn-đề quan-trọng nhất trong nước ta ngày nay là cái vấn-đề về văn quốc-ngữ. Cái vấn-đề ấy có giải quyết được thì sự học mới có thể tấn-tới, dân-trí mới có thể mở-mang, cuộc tiến-hóa sau này mới có thể mong-mỏi được. Đến ngày chữ quốc-ngữ dùng làm quốc-văn được thì người nước Nam mới có thể thâm-nhập các khoa-học mới mà gây thành một nền học thích-hợp với trình-độ, với tính-cách dân ta. Đến ngày ấy thì người nước ta mới phát-biểu được cái nhân-cách của mình, cái nhân-cách ấy hiện nay còn mập-mờ phảng-phất như ảnh không hình vậy. Nói rút lại, văn quốc-ngữ có phát-đạt thì nền quốc-học mới gây dựng được, mới tư-tưởng mới mở-mang được, quốc-dân mới không đến nỗi chung-kiếp đi học mượn viết nhờ như từ xưa đến nay vậy.

Trách lịch-sử cũng không có bổ-ích gì, mà làm án ông cha lại là phạm tội bất-hiếu. Vậy ta chẳng nên oán gì các cụ ta ngày xưa vì say đắm chữ tàu nên nhãng-bỏ tiếng nô, để cho con cháu ngày nay khổ vì có nước mà không có văn, có người mà không có cách nói cho nhau nghe ngoài những sự nhật-dụng tầm-thường. Ta chỉ nên xét cái hiện-tình mà khuyên quốc-dân chú-ý vào một cái vấn-đề rất là quan-trọng cho cuộc tương-lai nước nhà.

Hiện nay ai cũng rõ rằng chữ quốc-ngữ là tiện-lợi, so với chữ tây chữ nho học vừa dễ mà nhanh, nhưng cũng vì thế mà coi thường, cho là không đáng công học, không biết rằng cái chữ

quốc-ngữ ấy thực là cái bè lau để cứu-vớt bọn ta trong bể trầm-luân vậy.

Ôi! có nước mà không có tiếng nói còn gì khổ bằng ! Trong khi họp-tập, năm ba anh em ngồi với nhau, bàn những sự thiết-yếu kể những điều tâm-sự, mà đương câu truyện phải pha một hồi phải pha một hồi tiếng tây hay điểm mấy câu chữ tàu, thì cực biết bao nhiêu ! Viết một bức thư là sẽ tấm lóng cho người yêu kẻ mến, nhờ đi cái cảm tình cũng phải đi theo, thế mà diễn cái cảm-tình ấy cũng không thể dùng được cái tiếng nói bắt đầu học từ khi lọt lòng mẹ thì thấm biết chừng nào !

Ấy cái hiện-tình như thế. Phàm những người có chí ai là người đoái nghĩ đến ?

Những người nhiệt-thành về tây-học thì ước cho chữ tây thông-dụng cả trong nước, lấy tiếng tây mà thay vào tiếng ta không những là trong khi học-hành mà đến cả trong khi truyện-trò bàn-bạc nữa, không biết rằng sự « đổi-óc » ấy là thuộc về nhẽ thiên-nhiên không bao giờ thành được. Dù có thể thành được nữa cũng lại là một sự không nên ước lắm. Vì chữ Pháp phải coi là một thứ « cao-đẳng văn-tự », người nào có tư-cách nên nghiên-cứu cho thực thâm để làm cái thang mà bước lên cõi văn-minh, nền học-thuật mới, nhưng cái của báu ấy không nên đem ban-phát cho khắp mọi người, sợ không biết của, dùng nhầm mà làm mất giá đi vậy. Cứ xem người nước ta theo tây-học đã ngoại bốn mươi năm nay mà chưa thấy gì là tấn-tối cho lắm, cũng là bởi sự học trọng

phổ-thông mà không chuộng nghiên-cứu, nên tuy có rộng mà không được sâu. Như thế thì thà rằng ít người học mà học cho kỹ còn hơn là nhiều người học mà học không đến nơi vậy.

Đến những nhà cựu-học thì tuy ngày nay không còn mấy nữa, nhưng còn người nào đều là giữ cái « yếm-thế chủ-nghĩa » cả. Trông thấy cái học cũ mỗi ngày một mòn mỗi đi, không thể cứu vớt được nữa, trong lòng những thương cùng nhớ, không hề xét đến tình-thế tất-nhiên, không hề nghĩ đến tiền-đồ sự học, tựa-hồ như quay mặt cả về cái ký-vãng mà ngoảnh-lưng lại cái tương-lai vậy. Nói văn quốc-ngữ với những bọn ấy thì cũng lấy làm vô-vị như là nói văn nho với người tây học vậy.

Như thế thì cả quốc-dân không hề lưu-tâm đến cái vấn-đề tâm-huyết, là cái vấn-đề chữ quốc-ngữ ; cả quốc-dân không hề tự hỏi : Một nước có thể không có quốc-văn được không ? Một nước muốn sự sinh-tồn, tìm đường phát-đạt, có thể đời đời học mượn viết nhờ mãi được không ?

Đời trước đã nhầm, đời nay phải biết tránh vết xe cũ mà đừng đi. Ví nước Nam xưa kia có được vài ba ông Nguyễn-Du, rằm bảy bà Thị-Điểm, mấy cụ Bàng Đôn, mấy cụ Yên-đổ thì chi mà quốc-văn chẳng đã phong-phú rồi, chi mà đến nỗi nghèo nàn như ngày nay !

Các cụ đã nhãng bỏ, bọn ta phải chăm-chú. Dám quyết rằng công-phu này không phải là công-phu uống. Cái chất nôm

tuy còn mộc-mạc, như súc gỗ chưa thành đồ, nhưng nếu khéo đẽo khéo trạm thì có ngày *trắc gụ* cũng nên.

Vẫn biết rằng văn quốc-ngữ ngày nay chưa có cái thú-vị gì khá lấy làm vui được cho những bậc cao-sĩ. Ngồi hầu truyện các nhà văn-nhân thi-sĩ nước Tàu nước Tây vẫn còn sướng hơn là để tai nghe những tiếng bi-be của đũa lên ba đất Nam-Việt. Nhưng mà kính-trọng bậc tôn-trưởng bao nhiêu tưởng cũng nên phủ-dục cho đũa anh-hài bấy nhiêu mới là phải. Huống chi đũa anh-hài lại là sản-nhi giống Hồng-Lạc, thì cái công phủ-dục ấy lại chẳng nên tăng lên bội-phần dư ?

Bởi vậy mà ngày nay người nào chịu tập văn nôm là làm một việc công-đức, người nào chịu xem văn nôm là làm một việc đại-nghĩa vậy. Cái công-đức ấy, cái đại-nghĩa ấy, những người có tài có trí trong nước ta há lại không nên tận-tâm mà làm dư ?

Nào các nhà tây-học, sau khi các ông đọc xong một truyện hay, lại chẳng nên tự nghĩ rằng : cái truyện này ta thử thuật lại ra tiếng ta cho vợ ta em ta nghe xem năm phần có được một phần không ; đương khi các ông gặp được một cái tư-tưởng lạ, lại chẳng nên tự hỏi rằng : cái tư-tưởng này, ta thử đem diễn ra nhời nôm, xem mười phần có được một phần không, cái nghĩa-lý của nó kèm đi bao nhiêu, cái sâu-sắc của nó giảm mất chừng nào. Ông tự nghĩ tự hỏi thế rồi, ông thử cầm bút viết, lần đầu tất còn chưa được thanh-thoát lắm, lần thứ nhì, đến lần thứ ba thì có nhẽ năm phần đã đến được ba mà mười phần đã tới đến bảy rồi. Thế là đội văn nôm được

thêm một xuất tinh-binh, mà thiện-nghiệp của ông được tăng một công-đức mới vậy ! Việc đó tưởng cũng không khó-khăn gì, miễn là có chút hảo-tâm là đủ. Và các ông cũng có thể tự chắc rằng có công tất có quả, vì một cái tiếng đã đfung để giải được tính-tình tâm-sự một cô Kiều không phải là tiếng man-mọi gì mà không thể thành văn được.

Lại các nhà nho-học, trong khi các ông bình một đoạn văn hay, nhờ giọng-giả như bài biểu ông Trư-Cát, giọng dịp-dàng như bài tựa ông Vương-Bột, khí mát mẻ như bài phú ông Đông-Ba, tình cảm-động như bài văn ông Hàn-Dũ, lại chẳng nên tự hứa trong bụng rằng : ta sẽ cố luyện cho tiếng nôm ta cũng có cái thể-cách nghiêm-trang như nhời văn chữ, để gây lấy một lối từ-chương cho người mình, sau này cũng có thể làm tựa, làm ký, làm chướng đối được như người Tàu. Nếu cái văn-chương mới ấy mà gây-dựng lên được thì cái công-đức của các ông cũng không phải là nhỏ vậy.

Nhờ cả các bực cựu-học tân-học trong nước vun giồng cho thì cái mầm quốc-văn mấy nổi mà mọc thành cây, sinh hoa kết quả, thêm tốt đẹp cho cái vườn cũ đất Việt-Nam này. Nhà tây-học thì phỏng cái lối thuyết-lý tả-thực của Âu-châu mà vụ cho nhời nôm được rõ-ràng thiết-thực, trọng phép trực-tiếp hơn phép gián-tiếp. Nhà nho-học thì theo cái lối từ-chương biên-ngẫu của văn Tàu mà luyện cho nhời nôm được chải-chuốt nghiêm-trang, dùng phép gián-tiếp hơn phép trực-tiếp. Hai lối điều-hòa với nhau thì quốc-văn cũng được đủ tư-cách mà ra ứng-đối trong trường ngôn-luận, kết-cấu trong cõi văn-chương.

Song các nhà làm văn gắng-sức đã đành, các nhà đọc văn cũng phải chịu khó mới được. Nói thế tất có người lấy làm lạ mà nghĩ rằng : Người ta xem sách cốt lấy vui. Nếu xem sách cũng phải khó nhọc thì ai còn xem làm gì ? — Cái đó đã cố-nhiên rồi, nhưng phải xét đến cái tình-thế riêng của văn quốc-ngữ mới được. Cổ-thi La-mã có câu : « Mày là đứa con sinh ra không có mẹ ! » Văn quốc-ngữ ta ngày nay cũng là một đứa con sinh ra không có mẹ vậy. Trước ta không ai làm văn bằng nô-m, ta không thể lấy người trước làm chuẩn, làm mẫu được. Ta phải nhất-thiết sáng-tạo dựng đặt ra cả, từ chữ dùng cho đến phép đặt câu. Việc đó không phải là một việc dễ : ai đã từng làm văn quốc-ngữ, vụ cho nhời nô-m đạt được hết cái tư-tưởng của mình, mới biết cái gian-nan vậy. Người đọc thường không lượng cái khổ-tâm của người làm mà quá trách-bị ở văn quốc-ngữ, muốn cho văn quốc-ngữ xem cũng vui cũng thú bằng văn tàu văn tây, không biết rằng trẻ lên ba đã khôn sao bằng người đầu bạc được ! Nhưng có nuôi thì có nhớn, rồi cũng có ngày trưởng-thành. Cốt là đương buổi ấu-trĩ này phải có người chăm-chút, phải có người trông-nom, phải có người rèn-tập mà cũng phải có người tưởng-lệ, thì mới ra khỏi tuần mặng-sữa mà bước lên bậc tiến-thành được. Ấy văn quốc-ngữ ngày nay cũng tức như đồ Bát-trần Phù-lăng ngày xưa vậy. Ai đã từng vào xem nhà Cổ-vật-quán của trường Bác-cổ ở Hà-nội thì tất trông thấy ở gian bày đồ cổ An-nam có mấy bộ tam-sự, ngũ-sự, đỉnh, lọ bằng sành từ đời Cảnh-hưng Vĩnh-thịnh, hình cổ-kính mà trang-nghiêm, chất bóng-bẩy mà chải-chuốt, nước men nét bút cũng chẳng kém gì xứ tàu. Cớ sao mà cái kỹ-nghệ quý-báu của ông cha ấy, ngày nay ngoài mấy bộ của trường Bác-cổ, không còn di-

tích nữa ? Có sao mà chính người nơi thổ-sản giắt đến xem
lấy làm kinh-ngạc mà không dám nhận ? Chẳng phải là nước
ta xưa nay đã quá dùng đồ xứ tàu đã giết mất đồ xành ta dư ?

Ai ôi, quốc-nghệ xưa kia đã thế, quốc-văn sau này thế nào ?

Xin đồng-bào ta chớ nhãng-bỏ, chớ khinh-rẻ văn quốc-ngữ.
Cái tương-lai ta ở đó.

PHẠM QUỲNH

MỘT BÀI DIỄN-THUYẾT CỦA QUAN TOÀN- QUYỀN SARRAUT.

Quan Toàn-quyền Đông-dương ALBERT SARRAUT đại-nhân, ngày 2 tháng chạp năm 1916, có diễn-thuyết tại Paris, ở trường nữ-học-đại-học hiệu « Université des Annales », nói về đất Đông-dương. Trong bài diễn-thuyết ấy có mấy đoạn tán các văn-minh cũ của nước Nam cùng khen người dân xứ này, nhời-nhẽ rất là hùng-hồn mà cảm-động, xem đấy thì biết cái trí cao dạ cả của quan đại-thần hiện giữ trọng trách làm chúa-tể đất ta. Vậy xin dịch mấy đoạn ấy ra sau này, cho đồng-hào ta cùng xem, trước là cảm cái bụng quan Toàn-quyền quuyến-cổ đến dân hèn này, sau là để cho người nước ta biết chân-giá cái văn-hóa cũ của ông cha, kéo đã vội đem lòng phụ-bạc...

SARRAUT đại-nhân trước kể cái phong-cảnh những chốn lãng-tầm nơi đế-đô, rồi nhân đấy cảm-khái đến cái văn-minh cũ của nước Nam. Ngài nói rằng :

« Muốn giải được cái tâm-hồn của người An-nam, muốn biết sức-mạnh của cái cựu-truyền trong nước lấy việc phụng-sự tổ-tiên làm gốc, muốn hiểu được cái tôn-chỉ cao-thượng của cái tư-tưởng người An-nam, muốn hình-dung được những cuộc vinh-hoa trong lịch-sử văn-minh dân ấy, thì tất phải đã hằng giờ đi dạo chơi thơ-thần trong mấy chốn bồng-lai tiên-cảnh, là những nơi lãng-tầm của các vị đế-vương

nước ấy đời xưa, như lăng vua Gia-long, Minh-mạnh, Thiệu-trị, Tự-đức.

« Các ông chớ nghe nói lăng-mộ mà nghĩ đến những cảnh u-sầu thảm-đạm. Chắc là trong cái phong-cảnh sầm-uất mênh-mông, làm nơi nhà mồ cho những bực vua chúa, trong đám cây-cối cỏ-hoa ùm-tum rậm-rạp, có phảng-phất một cái gì buồn lạ, khiến cho cái tư-tưởng ta nghĩ đến những sự tôn-nghiêm cẩn-trọng ; nhưng mà cái buồn ấy là cái buồn đặc-biệt, nó là một cái cảm-tình thuộc về mĩ-thuật, nó có cái khí-vị êm-dềm, dễ gây nên cái lòng tưởng-nhớ, dễ bày ra cái cảnh trang-nghiêm. Các vua-chúa nước Nam lúc sinh-thời đã chọn sẵn lấy một nơi cảnh-chí cao-thượng, một chốn tạo-vật đã phô bày để vẻ tốt đẹp, để làm nơi ngủ giấc ngủ sau cùng. Cảnh thiên-nhiên đã có vẻ uy-nghiêm, lại thêm cái nhân-công kỳ-sảo mà gây nên những chốn như chốn « lạc-viên » : vườn rộng bóng cây che rợp, rừng cao cổ-thụ ùm-tum, ao lấp-loáng sắc vàng màu biếc, hồ ngổn-ngang sen trắng sen hồng ; nào miếu nào điện, nào tượng nào bia, nào đồng-trụ, nào bài-phường, nào đình, nào tạ, nào gác, nào lầu ; đá hoa trong như ngọc, gỗ báu bóng như ngà, sứ men trắng, đồng nước đen ; bốn bề những vườn rộng tịch-mịch mà u-sầu. Trong cảnh lồng-lộng có cái khí-vị bình-tĩnh vô cùng. Chốn này là chốn tôn-nghiêm, người thường không hề được bước chân vào. Ai được vào thăm chốn này đã có người đưa đường kính-trọng. không dám cất tiếng nói lên, sợ ngang mất cái tiếng đàn thầm rất cảm-động của cảnh-vật, đồng-vọng xa đưa vào tận trong lòng kẻ viễn cảnh. Song không phải là những chốn này không có người ở đâu. Vì việc cúng-tế vong-

linh đứng tiên-hoàng nằm đấy, hồn người còn như phảng-phất ở trên cái bài-vị sơn son thếp vàng kia, cần phải có thường-trực ở đấy những người đầy-tớ cũ cùng những người đàn-bà thừa sinh thời sung chức thị-nữ cung-phi mà nay tình-nguyện thủ-tiết để phụng-sự tôn-linh người. Trong chính-điện, cạnh cái khám bày bài-vị, có cheo các áo ngự, cùng để những đồ lúc bình-sinh người thường dùng đến. Mỗi ngày trên bàn đá đã có những tay kính-trọng đến thay giàu nước hương hoa. Trong đèn u-uất thường trông thấy bóng người thấp-thoáng trong đám cột nhấp-nhánh những vẻ vàng son : ấy là các bà vợ hầu đứng tiên-hoàng, người đầu bạc, kẻ hoa dâm, có người vẫn còn giữ trinh-tiết đến nay, vì khi xưa tuy có sung chức cung-phi nhưng để chưa hề được tiếp mặt quân-vương bao giờ, nay ngày ngày một lòng tôn-kính cúi đầu thấp hương trước linh-vị, bên cạnh còn cái hốt ngọc, là biểu-hiệu cái oai-quyền của đứng tiên-hoàng khi xưa. Còn Ngài thì Ngài ngủ giấc thiên-niên ở một nơi nào không ai biết, vì quốc-tục là phải giấu chỗ chôn vua, phòng khi có kẻ gian-phi đến sâm-phạm. Vậy những đèn-đài miếu-điện rải-rác khắp mọi nơi là vừa để biểu cái ý tôn-nghiêm, vừa để lạc mọi sự tìm-tòi. Nay cái quan-tài dựng di-hài vua gửi chốn nào không ai biết, cái tư-tưởng cuối cùng của vua cũng không ai hay, hai cái đều bí-mật như nhau, thiên-vạn-cổ không ai tìm thấy được, thiên-vạn-cổ không ai sâm-phạm đến !

« Các ngài tất tự nghĩ rằng một dân đã sáng-nghĩ, đã thực-hành được những sự như thế, đã biết lấy một cái mĩ-thuật, một cái triết-học như thế mà tô-điểm cho cuộc lịch-sử của

mình, thì cái dân ấy thực là đáng ta quyến-cố đến một cách đặc-biệt, chớ không phải là chỉ luyện cho thành cái đồ-dùng làm việc nô-lệ ở trong trường lao-động của loài người này. Cái văn-minh nước Nam ấy là bởi Khổng-giáo nước Tàu đào-luyện mà thành ra ; trong văn-minh ấy gồm hai cái chế-độ tưởng là phải-trái nhau mà thực không phản-trái nhau, là cai quân-quyền chuyên-chế với cái dân-quyền bình-đẳng. Như thế thì dân An-nam lại càng đáng cái lòng quyến-cố của ta lắm nữa. Tự khi ta mới sang xứ ấy, ta chưa từng thâm-hiểu tâm-tính người dân, thâm-hiểu thế-lực của cái cự-truyền trong nước, không biết rằng trong nước ấy tuy ông vua sừng là chịu mệnh tự giời, xưa kia còn có quyền làm chết người nào dám nhìn mặt mình, nhưng ngoài vua, hết thấy quốc-dân, bất-cứ là người nào, hễ có công học-vấn là có thể chiếm được chức-cao quyền-trọng, hưởng cuộc phú-quí vinh-hoa. Trong xứ ấy, phàm gốc sự danh-dự, dù công dù tư, đều ở cái công-phu học-vấn của mỗi người. Cái học-vấn ấy là cái chìa-khóa của mọi sự, là cái thang tất-nhiên của mọi sự tiến-đạt. Bởi thế mà có cái điều rất đáng khen này : là khắp trong dân, dù nhà làm thợ rất ti-tiện, dù người làm ruộng rất nghèo-hèn, nửa năm chôn mình đến ngang bụng trong đám ruộng bùn, nếu có con cho đi học biết chăm-chỉ siêng-năng, thi đậu các khóa thi trong nước, tự trường sơ-học trong làng tiến được lên bậc giải-nguyên các khoa thi cống-sĩ, thì cái người con xuất-thân hèn như thế có thể tuần-tự mà bước lên những ngôi quyền-trọng chức-cao, làm khanh-tướng, quốc-trụ, làm quan đại-thần phụ-chính, ngồi cạnh vua trong khi triều-đình hội-ngự. Lại có một điều rất đáng khen nữa, xét đấy thì biết rằng người nước Nam trọng sự học là nhường

nào : là khi ông quan nhớn, ông thượng-thư phụ-chính ấy, đến tuổi già bỏ chức trọng mà hồi-hưu, vai đã gánh nặng những công-danh tước-lộc của nhà vua, thì bấy giờ lại về chốn quê hương cũ, bỏ đồ phẩm- phục một nơi, khoác cái áo vải thâm thường, mở trường học ở nhà, chính mình lại dạy học cho bọn con trẻ mới nhớn lên... »

Ấy nhời quan Toàn-Quyền khen công-đức bọn thượng-lưu trong nước ta ngày xưa là bọn nho như thế, ai nghe thấy mà chẳng cảm-động trong lòng. Ngày đã thâm-hiểu cái địa-vị của bọn nho trong xã-hội cùng lịch-sử nước ta. Bọn ấy đã sáng-nghĩ ra những đèn-đài lừng-tám đẹp như thế kia, lại bồi-dưỡng cho cái quốc-hồn mạnh như thế ấy, xét đó cũng đủ chứng rằng bọn ấy thực đã không phụ lòng quốc-dân tôn-trọng vậy. Cái văn-minh cũ của nước Nam thực là cái công-nghiệp của bọn ấy, người nước ta dù có quên đã có tiếng kèn đồng giống-giả của quan toàn-quyền SARRAUT nhắc lại cho...

Nhưng không những là bọn thượng-lưu trong nước ta mà đáng khen, người thường-dân cũng có lắm cái tính-cách tốt, khiến cho giống Nam-việt không đến nỗi là một giống yếu-hèn cho lắm, còn có cái cơ tiến-hóa lên được nhiều. Quan Toàn-quyền cũng có mấy câu khen cả dân An-nam, rồi kết mà cổ-võ cho người Pháp quen biết cùng quyến-cố đến đất Đông-dương này, để giúp cho bản-xứ được thịnh-vượng mãi lên.

Ngài nói : « Tôi nói về xứ Đông-dương mà chưa kịp nói đến cái phần quý hóa nhất trong xứ ấy, là người dân bản-xứ vậy.

Người dân bản-xứ thường chăm làm, dễ bảo, có thể cung-cấp được một cái « nhân-công » không, khéo, dễ dùng, biết am-hiểu, biết lợi-dụng các máy-móc ngày nay, từ khi chiến-tranh đã gửi sang Mĩ-Quốc được hàng vạn người thợ. Đó là cái của báu vô-tận vô-giá của xứ này. Những người thợ ấy hoặc đã chuyên-môn rồi, trước làm thợ ở xưởng thủy-quân-chế-tạo Sài-gòn, hoặc trước là học-trò các trường công-nghệ của ta đặt ra, hay hoặc là những người thôn-dân chất-phác hôm trước mới ở chốn nhà quê ra, hiện nay dùng ở các xưởng thủy-quân, các xưởng đạn-dược, các xưởng tàu bay, làm việc giỏi rang, chỉ hiếm các nhà công-nghệ nước Pháp ta chưa mấy người biết đến. Những người ấy sau này sẽ là những tay giúp việc rất có ích cho ta trong sự khai-hóa về đường kinh-tế ta sắp khởi-hành ở xứ ấy. Vì ngoài những tính tốt bản-nhiên của giống người An-nam, cái văn-minh ta mỗi ngày lại thêm vào những tính tốt cùng tư-cách mới nữa. Như thế thì ta vừa là người bảo-hộ, vừa là người ân-nhân của dân An-nam vậy. Xưa kia, khi mới sang xứ ấy, ta đâu có phạm nhiều điều nhầm-lỗi, hoặc vì không quen biết, hoặc vì vội-vàng khinh-xuất, nay phải nên tránh cho khỏi những điều nhầm ấy, song nước Pháp vẫn được cái danh-dự thiên-nhiên đã quuyến-cố đến một dân vì yển-hèn nên từ xưa đến nay phải chịu lao-lung, mà lấy đạo huynh-trưởng đưa rất vào đường tự-do tiến-bộ.

« Hiện nay còn phải gắng sức to mới mở rộng được cho xứ này cái tiền-đồ thịnh-vượng. Ngoài những ruộng đất phì-nhiều, còn phải khai khẩn thêm những nơi rừng rậm mênh-mông. Ngoài cái số 2 vạn cây-lô-mét đường đã làm xong,

còn phải làm thêm mấy nghìn cây-lô-mét nữa. Hiện nay đường thiết-lộ đã chạy được hơn 5 trăm dặm tây, còn phải kéo dài thêm cái rải sắt ấy ra nhiều nữa ; hỏa-thuyền chạy trên các sông được 3 nghìn cây-lô-mét, phải tăng thêm cái số ấy lên nhiều nữa. Lại phải lập những công-nghệ mới, dựng nhà chế tạo, xưởng làm công, để lợi-dụng lấy cái nguyên-liệu trong xứ rất là ròi-rào phong-phú. Phải sắp sẵn cho mẫu-quốc ta cái phần tài-sản thế-lực mà đất thuộc-địa Ấ-đông này phải giúp mẫu-quốc. Trong khi chiến-tranh xứ Đông-dương đã gửi tiền, người, hóa-vật, sang Pháp rất nhiều. Hiện chỉ mong được giúp ân-quốc nhiều hơn nữa, nay giúp cho việc quốc-phòng, mai giúp cho cuộc thịnh-trị. Đối lạ với cái lòng thành ấy thì chỉ xin có một điều : là mẫu-quốc yêu mến, quyến-cố đến, chớ để vì cái nhẽ rằng ở xa không năng đi lại được mà phải chịu cái khổ trong nhời ngạn-ngữ nói : « Xa mắt thì lòng cũng xa ! »

« Bởi thế mà tôi xin với các bà nước Đại-Pháp ngồi đây, với các cô con gái thành Ba-lê đương nghe tôi nói đây, khi về nhà thường tưởng nhớ đến bọn con nuôi em nuôi ở phương xa kia, là bọn thiếu-nữ nước An-nam, tuy tính-tình điện-mạo có khác có lạ cho tai mắt bọn ta, nhưng trong người thực là mang một tấm lòng rất trung thành với Đại-Pháp mẫu-quốc, nay oanh-liệt như thế này, mai hiển-hách biết bao nhiêu ! »

Ôi ! các cô con gái nước Nam, ôi ! cả quốc-dân An-nam trong ba cõi, hãy lắng-lặng mà nghe nhời trân-trọng của quan Toàn-quyền, nên ghi-tạc trong tâm-khảm, chớ bao giờ quên.

Nếu cái văn-minh cũ nước Nam quả là tốt đẹp như thế, nếu quốc-dân An-nam quả có tính-cách hay như thế, nếu quan Toàn-quyền không phải vì quá thương lũ ta mà tặng ta cái giá-trị quá-đáng, thì ta cũng nên mừng thay cái hậu-vận đất Việt-Nam cố-quốc này !

PHẠM QUỲNH

PHẦN VIỆC CỦA NƯỚC MỸ TRONG CUỘC CHIẾN- TRANH

Nước Hoa-kỳ có thể giúp các nước Đồng-minh được những gì ?

Cái phần giúp của nước Hoa-kỳ cho việc chiến-tranh chung có thể xét ra bốn phương-diện như sau nay :

- Một là giúp về lục-chiến ;
- Hai là giúp về hải-chiến ;
- Ba là giúp về lý-tài ;
- Bốn là giúp về kinh-tế.

Về lục-chiến thì chắc rằng cũng chưa giúp ngay được mấy tí. Nước Hoa-kỳ hiện chưa thể đem sang Âu-châu được nhiều quân-đội. Trừ những quân đóng ở Phi-luật-tân (Philippines) không rút về được, trong nước hiện nay chỉ có nhiều lắm là 10 vạn quân cùng 5 nghìn quân-quan mà thôi. Đó là những quân chính-ngạch, chọn trong số những người dân ra ứng-mộ lúc bình-thường. Ngoài quân chính-ngạch ấy-còn có thể trưng-mộ được những dân-binh, cứ ước-lượng ra thì được đến số 9 triệu dưỡi người. Nhưng mà trong cái số to ấy, bất quá được 15, 20 vạn người là có luyện-tập, đủ dùng được ngay. Nước Hoa-kỳ có gửi quân sang Âu-châu thì cũng không gửi được hơn cái số 15, 20 vạn ấy.

Vả hiện nay các nước Đồng-minh cũng chưa có thiếu quân gì mà phải cần đến cái phần giúp của nước Hoa-kỳ về lục-chiến

cho lắm. Nhưng về hải-chiến thì cái phần giúp ấy rất là to mà rất là có ích-lợi. Hiện ngày tháng 8 năm 1914, nghĩa là tự đầu cuộc chiến-tranh này, hải-quân của nước Hoa-kỳ có những hạng tàu như sau này :

42 chiếc đại thiết-hạm, sức truyền nước cả thấy là 62 vạn, 7 nghìn 7 trăm 90 tấn ;

10 chiếc thiết-giáp-tuần-dương-hạm, 14 vạn, 80 tấn ;

15 chiếc chinh-sát-tuần-dương-hạm, 7 vạn, 4 nghìn, 4 trăm, 50 tấn ;

48 chiếc khu-trục-hạm, 2 vạn, 5 nghìn, 7 trăm, 50 tấn ;

8 chiếc ngư-lôi-hạm, 1 nghìn, 4 trăm, 47 tấn ;

27 chiếc tàu ngầm, 8 nghìn, 6 trăm, 96 tấn.

Cứ lấy sức truyền nước mà so-sánh thì thủy-quân nước Hoa-kỳ đứng vào bậc ba các thủy-quân trong thế-giới, dưới nước Anh (2 triệu, 5 vạn, 4 nghìn, 8 trăm, 65 tấn) cùng nước Đức (1 triệu, 5 vạn, 4 nghìn tấn), mà trên nước Pháp (79 vạn, 3 nghìn, 2 trăm, 6 tấn). Tự ngày ấy đến nay, nước Hoa-kỳ còn chế thêm 1 chiếc đại thiết-hạm 2 vạn 5 nghìn tấn, 6 chiếc khu-trục-hạm, bốn chiếc tàu ngầm, 2 chiếc tàu vận-tải, có chiếc đã chế xong mà sáp-nhập vào hạm-đội, có chiếc sắp xong, cả thấy thêm vào thủy-quân được 8 vạn tấn nữa.

Cái chương-tình chế-tạo về thủy-quân năm ngoài Nghị-viện đã quyết-nghị, còn định tăng thêm lên rất dữ nữa, vì thêm đến hơn 30 vạn tấn ; hiện nay có mấy chiếc đã hạ xưởng, bắt đầu làm. Cứ tuần-tự thì đến cuối năm 1919 mới xong cả,

nhưng từ khi khai-chiến với nước Đức đến giờ, nước Mỹ tất hết sức chế-tạo cho nhanh hơn lên.

Ấy cái thủy-quân của nước Hoa-kỳ to mà mạnh như thế. Cái thủy-quân ấy nay đã vào sánh vai với thủy-quân của Đồng-minh, thì giúp cho Đồng-minh được mạnh lên biết chừng nào. Cứ so-sánh hai đảng địch-quốc, thì bên Đồng-minh được nước Hoa-kỳ vào cuộc, có thể mạnh hơn bên Đức-Áo đến gấp 6 lần !

Đương buổi như bây giờ thì thương-thuyền là cái vai-cánh rất yếu-cần cho chiến-thuyền. Về đường ấy cái phần giúp của nước Hoa-kỳ cho Đồng-minh lại càng quý báu lắm nữa. Thương-thuyền của nước Hoa-kỳ đứng bậc nhất trong thế-giới, ngang với thương-thuyền nước Anh. Nhỏ nhỏ được 3 vạn 1 nghìn chiếc, sức truyền nước gồm cả là 8 triệu tấn. Trong khoảng năm mới rồi (1916) lại tăng thêm lên được ngót 55 vạn tấn nữa.

Chiến-thuyền của nước Mỹ sang giúp các nước Đồng-minh thì giúp ra cách thế nào cho có hiệu-lực ? Chắc là trước nhất lấy ra mấy chiếc hạm-đội Anh, Pháp, Ý. Tuần-dương-hạm, khu-trục-hạm thì có thể dùng để di hộ-tống những tàu chở quân, chở đồ binh-khí, đạn dược, lương-thực từ Gia-nã-đại (Canada) hoặc tự nước Hoa-kỳ về Âu-châu. Nhưng mà được việc nhất là có một hạnh tàu nho nhỏ, tàu vợt, tàu đánh cá, tàu đi tuần, v. v. Có thể đặt võ-trang ngay mà dùng để đi săn tàu ngầm được. Bộ Thủy-quân nước Mỹ đã tính chỉ trong mấy tuần-lẽ là có thể tổ-chức được một cái hạm đội từ 2

ngàn đến 2 ngàn 5 trăm chiếc như thế. Những tàu nhỏ ấy thường thấp, không cao lên trên mặt, không sâu xuống dưới nước mấy tí, ít cái diện tích cho tàu ngầm phạm đến được, dùng để đánh tàu ngầm thì thực tiện lợi lắm.

Ấy cái phần giúp của nước Mĩ về việc quân như thế. Về đường lý-tài kinh-tế lại còn được nhiều hơn nữa. Cuộc lý-tài của nước Mĩ xưa nay chưa từng được bao giờ tốt bằng mấy năm nay. Cả thế giới như đua nhau gánh vàng đem đổ vào đất Mĩ. Ông Ch. HUGHES độ đầu năm nay ra ứng bầu chức tổng-thống, trong nhời diễn-thuyết có nói rằng : « Nước ta đương gặp buổi thịnh-vượng lạ lùng. Cổ-kim chưa có một nước nào được thịnh-vượng bằng nước ta như bây giờ. » Cứ thử nghĩ hiện bây giờ trong tủ bạc các nhà ngân-hàng ở nước Mĩ dựng được ngót 1 vạn 3 ngàn 205 triệu phật-lãng bằng tiền-vàng, chia ba một phần tiền vàng trong thế-giới, thì biết nước ấy giàu có là chừng nào. Ấy là tiền vàng, còn những tiền chứa ở các nhà ngân-hàng, không đầy hai năm mà tăng thêm lên vạn triệu. Dân Mĩ thực là giàu quá. Như người mạnh khỏe quá lo ứ máu, nước Mĩ cũng giàu có quá mà lo ứ vàng. Cái vàng ấy chỉ đợi có dịp đem sang giúp các nước đồng-minh, nay cái dịp đã đến tất được thỏa lòng giùm đỡ.

Về đường kinh-tế thì ai cũng biết từ khi khai chiến đến giờ nước Hoa-kỳ giúp cho đồng-minh được nhiều lắm. Hiện đầu năm nay hơn 6 ngàn nhà máy chỉ đúc súng đúc đạn riêng cho đồng-minh thôi. Có nhiều nhà như những nhà máy thép ở BETHLEAM cùng PENSYLVANIE đã tăng cái sản-số lên gấp mười lần khi thường, năm 1914 dùng đến 7 vạn 1 ngàn

người. Cái sản-số thép của nước Mĩ hiện nay là 33 triệu tấn, trước khi chiến-tranh có 23 triệu mà thôi. Những một năm ngoái các nước đồng-minh mua thép của nước Mĩ đã 11 triệu tấn rồi.

Còn những thức khác thì như đồng mua tới 900 triệu phật-lãng, đạn-được 2 nghìn 2 trăm triệu, các nước nước toan (*acides*) cũng những hóa-học-phẩm 620 triệu, kềm 220 triệu. đó là trong một năm ngoái nước Mĩ bán cho đồng-minh bấy nhiêu thứ. Nửa năm về cuối lại còn nhập-cảng vào Âu-châu được tới 400 triệu phật-lãng xe hơi (xe ô-tô).

Nước Hoa-kỳ nay đã vào cuộc với đồng-minh thì cái sự giúp về đường kinh-tế ấy có sẽ giảm bớt đi chút nào không ? Thiết-tưởng rằng không. Vì nước Hoa-kỳ tuy từ nay phải để giành lấy một phần sản-vật để cung-dụng về lục-quân thủy-quân của mình mà không thể đem bán hết cho đồng-minh như trước được, song lại mở thêm nhiều nhà máy nữa ra, cực lực chế-tạo, thì không những bù được cái thiệt-thòi cho các nước Đồng-minh mà lại giúp thêm được hơn trước nữa cũng có. Bộ Kinh-tế (*Board of Trade*) nước Mĩ đã ước chỉ trong mấy tuần-lẽ thì mở thêm được ít ra là 8 nghìn nhà máy mới nữa.

Như thế thì người Mĩ vờ làm cho mình mà vừa giúp cả cho đồng-minh nữa. Vì dù nước Mĩ chỉ giúp đồng-minh được về đường lý-tài kinh-tế thôi, thì sự giúp ấy cũng là to-tát lắm rồi. Tổng-thống WILSON đã nói : « Người Mĩ trong cuộc sinh-tồn cạnh-tranh đã có cái nghị-lực không ai địch nổi, nay cũng

lại đem cái nghị-lực ấy ra mà cùng với các nước đồng-minh
chống-giữ cho sự Tự-do của thế-giới. »

(Dịch báo tây)



NGHĨA GIA-TỘC

Một nhà danh-sĩ đã có câu nói rằng : công việc người ta ở đời ví như con trẻ đánh thia-lia. Hòn cuội mới rơi xuống nước thành một cái quăng nhỏ trên mặt nước, rồi cái quăng nhỏ ấy lan ra mà thành một cái quăng nhớn hơn, cái quăng nhớn ấy lại lan thành một cái nhớn hơn nữa, cứ thế mãi cho đến khắp mặt ao.— Nghĩa là người ta ở đời không phải là sống một mình ; phạm việc gì, dù nhỏ đến đâu, cũng có quan-hệ đến kẻ khác, ba-cập ra ngoài như cái thia-lia trên mặt nước vậy. Đó là cái nghĩa liên-lạc sâu nó buộc người ta với nhau, thành từng đoàn-thể, để cùng nhau mà gánh vác việc đời. Cái đoàn-thể nhỏ nhất, mạnh nhất, bền nhất, hợp với nhẽ thiên-nhiên hơn cả là cái gia-tộc. Trong một nhà, cha con, anh em, vợ chồng, đều liên-lạc với nhau, sống để giúp đỡ, binh-vực, phù-trì lẫn nhau. Cho nên nước nào từ xưa đến nay, cũng vẫn lấy nghĩa gia-tộc làm trọng. Nhưng ngày nay khoa-học tấn-tối, nhân-trí phát-đạt, cái tư-tưởng người ta về việc xử-thế đã thay-đổi đi nhiều. Lòng người khao-khát tự-do, hình như muốn phá-đổ cả những chế-độ cổ đời trước. Cái gia-tộc cũng làm một cái chế-độ cổ, có từ khi loài người mới biết hợp thành xã-hội. Cái chế-độ ấy có chịu được cái phong-trào mới thời nay không ? Có thể duy-trì được nữa không ? Hay sắp đến ngày phải chịu biến-cách to ?

Ông HENRY BORDEAUX làm bộ tiểu-thuyết *Les Roquevillards* (Truyện nhà Roquevillards), chủ ý muốn xét mấy cái vấn đề

ấy. Ông cũng là một nhà văn-sĩ có danh-tiếng ở nước Pháp, thường làm sách để duy-trì phong-tục. Nên sách tiểu-thuyết của ông thực là những bài luân-lý hiển-nhiên mà thâm-thiết. Bởi vậy xem có cái khí-vị hồn-hậu, không giống những sách tuy văn-chương có hay hơn mà ý-nghĩa kiêu-bạc như phần nhiều sách tiểu-thuyết ngày nay. Ông không những là chước-thuật mà lại còn vận-động để thực-hành những chủ nghĩa hay. Thấy cái nghĩa gia-tộc trong nước ngày nay đã suy-vi, ông bèn xướng lập ra một hội đặt tên là *Le Foyer* (Gia-tộc bảo-tồn hội), làm một nơi họp-tập, mời các nhà danh-sĩ đến diễn-thuyết về những vấn-đề quan-hệ đến xã-hội. Hội ấy thực đã có công trong việc giáo-dục bọn trung-lưu trong nước.

Bộ tiểu-thuyết bàn đây, tuy xuất-bản đã lâu, nhưng cái ý-nghĩa vẫn còn hợp thời lắm. Đại-lược truyện như sau này :

Nhà ROQUEVILLARDS là một nhà cựu-tộc ở đất Savoie. Đời đời giữ chức trọng về việc hình cùng việc quân. Có tiếng trong một xứ là nhà thế-gia nền-nếp. Khi bắt đầu truyện này thì ông FRANÇOIS ROQUEVILLARD là trưởng một chi thứ đã sáu mươi tuổi. Ông làm luật-sự ở tòa án Chambéry đã hơn ba mươi năm, lại vừa giữ nghiệp nhà quê, làm ruộng giống nho. Sinh được năm người con : người con gái cả làm quan ba lục-binh đóng ở thuộc-địa, người con gái thứ thì mới đỗ tiến-sĩ luật ở Paris về, tập sự ở nhà luật-sư FRASNE. Còn ba người con gái thì một người lấy chồng cùng tỉnh ấy, một người đi tu làm hộ-khán ở nhà thương Hà-nội, con gái út ở nhà thì đã có người giam mặt. Ông bà song toàn, một nhà

vui vẻ. Ông tính cương-trực, một lòng giữ tổ-truyền trong nhà. Bà hiền-từ một lòng thương con yêu chồng. Cả nhà ăn ở hòa-thuận, rất mực thương yêu nhau, tưởng không gì bền chặt bằng. Bỗng đâu xảy ra một truyện, tan nát cửa nhà. Người con giai thứ hai tên I MARICE từ khi ở kinh-đô-về tập sự ở nhà luật-sư FRASNE, đã được ngót nửa năm. Luật-sư có bà vợ vốn đa tình, khi trước vị ép-uổng mà lấy ông, nhưng lòng chẳng ưa lòng, nên vẫn khao-khát nỗi lòng. Vậy bà chủ với thầy tập-sư không bao lâu mà sinh mến nhau, rồi đến thành mê nhau. Ông bà ROQUEVILLARD xem ý biết sự nguy hiểm cho con, muốn tìm cách ngăn-giữ, nhưng nước đã đến chân không được nữa. Nhân một hôm luật-sư đi xa có việc, anh chị rắp nhau trốn sáng Ý-đại-lợi để phi tình loan-phượng. Khi đi bà luật-sư có lấy của chồng 10 vạn quan để tiêu dùng ở đất khách. Thầy tập-sư cũng vấu-víu chỗ nọ chỗ kia được mấy nghìn quan để cùng đi. Nguyên cái 10 vạn quan ấy là duyên-do thế này : Khi ông luật-sư lấy bà thì bà nhà nghèo sa-sút, không có tiền « đốt » [1] Nhưng ông mê nhan-sắc bà, không vị cố ấy mà không lấy. Trong luật có điều rằng vợ chồng có phép cho của nhau được. Vậy bà không có « đốt » để cho trước pháp-luật hai bên ngang nhau, ăn ở với nhau về sau cho dễ. Khi làm hôn-ước ông viết cho bà 10 vạn làm của riêng. Cứ theo luật thì cái tiền ấy cũng coi được như là của riêng người vợ, trừ khi li-hôn thì mới hoàn lại người chồng mà thôi. Bởi vậy bà vẫn tưởng cái tiền ấy là của bà, muốn lấy lúc nào cũng được. Nên khi đi cứ đem đi, tưởng cái quyền mình được thế, không ngờ có thể sinh sự về sau được. Hôm sau luật-sư về thấy vợ mất tiền mất, cảm-tức

lắm. Pháp-luật sẵn trong tay, nghĩ ngay một kế báo thù quân bất-lương một cách thật đău. Nhưng cứ trong luật thì vợ ăn trộm của chồng không phải là tội. Như thế thì đành không làm gì được vợ, phải hại riêng một anh nhân-ngãi vậy. Nhưng cái tội quyến-du vợ người cũng chưa là tội nặng, phải làm thế nào cho người ta nghi rằng cái mười vạn quan ấy, chính tay anh nhân-ngãi ăn trộm, vừa dỗ vợ chủ, vừa cướp tiền chủ, thì mới thành án to được. Nghĩ được kế liền phát đơn thưa ngay. Tòa án sử MAURICE ROQUEVILLARD, một năm tù, nhưng vắng mặt thì lập án khuyết-tịch. — Sự-tình như thế, nghĩ đến nhà ROQUEVILLARD mới sót-sa. Tiếng-tăm ấy đợi đến bao giờ cho tắt ! Ô-danh này rửa đến bao giờ cho sạch ! Thế là công-nghiệp ông cha, mấy đời danh-dự, nhất-đán ra ro cả, chỉ vì một cố con dại, mắc tiếng oan-vu. Dù thế nào cũng phải gỡ được cái án này mới nghe ! Dù thế nào cũng phải vớt lại cái tiếng thơm một họ, giữ lấy cái hương-hỏa tinh-thần của tổ-tiên đời trước để lại, mà vì cái án oan này có cơ nguy-vong mất. Không phải rằng sợ hình-ngục khổ cho một người, nhưng sợ tiếng-tăm hại đến một họ. Vì vậy suốt một nhà nhất-tâm để cứu lấy một người, ai nấu đều quên cái lợi hại riêng, mà chỉ nghĩ đến vận-mệnh chung. Bà mẹ vốn yếu đuối, nghe thấy tin như sét đánh ngang tai, nửa thương nỗi con, nửa cực nỗi nhà, không được mấy lâu mà tạ thế. Người anh cả coi binh ở thuộc-dại, xin đổi đi đóng nơi hiểm-yếu, để chóng lập công-danh, rửa tội cho em, chuộc tiếng cho nhà. Sau chẳng may lam-chương mắc bệnh chết ở rừng Phi-châu. Người em gái bên giường mẹ chết, tình-nguyện không đi lấy chồng, để lấy danh-tiết, lấy công-nghiệp hồi-duơng cho linh-hồn tổ-tôn. Ông bố thì không hề một

phút ngã lòng, gặp hoạn-nạn lại càng tin công-đức tổ-tiên. Chắc rằng con vô-tội, hết sức cứu ; khánh-kiệt gia-tài để đền người độc ác, hết tài hùng-biện cho vẹn tình máu mủ. Sau phá được án oan, rửa được tiếng nhà. MAURICE ROQUEVILLARD nghe tin mẹ chết để nhân-ngãi ở Ý-đại-lợi mà về. Bố cãi cho được trắng án. Nhưng anh trẻ tuổi này cũng đáng khen thay ! Thế này mới thật là con giòng cháu giống : khi ở Ý-đại-lợi về, biết đầu đuôi kẻ thù vu oan cho mình, nếu chỉ cãi lên một câu rằng không phải mình lấy 10 vạn quan, là đủ đổi cái án lừa chủ ra cái án lừa chồng, mà mình chóng được thoát tội. Nhưng nhất định không chịu nói, không chịu xưng nhân-ngãi, không chịu để tiếng sấu cho tình-nhân, thậm chí đến nỗi cấm luật-sư cãi án không được đọc đến tên FRASNE phu-nhân. Thế mới là giống tình-chúng, thế mới là giòng hiệp-khách ! Người ấy thật là đáng cha ấy, mẹ ấy, anh ấy, em ấy. Cái cách ăn ở cao-nhã như thế thì tội gì mà chẳng chuộc được, phương chi là *tội tình* !...

Cái kết-luận truyện này là ở mấy câu cha bảo con, khi mới ở ngục ra, đi thăm má mẹ : « Con ơi ! bây giờ cha già rồi. Con sắp đến ngày phải nối nghiệp ta. Hôm nay ta được cái trách-nhiệm nói cho con nghe, thì con phải nghe ta. Con đừng cảm-động. Chốn này là hình-ảnh chốn thiên-niên [2]. Cái lòng thời người chết, ấy là cái nghĩa đời người bất-diệt đấy. Ví cái quá-khứ, cái tương-lai nó không đặt cho đời người ta có nghĩa, thì đời người là cái gì, đời ta đây là cái gì ? [3] Khi con theo đuổi cái phận riêng của con, là con quên cái nghĩa ấy vậy. Không có phận đẹp nào riêng cho một người, có nô-lệ mới có thanh-cao. Người ta hoặc thờ nhà, thờ nước, thờ

giời, thờ cái mĩ-thuật, thờ sự học-vấn, thờ một cái lý-tưởng gì. Sáu hổ cho kẻ nào chỉ biết thờ mình ! Như con thì con được nhờ ta, nhưng con cũng phải lụy ta. Cái danh-dự con người ta là biết chịu lụy vậy...

« Con ơi, người lương-thiện với người bất-lương cách nhau không có mấy tí. Cái tình-dục thì sóa cái cách ấy đi, mà cái gia-tộc thì làm cho vững-bền nó lại. Song, con ạ, dù đến lúc này ta cũng không trách cái tình, nếu biết hiểu cái tình là cái gì. Cái tình ấy là lòng ta hi-vọng đến cái gì cao hơn ta. Con phải giữ lấy cái hi-vọng ấy ở trong lòng. Cái hi-vọng ấy là của con. Đến trước những việc hay, đứng trước cảnh tạo-vật, nếu con biết vững lòng can-đảm mà theo số-mệnh, thì con sẽ thấy sẵn cái hi-vọng ấy trong lòng. Con chớ có đánh lạc nó, con chớ nên đánh lạc nó nữa. Trước khi yêu một người đàn-bà, con phải nghĩ đến mẹ con, phải nghĩ đến chị con, phải nghĩ đến cái hạnh-phúc để giời đã dành cho con cũng được một đứa con gái mà dạy. Khi ta sinh con, cùng anh con, chị con, em con, ta mừng lắm. Ta hết sức che chở cho con. Đến khi ta chết thì con sẽ thấy như bức tường đổ, mà phải ra đối diện với đời. Đến bấy giờ con mới biết nhờ ta nói là phải. »

[4]

Xem như truyện trên này thì cái gia-tộc ở các xã-hội Âu-châu đương qua một bước nguy-cơ, đương phải chống-đối với cái phong-trào mới thời nay. Mà cái phong-trào mới thời nay thì chỉ vụ sự lợi-lộc, sự sung-sướng của từng người, lấy cái nhân-thân mộ tngười làm trung tâm thế giới. Gọi cái « cá-nhân chủ-nghĩa » (*individualisme*) là thế. Dù vậy thời-

đại này là một buổi giao-thời, không lấy một chủ-nghĩ mà gồm được hết. Đời nay tuy bọn giữ cái « cá-nhân chủ-nghĩa » cũng nhiều, nhưng không phải là khắp cả. Đại-để là những bọn gặp thời mà đột-khởi, thường không có căn-bản gì mà phẩm-hạnh cũng kém. Không có căn-bản cho nên dễ theo thời mà dễ phát. Phẩm-hạnh kém cho nên chỉ vụ lợi mà không hiểu nghĩa. Nhưng trừ ngoài bọn ấy, phàm những bậc cao-thượng vẫn giữ chủ-nghĩa cũ, biết rằng cái gia-tộc là một cái cửa bể kín-đáo để cứu bọn ta trong buổi ba-đào này. Ngày nay tôn-giáo mỗi ngày một mất đi, hoặc là già-cỗi mà hết, hoặc là không thích-hợp với thời ; nhân-tâm không biết lấy đâu làm bờ-bến. Nếu không có gì cầm-chế lại thì tất thành cái họa to cho xã-hội. Đoái đi xét lại duy có cái gia-tộc là còn có thể duy-trì cho xã-hội được. Nếu biết gây dựng cho bền chặt, trên liền-tiếp với người đời trước, dưới mở đường cho người đời sau, lấy tình sâu nghĩa nặng mà giàng buộc nhau, chung-đúc thành một khối thiên-nhiên, thì thời-thế nào mà suy-di được, phong-trào nào mà lay truyến được !

Dưới đáy bể thường có hàng ức triệu những giống vật rất nhỏ tụ nhau lại mà lâu dần thành từng cây san-hô, sóng đánh cũng không đổ được. Cái gia-tộc tức là cây san-hô trong bể sinh-hoạt đời nay.

PHẠM QUỲNH



1. ▲ Tiếng tây là *dot*, là tiền tống-gia về nhà chồng.
2. ▲ Nghĩa là chỉ cái mộ bà mẹ mà nói.
3. ▲ Nghĩa là đời người không phải là chỉ quan-hệ cho từng người, thực là quan-hệ đến cả người đã qua đi rồi với người chưa đến. Cái quá-khứ, cái tương-lai nó định nghĩa cho đời người, không phải một cái hiện-tại mà thôi
4. ▲ Pháp-văn đoạn này cũng hay lắm. Xin lục ra đây để các nhà tây-học thường-giám : « Mon enfant, je suis maintenant un vieillard. Tu vas bientôt me succéder. Il faut m'écouter en ce jour où j'ai le devoir de te parler. Ne t'attends pas. C'est ici l'image de ce qui dure. Le culte des morts, c'est le sens de notre destinée immortelle. Qu'est ce que la vie d'un homme, qu'est-ce que ma vie, si le passé et l'avenir ne leur donnaient leur véritable sens ? Tu l'avais oublié lorsque tu poursuis vas ton destin individuel, et il n'est de grandeur que dans la servitude. On sert sa famille, sa patrie, Dieu, l'art, la science, un idéal. Honte à qui ne sert que soi même ! Toi, tu trouvais ton appui en nous, mais aussi tu

dépendance. L'honneur de l'homme. c'est d'accepter sa subordination....

« Si peu de chose, mon ami, sépare quelquefois l'honnête et le malhonnête homme. L'amour supprime cette barrière, la famille la consolide. Pourtant, même à cette heure, Maurice, je ne dirai pas de mal de l'amour, si tu sais le comprendre. Il est notre soupir après tout ce qui nous dépasse. Garde ce soupir dans ton coeur. Tu le retrouveras devant les belles actions, devant la nature, en te donnant à ta destinée sans peur et sans faiblesse. Ne l'égaré pas. Ne l'égaré plus. Avant d'aimer une femme, songe à ta mère, songe à tes soeurs, songe au bonheur qui t'est réservé d'avoir une fille et de l'élever. A ta naissance, comme à celle de ton frère et de tes soeurs, je me suis réjoui. De toutes mes forces, je t'ai protégé. À ma mort, je te le dis, tu sentiras comme l'écroulement d'un mur, et tu te découvriras face à face avec la vie. Alors, tu me comprendras mieux. »

Chú thích

S Ử L U Ậ N

Bài Sử-luận sau này là của một ông nho tàu về đầu nhà Thanh, ĐÁI-CÁT-PHU tiên-sinh (戴褐夫), bàn về cái phép làm sử cũ của ta rất tinh-tường. Chúng tôi định làm một bài chuyên-luận về phép làm sử theo lối khoa-học ngày nay, để giúp cho các nhà sử-học nước ta biết cái phương-phép mới của một môn học cũ rất thịnh-hành ở phương Á-đông ta. Bài chuyên-luận ấy bảo-báo sẽ đăng về sau. Nay hăng dịch bài Sử-luận này, tuy là văn-chương cũ, bàn theo cái tư-tưởng cũ, nhưng nhờ bàn thực là sắc-đáng, có nhiều ý-kiến hợp với sử-học ngày nay. Một nhà làm sách ở nước Tàu tự ba trăm năm trước mà nghị-luận về phép làm sử chẳng khác gì một nhà sử-học chuyên-môn ngày nay, thì cũng là một sự lạ vậy. ĐÁI tiên-sinh có cái trác-kiến hơn người đương thời, cho nên thường nghị-luận về văn-chương một cách rất thâm-thiết, không giống những nhà văn-sĩ cũ ở nước Tàu nước ta ngày xưa. Đọc bài luận sau này thì biết. [1].

PH. Q.

Thánh-nhân ngày xưa vì sao mà làm ra sử ? sử là để chép những sự thay-đổi lợi-hại trong chính-trị điển-chương, cùng những sự thành-bại được-thua, người hay-dở-gian-ngay, để dương điều thiện, dèm điều ác, mà làm phép răn cho muôn đời. Bởi thế cho nên thánh-nhân kinh-luân thiên-hạ mà không lo hoặc phải điều tệ, là nhờ có sử giữ-gìn cho. Ấy sử

quan-trọng như thế. Nhưng phép làm sử khó, người làm sử ít có, thực đã lâu lắm vậy.

Nay thử lấy một nhà mà xét, nhiều là vài ba mươi người, ít là mười mười lăm người. Mắt ta trông thấy người, tai ta nghe thấy nhời, thế mà đàn-bà con trẻ cãi-cọ nhau, bởi đâu mà gây nên, hoặc có khi ta không thể thấu được tình ; kẻ tội-đòi làm việc chăm hay lười, hoặc có khi ta không thể biết được hết. Suy rộng cho đến một ấp, một nước, người lại càng nhiều, việc cũng lại càng phân-tạp mà không thể xét cho cùng được. Tuy có ông quan minh, xét đoán mọi việc, song cũng còn sợ nhời nói thất-thố, bị chúng sai lừa, đến cùng cũng không rạng tỏ được hết. Huống mình là người ở mấy mươi trăm năm về sau, mà truy-luận đến di-tích người đời trước ; việc không phải tự mình được chép, ví như nghe kiện, hai bên nguyên-bị chưa đến, chỉ nghe miệng những người đi đường kẻ bàng-quan, chỉ bằng ở những nhời nói ra nói vào khác nhau, những câu khen chê yêu ghét không đâu, theo như thế mà định phải trái gian ngay, thì há được công-bằng vậy thay !

Ôi, những người cùng sống một thời với ta, ta khen không được đúng, tất có người cứ thực mà sửa lại ta, ta chê không được phải, người ấy tất cùng ta mà tranh-biện, không chịu nghe ta. Bằng ta là người ở mấy mươi trăm năm về sau mà lại muốn truy cái di-tích người trước, khen cũng duy ta, chê cũng duy ta, cái người ta khen ta chê ấy không thể tự chín suốt lên mà tự mình với ta được.

Ông Mạnh-Tử nói : Tin cả ở sách thời chẳng bằng không có sách. Ta đối với các nhà làm sử cũng nghĩ như thế vậy. Nhưng thế thì làm sử há lại không có phép ư ?

Làm sử là nhờ có hai thứ : một là *quốc-sử*, hai là *giã-sử*. Quốc-sử là bởi các quan biên-chép, hoặc phê-trương thái-quá, hoặc ẩn-hủy không tường. Xét công-tội những bực quần-thần, đầu đuôi ngành-ngọn mọi việc, nhiều khi không được hết nhẽ, không thể không tham chứng *giã-sử* được. Mà *giã-sử* ấy thì thường lại hay theo cái lòng yêu ghét riêng, bày cái ý-kiến riêng của người làm sử ; hoặc nữa không có tặc gì, mà thường thường lại phải nhời không được đạt, ý không được thông, việc không được sách. Một việc mà mỗi người chép một khác, một người mà khen chê không giống nhau. Than ôi, người trông thấy nói một khác, người nghe được nói một khác, ta biết đâu làm phải vậy thay ! Kinh *Thư* nói rằng : « Ba người cùng đoán, nên nghe nhời hai người. » Ta lấy hai người làm phải thì ta theo nhời hai người. Ta lấy hai người không phải thì ta lại theo nhời một người. Nhưng dầu bấy nhiêu người cùng phải cả, nhời nói cũng chưa đủ theo hết được, lại phải xét đến đời người mới được. Như một việc tất có thủy-chung một việc, một người tất có lai-lich một người. Gồm lấy cái thủy-chung ấy, hạch lấy cái lai-lich ấy, bàn-tham hỡ-chứng, mười phần cũng có thể biết được tám chín vậy. Đức Thánh nói rằng : « Chúng yêu ta cũng nên xét, chúng ghét ta cũng nên xét. » Ta xét mà khá yêu, cũng chưa tất là không khá ghét, ta xét mà khá ghét cũng chưa tất là không khá yêu. Chúng không thể xửa lại được, mà cũng không nên quá theo. Ta phải để mình vào cái địa-vị ấy, lượng

cái tình mà đặc sự biến, ấy bàn việc đời phải như thế. Ta đã xét cái đời người ấy thế nào rồi, ta lại nên ám-tưởng cái đời người làm giã-sử ấy thế nào nữa ? Là người hay, hay là người dở ? Nhời bàn phải hay là trái ? Là người trong cuộc ? Là người thân trông thấy, hay là người xa nghe được ? Cái việc làm ấy là phải làm mà làm, hay là không phải làm mà làm ? Xem cái ý bày-bàn, xét cái cơ khen chê, chứng vào sách khác, tham vào quốc-sử, hư-tâm mà cầu, bình-tình mà luận, mới biết rằng ở trong có cái khá theo, có cái không khá theo, mười phần cũng được tám chín phần vậy.

Than ôi ! sử làm khó như thế. Mà tự cổ dĩ lai, các nhà làm sử không mấy người được trọn vẹn cả mà không sai điều gì. Ông Tăng Cung 曾鞏 nói rằng : « Xưa gọi nhà lương-sử ấy, sáng tất phải đủ khắp được nhẽ muôn việc, đạo tất phải đủ thích cho thiên-hạ, trí tất phải đủ thông những ý khó biết, văn tất phải đủ phát những tình khó hiểu, nhiên-hậu mới gọi được là sừng-đáng. » Lại nói rằng : « Sử ấy là để sáng đạo trị thiên-hạ. Nên người làm sử tất phải có tài trong thiên-hạ, nhiên-hậu mới gọi được là sừng-đáng. » Như thế mà xét thì người làm sử há chẳng khó có vậy thay !

Tự xưa sừng là lương-sử ấy, không ai hơn hai nhà Mã, Ban. Nhưng học Tư-Mã tuy có cái tài hùng-khệt, chòm khắp trăm đời, mà không khỏi điều phải điều trái lẫn-lộn, câu nhạt câu chếp sai nhảm ; thế thì cái trí tuy đủ thông được những ý khó biết, cái văn tuy đủ phát được những tình khó-hiểu, mà cái sáng chưa đủ khắp được nhẽ muôn việc, cái đạo chưa đủ thích-dùng cho thiên-hạ. Đến như văn họ Ban, so với họ Tư-

Mã lại còn không bằng. Ôi, hai nhà Ban Mã, há chẳng phải là những bậc có tài trong thiên-hạ ư ? Mà còn có điều sở-hám như thế, huống là những nhà làm sử tự Ngụy Tấn về sau, chỉ biết chẻ rọc cái thể, thêu vẽ cái nhời, mà nghĩa-lý mất hết cả ! Nên ta nói rằng làm sử khó có người là thế.

Vả lại người làm sử tất phải hội lấy nhẽ mọi việc chính-trị điển-chương thay-đổi lợi-hại thế nào, cùng việc thành-bại đắc-thất, người hay-dở tà-chính, nhất nhất phải thấu suốt ở trong bụng, rồi sau mới cầm bút mở giấy, phát phạm khởi lệ, định làm một quyển sách, thì sách ấy mới có thể khiến cho người đọc về sau như sinh thời bấy giờ, như tức là người ấy, mà khá lấy làm phép răn. Ví như người thợ nhón làm cái nhà to, tất trước định quy-mô phương-hướng đã đắc nghi rồi, tả hữu đã ngắm xét rồi, gian giữa gian bên đã đặt nền rồi, bấy giờ mới vào trong rừng trong núi, nhìn rộng xem kỹ, cây nào khá dùng làm gỗ, cây nào khá dùng làm cột, cây nào khá dùng làm rầm làm rui, hòn đá nào khá làm nền làm bậc, bèn họp cả các thợ lại, búa dùi đều đập, thừng mực đều căng, chỉ trong khoảng giây phút là thành một tòa nhà thiên môn vạn hộ vậy. Lại ví như nhà lương-tướng dùng quân, kỷ-luật tất phải cho nghiêm, thưởng phạt tất phải cho đúng, hiệu-lệnh tất phải nhất định, tiến lui tất phải đều nhau, đầu đuôi tất phải ứng nhau, vận-dụng khéo cho quân được nhất-tâm, biến-hóa tài không ai suy lường được, như thế mới kha làm tướng được trăm vạn quân mà điều-lý không lẫn, động tay đủ khiến, binh tuy nhiều mà càng chỉnh, phép tuy kỳ mà thực chính. Ta trộm lấy làm lạ người đời sau làm sử, qui-chế không lập, pháp-luật mang-nhiên, cất chân vấp-vấp, chạm

việc ngựa nghiêng, như chỉ có cây gỗ một tầm tấc mà không biết sắp đặt, chỉ có một bọn năm người mười người mà sai khiến trái đường, âm-áo đối loạn, không khá ngăn cấm được, lại còn mong làm nhà nhớn, coi bịnh nhiều làm sao được ? Nên ta nói làm sử khó là thế.

Vả làm cái nhà nhớn tuy nhiều thợ cùng làm, nhưng biết thể-yếu duy có một người thợ nhớn đặc lượng cái tài-liệu mà thôi. Dùng binh tuy quân lính nhiều, các tì-tướng mãnh-dũng, nhưng cầm mệnh-lệnh trong ba quân duy có một ông đại-tướng mà thôi. Làm sử cũng vậy, tuy chung khảo sách vở, sắp đặt phương sách có nhiều, mà cầm bút mở giấy, phát phàm khởi lệ, cũng chẳng qua một người lương-sử mà thôi. Tôi lại lấy làm lạ rằng những người làm sử đời sau, không nghe thấy ai là có cái học bác-thông chư-sử, chưa được biết ai là có cái tài « bút-tước chi pháp ». Làm sử chia nhau ra mà cùng đi cốp nhặt, thì ai ai cũng có thể làm được, người đi đã có người kia lại, thường thường một quyển sách chưa thành mà đã quay tay đến mấy mươi trăm người, hết ngày qua thời, mà rút lại cũng đến không thành được.

Ôi, nhà lương-sử phải mấy trăm năm mới thấy một lần. Nếu ai ai cũng làm được thì cái tài trong thiên-hạ không phải là khó nữa, ông Tử-Trường, ông Mạnh-Kiên nối vai nhau mà phát-hiện ra vậy. Họp những thợ vụng lại mà làm một cái đồ dùng, họp những bọn nhu-phu lại mà coi một quân, thì đồ dùng khỏi méo sao được. quân khỏi thua sao được ? Thế cho nên có họ Tư-Mã, họ Ban, họ Âu-dương, làm người đại-tướng, người lương-tướng thì sách *Sử-ký*, sách *Hán-thư*,

sách *Ngũ-đại sử* mới thành được Sách *Tân Đường-sử* không phải tay họ Âu-dương định, nên sánh với sách *Ngũ-đại sử* không bằng. Như thế thì phàm nhà chuyên-học về sử phải là người có tài trong thiên-hạ, như ông Tăng Cung nói : sáng đủ lấy khắp được nhẽ muôn việc, đạo đủ lấy thích dùng cho thiên-hạ, trí đủ lấy thông những ý khó biết, văn đủ lấy phát những tình khó hiển. Có được như thế mới gọi được là nhà lương-sử. Nhưng có người lại nói rằng sử khó làm như thế, người làm sử cũng khó có như thế, bao giờ lại được những bực như họ Tư-Mã, họ Ban, họ Âu-dương cho thực xứng đáng ; cái đó cũng là do người trên sở trọng mà thôi. Người trên sở trọng tại kinh-học, thời thiên-hạ những người thông-kinh ra nhiều. Người trên sở trọng tại sử-học, thì thiên-hạ những người lương-sử tất cũng ra nhiều, có lo gì là sử khó làm cùng người làm sử khó có vậy thay !

(*Dịch trong sách « Đái Cát-phu văn tập »*)



1. ▲ Đái Cát-phu tiên-sinh tuy không có danh-tiếng trong văn-học lịch-sử nước Tàu, An-nam để không mấy người nghe đến bao giờ, song thực là một nhà văn-sĩ có biệt-tài. Văn-chương của tiên-sinh có cái tính-cách khác hẳn lối văn-chương cũ. Chúng tôi hiện đương nghiên-cứu về tiên-sinh, định làm một bài luận về cái thân-thế cùng sự nghiệp văn-chương của tiên-sinh.

Chú thích

TRIẾT-HỌC LÀ GÌ ?

Nói triết-học thì ai cũng nghĩ đến một môn học nghiêm-trang, cao-kỳ, huyền-bí, bàn những sự cao-xa, xét những nhẽ thâm-thúy, người thường không thể hiểu được. Lắm người chỉ nghe đến tên triết-học mà sợ, tưởng như cái yêu-thuật của một bọn hư-tưởng dùng để huyền-diệu người đời. Bởi nhiều người tưởng nhầm về triết-học như thế, nên triết-học đã hầu coi như một món không có quan-thiết gì đến sự thực, đến việc đời, mà nhà triết-học, nhà thuyết-ký đã thành danh là những người sống trong mộng vậy. Nhưng mấy người hiểu rõ cái mục-đích của triết-học là gì, cái phương pháp của triết-học thế nào, cùng bởi sao mà triết-học là một sự học ích-lợi thiết-yếu cho người ta. Vậy trước khi bàn đến những vấn-đề về triết-học, tưởng nên giải-nghĩa triết-học là gì. Đó là cái mục-đích của bài này.

Các nhà triết-học từ xưa đến này đã giải nghĩa chữ triết-học ra nhiều cách lắm, nếu thuật lại cả thì một quyển sách cũng không hết được. Nhưng trong bấy nhiêu nghĩa tất có một cái gốc chung ; ta nên tìm mà biểu cái gốc chung ấy ra, tức cũng đủ tạm giải được triết-học là gì.

Phàm nói triết-học là nghĩ ngay đến một sự học chung, chủ cái đại-thể, đại-khái. Vậy xét một từng thứ nhất thì có thể giải triết-học là sự nghiên-cứu những nhẽ chung, những sự đại-khái.

Nhưng mà những nhẽ chung, những sự đại-khái ấy không có rõ cho ta trông thấy ngay được. Thường nó lại phản-trái hẳn với cái hiện-tượng bề ngoài.

Vậy phạm học triết-học là phải nghiên-cứu cho sâu, mới phát-minh được những nhẽ chung, những sự đại-khái ấy.

Như học lịch-sử : lấy cái thiển-kiến mà xét thì lịch-sử bất quá là một mớ lộn-nhộn những công-việc riêng của từng người. Nhưng lấy cái nhỡn-tuyến nhà triết-học mà xét, thì biết những công-việc của người đời trước cũng chưa đủ, phải coi mỗi việc như một cái máy mà tháo nó ra từng mảnh, tìm xem cái cơ-quan nó thế nào, cách nó vận-động làm sao, cái tâm-lý của người chủ-động, cái tình-thế lúc khởi-hành. Nhà triết-học lấy những hiện-tượng bề ngoài là cái biểu-diện của những phép-tắc sâu-xa, nên thường phải nhìn qua cái hiện-tượng ở ngoài mới thấu được cái phép-tắc ở trong. Bởi vậy mà ông PLATON ngày xưa nói triết-học là sự học cái vô-hình, ông ARISTOTE thì giải triết-học là sự nghiên-cứu những « cứu-cánh-nguyên-lý » cùng những « tối-hậu-nguyên-nhân » (*recherche des premiers principes et des dernières causes*).

Những sự của triết-học học đã là siêu-việt ra ngoài hiện-tượng trông thấy, thì không có thể tự-nhiên mà biết được. Phải có suy-nghĩ mới lý-hội được. Nên xưa nay sự suy-nghĩ vẫn cho là cái phương-pháp tất-yếu của triết-học, mà cả triết-học cũng thường giải là một sự suy-nghĩ về sự-vật vậy.

Vậy thì học triết-học là phải khái-niệm để gồm lấy những sự đại-khái, nghiên-cứu để tỏ ra những nhẽ sâu-xa, suy-nghĩ để hội lấy những mối siêu-việt. Nhưng cơ sao mà phải khái-niệm, nghiên-cứu, suy-nghĩ như thế ? Là bởi loài người ta có một cái bản-tính khởi-điểm tự các giống cao-đẳng-động-vật, cái bản-tính ấy là tính hiểu biết vậy. Người ta đứng trước cảnh-vật không chịu giữ cái địa-vị khách-quan. Phàm trông thấy cái gì, cũng muốn giải nghĩa nó thế nào. Nhìn không chưa đủ : muốn hiểu xem cơ sao mà mình nhìn nó ra như thế. Vậy thì cái cứu-cánh mục-đích của sự triết-học là muốn thuyết-minh về sự-vật.

Khái-niệm, nghiên-cứu, suy-nghĩ, thuyết-minh. đó là bốn điều chính của sự triết-học. Nhưng mà xét kỹ ra bốn điều ấy cũng còn chưa được phân-minh lắm. Càng nhà triết-học Âu-châu đời xưa đã nói rằng : Phàm muốn định-nghĩa một sự một vật cho hoàn-toàn thì thứ nhất là phải định được khắp cái nghĩa của sự ấy vật ấy, thứ nhì là phải cho cái nghĩa định ấy chỉ hợp với cái sự cái vật mình định-nghĩa mà thôi. Thế thì như ta định-nghĩa chữ triết-học trên kia mới là trúng được một phần thứ nhất, mà còn chưa đúng với phần thứ nhì. Vì không một là triết-học, phàm khoa-học gì chẳng là phải suy-nghĩ, chẳng là phải khái-niệm, chẳng là phải thuyết-minh mà chẳng là phải nghiên-cứu ? Hay là triết-học với khoa-học cũng giống nhau ? Hay là cái định-nghĩa của ta rộng quá ?

Ở Âu-châu, kể từ đời cổ-đại cho đến cuối thế-kỷ thứ 15, triết-học với khoa-học vẫn thường gồm làm một. Về đời Hi-

lap cùng về đời Trung-cổ, triết-học với khoa-học không có phân-biệt nhau bao giờ. Tự đời Cổ-học-phục-hưng (*Renaissance*), ^[1] nhất là từ ông DESCARTES, ^[2] thì triết-học tức là khoa-học ngày nay, cái mục-đích, cái tôn-chỉ, cái phương-pháp cũng thế. Cái phương-pháp của ông DESCARTES cũng như cái thực-nghiệm phương-pháp ngày nay, chủ sự hỗn-hợp cả khoa-học cùng triết-học.

Dù vậy mà nếu xét kỹ ra thì từ khi triết-học Hi-lạp mới khởi-điểm, trong tư-tưởng-giới Âu-châu đã thấy phát-hiện ra hai cái phương-hướng khác nhau.

Một bên thì thấy những môn học chỉ chủ xét một cái vấn-đề riêng, mà muốn xét cho khắp, tìm cho hết nhẽ, dùng đủ mọi phương-pháp mà giải cho cực đúng. Chắc rằng cái vấn-đề nào dù đặc-biệt đến đâu, cũng tất-nhiên là phải có một cái kết-luận, mà cái kết-luận ấy tất-nhiên cũng là một cái kết-luận chung. Vì giải-quyết được một cái vấn-đề nào tức là có thể suy-loại mà giải-quyết được cả những vấn-đề cùng một họ với nó. Nhưng cả cái họ ấy nữa cũng mới chỉ là một bộ-phận nho-nhỏ trong toàn-thể những sự những vật nó khêu-giục cái lòng ham biết của người ta. Cả cái họ ấy cũng làm chìm-đắm trong cảnh-vật mênh-mông, gồm không biết hàng-hàng sa-số nào là những họ khác nữa.

Bởi thế mà một bên nữa lại thấy những nhà học-vấn quay về một phương-hướng khác, như con bướm bay về nơi ánh-sách thấu suốt cả toàn-thể sự-vật. Không muốn nghiên-cứu riêng một vấn-đề như trên kia, mà muốn lý-hội, muốn giải-

nghĩa được cả toàn-thể của Vũ-trụ ; không muốn xét một sự, một vật, một thể-cách riêng của sự-vật, mà muốn gồm hết-thảy các sự-vật, giải được cái bản-thể của cả vạn vật.

Cái phương-diện trên là cái phương-diện của khoa-học, mà khoa-học đối với sự-thực thì ví như người thợ mỏ cuốc đồng quặng rắn, làm khó nhọc mà chỉ được từng mảnh con con. Cái phương-diện dưới là cái phương-diện của triết-học, mà ví như nhà kỹ-sư đứng ngắm hình-thể một trái núi để đoán-dịnh cái mạch mỏ cùng lượng biết cái giá-trị của nó. Hai phương-diện rộng hẹp thực là khác nhau vậy.

Người Hi-lạp ngày xưa cũng đã phân-biệt rõ-ràng hai phương-diện ấy rồi. Ngày nay sự phân-biệt ấy lại hiển-nhiên hơn nữa. Cái phạm-vi của khoa-học là cái phạm-vi những sự thực-nghiệm ; cái phạm-vi của triết-học là cái phạm-vi những sự lý-tưởng, siêu-việt vô-hình ; hai cái bờ-cõi thật là phân-minh mà không thể lẫn lộn được. Một bên thì là những sự kết-quả nhỏ-nhất, bao giờ cũng có kiểm-điểm kỹ-càng, những sự nghiên-cứu có phép-tắc mà đúng mực, nhất là có liên-tiếp với nhau, cái gì thử đã chắc rồi mới gửi mà dùng như hòn đá nền để lại xây hòn khác lên trên. Một bên thì dùng sự suy-ước, sự tưởng-tượng để muốn bước nhanh hơn những sự nghiên-cứu tỉ-mỉ, mà xướng được ngay nhời kết-luận về cái nguyên-nhân, cái cứu-cánh của vạn-vật.

Vậy thì nói tóm cả từ đầu có thể giải nghĩa triết-học đối với khoa-học là nghiên-cứu những sự đại-khái rất siêu-việt, những cái đại-nghĩa rất cao-thâm, rất xa-cách với những

hiện-tượng bề ngoài. Hay là giải-nghĩa thế này nữa, vừa giản-dị hơn mà lại vừa không sợ hoặc rộng quá hoặc hẹp quá, là nói rằng : triết-học đối với khoa-học, cái tỉ-lệ cũng tức như là khoa-học đối với sự tri-thức tầm-thường vậy.

Nếu khoa-học là nghiên-cứu cái nghĩa chung, thì triết-học là nghiên-cứu cái nghĩa chung hơn hết cả. Nếu khoa-học là nghiên-cứu cái hiện-tượng bề ngoài, thì triết-học là nghiên-cứu cái chân-tướng ở trong. Nếu khoa-học là lấy sự suy-nghĩ mà thay vào sự tự-nhiên, thì triết-học là lấy sự suy-nghĩ mà suy-nghĩ cái suy-nghĩ của khoa-học. Nếu khoa-học là muốn giải-nghĩa sự-vật, thì triết-học lại muốn giải-nghĩa cao hơn, mà giải-nghĩa cả khoa-học nữa. Chắc rằng thích-nghĩa chữ triết-học như thế cũng chưa được là rất mực đích-sắc, chưa được là cực-điểm phân-minh, như hai với hai là bốn vậy. Nhưng thiết-tưởng cũng đã định được cái phạm-vi của triết-học đối với khoa-học, khu-biệt được phần nào là phần thuộc về triết-học, phần nào là phần thuộc về khoa-học. không sợ nhận nhầm ; như thế thì cũng là tạm đủ vậy.

Nói tổng-kết lại thì phạm sự học không muốn khu vào trong một vòng những sự thực nhất-định, cách biệt cái nọ với cái kia, mà muốn thuyết-minh về toàn-thể của sự vật, hoặc là về một bộ-phận nữa nhưng cũng là chủ lấy cái toàn-thể làm mục-đích, phạm sự học như thế là thuộc về triết-học cả.

Đương buổi cái phong-trào chuyên-môn của các khoa-học thịnh-hành như ngày nay, triết-học lại rất là cần lắm. Mỗi người chuyên một môn học, vụ lấy học cho cực sâu, cái đó

cũng có hay mà cũng có dở. Hay là vì ngày nay các khoa-học mỗi ngày một nhiều, một đời người không thể học được xuất, tất phải chia ra thì học mới thành nghề mà sự học mới tiến-bộ được. Dở là vì các nhà chuyên-môn tất chỉ tinh một môn học của mình, trí-thức như hạn-chế trong một cái phạm-vi nhất-định, phàm quan-sát sự vật hay lấy cái phương-diện riêng của môn học mình làm chuẩn, sự học tuy có sâu mà không được rộng. Vậy cần phải có một sự học chủ cai-quát cả các môn học riêng mà trừu lấy cái đại-nghĩa chung, thu cả các nhẽ nhỏ mà hợp lại một cái quan-niệm nhơn về thế-giới về loài người : sự học ấy là triết-học vậy.

Thế-giới ví như một cái cảnh nhơn, có núi có nước, có cây có rừng, có hang-hốc, có suối-khe, có chim kêu vượn hót, có gió thổi nước bay, trăm nghìn vẻ kỳ-kỳ lạ-lạ. Đi len-lỏi vào những nơi rừng rậm hang sâu để xét từng hòn đá ngấm từng cái cây, ấy là nhà khoa-học chuyên-môn. Chèo chót-vót lên trên đỉnh núi cao, ngừng lên cúi xuống, ngấm nghĩa bốn bề, để thu lấy cái đại thể một mảnh giang-sơn trong giới đất, ấy là nhà triết-học vậy. Chắc đứng cao mà trông thì tường sao được bằng người bước đến tận nơi mà nhìn, nhưng cái nhơn-giới mênh-mông biết chừng nào ! Phàm người cao-thượng khao-khát những sự tuyệt-đích thì cảnh-tượng ấy không phải là không có một cái thú lạ.

PHẠM QUỲNH.

1. ▲ « Cổ-học-phục-hưng » là một thời-kỳ trong lịch-sử Âu-châu, gồm hai thế-kỷ thứ 15 và 16, các nước Âu-châu bấy giờ hết đời Phong-kiến (*Féodalité*) lại giở về học-thuật của Hi-lạp La-mã.
 2. ▲ Tầu dịch là 笛卡兒 Ông là tổ triết-lập nước Pháp (1596-1950), xem bài sau.
-
-

Chú thích

**TỔ TRIẾT-HỌC NƯỚC PHÁP : ÔNG
DESCARTES
CÙNG SÁCH « PHƯƠNG-PHÁP-LUẬN »**
(Discours de la méthode)

Xét lịch-sử trong thiên-hạ thì thấy hể hết một thời-đại hắc-ám, thường xuất-hiện ra một bực đại-triết biến-đổi cả cách tư-tưởng cũ mà đặt ra một nền-nếp mới. Nước Pháp trong suốt đời Trung-cổ, cho đến đầu thế-kỷ thứ 15, thực đã trải qua một thời-kỳ hắc-ám : quốc-văn chưa thành, bọn học-thức trong nước chỉ thiên-trọng chữ la-tinh ; triết-học thì gồm cả trong tay đảng giáo-sư, hoặc là lẫn với khoa thần-học, hoặc là biện-nạn về mấy quyển sách cổ của La-mã Hi-lạp, sự tư-tưởng như bị giam-hãm trong những lẽ-lối nhất-định, không sáng-nghĩ được điều gì mới lạ. Cái tình-thế sự học ở nước Pháp về đời bấy giờ cũng tức như nho-học ở nước ta khi xưa vậy. Ta trọng ông CHU ông TRÌNH thế nào thì người Pháp cũng trọng ông ARISTOTE, ông PLATON như thế, mà không phải là cái hình-thức mà thôi. Lấy một đoạn sách cổ, người kia biện ra thế này, người này nạn ra thế kia, cãi-cọ nhau suốt ngày, không thành kết-quả gì : đó là cái lối học triết-lý đời bấy giờ. Nhưng bắt đầu từ thế-kỷ thứ 15, người Pháp đã biết lấy cái áp-chế của La-mã Hi-lạp làm nặng, khái-nhiên muốn tự-lực học-vấn lấy, tư-tưởng lấy, không quản gì phản-trái với những tiền-triết đời Cổ-đại. Bấy giờ mới xuất-hiện ra những nhà văn-sĩ như ông RABELLAIS, ông MONTAIGNE, lấy quốc-âm làm văn-tự, gây dựng ra một

nền văn-chương mới. Chữ la-tinh từ đây không dùng làm quốc-văn nữa, thành một lối « tử-văn », chỉ còn dùng trong kinh nhà đạo mà thôi. Rồi đột-nhiên sinh ra một bậc đại-triết, phá-đổ cả cái học-vấn cũ mà gây dựng ra một nền triết-học mới. Nhà đại-triết ấy là ông DESCARTES, đời sau suy-tôn là ông tổ triết-học ở nước Pháp. Tuy cái học của ông đã có một vài phần cũ rồi, không hợp với thời nay nữa, nhưng cái phương-pháp của ông đặt ra để học triết-lý thì thực là một cái công-trình tuyệt-tác, một cái lâu-đài rất vững-bền mà rất trang-nghiêm, chưa dễ bao giờ đã suy-truyền được. Vì cái phương-pháp ấy là do nhẽ phải thiên-nhiên, không phải do cái thành-thuyết của người đời trước, nên người ta còn phải dùng đến nhẽ phải để suy-xét sự-vật thì còn không ra được ngoài phương-pháp ấy. Bởi vậy mà sách « Phương-pháp-luận » (Discours de la méthode) của ông, tuy làm tự năm 1637, mà bên Âu-châu vẫn coi là một bộ nhập-môn tất-yếu của khoa triết-học. Bọn ta ngày nay muốn thiết-liệp cái tư-tưởng của Tây-phương, tưởng không gì bằng bắt đầu xem sách ấy. Có hiểu cái phương-pháp của triết-học thế nào thì mới có thể giải được các lý-tưởng mới, hội được nghĩa sâu của cái công tư-tưởng Âu-châu tự đầu đời Cận-đại đến giờ. Trước thế-kỷ thứ 15, nghĩa là về đời Trung-cổ cùng đời Cổ-đại, thì cái lối học-vấn tư-tưởng của Âu-châu cũng chẳng khác gì bên Á-châu ta, có nhẽ còn kém mà không bằng ta nữa. Âu-châu mới bắt đầu tiến-bộ nhanh rất dữ như ngày nay là tự thế-kỷ thứ 15 đến giờ. Bởi đâu mà gây nên sự tiến-bộ nhanh như thế ? Thực là bởi công mấy nhà đại-triết xuất-hiện vào khoảng thế-kỷ thứ 15, 16, như ông BACON^[1] nước

Anh, ông DESCARTES nước Pháp vậy. Các nhà ấy đã đưa cái tư-tưởng Âu-châu vào đường chân-chính mà gây nên cái nền văn-minh học-thuật ngày nay. Bởi vậy chúng tôi định dịch trong bản-báo sách « Phương-pháp-luận » của ông DESCARTES, để hiến học-giới ta một bộ giáo-khoa cao-đẳng, rất đáng học, đáng nghiên-ngẫm, đáng đọc đi đọc lại, cho biết một nhà tây-nho đời xưa đối với sự học nhiệt-tâm mà thành-thực là chừng nào. Ôi ! cái chân-lý có phải là dễ tới được đâu. Trong óc ta thường đầy những tư-tưởng sai-nhầm, đầy những ý-kiến thiên-lệch, phải gột rửa đi cho sạch thì mới đem ra mà đón tiếp cái chân-lý được. Tiên-nho ta ngày xưa cũng đã từng dạy phải hư tâm để cầu sự thực. Nếu trong lòng còn bận những sự thiên-kiên của đời, còn bị cái vật-dục nó mờ ám đi, thì mong sao mà trông rõ được cái chân-tướng của sự-vật ? Sách *Phương-pháp-luận* của ông DESCARTES này thực là dạy cho ta cái phép « hư tâm để cầu sự thực » vậy.

Trước khi dịch ta hãy kể lược cái truyện-ký của ông DESCARTES, cùng thuật qua cái đại-ý trong sách như sau này.

Ông họ DESCARTES, tên René, tên la-linh là CARTESIUS. vốn giòng quý-tộc (chính tên họ nhà ông nguyên là DES QUARTES. Sinh năm 1596 ở La Haye, trong quận Touraine. tức là hạt Indre-et-Loire ngày nay. Ông là con một ông nghị-viên ở Nghị-hội thành Rennes. Thừa nhỏ học ở trường của các viên hội Gia-tô (Jésuites) lập ra để dạy con nhà quý-tộc. Sớm ông đã tỏ ra có thiên-tư riêng về triết-học cùng số-học. Thừa thiếu-niên cũng là người chơi-bời lắm, đến năm 1617 nghe nhờ cha quyết chí theo nghề quân, bốn năm tòng-sự trong

quân-đội của công-tước de Nassau cùng công-tước đất Bavière.

Đến sau đi du-lich nước Đức, nước Thụy-điển, nước Hà-lan, nước Thụy-sĩ, nước Ý-đại-lợi, rồi ra thành La-mã mà về Balle năm 1626. Ông đã từng được xem việc vây thành Rochelle, đánh đảng tân-giáo-cải-lương năm 1627-1628. Sau việc ấy thì ông bỏ nghề quân quyết chí đem tâm cả vào sự tư-tưởng triết-học, bèn sang ở đất Hà-lan, trước ở thành Amsterdam, sau ra thành La Haye, thành Leyde, đến sau ra ở lâu Egmont là một nơi cảnh-chí tịch-mịch, có thú thanh-nhàn.

Năm 1637, ông xuất-bản sách « Phương-phép-luận » ở thành Leyde. Năm 1641 thì in tập « Mặc-tưởng lục » (*Méditations*), năm 1644 in sách « Triết-học nguyên-lý » (*Principes de philosophie*), Trước ông đã có soạn một bộ sách về quang-học theo cái thiên-văn-học của ông COPERNIC [2], sau được tin ông GALILÉE [3] phái Giáo-hoàng làm tội thì ông bỏ sách ấy không làm nữa, không phải rằng ông tự lấy làm nhàm, nhưng sợ tội lây đến mình. Tuy vậy cái học của ông cũng là trái với chính-truyền của đạo Thiên-chúa. Năm 1666, hồi cải táng di-hài ông về nhà thờ SAINTE-GENEVIÈVE, có lệnh trên cấm giáo-sư LALLEMAND không được đọc văn-tế ông. Hồi sách « Phương-pháp-luận » cùng các sách khác về số-học của ông mới xuất-bản, ông cũng bị những nhà thần-học về đạo La-mã cùng đạo Cải-lương phản-đối lại nhiều lắm. Nhất là bọn Cải-lương đối với ông lại kích-liệt lắm nữa. Họ

cáo ông là không tin Thiên-chúa, sách vở của ông đã suýt phải bị đốt.

Ông nhọc vì những sự tranh-biến vô-ích ấy, lại không chịu đội ơn vua LOUIS thứ 13, bèn nhận nhờ bà nữ-hoàng CHRISTINE nước Thụy-điểu (*Suède*) năm 1649 mời sang ở kinh-đô nước ấy là thành STOCKHOLM. Khi mới đến, người Thụy-điểu hoan-nghênh ông rất là trọng-thể. Nữ-hoàng muốn xin ông dạy triết-học ; ngày ngày cứ năm giờ sáng ông vào cung diễn-thuyết về triết-học, những nhà danh-sĩ cùng những bậc quyền-quí đến nghe rất đông. Một hôm ông bị cảm-hàn, ngày 11 tháng 2 năm 1650 thì tạ thế, thọ được 54 tuổi.

Ông tính trầm-mặc quả-giao, thích ở tĩnh-mịch, không đi lại với ai, chỉ có một người bạn thân là giáo-sư Marsennc, phàm thư từ giao-thiệp với các bậc danh-sĩ Âu-châu đời bấy giờ cũng là bởi một tay giáo-sư cả. Ông không ưa gần chúng, không muốn nhờ ai giúp việc gì, thường nói rằng : « Những người hoặc là muốn biết hoặc là muốn học thêm mà tự-ý hiến công để giúp ta, thì không những thường-thường là những người chỉ biết hứa mà không thực-lực giúp được gì, ngồi bàn không thì không khôn-khéo lắm mà rút lại chẳng nhờ bàn nào thành công, không những thế lại còn bắt ta phải đền công mà giả-quyết cho những điều nghi-vấn, không thì cũng bắt ta ngồi cùng mà nói những truyện vô-ích, nói bao nhiêu là ta mấy bấy nhiêu thì-giờ vậy. » Bởi vậy, ông có việc gì đáng thuê thì ông thuê người làm, không hề lụy nhờ ai, vì ông nói : « Phàm con nhà nghề, cùng đại-để những người có

thể giả-tiền được, thì mình đối với họ lấy cái lợi mà đãi, cái lợi là cái kế diệu hơn cả, họ ham lợi mình khiến làm gì tất cố sức làm cho mình vừa ý. » Người ta ở đời đã từng có khi lấy sự giùm-giúp của bè-bạn làm phiền làm nặng hơn cái công mướn của kẻ làm thuê thì mới biết nhờ ôn nói là phải. Tuy ông đối với thế-nhân giữ cái lối độ lạnh-nhạt như thế, mà cái ảnh-hưởng của ông trong xã-hội đương-thời rất là sâu-xa mà đậm-thấm. Cho hay những người đại-trí ở đời không biết chiều chúng cho chúng yêu, thường bỏ chúng mà chúng phải phục ; cái thiên-tài vốn là một vậy quý của gời đất, dầu chí-ngu cũng biết cảm vậy.

Cái thiên-tài ấy ông có từ thừa nhỏ, khi lên tám chín tuổi cha đã thường gọi là « ông triết-học nhỏ » (*le petit philosophe*), vì cái gì ông cũng muốn hỏi cho biết cỗi-dễ nó thế nào. Trong lúc còn ở học nhà trường ông thường theo cái tục các con nhà quý-tộc thời bấy giờ tập cỡi ngựa cùng đấu gươm ; ông liền soạn ngay một bộ sách về nghề đấu gươm (*l'Escrime*), sách ấy ngày nay lưu-lạc mất không còn nữa. Ông sở-trường nhất là các khoa số-học ; từ khi còn lam học-trò ông đã từng so-sánh số-học với các môn học khác, nhận thấy cái gốc của số-học thực là vững-vàng và bền chặt hơn các môn học kia, mà lấy làm lạ rằng cứ sao từ xưa đến nay chưa ai biết dùng cái gốc ấy mà đặt ra một lối triết-học mới. Trong bụng ông mang một cái tư-tưởng như thế trong mấy mươi năm, kịp đến khi ông theo quân của công-tước đất Bavière ra đóng ở thành Neubourg nước Đứcthì một đêm — đêm ấy là đêm ngày 10 tháng 11 năm 1619 — ông hốt-nhiên, tỉnh-ngộ tưởng như thấu suốt được cái phép-tắc ấy chính-nhiên sắc-

nhiên như trong số-học vậy. Ông bèn tự nghĩ rằng nếu trong các môn học chỉ có số-học là có cái tính đích-sắc như thế, thì sao không đem cái phương-pháp của số-học ra mà ứng-dụng cho triết-học để xét cái cùng-lý của sự-vật ? Bởi vậy ông mới sáng nghĩ ra đại-ý sách « Phương-pháp-luận » này. Sách tuy đến mười năm sau mới xuất-bản nhưng thực là khởi-điểm tự bấy giờ.

Đại-khái sách dạy rằng mục-đích triết-học là để tìm cái chân-lý. Nhưng làm thế nào mà biết được cái chân-lý ? Chân-lý là cái gì mình tư-tưởng *sắc-nhiên*, không còn nghi-ngờ nữa. Phàm cái gì có sắc-nhiên mới nên nhận là thực. phàm cái gì đã sắc-nhiên là sự thực : đó là cái phép-tắc thứ nhất của triết-học. Vậy thì cái gì còn mập-mờ là chưa đủ tin. Tư-tưởng một sự gì phải nghiên-ngẫm cho thực sâu, cho đến khi trong trí mình sáng-suốt cả, mới chịu nhận là phải ; như thế thì không thể nào nhầm được. Nhưng mà cái sắc-nhiên cũng có khi giả-dối, cũng có khi nó nhầm mình được. Không kể phái « nguy-biện » (*les sophistes*) là phái những nhà triết-học biết mình là nhầm mà vẫn cứ cố cãi cho được, còn từ xưa đến nay phàm sự tư-tưởng nhầm của các bậc tiền-triết lúc xướng ra tất cũng cho là phải, cho là sắc-nhiên cả. Bởi sao vậy ? Bởi sự phán-đoán điều phải điều trái không phải là bởi trí-tuệ, thực là thuộc về ý-chí, thuộc về cái chí muốn, sự tự-do của người ta. Chắc là phải có trí-tuệ mới hiểu được các nhẽ, người ngu-tối thì còn biết suy-xét điều gì. Nhưng muốn hiểu cho sắc-nhiên thì phải có cái chí muốn, có quyền tự-do mới được. Là bởi cái nhẽ như thế này : trong khi ta tư-tưởng một sự gì thì cái trí-tuệ ta phải nghiên-ngẫm về sự ấy.

Cái trí-tuệ ta vốn nó lười ; thường nó lại bị mờ-ám mà không được thậ-phần sáng-suốt. Vậy lắm khi nó chưa cứu-xét cái tư-tưởng ấy cho đến nơi đến chốn đã đệ-trình cho ta phán-đoán. Nếu ta cũng lười mà cầu-thả, nếu trong lòng ta lại thiên nữa, thì ta phán-đoán tất nhầm, không khỏi được. Người đời thường lẫn-lộn sai-nhầm, lấy trái làm phải, lấy trắng làm đen, lắm khi bởi cái ý-chí mình nhu-nhược, không phải bởi cái trí-tuệ mình hôn-mê vậy. Cứ lấy một người bình-thường, trong óc trong sạch không có bệnh-tật gì, trong lòng bình-tĩnh không có thiên-ỷ gì, nếu lại có cái chí cương-cường nữa, thì không lo xét-đoán sai nhầm được. Cái óc mình nó trình bày mình sự gì, mình có thể muốn nhận thì nhận, muốn khước thì khước, đã sắc-nhiên thì cho là phải, chưa sắc-nhiên thì bỏ-bác đi, như thế thì còn nhầm sao được ?

Nhưng có cái chí muốn chưa đủ, còn phải có quyền tự-do nữa mới được. Vì người ta không những là phải đoạt cái tính nhu-nhược cầu-thả ở trong người, lại còn phải đoạt cái áp-lực ở ngoài nữa, cái áp-lực ấy nó thường ngăn-trở cái lý sắc-nhiên không phát-hiện ra được. Áp-lực ấy là gì ? Là những sự thiên-kiến, sự xét-đoán nóng-nổi sai-nhầm của người đời, lẽ-lối bó-buộc, quyền-thế ngăn-cầm, điều lợi-hại của mình, lợi-hại cho bè-đảng, cùng nhiều mối khác nữa. Phải cho sạch lòng cả những sự ấy mới có thể cầu được cái nhẽ sắc-nhiên. Nhưng muốn cho sạch lòng cả những sự ấy thì phải có cái nghị-lực khác thường mới được, vì phải chống-đối ở trong, chống-đối ở ngoài, có toàn-thắng mới được tự-do. Đã tự-do, nghĩa là không phải hệ-lụy gì, được tự mình phán-đoán cho

đúng, thì không khó gì mà tới được cõi sắc-nhiên. Cái sắc-nhiên là cái của bấu chỉ riêng để cho những người vừa thông-minh sáng suốt, vừa thành-thực chính-trực, nhất là chính-trực, vì nếu bụng không thẳng, trí cong-queo thì sáng-suốt mà làm gì ?

Nói rút lại phàm người đã đem thân thờ cái chân-lý, phải trong sạch trong lòng, sáng suốt trong trí, tình ngay-thẳng, ý nghiêm-trang, phải có một cái đức-tính sâu và dày vậy. Cái nhẽ sắc-nhiên không phải là kết-quả của đạo-đức, nhưng có đạo-đức mới cảm được nhẽ sắc-nhiên.

Đó là gốc của cái phép triết-học ông DESCARTES, tuy suy rộng ra vô cùng mà rút lại chỉ gồm ở hai chữ *đạo-đức*. Thế mới biết đạo-đức thực là một mối thiêng-liêng, nó ngụ ở nguồn-gốc mọi sự mọi vật, nó là nơi trung-tâm của mọi sự tư-tưởng. Tinh-thần ta dù muốn mượn cánh chim bằng ông TRANG-tử mà tiêu-dao trong giời đất, sớm trưa cũng là phải qui-y về đấy. Phàm cái tư-tưởng gì không lấy đạo-đức làm cốt là hư-tưởng nguy-tưởng cả. Thánh-hiền ta ngày xưa cũng dạy như thế mà các bậc đại-triết bên Âu-châu cũng khuyên như vậy.

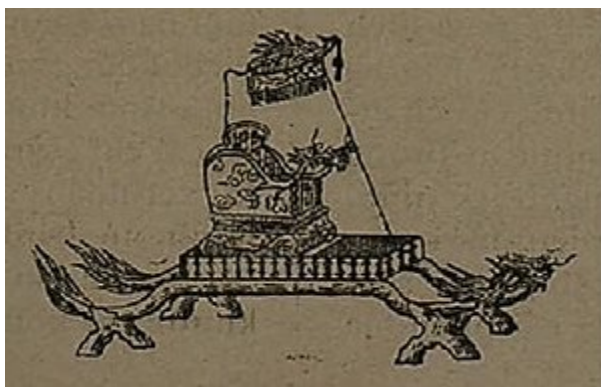
Ta nói đến tên triết-học tất nghĩ đến người có đức-tính hơn người. Nhà triết-học xưa nay vẫn là đồng-nghĩa với nhà quân-tử. Người ta thành-tâm mà theo đuổi cái chân-lý thì dù chẳng tới được, cũng là hay thêm người ra. Xưa nay trong lịch-sử thiếu gì kẻ gian-hùng tranh quyền cướp nước, thiếu gì những người nham-hiểm giảo-quyệt, hại người mà mưu sự

lợi-lộc cho mình. Nhưng thử hỏi đã từng trông thấy bao giờ một người phẩm-hạnh sẵn — dù thông-minh sáng suốt đến đâu nữa mặc lòng — mà nổi danh nhà triết-học không ? Quyết rằng không.

Nếu triết-học vun giồng được mầm đạo-đức, bổ-ích cho việc thế-giáo như thế, thì triết-học cũng nên học mà sách triết-học cũng nên xem vậy.

Kỳ sau bắt đầu dịch sách « Phương-pháp-luận » của ông DESCARTES.

PHẠM QUỲNH.



1. ▲ Tàu dịch là Bồi-càn.
2. ▲ Ông Nicolas COPERNIC là nhà thiên-văn-học người Ba-lan (*Poloane*). Ông phát-minh ra trước nhất rằng các hành-tinh vừa quay chung quanh mình, vừa quay chung

quanh mặt giời. Sau bị giáo-hoàng bắt tội vì cái lý-thuyết ấy trái với thánh-kinh. — Sinh năm 1473, mất năm 1543.

3. ▲ Ông GALILÉE, chính tên là GALILES GALILEE, là nhà số-học, lý-học, thiên-văn-học, người Ý-đại-lợi, sinh ở thành Pise năm 1564. Ông chế ra cái hàn-thử-trâm, cái thiên-lý-kính. mà theo cái thiên-văn-học của ông Coperniec, xướng lên rằng chính mặt giời chớ không phải địa-cầu là trung-tâm của thế-giới ta, địa-cầu thực là quay chung quanh mặt giời. Giáo-hội làm án cái học-thuyết ấy là trái với thánh-kinh, bấy giờ ông đã 70 tuổi phải ra trước tòa thẩm-phán xin lỗi mới được khỏi tội thiêu.

Chú thích

KHOA-HỌC BÌNH- LUẬN

TÀU NGẦM TÀU LẶN ^[1] (bài nối)

III

Nay ta đã biết cơ-thể cái tàu-ngầm thế nào cùng cách nó cử-động làm sao, vậy ta kể qua cái nghề tàu-ngầm hiện bây giờ phát-đạt chừng nào.

Ngày nay các thủy-quân đều đua nhau mà chế tàu ngầm. Muốn đo cái bước đường đã tiến được trong mấy năm, thì nên biết rằng đầu năm 1901, cái số tàu ngầm ở các nước mới có thế này :

Nước Pháp, 5 tàu ngầm, 1 tàu lặn đã chế xong.	Cộng
4 tàu ngầm, 4 tàu lặn còn đương chế.	{ 14 chiếc.
Nước Mĩ, 1 tàu ngầm đã chế xong.	{ Cộng
7 tàu ngầm còn đương chế.	8 chiếc.

Nước Anh, 6 tàu ngầm còn đương chế.

Nước Ý, 2 tàu ngầm đã chế xong.

Ngoài mấy nước ấy, những nước khác bấy giờ chưa có một chiếc tàu ngầm nào.

Đến giữa năm 1902, nước Pháp vẫn còn đứng bậc nhất. Nguyên trước đã có 14 chiếc, năm ấy lại thêm 25 chiếc nữa đương chế chưa xong. Nước Anh thì năm ấy mới có được 9 chiếc cả thấy, nước Mĩ thì 8 chiếc. Nước Pháp được nhanh hơn các nước nhiều như thế, tưởng còn được phần hơn lâu nữa. Nhưng từ đấy các liệt-cường khác, nhất là nước Đức trước chưa có một chiếc nào, bèn gắng sức chế ra thực nhiều cho kịp, mà nước Pháp thì trung-gian nhãng bỏ nghề tàu mất một độ. Đến khoảng năm 1905-1906 nước Pháp mới lại chế thêm thì các nước khác đã có gần khắp cả rồi. Và nước Pháp xướng ra nghề tàu ngầm trước nhất, những kiểu chế lúc ban đầu, mấy năm sau thành ra cũ cả mà phải loại. Các nước khác chậm hơn, được bắt chước những kiểu tốt nhất về sau, không phải mất mấy. Cho hay cái lệ thường những người đi tiên-phong vẫn phải chịu sự thiệt-thòi, mà cái phường học lỏm vẫn khéo cướp lấy phần hơn vậy !

Đến đầu năm 1941, mấy tháng trước sự chiến-tranh, thì cứ theo sổ tổng kế của Thủy-quân-bộ nước Anh, số tàu ngầm của các nước như sau này :

CỘNG

TÊN NƯỚC

SỐ TÀU NGẦM



đã chế đương chế

Anh	69	29	98
Pháp	50	26	76
Mĩ	29	25	54
Nga	25	18	43
Đức	24	14	38
Ý	18	2	20
Nhật	13	2	15
Áo	6	5	11
Đan-mạch (Danemark)	6	4	10
Thụy-điển (Suède)	5	3	8
Hà-lan (Hollande)	5	3	8
Na-uy (Norvêge)	3	2	5
Hi-lạp (Grèce)	2	2	4
Ba-tây (Brésil)	3	0	3
Chi-lợi (Chili)	0	2	2
Bồ-đào (Portugal)	1	0	1

Cứ xem cái bảng trên ấy thì biết trong 13 năm (từ năm 1901 đến năm 1914) cái số tàu-ngầm của các nước đã tăng thêm lên là bao nhiêu. Tổng-số những tàu đã chế rồi hoặc hiện đương chế cả thảy đến 400 chiếc. Các nước bực nhất bực nhì đều có cả. Duy có nước Tây-ban-nha (Espagne), cùng

nước Á-nhĩ-nhân-đinh (Argentine) là có thủy-quân mà chưa có một chiếc tàu-ngầm mà thôi.

Như thế thì phạm nước nào có thủy-quân hơn là chế tàu-ngầm nhiều. Chắc một thứ tàu mạnh, tiện mà rẻ như cái tàu-ngầm, thì nước nào dù hơn dù nhỏ, dùng cũng là có lợi. Nhưng xưa nay các nước vẫn mê-tin những chiến-hạm 2, 3 vạn tấn, tưởng rằng trong cuộc thủy-chiến chỉ có những giống kền-nghe đời thượng-cổ ấy mới là có hiệu-lực, còn những giống cá con thì không được việc gì. Có người chê tàu-ngầm gọi là « bụi bể ». Việc chiến-tranh ngày nay thực đã mở mắt cho những người mê-tin như thế. Từ ngày khai-chiến đến giờ, trừ ra một vài lần có mấy chiếc chiến-hạm hơn của nước Anh cùng nước Đức giao-chiến với nhau, cũng chưa gọi là những trận hải-chiến hơn được, còn thì chỉ rất tàu-ngầm đánh nhau mà thôi. Xem như thế thì biết cái nhiệm-vụ của tàu ngầm trong việc chiến-tranh không phải là nhỏ vậy. Chắc rằng chưa bao giờ thay hẳn những tàu hơn được, nhưng cái thế-lực rồi mỗi ngày một to mãi lên. Cuộc chiến-tranh ngày nay rồi gây nên một sự cách-mệnh hơn trong nghề thủy-quân ; cái kết-quả sự cách-mệnh ấy là giảm bớt quyền áp-chế của những vua chúa trong các hạm-đội là những giống thiết-hạm to hơn lạ lùng vậy.

Hiện nay thì các nước nhỏ không thể chế được những hạng « vô-úy-hạm » (dreadnoughts) cùng « siêu vô-úy-hạm » (superdreadnoughts) 2, 3 vạn tấn, tất đã hiểu rằng cái tàu-ngầm là rất cần cho mình, vì nó là cái khí-giới tuyệt-diệu để giữ thế thủ.

Những thủy-quân đứng vào hạng nhì, như nước Hà-lan, Thụy-điển, Tây ban-nha, Bồ-đào-nha, Hi-lạp, Thổ-nhĩ-kỳ, Lỗ-mã-ni, Bảo-gia-lợi, cùng những nước cộng-hòa ở Nam-Mĩ, đã không thể chế được những chiến-hạm nhớn kinh-phí đến 50, 70 triệu phật-lãng một cái, mà cứ chế mãi những thiết-hạm nhỏ, tự 2500 tấn đến 7000 tấn, thì thực là phí-tiền vô-ích. Vì những tàu ấy kém những tàu nhớn lắm lắm, khi chiến-tranh với một nước nhớn thì không được hiệu-lực gì cả.

Như nước Hà-lan hiện chỉ có những thiết-hạm hiệu *Tromp* 4500 tấn. Giả thử có việc khởi-hấn với nước Nhật-bản thì những cái thiết-hạm tí-ti ấy giữ làm sao nổi những thuộc-địa Hà-lan ở quần-đảo Mã-lai, đối với những thiết-hạm nhớn của Nhật hiệu *Kashima* ? Một tàu *Katori* của Nhật cũng đánh đắm được nửa tá tàu *Tromp*.

Thử lấy một cái thí-dụ như sau này thì minh-chứng được điều ấy : Như năm 1807, một hạm-đội của nước Anh đến đánh kinh-đô nước Đan-mạch. phá-hoại thủy-quân của nước ấy để báo thù vì đã về bề với vua Nã-phá-luân.

Giả-thiết ngày nay nước Anh cũng lại muốn đánh nước Đan như thế nữa, thì nước Đan chống lại thế nào ?

Hiện bây giờ nước Đan chỉ có 7 cái thiết-hạm nhỏ tự 2500 tấn đến 5500 tấn, cả thấy có độ 15 chiếc đại-bác. Nước Anh thì có đến 50 cái đại chiến-hạm từ 1 vạn dưới đến 2, 3 vạn

tấn, chỉ lấy ra 5, 6 cái cũng đủ phá-tan được cái thủy-quân tị của nước Đan vậy.

Nhưng nếu nước Đan mà có được 10, 12 cái tàu lặn, 10, 12 cái tàu ngầm, thì có thể lấy tàu lặn mà ngăn những đường khe bể gần vào nước mình, chiến-hạm của địch-quốc đến thì đánh đắm được, còn tàu ngầm thì dùng mà giữ những bờ bể cùng của bể của mình, cái tàu địch nào vào lọt được đến đấy thì đánh đắm nốt. Như thế thì nước Anh đến đánh được, cũng khó vậy.

Cứ tính giá 7 chiếc thiết-hạm nhỏ của nước Đan-mạch thì ước là 50 triệu, 12 cái tàu-lặn với 12 cái tàu-ngầm cả thấy mới đến độ 20 triệu mà thôi. Một cái thiết-hạm nhỏ theo kiểu bây giờ mà nặng 2 vạn 3 nghìn tấn thì giá đến hơn 70 triệu. Cứ so-sánh bấy nhiêu số tiền thì biết cái lợi ở đâu, cái bất lợi ở đâu.

Tự năm 1899, ông GOSCHEN đã nói ở Hạ Nghị-viện nước Anh rằng : « Cái tàu-ngầm là cái khí-giới của những nước nghèo, những nước yếu. » Từ bấy đến nay, các nước nghèo nước yếu chưa chịu cho nhờ ấy là phải. Sau cuộc chiến-tranh này tất mới hiểu rõ hơn.

Ông LAUBEUF ở hội « Thủy quân kiến-chức » ở thành Bordeaux năm 1907 có nói rằng :

« Nhân-loại ta tiến-hóa còn chậm lắm, phải nên phát-đạt lấy những cách phòng-bị hơn là những cách công-kích. Cái đó

cũng là một cái độ đường thứ nhất để tiến đến cái thời-đại có thể bỏ hẳn được sự chiến-tranh.

« Cứ tinh-hình của thế-giới văn-minh ngày nay, thì bàn sự bĩ binh để mong được hòa-bình, thực là một cái hư-tưởng hại.

« Muốn bảo-hộ cho cuộc hòa-bình thì chỉ nên tìm cái cách cho nước nào cũng có thể giữ mình được.

« Tàu-ngầm đã được cái danh-dự to gọi tên là cái khí-giới của nước nghèo, cái khí-giới của nước yếu. Nên mong rằng các thủy-quân bực nhì chóng có những hạm-đội nhỏ tàu ngầm.

« Thiết-tưởng nhân-loại sẽ nhớ ơn những nhà chế-tạo đã giúp cho những nước nhỏ, nước yếu có cách giữ mình được đối với những nước nhớn, nước mạnh, thường hay lạm dùng cái sức mạnh của mình. »

Nếu được như thế thì còn gì quý-báu bằng ! Nhưng hiện nay các nước nhỏ chưa có đủ tàu ngầm để giữ mình mà những nước nhớn cường bạo như nước Đức đã chế ra thực nhiều, thả giông dưới bể, để đánh đắm những thương-thuyền vô-tội, mà ngăn-trở sự giao-thông trong thế-giới. Những nhà chế-tạo như ông LAUBEUF lúc sáng-nghĩ ra cái tàu ngầm ngờ đâu rằng ngày nay những nước không nên dùng tàu ngầm mà lạm dụng tàu ngầm đến thế. Tiếc thay !

I V

Nước Đức mới khởi đầu chế tàu-ngầm tự năm 1905, kém nước Pháp 6, 7 năm.

Tàu ngầm của Đức đặt hiệu bằng chữ *U* bên cạnh có chữ số thứ tự (*U* là viết tắt chữ Đức « Unterseeboot », nghĩa là tàu đi ngầm).

Tàu hiệu *U-1*, là cái tàu lặn thứ nhất của Đức, thả thử ngày 30 tháng 8 năm 1905. Chế theo lối tàu lặn của Pháp kiểu *Aigrette* (năm 1902). Tàu *U-1* có những đặc-tính như sau này : trường 39 thước, 10 phân ; khoát 3 thước 60 phân, cao 2 thước 80, sức truyền nước 185 tấn trên mặt, 240 tấn dưới nước. Có hai cái động-cơ kiểu *Kaerting*, mỗi cái 200 mã-lực, sức chạy 11 hải-lý một giờ ở trên mặt, 8 hải-lý ở dưới nước. Tàu có một cái ống phóng ngư-lôi, 3 cái ngư-lôi ngang-giữa 450 li.

Tàu *U-1* thử được rồi thì đến năm 1906, bộ thủy-quân Đức mới chế thêm 3 chiếc nữa *U - 2* đến *U - 4*, năm 1907, 4 cái nữa, *U - 5* đến *U - 8*.

Từ năm 1907 đến năm 1914 tiền kinh-phí về việc chế tàu ngầm cứ mỗi năm một tăng thêm lên. Xem như cái sổ liệt sau này thì biết :

Năm 1907	6 triệu 25 vạn
» 1908	9 » 75 »

»	1909	12 »	50 »
»	1910	18 »	75 »
»	1911	18 »	75 »
»	1912	18 »	75 »
»	1913	25 »	00 »
»	1914	23 »	75 »

Nước Đức tự năm 1906 thực đã hiểu rõ tầm quan-trọng về việc binh là nhường nào, mà hết sức chế cho kịp các nước khác để chuộc lại cái chậm của mình.

Tự năm 1908, nước Đức chế được 24 cái tàu-ngầm *U - 9* đến *U - 32*. Cái kiểu tự *U - 12* đến *U - 32* thì đã tiến-bộ hơn trước nhiều : trường 65 thước, khoát 6 thước 10, cao 3 thước 60, sức truyền nước 650 tấn trên mặt, 800 tấn dưới nước, sức chạy 16 hải-lí trên mặt, 10 hải-lí dưới nước. Có hai ống phóng ngư-lôi đằng trước, hai ống đằng sau, cùng 8 chiếc ngư-lôi ; hai khẩu đại-bác 88 li ; hai cái động-cơ chạy dầu mỗi cái từ 900 đến 950 mã-lực, hai cái động-cơ chạy điện mỗi cái 400 mã-lực.

Trong năm 1913 chế thêm 6 cái nữa, *U - 33* đến *U - 38*.

Còn trong khi chiến-tranh chế được bao nhiêu cái nữa không được rõ lắm. Chỉ nên nhớ rằng đầu năm 1914, nước Đức mới có 38 cái tàu-ngầm, kể cả những chiếc chưa làm xong.

Nước Đức bắt đầu chế tàu ngầm sau các nước khác thì vừa có lợi vừa có hại. Lợi là vì các nước đã thí-nghiệm trước mình, mình đến sau chỉ việc bắt chước những kiểu tốt. Hại là vì làm chậm không chế được nhiều bằng các nước khác.

Dù cái số ít như thế mà từ khi khai-chiến đến giờ tàu-ngầm của Đức cũng giúp cho quân Đức được nhiều, nhưng cũng làm nên lắm cái thủ-đoạn tàn-ác mà ghê-thảm.

Người Đức dùng tàu-ngầm mà đánh các chiến-thuyền cùng thương-thuyền, thì được nhiều điều tiện-lợi. Vì đánh bằng tàu ngầm khác nào như ăn trộm giữa đường, đứng nấp vào một nơi nào, đợi người ta đi qua vô tình mà chạy sò ra đánh hoặc cướp. Song cũng có điều nguy-hiểm.

Như tàu ngầm dễ bị thương lắm. Chỉ một vết thủng vào vỏ, như tàu khác thì không việc gì, vào cái tàu ngầm thì không thể chìm xuống được, có chiếc ngư-lôi-đĩnh nào ở đấy thì đến bắt hoặc đánh đắm được ngay. Bởi thế cho nên tàu ngầm thường không giám giao-chiến với những tàu có võ-trang tốt. Vì vậy mà nhiều nhà chủ công-ti tàu đã nghĩ rằng muốn phòng-bị những tàu buôn của mình khỏi tàu ngầm đến đánh, thì chỉ đặt mỗi chiếc hai khẩu đại-bác vừa-vừa cũng đủ. Ở bên nước Anh đã có nhiều tàu buôn làm như thế. Chưa làm được khắp cả là chỉ vì tàu buôn nhiều lắm, phải cần đến nhiều đại-bác, nhiều pháo-thủ mới đặt cho đủ được. Chắc nước Đức tá-khẩu lấy vạn-quốc công-pháp mà nói rằng tàu buôn có súng thì cũng coi như chiến thuyền mà có thể đánh đắm được không trái phép. Nhưng vạn-quốc công-pháp là

cốt giữ cho việc giao-thông trên mặt bể được yên-ổn. Chiếc tàu buôn mà đem kèm một vài khẩu đại-bác đi, thì có khác gì người đi đường xa rất cái súng lục trong người để giữ cho khỏi kẻ trộm cướp côn-đồ nó sâm-phạm vào mình ?

Các nước đồng-minh muốn ngăn-ngữ sự hành-động của tàu-ngầm Đức đã lập thành một đội tàu chinh-sát đi tuần các mặt bể. Thường dùng những ngư-lôi-đĩnh từ 100 đến 1000 tấn. Dùng rất nhiều, để đi lùng ngoài bể luôn ; tuy cũng không thể nào canh giữ được cho khắp, nhưng cũng trở ngại được quân-địch, tầm-nã nó, khu-trục nó, có khi nó rắp khởi-hành cái thủ-đoạn độc-ác gì mình chợt đi đến, can-thiệp vào thì nó phải bỏ chạy. Như thế cũng giảm bớt được những số tàu bị hại. Thường thì dùng đại-bác, dùng ngư-lôi, hoặc sông vào đâm, nhưng lắm khi thì có mình đẩy cũng đủ làm cho nó phải nớp sợ. Đi săn tàu ngầm như thế thực là một sự đi săn kỳ lạ ở trên mặt bể mông mênh, con vật thường ẩn nấp ngay bên cạnh mình mà mình không biết, khác nào như con thú nằm trong bụi rậm. đợi người đi rồi thò đầu ra. Mà đi săn như thế cũng lắm lúc chán mà nhọc, vì con vật không có mấy khi gặp, mà lúc nào cũng chăm-chăm chú-ý, ngày cũng vậy, đêm cũng vậy, để nhìn kỹ trên mặt nước xem có cái chấm sáng hoặc cái đám tối nào biết rằng quân địch ở gần đấy.

Đến như cái tàu ngầm thì cái cách « làm ăn » của nó lại còn khổ hơn nữa. Trong một chuyến đi, mười mười hai ngày, kể cả về, thì thuyền-viên lúc nào cũng phải rình-mò, ghé mắt vào trong ống kính mà nhìn khắp bốn phía, xem có « mồi » nào mình có thể làm hại được, hoặc có cái chiến-hạm nào đi

tuần để mình tránh, khi nào đã nhìn kỹ thấy trên mặt bể phẳng-lì cả, không có cái vết gì, thì bấy giờ mới dám nổi lên mặt nước, mở cửa ra cho thoáng hơi ở trong tàu, cùng truyền điện thêm vào các máy chứa điện, để xong rồi lại lặn xuống. Nhưng mà những lúc kinh-hoảng cũng nhiều, bấy giờ thì phải lặn xuống nước cho nhanh. Viên quân-quan Đức coi cái tàu ngầm hiệu *U-16* có thuật lại với một nhà làm báo người Mĩ cái tình-cảnh ở trong tàu ngầm như thế này : không-khí nặng-nề, đầy những hơi dầu-hỏa cùng hơi lưu-toan bốc lên. Hai mươi, hai mươi nhăm con người chồng-chất nhau ở trong một cái khoảng chật-hẹp như thế thì những thở ra mà cũng đủ ngạt. Ở trong tàu buồn ngủ không thể dùng được, người như ê-chề, chán-chê, vì không được đi-lại vận-động cho nó khoan-khoái. Ăn thì ăn những đồ ăn lạnh, vì làm bếp thì lại phí mất cái sức điện còn dùng để chạy tàu. Ban đêm cũng không thể lên đứng trên mặt nước được, vì những tàu đi tuần đi không có đèn lửa, sợ nó đến nơi mình không chạy kịp. Có đứng trên mặt thì bao giờ cũng phải sắp-sẵn để lúc lâm-nguy lặn xuống được ngay, hoặc muốn cho cẩn-thận thì phải lặn xuống tận đáy bể mới ngủ đêm được yên. Có ngày bể phẳng-lặng quá, không thể làm gì được, vì cái ống kính thò lên trên mặt nước, ở xa cũng trông rõ ; có ngày bể sóng gió nhiều, tàu ngầm những điên cùng đảo, giữ mình chưa yên đánh người sao được. Có khi săn đuổi mất công, chờ đợi vô ích, trông thấy chiếc tàu buôn hay chiếc chiến-hạm đi đằng xa mà nó đi nhanh quá hay xa quá, không thể tới kịp. Lại còn phải e-sợ, những thủy-lôi rắc khắp mọi nơi, thủy-lôi của mình cũng có, của người cũng có, vô-ý đâm vào thì xong đời. Đàng-đăng mấy ngày giời lao-tâm lao-lực như thế, mà đến

lúc về cửa bể nhà không ném được trúng cái ngư-lôi nào, không bắn được trúng phát đại-bác nào, thì sáu hổ biết chừng nào !...

Vì rằng tuy cái cách hành-động có tiện-lợi cho tàu ngầm Đức, tuy những tàu bể đi lại vẫn nhiều mà không sợ, song tàu Đức từ trước đến nay đánh đắm cũng chưa được mấy. Bộ Hải-quân nước Anh mỗi tuần-lễ đem công-bố một cái sổ tổng-kế những tàu xuất-nhập các cửa bể cùng những chiếc bị hại vì tàu ngầm Đức, liệt rõ từng tên từng số một, không ẩn-lậu tí gì, thực là hợp với cái tính-cách chính-trực của người Anh. Cứ xem qua những sổ tổng-kế ấy thì biết số tàu xuất-nhập các cửa bể nước Anh mỗi ngày hơn 220 chiếc ; trong tháng 2 năm 1915 cứ tính trung-bình thì hai ngày mới phải một chiếc bị trúng thủy-lôi hay trúng đại-bác ; tháng 3 thì mỗi ngày một chiếc ; tháng 4 đã thấy kém bớt đi. Trong số những tàu bị hại ấy phải kể cả những tàu đánh cá nhỏ đi men các bờ bể, kể cả tàu buôn các nước trung-lập, như nước Hà-lan, Thụy-điển, Na-uy. Xem như thế thì biết quân Đức muốn dùng tàu ngầm để thi-hành cái « ám-sát sự-nghiệp » trên mặt bể, thực cũng không lấy gì làm công-hiệu lắm.

Chắc rằng người Đức khởi ra cái lối chiến-tranh « giặc bể » ấy, tất là có ngăn-trở sự giao-thông, hại sinh-mệnh cùng tài-sản người ta. Nhưng xưa nay phàm sự chiến-tranh mà quay lại hại buôn bán thì không có lợi cho cái chiến-cục bao giờ. Nước Anh mất rằm ba chiếc thương-thuyền thì có thấm vào đâu. Nhưng nước Đức thì nay phải cách-biệt với thế-giới, tàu nhón không giám thò cổ ra, ủy cho tàu ngầm cả cái nhiệm-vụ

của hải quân. Người Đức không biết rằng cái tàu ngầm dù mạnh bạo đến thế nào cũng chỉ là một bộ-phận rất nhỏ trong sức hải-quân của một nước. Cái sức ấy là cốt ở chiến-hạm nhớn, có thiết-giáp tốt, võ-trang tốt. Cứ cái tình-hình bây giờ thì những tàu nhớn của Đồng-minh tuy không ra khỏi cảng mà thực là hám-chế cả trên mặt bể. Thương-thuyền, chiến-thuyền của Đức vẫn khiếp các hạm-đội Anh mà đành phải đứng yên một chỗ. Tuy có dùng tàu ngầm, nhưng có đổi được cái tình-thế hai bên đâu.

Xem như thế thì biết tàu ngầm tàu lặn tuy là những võ-khí mãnh-liệt, nhưng vẫn là những võ-khí bực nhì mà thôi, cái hải-quyền còn ở trong tay các hải-quân nhớn, chưa dễ mà cướp được ngay. Nếu chế nhiều tàu ngầm mà mong đoạt được cái thế-lực trên mặt bể của một nước như nước Anh, thì chẳng hóa ra dễ lắm ru ? Nước Đức mong đợi ở tàu ngầm nhiều quá, rồi có ngày thất-vọng vì tàu ngầm. Ngày ấy cũng không xa đâu.

PHẠM QUỲNH.

-
1. ▲ Xem [NAM-PHONG số thứ nhất](#).
-
-

Chú thích

CÂY CŨNG CÓ CẢM-GIÁC NHƯ NGƯỜI

Cái cây rất đơn-sơ cũng không có khác hẳn con vật. Hai loài động-vật thực-vật thực là giống nhau, không những giống nhau ở cái phần thô-liệt, mà giống nhau đến cả cái phần tinh-cao nữa. Phàm động-vật có cái giác-quan gì thì thực-vật cũng có cái gần giống như thế. Như động-vật có mắt để trông, thực-vật tuy không có mắt, nhưng có cái lá cảm được ánh sáng ; động-vật có cái da để tiếp-xúc, thực-vật tuy không có da, nhưng có cái mạng cây cũng giống như cái da mà xúc-cảm được.

Một nhà bác-vật người Ấn-độ, JAGADIS CHUNDER BOSE tiên-sinh đã thí-nghiệm cái đó, phát-minh ra được nhiều điều rất mới lạ.

Trước hết, tiên-sinh dụng-công chế ra những máy mới rất tinh-nhuệ. Vì muốn biết cái bí-tàng của cây cỏ, tất phải cho nó cái cách để phát-hiện ra cho mình xem. Vậy tiên-sinh cố nghĩ lấy một thứ « bút » cực nhẹ, cực tinh-tế, khiến cho cây-cỏ có thể dùng mà « bút-đam » được với ta, cho ta được biết cái tâm-sự cằn mầu-đơn hay bông bách-hợp.

Cây đã có cách nói truyện được với ta, thì hễ ta hỏi thấy nó giả nhờ, chẳng khác gì như kích-thích một con vật thì cái cân-cốt nó rung-động lên. Thử lấy cái kim với cái « đồng-hồ điện có gương » (*galvanomètre à miroir*), mà cầm một cây cải hoa lên ; lấy máy truyền điện (tức là thay vì cái óc cây)

phóng một cái tia sáng vào bảng, nhìn vào đấy thì thấy cái thân cây lúc truyền điện vào nó rụt lại, rồi nó lại rãn ra.

Những máy dùng để thí-nhiệm thì thuộc về hạng hoặc máy « truyền-động », hoặc máy « truyền quang » hoặc máy « truyền điện ». Nhưng thứ thường dùng nhất là cái máy « thu-âm » (enregistreur résonant). Lấy sợi tơ buộc một lá cây vào cái cán-cân nhỏ, cán-cân ấy đặt vào máy rất cẩn-thận như lắp cái đồng-hồ vậy. Giữa cán-cân ấy buông thẳng một sợi đồng nhỏ, ở gần đầu gập thước-thợ lại để cho cái đầu nhọn nó giáp với một mảnh pha-lê bôi nhọ khói, mảnh pha-lê ấy có thể hạ thấp xuống được. Cái đầu nhọn sợi đồng thì vạch nét được ; cũng tức như một cái bút chì vậy. Lấy một cái từ-điện ^[1] để gần vào, thì cái đầu nhọn ấy rung động lên, mỗi giây đồng-hồ là mấy lượt đó, vạch thành vết chấm ở trên mảnh pha-lê. mỗi một nét chấm ấy là chỉ một phần thời-giờ.

Tiên-sinh thí-nghiệm thì làm như thế này : Lấy điện mà kích-thích một lá cây *trinh-nữ*, rồi cho máy chạy. Mảnh pha-lê hạ xuống dần dần ; bấy giờ thấy cái đầu nhọn sợi tơ chạm vào cái pha-lê, vạch thành một giòng những nét chấm. Tức là câu giả-nhời của cây *trinh-nữ*. Cái lá bị kích-thích, bèn phản-động lại, kéo sợi tơ mà làm nghiêng cái cán-cân đi. Thí-nghiệm cả thấy không đầy năm giây đồng-hồ. Xét những nét chấm trong cái giòng viết ấy thì biết rằng trong mười phần một phần giây đồng-hồ cái cây bị kích-thích bằng điện đã bắt đầu phản-động lại rồi. Thử đếm số những nét chấm thì biết cái lá rung-động rồi lả xuống cả thấy có trong ba giây đồng-

hồ. Lại thử xét đại-thể cái đường chấm cong thì biết cái kích-thích đã mạnh mà nhanh là chừng nào.

Tiên-sinh đã chế được những máy tinh-nhuệ mà thí-nghiệm như thế thì minh-chừng rằng người ta thường chia các giống thực-vật ra giống có cảm-giác với giống không cảm-giác là vô-nghĩa. Giống nào cũng có cảm-giác cả, từ củ su-hào, bắp cải tây, cho đến bông hoa-hồng, cành thực-được.

Thực-vật có thần-kinh không ? — Người ta nhắc cái gì nặng, hay dơ cánh tay lên, không phải là muốn dơ hay muốn nhắc bao nhiêu lần cũng được đâu. Làm mãi thì mỏi, không sao làm được nữa. Nhưng nếu nghỉ ít lâu rồi lại làm thì lại thấy khỏe tay như lúc trước. Cái cây cũng vậy, nó vận-động thì nó cũng nhọc ; cũng cần phải nghỉ-ngơi. Càng dễ kích-động thì lại càng cần phải nghỉ lắm. Tiên-sinh thí-nghiệm cây *trinh-nữ* chẳng khác gì như con ngựa non bị hãi mà không chịu tiến lên. Cái cây bị kích-thích thì là nó rung-động lên mà vạch vào mảnh pha-lê thành một đường chấm cong ; nhưng nó đã bị kích-thích rồi thì cũng như con ngựa bị hãi, phải một khắc đồng-hồ mới yên hồn.

Cây phản-động với các thứ thuốc-độc cũng vậy. Tiên-sinh lấy một cây *trinh-nữ* đem trị rượu mạnh, không đổ ngay rượu vào, nhưng cho ngửi cái hơi rượu bốc lên. Để cây vào trong một cái hộp kín, cho hút lấy khói rượu. Trông thấy kiến-hiệu ngay : chắc là cây say rượu. Không thể nghiêng - ngựa chệch-choạng như người say rượu được, nhưng xét cái chấm nó vạch vào máy thu-âm thì biết là cái hiệu say mê.

Như thế thì một cây *trinh-nữ* say rượu hay một người say rượu tưởng cũng không khác gì nhau. Xét cái đường chấm thì thấy chỗ cao vọt lên, chỗ thấp sụt xuống, như lúc đương say lắm không biết gì, với lúc đã hơi tỉnh mà hình như hối-hận vậy. Đem nó ra ngoài không khí mát, một chốc thì lại thấy nó tỉnh táo như thường.

Những cách thí-nghiệm như thế mà đem ứng-dụng ra để thử các vị-thuốc cùng các chất hơi thì thật là có ích-lợi lắm. Vì nếu thí-nghiệm ngay ở cây được thì đến lúc nghiên-cứu được-tính tất được giản-tiện nhiều. Nếu thí-nghiệm cùng nghiên-cứu đã kỹ-lượng thì tất biết rõ các vị thuốc phải nên dùng thế nào mà dùng lúc nào, không sợ sai nhầm.

BOSE tiên-sinh muốn, thí-nghiệm xem cây có thần-kinh hay không, bèn lấy cây *trinh-nữ*, mà trị nó đủ cách, lúc thì đánh đập, lúc thì để yên-lặng một chỗ. Lấy một cây để vào trong cái nắp pha-lê, ở một nơi tĩnh-mịch yên lặng. Tức cũng như người ta, buộc một cánh tay lại, không cử động đến, tất không mấy nổi mà tay mềm yếu đi. Cây *trinh-nữ* cũng vậy, không bị cái gì kích-động đến thì nó cũng mềm-yếu đi. Tiên-sinh cho nó tiếp-xúc với cái máy thu-âm, để bút cho viết, thì không thấy viết tí gì cả, mới biết rằng đã tê mất tay rồi. Sau tiên-sinh đem ra mà vầy mó, đánh đập. Cái kiến-hiệu cũng tựa-hồ như cái cánh tay đã lâu không cử-động đến mà nay đem ra tập-luyện. Tiên-sinh đánh mạnh vào cái cây. Mỗi một roi tựa hồ như hỏi : « Roi này mày có biết đau không ? Roi này nữa có đau không ? » Dần dần cây lại hồi-phục được cái

sức cũ, đến sau viết giả nhời được, tuy chưa được phân minh lắm nhưng đã thành nét.

Muốn cho khỏi nhầm, tiên-sinh lại thí-nghiệm bằng nhiệt-độ nữa. Tiên-sinh sưởi nóng cây lên thì thấy lúc nóng nó rung-động nhanh hơn là lúc nhiệt-độ bình-thường. Tiên-sinh lại đem nó xuống cái nhiệt-độ thật thấp, thì thấy nó cóng lại không viết được nữa. Tiên-sinh lại rỏ vào cây một ít *cyanure de potassium* là thứ thuốc-độc rất dữ, thì trong năm phút đồng-hồ cây cứng thẳng, không rung động gì được nữa.

Xem thế thì biết cây có thần-kinh.

Không những cây có thần-kinh, mà cái thần-kinh-lực của cây lại mỗi giống một khác nữa. Túng-sử tiên-sinh chỉ phát-minh được một điều ấy cũng đã đủ lưu-danh trong sử-sách khoa-học. Xưa nay ta không biết căn-nguyên cái bệnh tê trong thân-thể người ta ra làm sao. Vì cái thần-kinh-bộ của người ta cùng những giống cao-đẳng-động-vật nó phiền-phức lắm, khó lòng mà biết được cái cách nó biến-động thế nào. Đến như cái thần-kinh của cây thì rất là đơn-sơ. Nếu nghiên-cứu được rõ cái thần-kinh của cây, thì có thể mong giải được sở-dĩ làm sao mà cái chân hay cái tay mình nó thành ra tê mà không cử-động được.

Nghe thấy cây đánh trống ngực. — Xét cái thần-kinh-bộ cử-động thế nào đã là khó, xét đến cái quả tim đương động-mạch cũng lại khó nữa. Phải tìm cái gì giống quả tim mà

đơn-sơ hơn để nghiên-cứu thì mới hiểu được quả tim vận-động thế nào.

Trong loài thực-vật không phải là không có lối động-mạch như quả tim. Xưa nay vẫn biết có thứ cây gọi là « cây điện-báo », ở đông-bộ đất Ấn-độ nhiều lắm. Lá cây ấy có cái tính cứ dương lên lại sụp xuống, có tiết-diệu lắm, như quả tim đập vậy. Các nhà bác-vật không thể giải được sự vận-động ấy, vì không có máy riêng mà thí-nghiệm được. BOSE tiên-sinh đã có tài nghĩ được những máy cực khéo, bèn chế ra một cái « tự-thức-biểu » [2] tuyệt-diệu. Dem « cây điện-báo » ra, lấy một sợi tơ buộc vào cái « tự-thức biểu » ấy, thì phát minh được nhiều điều thực lạ. Xét cái thịt cây nó vận-động ấy chẳng khác gì cái thịt quả tim của các giống động-vật. Sự phát-minh ấy rất là quan-trọng, tưởng nên giải qua cái ý-nghĩa thế nào. Xưa nay các nhà bác-vật vẫn dạy rằng phàm sự vận-động trong da thịt người ta là bởi một cái nguyên-lực ở trong người, cái nguyên-lực ấy gọi là « sinh-lực ». Nhưng một cái lá cây nó đương rung-động, chỉ ảnh-hưởng ở ngoài mà bắt nó dừng lại rồi lại bắt nó rung lên được, như thế mà giải sự rung-động của nó là bởi một cái nguyên-lực ở trong, thì thực là vô-lý quá.

Tiên-sinh bèn xướng lên một cái lý-thuyết khác nói rằng phàm sự vận-động tự-nhiên của các giống sinh-vật là chỉ bởi cái sức ở ngoài mà thôi. Như một cái cây là nó phải chịu ảnh-hưởng nhiều sức mạnh ở ngoài, sức gió, sức mưa, sức nóng, sức lạnh. Những sức mạnh thiên-nhiên ấy kích-thích vào nó, thì cái hiệu-lực cũng chẳng khác gì như cái hiệu-lực

của điện-khí, của vị thuốc hoặc của những chất hơi các nhà bác-vật dùng để thí-nghiệm. Những « tế-bào » tổ-chức ra cái cây đã đành rằng nó chứa-đựng được sức mạnh ấy, nhưng nó cũng phải tiếp-nhận sức mạnh ấy ở ngoài. Cái sức mạnh cũng như là nước vậy, hễ đầy quá thì tràn ra ; bởi thế mới sinh ra cái « mạch-động » (*pulsation*) mà xưa nay chưa ai giải được ra làm sao. Thế là từ nay trong sinh-vật học, không có cái tiếng « sinh-lực » nữa.

Sự sinh-trưởng của các giống sinh-vật cũng lại là một cái tượng-chứng của cái sức vận-động tự-nhiên ấy nữa. Xưa nay chưa từng bao giờ nghiên-cứu được tinh-tường, vì các giống sinh-vật nhón lên chậm lắm, mắt không trông thấy được.

Tục ngữ nói : chậm như sên. Con sên nó đi còn mấy nghìn lần nhanh hơn là một cái cây mọc lên. Thế mà tiên-sinh cũng lại chế ra được một cái máy kỳ-sảo, gọi là « sinh-trưởng biểu » (*crescographe*) có thể đo sức nhón của cái cây trong mấy giây đồng-hồ được.

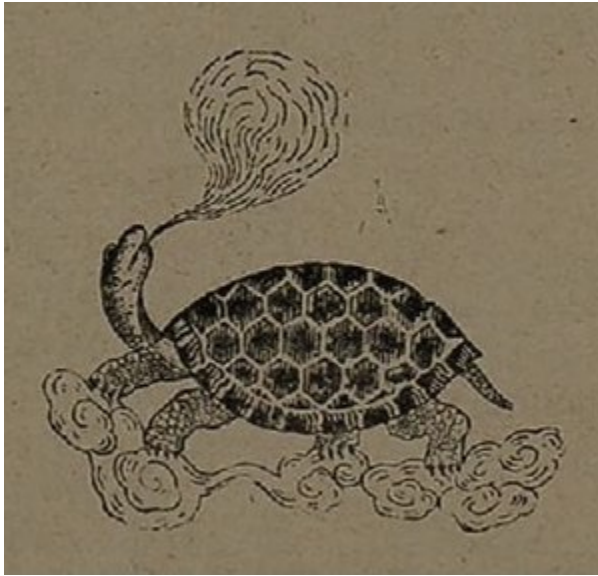
Một cái cây mới bón phân hay là mới vung chất bổ chất mạnh gì vào, không đầy một khắc đồng-hồ nghiệm biết nó nhón thêm lên được bao nhiêu.

Nghiệm được cây dương hấp-hối. — Khi nào cái sức sinh-trưởng hết thì cây bắt đầu thối-nát, rồi chết. Nhưng biết được lúc nào là lúc cái cây chết ? BOSE tiên-sinh là người đã nghiệm được trước nhất lúc nào là chính lúc cái tia sáng sinh-hoạt trong cây bắt đầu tắt.

Tiên-sinh buộc một cái lá vào cán-cân máy, nhưng lần này dùng cái « tự-thức-biểu » lúc-lắc như quả lắc đồng-hồ, mảnh pha-lê bôi nhọ đưa đi đưa lại ngang với cái đầu nhọn bút chì. Tiên-sinh đặt cây vào một cái bình đựng đầy nước, -để trong một cái bình nữa cũng đầy nước, cho nó cực yên-lặng, không động-đậy tí gì. Rồi tiên-sinh hâm nóng cái bình ngoài lên rất là cẩn-thận. Mảnh pha-lê cứ lúc-lắc chạy ngang với cán cân có buộc lá cây, hễ đụng vào cái đầu nhọn thì nó chấm một nét. Nhiệt-độ càng tăng lên bao nhiêu thì nó càng chấm bấy nhiêu, khiến cho cứ đếm nét chấm thì biết cái nhiệt-độ vậy.

Nhiệt-độ càng cao thì cái lá — vẫn dùng lá cây *trinh-nữ* càng thẳng, rồi đứng dựng hẳn lên, kéo cán cân ra, đường chấm trên mảnh pha-lê chạy xô xuống, vì lá cao lên bao nhiêu thì nó kéo đầu nhọn thấp xuống bấy nhiêu. Nước ở bình trong càng thấy nóng già, cái đường chấm càng thấy thấp xuống. Rồi sẩy ra một sự rất lạ. Hốt-nhiên cái đường chấm cao bỗng lên. Thế là cây tắt nghỉ, tức là câu giả nhời cuối cùng vậy. Nước bấy giờ nóng 60 độ. Đã nghiệm bao giờ cũng cứ đến 60 độ là cây chết. Tiên-sinh có thí-nghiệm mười thứ cây khác nữa, đều thấy như thế cả. Thế mới biết rằng khắp các giống trong cảnh-vật, dù cao dù thấp, cũng trình-bày ra bấy nhiêu cái hiện-tượng như trong người ta, ta có thể nhân đấy mà biết rõ được cái nhẽ sinh-hoạt của ta.

PH. Q. dịch theo báo tây



1. ▲ Tức ta gọi là điện nam-trâm.
 2. ▲ *Tự-thức-biểu* là cái thứ máy nó có thể tự nó ghi được mọi sự biến động ở ngoài.
-
-

Chú thích

V Ặ N - U Y Ễ N

THƠ

Mấy bài thơ sau này là của cụ Phúc-môn bá Lại-bộ thượng-thư Nguyễn-hữu-Bài đại-nhân có bụng yêu gửi cho bản báo. Bản-báo xin có nhời cảm ơn cụ lớn.

I

Hầu Ngự-giá vào Quảng-nam, đi qua núi Ải-vân

(Làm năm Khải-định nguyên-niên)

Rừng cây xanh ngắt đá lù-lù,
Dưới bể trên non một sắc thu.
Đường xếp mới bày đi phẳng-phẳng,
Cổng quan còn cứ đứng sù-sù.
Rồng doanh mấy khúc xe hơi rủi,
Mây kéo đôi ngàn khói ngụt mù.
Xuống ải qua đò nhìn lối cũ,
Sờ-sờ hai dãy gốc mù-u.

II

Đề mỏ bạc ở Bông-miêu (Quảng-nam)

Con tạo xây vằn nghĩ nực cười,
Vàng chen với đá để trêu người.
Một buồn ngao-ngán đem thu xếp,
Ngàn dặm xa xui lựa rước mời.
Sắc thắm rằng hay nên báu nước,
Hơi đen e nổi nhuộm lòng người.
Khen ai máy móc ra tài-trí,
Luyện lọc công-trình biết mấy mươi !

III

Đưa quan Lễ-bộ về trí-sĩ (*họa vằn*)

(Làm tháng 3 Khải-định thứ 2)

Nhiều thuở sắp từ giã án danh,
Nặng vì lãng-miếu nghĩ khôn đành.
Hoa xuân chúa mời còn đua thắm,
Quả phúc cây già vẫn cứ xanh.

Trân-trọng trăm phần lời chiêu phụng,
Ân-cần mấy khúc tiếng ca oanh.
Ở về đều cũng nhờ ơn nước,
Triều giã còn mang một mối tình.

IV

Do bộ Công chuyển thẳng bộ Lại (ngẫu-đề)

May rủi thôi thời cũng mặc dù,
Sự đời nở để mực đời âu.
Đông hè xoay trở từng ra thế,
Trời đất vằn xây thử đến đâu ?
Hay dở mấy vằn thi tức-cảnh,
Tỉnh say đôi chén rượu tiêu sầu.
Lòng đơn riêng dặn cùng đầu bạc,
Nôn hơi còn cao bể hơi sầu.

V

Tạ ơn ban áo

Áo gấm màu xanh rõ sỡn-sờ,
Muôn ơn sấm sửa những bao giờ.
Gió lồng tay rộng hòa êm mát,
May dũ thân dài kéo vớ vớ.
Trên dưới bông vàng hoa hớn-hớn,
Vuông tròn chữ thọ nét trô-trô.
Còn nhiều cơ hội về sau nữa,
Khuyên với con tầm khéo léo tơ.

BÀI VĂN CỦA VUA GIA-LONG TẾ ÔNG BÁCH-ĐA-LỘC

Văn-chương nô-m cũ của nước ta không có mấy tí, mà cái mấy tí ấy cũng thường không giữ được đến ta. Thực đáng tiếc thay ! Vì trong lịch-sử nước Nam đã từng có may buổi văn nô-m thịnh-hành, nhất là trong thời-kỳ gồm cuối nhà Lê đầu bản-triều. Mà văn nô-m lúc bấy giờ đã hơi có tính-cách riêng : văn Lê-mạt thì thường có cái khí-vị chua cay, than thân oán đời, thực là văn thời suy ; văn bản-triều thì biểu cái khí-tượng hùng-cường, thực là văn lúc vận nước đương thịnh.

Bản-báo nhật được mấy bài văn-tế về đầu bản-triều. Sau này đăng một bài của Đức Thế-tổ Cao hoàng-đế tế ông Bách-đa-Lộc (évêque d'Adran), là người giáo-sư Pháp đã giúp người trong buổi loạn-li tranh-chiến. Bản-báo còn muốn rộng cầu ở các bạn xem báo, ông nào tìm được bài thơ văn nô-m của các cụ ta ngày xưa gửi lại cho thì lấy làm hân-hạnh lắm. Sự sưu-tập ấy thực có quan-hệ đến quốc-túy vậy.

PH. Q.

Hỡi ơi! Người nước khác mà dạ lòng chẳng khác, công non sông thẽ lượ đương cài; ân nghĩa tròn mà báo đáp chưa tròn, đường sống thác sớm chầy khó liệu. Êm giấc hòe hồn đó thanh-thanh, nhớ ơn trước sầu đây đìu-địu. Thừa ta mới quyền trao nguyên-sứ, bạn tóc răng vui nghĩa sơ-giao; ngày

ngươi vừa làm khách viễn-phương, lòng vàng đá phỉ nguyên tương chiếu. Nghĩ lúc lưng gầy bước ngặt, đình Nam-vang bầu tân-lữ, phiêu-lưu cho khỏi bạo tàn; tưởng khi mặt ủ gan phiền, giời cố-quốc bến hậu-giang, tìm hỏi chẳng từ hiểm-yếu. Cực đến nỗi chạ con khôn giữ, gửi gia-nhi trao quốc-bảo, giời tây-dương muôn-học ai-hoài; may vừa đầu nhà nước mới về, đưa ấu-tử cầu lương-bằng, đất Đông-phố một đoàn vĩn-hiếu. Công giáo-dưỡng mấy thu khăn-khăn, phúc ta nhiều gần sánh tam vương; nghiệp tổ-tôn nghìn thừa miên-miên, công gã giúp ngô toàn cửu-miếu. Đạo tây-vực một miền riêng giữ, chẳng cậy ai quốc-tử hoàng-tôn; nạn Nam-bang trăm chước mưu-lo, dựa hết sức mưu màu chước điệu. Nhà thái-học chia ngôi tây-tịch, trái tín-thành đòi buổi huân-đào; dặm cô-thành hộ giá đông-cung, thêm khảng-khái mấy lần thượng biểu. Mưu tế-quốc kinh-luân dạ đỏ, từng hay liệu địch chia đồn; phép dùng binh thao-lược mắt tường, chi quản xông tên rạn pháo. Chế hỏa-xa bày trái-phá, rệp lòng loạn-tặc thừa long-đong; đoàn thiết-tử tán hoa ngân, giúp vận nước nhà khi thiếu-thốn. Ân nặng đó mười phần công-của, trước sau trọn nghĩa tiên-thi; nhẽ cùng ta nghìn thừa tôn-vinh, đây đó phỉ nguyên hậu báo. Mấy thu trấn biên-thành Diên-khánh, tặc-đảng đồn mắt vĩa kinh hồn; một trận hàng hiểm-địa Qui-nhơn, cố-nhân sớm phân bào chia áo. Ôi! núi nhạc về thân, giời nam để dấu. Giọt đồng-long ô-yết dễ đành, lệ lạp-trúc sứt-sùi khôn ráo. Giăng tối chợt ngờ nhan-sắc, mở dèm đái khách gia-tân; mây chiều ngẫm tưởng phong-nghi, thiết ý mong người cố-lão. Chử đạo đồng sinh-dưỡng, chế tâm-tang con chút đáp ân; câu vinh cập một tồn, tặng thái-phó ta đưa tình thảo. Theo ý chúng nghi-lễ ngoại-quốc, khi tổng-chung

đó, đã xong sắc cát hồn cầu; hết lòng thành lấy lễ trung-hoa,
kỳ tử biệt đây, ngỏ tạm bày tiên tế điệu. Trước sống đã suy
tình bằng-hữu, lòng trung lo sự nghiệp trung-hưng; nay thác
rồi nhớ nghĩa quân-thần, linh còn giúp cơ-đồ tái-tạo.

Hỡi ôi! thương thay!

Bài tự-tình với sông Hương (Huế)

Núi xanh như chàm, nước trong như lọc, ấy là quang-cảnh đẹp. Nhưng mà trong cảnh đẹp ấy, phải có cái thanh-khí gì với ta, khiến cho khi đấng-sơn du-thuỷ, có thể sinh ra tấm lòng vừa vui vừa mến, vừa kính-sợ mà bâng-khuâng nghĩ-ngợi ở trước gió dưới trăng, thì non sông mới có tình.

Từ mười năm nay xa cách chốn Kinh-thành, dạo chơi những nơi thắng-cảnh trong đất nước người mà đã mô-tả ra trước mắt ta trên mấy giòng sách cổ. Lầu Nhạc-dương, hồ Động-dinh, sông Tam-hiệp, cũng có lúc dạo vườn Nam-uyển ở nơi Yên-thị, mà nhớ đến vua Chiêu-thống mấy năm bô-bá, một thầy một tớ, đất tuyết trời băng ; cũng có khi qua gành Phụ-ba ở trên ngọn Tây-giang mà tiếc thay công-nghiệp nữ-anh-hùng, đã năm năm trên ngọn sóc, trước đầu voi, bị phá đổ vì tay biên-tướng. Giang-sơn tuy tốt không phải đất nhà ta, thì cũng khó lòng mà vui mà mến mà kính-sợ cho được. Thế mới biết cái quan-niệm của người đối với cảnh, dù vui dù đẹp không phải ở cảnh mà chính ở lòng người.

Năm nay được hai lần về thăm nơi Thủ-phủ của nước nhà, chợt nhìn thấy non Ngự-bình hãy còn xanh, nước Hương-giang hãy còn trong, đình tạ lâu đài mỗi ngày mỗi đẹp, thành-quách cũ, giang-sơn cũ, công-nghiệp Bản-triều gây dựng, trang nghiêm rực-rỡ biết là bao. Lại nhìn qua mấy toà lâu kềm nhấp-nhô trong bóng tùng, dịp cầu Thành-thái, nhà

ga Phú-xuân, nọ sở nhà thương, này trường Quốc-học, ấy là công-nghiệp của nhà nước Bảo-hộ.

Người quen cảnh cũ, mười năm lại có bây giờ, ơn vũ-lộ mới, tình ân-ái xưa, nhìn thấy cảnh mà sức nhớ đến khi nào trước trường vẫn cùng năm ba bạn cũ, vây cuộc cờ, cất chén rượu, cờ tàn chén cạn, thừa ưa trăng gió, du thưởng trên non sông này. Chuông chùa Diệu-đề ghé vào thuyền, hình như tỉnh thức ta giấc mộng hồng trần, mà hiềm vì giọng hay cung đàn lại gian dứ mãi.

Đến bấy giờ cũng thuyền ấy, cũng bến ấy cũng quen quen lạ lạ mấy ả hữu tình, mà cung đàn giọng hát biết lựa làm sao.

Có cụm bồ-đề đây ta xin hỏi :

« Mấy năm nay hát bài nào ? Trăng làm sao ? nước làm sao ?
hỡi chàng ?

Bồ-đề nói :

« Mấy năm tôi ở chỗ này,

« Khi nồng, khi lạnh, khi đây, khi vơi.

« Mừng nay êm gió tạnh trời. »

NGUYỄN-BÁ-TRÁC

HÁT MỪNG GIÓ NỒM

Bản-báo mới tiếp được bài « Gió nồm » của ông Đàm-xuyên Nguyễn-phan-Lãng. Xin đăng sau này để các ngài đọc báo xem. Ý bài ca cũng phảng-phất với tôn-chỉ của bản-báo. Bản-báo lấy làm mừng được một người bạn tri-âm.

Năm Đinh-tị mùa hè tháng sáu,
Khí nóng xông nung nấu tâm can.
Giời hôm giắt bọt thiếu-niên,
Tìm nơi hóng mát tới nơi Kiếm-hồ.
Cùng chúng bước lên cầu Thê-húc,
Tựa câu-lờn đảo trúc cầu-phong ;
Hơi đầu bỗng quạt vào lòng,
Phương nam đổ lại rập rùng lá cây.
Vây rồng lợi bày bày mặt sóng,
Khúc rần quoaanh cuồn cuộn cây cong.
Lọng sen cuốn mở phập phồng.
Điện dăng chớp nhoáng bóng hồng tứ tung.
Sen phưng phức hương nồng đưa tới,
Vạt áo bay phấp phới đường tiên.
Đương cơn nòng nực như điên,
Lưng lưng giải hết dạ phiền bấy lâu.
Mở vạt áo ca câu giải-uẩn,
Gõ dipy cầu gào gặt nghêu ngao.
Gió cao tiếng hát càng cao,
Lòng càng hơn hở giọng gào càng to.
Mừng quá độ như dồ như đại,

Hát lăm câu nghe chái nhẽ đời.

Rằng sao giời thiểm hời giời,
Bấy nay tiếc gió cho người sốt gan.

Mãi mới thấy một cơn thổi mát,
Mỗi dạ người khao khát đợi mong.

Làm cho nhiệt độ hơi xông,
Kẻ ngoài cảm nặng, người trong sốt ngằm.

Nay Cơ-bá có tâm hòa giải,
Giờ gió cho khoan khoái mọi người.

Xin cho quạt khắp mọi nơi,
Quạt dòng thương sĩ, quạt người nông, công

Quạt cho giống mạ mồng sinh nẩy,
Để nhà nông dễ cấy dễ cày.

Quạt cho buồm thuận thuyền ngay,
Để thương buôn bán ngày ngày lợi sinh.

Quạt cho óc thông minh đổi mới,
Để học trò tấn tới càng cao.

Quạt cho máy trí thêm vào,
Để công đua khéo nghề nào cũng hay.

Gió đâu gió thích thay chằng gió,
Vui đâu vui vui có thể này.

Mấy khi đi gió lại đây,
Xin hôn một chút bắt tay gọi là.

Tiếng sang sảng ngâm nga chưa giứt,
Bọn thiếu-niên ngần ngặt đua cười.

Rằng: « Sao người khéo dở đời,
« Gió nào đứng lại cho người bắt tay?

« Gió là một cái hơi không-khí,
« Lăn soay quanh ngoài bể dẫn vào.

« Nhân khí nhiệt-độ lên cao,
« Bốc đi gió lại bổ vào chỗ không.
« Dù có lúc hơi nồng nắng dữ,
« Tất có ngày được cữ thanh lương.
« Khi nồng khi gió là thường,
« Xưa nay người lại chưa tường hay sao? »
Nghe nhờ nói hợp vào tân-học,
Lại hợp câu vãng phục tuần hoàn.
Khen rằng lý-tưởng đã nên,
Thiệt tay anh-tuấn thiếu-niên buổi này.
Nhưng biết một mà hai chưa biết,
Nhẽ sâu sa chưa xét tới cùng.
Bốn mùa bốn mặt gió giông,
Mỗi mùa mỗi khác gió không một chiều.
Có thứ gió hòa điều muôn vật,
Có gió sinh bệnh tật cho người.
Dẫu rằng thay đổi khí giời,
Mà trong lợi hại tùy thời khác nhau.
Kia chẳng thấy buổi đầu xuân nọ,
Gió đông non hòa-hú nuôi người
Cỏ hoa muôn vật đua tươi,
Tự-nhiên nào biết công giời có không.
Bởi sẵn khí xuân-dung mát mẽ.
Gió đều hòa ai kẻ biết công.
Vậy nên ở áng xuân-phong,
Vui trong thọ-vực cũng không ơn giời.
Kia chẳng thấy thu thời héo hắt,
Gió giông may sạt lá cây.

Hơi đưa rát mặt cau mày,
Cỏ kia cháy sém hoa này héo khô.
Người cảm xúc khí thu nên mệt.
Kẻ ngóng trông thu tiết sinh sầu.
Cho hay dờ gió về thu,
Ấy gươm Bạch-đế ấy dao Kim-thần.
Kìa chẳng thấy trong tuần đông-nguyệt,
Gió bắc-phong khí rét lạnh lùng.
Cây khô lá rụng tuyết đông,
Giao can cắt ruột hơi đồng thấm sương.
Thổi mặt khách đi đường buốt báy,
Thổi mặt người cày cấy cặm cãm.
Mới hay đông-khí âm thâm,
Chẳng cửa sát vật cũng châm hại người.
Duy chỉ có khí giời mùa hạ,
Gió nồm nam thiệt hả dạ người.
Cỏ cây toan héo lại tươi,
Gặp cơn phiền nhiệt quạt giời phẩy ra.
Gió nam nổi nên ca Ngu-Thuấn.
Khúc Phụ-tài Giải-uẩn còn truyền.
Gió nam chưa tựa Tôn-Quyền,
Vũ-hầu kíp phải lập đàn cầu ngay.
Suy mới biết gió này là quý,
Khiến người ta thích ý thỏa lòng.
Vậy nên gặp cảnh huân-phong.
Lòng nào là chẳng động lòng mừng vui.
Huống ta ở gần nơi nhiệt đới,
Mặt giời soi giàu giải siết bao.
Lắm phen nồng nực nôn nao,

Nắng xông tách đá, nóng tiêu chảy vàng.

 Gió nam thổi lại càng thêm thích,
Bởi gió nam lợi ích cho người.

 Ta cùng các cậu cùng vui,
Gió này đáng giá mấy mươi cho vừa.

 Cậu cười mỗ ngẩn ngơ mỗ nhận,
Nhưng gió này mỗ sẵn lòng yêu.

 Mỗ yêu mỗ quý trăm chiều,
Khôn đường ngăn cấm giờ điều cuồng ca.

 Nhân vì mỗ tuổi già sinh yếu,
Bị lẩm phen hoạn-não đầu-phong.

 Óc đau giạ sót như nung,
Gió thu chưa đoạn gió đông lại ròn.

 Bất kỳ gặp cơn nồm đưa lại,
Thiệt sẵn tình sùng-bái hoan-nghênh.

 Chẳng hay các cậu tinh nhanh,
Có lòng mừng đợi gió lành này chẳng?

 Bọn niên thiếu mặt mừng tay vỗ,
Trông nhau cười hớn hở cùng thưa.

 Rằng: « Tôi kiến thức còn sơ,
« Gió lành gió dữ tính chưa được tường.

 « Nay người đã dẫn đường chỉ nẻo,
« Mới mong manh được hiểu ít nhiều.

 « Gió này thiệt đáng nên yêu,
« Già còn coi trọng, trẻ nào dám khinh.

 « Vả trong phép vệ-sinh cũng dạy,
« Gió phương nam hây hây ích người.

 « Mới hay người ở cõi đời,
« Vì nhờ gió quạt khí giời lại cho.

« Há những bức già nua thỏa thích,
« Bọn trẻ trung càng ích lợi nhiều.
« Gió này càng gió bao nhiêu,
« Càng to cánh phôi, càng giào huyết-luân.
« Càng sang-khải tinh thần khí lực,
« Càng rộng thêm kiến thức khôn ngoan.
« Lòng yêu siết kể muôn vàn,
« Xin dâng hương ngát bạch-đàn phụng [ngheh.
« Chúc cho gió trường sinh mãi mãi,
« Để ngày ngày quạt lại cho ta.
« Chúc cho gió rộng dần ra,
« Nơi gần mát mặt chỗ xa hả lòng.
« Chúc cho gió lưu thông bốn cõi,
« Dẫu ngăn sông cách núi cũng qua.
« Chúc cho gió mãi không già,
« Muôn năm quạt khắp khí hòa cõi Nam ».

Đàm-xuyên NGUYỄN-PHAN-LÃNG.



TẠP - TRỞ

TRUYỆN NGƯỜI LÍNH BẰNG TUYẾT

Truyện dịch sau này là thuộc về lối « đoản-thiên-tiểu-thuyết » (conte, nouvelle). Lối ấy cũng là một lối hay trong văn-chương tây, các nhà văn-sĩ ta có thể bắt chước mà làm bằng tiếng nôm. Vì lối tiểu-thuyết dài thì hiện nay người nước ta còn chưa đủ tư-cách mà khởi-hành được.

Tôi mới được nghe đầu đuôi truyện một người lính bị hại ở trước chiến-hào, chết rồi mãi đến sau mới có người biết. Người lính ấy thực là vào hạng những bực vô-danh anh-hùng, lúc ngã xuống cũng không có tiếng động.

Người lính ấy tôi hững tạm gọi tên là anh Chi-lặc, tên ấy cũng hơi giống cái tên thực của anh ta; vì trừ mẹ anh ta chưa ai biết anh ta chết, vậy không muốn thêm nước mắt khác vào cái nước mắt người mẹ khóc con. Nguyên tôi vẫn biết anh ta; anh ta là một người phu coi đường, thường rải đá những con đường ở rừng Phong-dăng-bối-lộ, khéo sửa sang những chỗ đường vòng đường cuốn.

Chợt xảy ra việc chiến-tranh. Anh Chi-lặc bấy giờ mười tám tuổi, nhưng người bé còm con, tựa hồ như một người thu-hình lại, mỗi phần rút lại một tí... Ngày hạ-lệnh động-binh, anh ta bỏ sủng cốc một nơi, đeo cái dải lụa lên mũ, đi khua

trống trong khắp thành-phố, tay đập miệng hát, rõ ra giáng một chàng Tí-hon^[1] của sự chiến-tranh. Nhưng đến khi ra hội-đồng sát lính, thì quan đại-tướng chủ hội-đồng tùm tùm cười, các quan thầy thuốc trông anh ta mặt bủng lưng cong cũng cười mà hỏi rằng:

— Anh chàng làm nghề gì?

— Bẩm chúng con làm nghề quét đường.

— Thế thì cả người anh không cao bằng cái sừng của anh. Đi lính sao được?

— *Bẩm chúng tôi thiết tưởng đem thân ra chết cho nước, nhón nhỏ có hề chi.*

Ấy anh Chi-lặc đáp lại như thế. Bất thành nhân mà nói nên câu ấy, người thành-nhân hồ dễ đã mấy người biết nói hơn!

Anh Chi-lặc người sáu sí không được đặc tình với bọn đàn bà, trong bụng chỉ ham mê một điều, là cái vinh-dự, không phải là vinh-dự bởi cái lon đóng ở cánh tay, nhưng vinh-dự bởi cái vết thương đau đớn. Tôi đã từng biết anh ta, tôi có thể tưởng-tượng được cái tâm-sự anh ta lúc bấy giờ.

Trông thấy mấy ông quan hội-đồng nhìn mình có ý chê cười, tất anh ta tự nghĩ rằng:

« Trong lòng ta đây có cái vết thương, như cái hốc chũng trên đường cái. Ta bình sinh gặp cái vũng nào trên đường

thường san lấp cho phẳng để tiện người đi lại. Mấy người ngồi đây nếu có bụng tốt cũng nên hàn cho ta cái vết thương ở trong lòng này mới phải, không biết còn đợi gì nữa? »

Mặt anh ta bấy giờ buồn rầu cho đến nỗi một ông quan phải cất tiếng lên nói rằng:

« Thôi cho trúng-cách nhập-ngũ! »

Thế là anh Chi-lặc khỏi cái vết thương ở trong lòng.

Song cũng chưa được khỏi hẳn. Vì đến khi vào trại lại bị anh em hành hạ. Chúng trông thấy anh ta chống súng xuống đất, cái đầu súng với đầu người ngang bằng nhau, thì ai nấy đều bật cười mà nói rằng:

« Anh bé nhỏ quá. Người đâu có thế! »

Một ngày kia, quân-nhạc trong đội thổi bài « Khởi-hành ». Nghe tiếng kèn như tiếng nói, nói rằng: Cuộc này là cuộc đại công-danh, nhớn nhỏ mỗi người mỗi phận.

Ra nơi chiến-trường, anh Chi-lặc đánh nhau rất can-đảm, có người từng trông thấy đã kể lại với tôi. Đã từng theo đánh trận Á-nhĩ-đóa; lại từng cặp súng tiến lên ở cánh đồng Sơn-ba-ni. Bấy giờ chúng mới biết bé con con mà trượng-phu đích thị.

Tiểu-đội anh ta mới chiếm được một khu rừng, đủ kín mà ẩn quân ở đấy không sợ lộ.

Nhưng quân địch nhiều ít thế nào? Chiến-hào của địch ngắn dài chừng nao?

Giờ đã tối, anh Chi-lặc không nói với ai, tự sắp sửa đi giò-la xem thế nào. Không biết trong bụng nghĩ làm sao mà anh ta quyết đi chinh-sát một mình.

Anh Chi-lặc bèn leo ra ngoài chiến-hào, quân Đức ngay đối diện; tức-thì ruồi nhặng mùa đông bám vào người như bám vào một cục đường nhón; song anh Chi-lặc vẫn cứ bò lại phía quân địch.

Bò được 20 thước thì thấy một tiếng súng nổ, rùng mình...

Anh Chi-lặc nằm im không động đậy, sợ quân địch biết anh em mình ẩn trong rừng....

Gió lạnh thổi chính bắc, đêm tối như mực, tựa hồ như giờ bắc-cực qua cửa nước Tỉ vào đất Pháp để bán cái khổ-nản cho quân lính ta. Dù vậy mà anh Chi-lặc không run vì rét, run vì sốt rét. Các ông xem truyện này tất đã rõ cái tâm-hồn của anh chàng, thì các ông cũng đoán biết cái bụng nghĩ anh ta lúc bấy giờ. Đương lúc hiểm nghèo như thế, anh ta tự nghĩ rằng:

«... Đây lúc này là lúc nên tỏ cho anh em trong đội ta biết rằng cha ta tuy nặn cái người ta khí hệt mà nặn tấm lòng ta thật to. Quân địch ngờ ta ở đây mà không trông thấy ta. Hễ nó còn nghi ngờ thì ta còn phải nằm đây không nên động vội, vì cái nghĩa-vụ ta phải thế. »

Anh ta bèn quì lên trên đồng tuyết.

«... Ôi! giờ rét thật... Quân Đức còn rình ta đến chốc nữa thì ta chỉ còn một đồng tuyết thôi, đồng tuyết tí tị vì người ta cũng cón con. Nhưng mà thôi! Cái nghiệp nhà ta là phải chịu khổ, cha tôi đã phải khổ sở lắm, mẹ tôi cũng khổ sở nhiều! Tôi là con hai người cũng phải. »

Tuyết giáng toại bời, che hầu hết người, anh Chi-lặc bé nhỏ lấm-bấm trong miệng răng:

« Ừ, nếu có khổ mới là người, câu ấy là thực, thì ta quả là người đây. »

Thế là hết đời anh Chi-lặc. Tôi đã được biết anh ta lắm, mà cũng vì anh ta dễ biết nên tôi mới rãi tỏ được tấm lòng như vậy.

Tuần lễ này, tôi gặp một người anh em bạn anh ta ở trong rừng, người ấy ở nhà thương ít lâu mới thả về, đêm hôm anh Chi-lặc bị chết rét thì người ấy chính là thuộc vào bọn quân đóng trong khu rừng ở đấy. Tôi nói chuyện anh ta với người ấy thì người ấy nói rằng:

«... Ấy thế, bấy giờ vào hai giờ đêm, có người đến báo quan Đại-úy: « Anh « bán-nhân » không có đấy! » Chúng tôi thường khô-hài gọi hấn là anh « bán-nhân », hấn cũng buồn cười, vì hấn tự biết rằng bé nhỏ quá không thành người. Sáng hôm sau, chúng tôi đánh cướp được chiến-hào của quân Đức, lập tức đi tìm bới mọi nơi. Hô gọi: « Chi-lặc!

Chi-lặc! » Một viên đội đứng dừng lại bảo tôi rằng: « Đây anh thử nhìn cái đồng tuyết kia, có phải rõ hình hai chân, cái súng, hai cánh tay, cái đầu không? »

« Quan đại-úy đứng đấy nói rằng:

« — Chi-lặc nó bé nhỏ, *cái này nhớn quá, người đâu có thể.*

« Nói rồi quan đại-úy đi.

« Chúng tôi bới tuyết lên, thì quả là hắc, không sai. »

Nhờ nói lắm khi có cái thần-lực lạ. Như một câu « *cái này nhớn quá, người đâu có thể* », tôi vừa nghe thấy mà tưởng giới đất muốn rung động thốn-thức như tấm lòng người vậy...

PH. Q.

Dịch pháp-văn của GEORGES D'ESPARBÈS

1. ▲ Tí-hon là tên một chàng trong truyện trẻ con của nhà làm truyện nước Pháp Perrault, người bé nhỏ mà trí khôn-ngoa. Xem tập chuyện Perrault của ông Nguyễn-văn-Vĩnh dịch.
-
-

Chú thích

Bình phẩm sách mới

Một tấm lòng, của ông Đoàn-như-Khuê soạn. — In tại nhà in Mạc-dinh-Tư
năm 1917. Giá bán: 0\$25

Xem chừng văn quốc-ngữ ta có cơ tiến-bộ được. Gần đây đã thấy lác-đác một vài người lưu-tâm chú-ý đến văn-chương nô-m. Cái nhiệt-thành ấy tuy cũng chưa lấy gì làm sốt-sắng lắm, nhưng so với cái lạnh-nhạt khi trước thì cũng là một triệu-chứng tốt. Mới rồi ông Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu đã hiến bọn ta một *Khối tình con*, khiến cho ta còn mong mỗi sắp được một « khối tình nhón » nữa. Nay ông Hải-nam Đoàn-như-Khuê lại tặng ta *Một tấm lòng*, hứa sẽ tiếp theo sau này một tập *Cảo-thơ*. Nếu từ giờ đến ít lâu lại xuất-hiện được một ông Hải-đông hay ông Nùng-Nhị nào nữa thì quả nên vui, nên mừng thay cho cái tiền-đồ quốc-văn vậy.

Ta đã có dịp bàn về thơ-văn ông Tản-Đà mà chào mừng ông là một nhà làm văn có biệt-tài.^[1] Nay hăng hoan-ngheh riêng ông Hải-nam mà cảm ơn ông cho ta cái quà rất quý báu, vì còn quà gì quý bằng « một tấm lòng » người! Người đời ai tặng nhau vật gì thường hay gửi chút lòng thành theo sau. Nay ông cho ta cả « tấm lòng » của ông thì há chẳng nên vui lòng mà đón tiếp rư? Huống tấm lòng ông lại có lắm vẻ vui sâu, lắm mối cảm-động, khiến cho lòng ta cũng đồng thanh mà đồng điệu, cùng khóc cùng cười, cùng than-vãn mà cùng mĩa-mai!

Ông Đoàn-như-Khuê là người đa-sầu mà là người đa-cảm, bởi đa-cảm nên đa-sầu. Người ta đã không phải là giống mộc-thạch, thì đối với cảnh-vật, đối với sự đời, thường có cảm, kể ít người nhiều, xưa nay ai là người chẳng có? Nhưng cái đặc-sắc của « tấm lòng » kẻ thi-nhân là biết cảm sâu hơn người thường, bởi thế mà cảm dễ sinh ra sầu. Đã mang cái sầu ở trong lòng, thì không còn gì khiến cho vui được nữa, tưởng mình đứng trong trần-thế như cái cù-lao trong « bể thảm », bể bát-ngát mà mênh-mông, vô-cùng mà vô-tận,

*Bể bao nhiêu nước, bao nhiêu thảm,
Lấp chẳng đầy cho, tát chẳng vơi!*

Bởi thế mà gây nên những nhời thiết-tha ai-oán, than cái thân-phận con người trong cõi phù-sinh:

*Mới lọt lòng ra đã khóc rồi,
Kiếp trần ngán lắm chị em ôi!
Một lần mình khóc lần người khóc,
Sống thác đôi lần giọt lệ rơi!*

Đọc bài « Bể-thảm » ấy mà nhớ đến cái đoạn nào-nùng trong *Cung-oán*:

*Thảo nào khi mới chôn rau,
Đã mang tiếng khóc bưng đầu mà ra!
Khóc vì nỗi thiết tha sự thế,
Ai bày trò bãi bể nường dâu?*

.....

*Kiếp phù-sinh trông thấy mà đau.
Trăm năm còn có chi đâu,
Chẳng qua một nắm cỏ-khâu dì-dì!*

Lại bài « Khóc bạn », nhờ khúc-triết, giọng thiết-tha, cũng phảng-phất được ít nhiều bài ông Hàn Dũ khóc cháu. Cho hay tự-cổ-chí-kim phàm tiếng kêu-khóc đã xuất tự trong lòng ra thì cũng là mang bấy nhiêu nỗi ngậm-ngùi, bấy nhiêu tình thâm-thảm! Chỉ tiếc trong bài văn ấy phải một đoạn giữa mượn những tên ông Sấm ông Sét, đức Thiên-lôi, bà La-xát, mà tả cái hồn tự-do thanh-nhàn của người bạn mình, người bạn đầu có biết ngồi nghe nhờ viếng ấy cũng phải khiếp-đảm.

Đại-để thì ông Hải-nam hay văn vắn hơn văn xuôi. Những bài văn xuôi của ông như bài Tua, bài « Bàn về chữ tình », còn chưa được luyện lắm. Bài tựa thì khí lôi-thôi, mà bài « tình » thì có lắm đoạn hơi buồn cười: như ông dạy « *chữ tình không phải chỉ riêng một mình đàn ông có, riêng một mình đàn bà có, phải trộn lẫn hai đấng lại với nhau mới thành ra một khối tình chung (!)* », thì tưởng chẳng cần phải có cái tư-tưởng sâu-sắc lắm mới hiểu được!

Chẳng dám khuyên gì ông, nhưng thiết-tưởng làm văn xuôi cốt *giản* và *ước*. Muốn diễn một cái tư-tưởng gì, phải sắp đặt ý sẵn trong bụng, rồi cứ lần-lượt mỗi ý diễn ra một nhờ, chọn nhờ cho tương-đương với ý, hơn một câu không nói, thiếu một ý không nghe; có muốn tả-dụ cho rõ nghĩa thêm thì cũng chỉ nên chọn trong nhiều việc nhiều người lấy một

người một việc nào là đích-đáng mới nói, chớ có nên nhân bàn một sự gì cũng gọi đến vua Nã-phá-luận nước Pháp, ông Mã-chi-ni nước Ý, thầy Lư-thoa, thầy Mạnh-đức, bà Trình-đức, bà U-lan, chít cả bộ *Am-băng* vào một trang giấy! Cái tật ấy là một tật chung của các nhà đọc « tân-thư » ở nước ta; ông Đoàn xem ra cũng mắc ít nhiều.

Còn vận-văn của ông thì không kể bài « Bể-thảm » hay hơn nhất, những bài khác cũng nghe được cả. Xem ra ông sở-trường lối thơ buồn hơn thơ vui; đó cũng là một cái đặc-sắc trong nghề thơ của ông. Bởi thế những câu hay thường là câu buồn:

*Nước chảy chảy theo đôi giọt lệ,
Nhà xa xa cách mấy ngàn giâu!
Sông Thương sực nhớ đêm mưa gió,
Kẻ ngược người xuôi một chuyến tàu.*

.....
*Năm canh một ngọn đèn xanh ngắt,
Thêm giạt mình cho trận gió lau.*

Những bài tả phong-cảnh thú cũng là cái thú buồn, thú tiêu-sắt như thú mùa thu. Như hai bài đi chơi thuyền trên Tây Hồ:

*Một chiếc thuyền-tình bốn mặt hoa,
Trên gò dưới nước giữa đôi ta.
Hồ quang mưa tạnh sen vừa nở,
Giữa bóng giăng khuya bóng chửa ta.*

*Trần-gian mơ tưởng cảnh bồng tiên,
Phỏng cũng như đây nước một miền.
Thuyền nếu cứ đi người chẳng lại,
Đời sau thêm một chuyện Đào-nguyên.*

Hai câu dưới khéo. Vì ông Đào Tiềm ngày xưa là ai? Mỗi người ta cũng có thể mà cũng có lúc là ông Đào-Tiềm được. Bước chân vào nơi phong-cảnh hữu-tình, nếu biết lấy con mắt thơ mà nhìn, thì tuổi Đào tất ở đây không xa.

Những bài ca-dao của ông cũng nhiều bài véo-von lắm, thực có cái tinh-thần Quốc-phong ở đấy; đều là đáng hát cả. Thứ nhất là bài « đứng đầu cầu Ninh-bình »:

*Hôm hôm ra đứng đầu cầu,
Dưới chân nước biếc trên đầu non xanh.
Có tôi với một vài anh,
Thấy vài cô nữa loanh-quanh đầu cầu.*

Lại bài sau này, chẳng kém gì những nhời phong-dao rất hay của đàn-bà con-trẻ ta thường hát khi gió mát trăng thanh:

*Cảnh giời ai bán ta mua,
Mua non non Thúy, mua chùa chùa Hương:
Mua hoa mới nở giữa vườn,
Mua giếng mới mọc trên sườn núi cao.*

Ông sở-trường lối thơ buồn, nên ông không khéo làm thơ vui. Những bài ông bốn-cột mấy ông hậu-bổ (Ất-my (admis) ngắt-ngưỡng chân quan Hậu... Tên lúy (lui) rồi tên cậu đứng

liền), hay bài viếng diễu cụ sư mới chết (*Có nhẽ ăn chay cũng chết à?.. Phen này rồi cũng hóa ra ma!*), không được thú lắm.

Nhưng mà cái đó cũng là những sự khuyết-điểm nhỏ, chẳng kể vào đâu. Được những bài như bài « Bể thảm » là đủ vớt lại cả.

Cái nghĩa-vụ nhà phê-bình là phải khen chê cho phải chăng. Không biết mấy nhời bình-phẩm này có được hết nghĩa-vụ ấy không; nhưng mong rằng khỏi mắc cái oan trong nhời ngạn-ngữ: « Nói thật mất lòng! ». Nói thật bao giờ vẫn là hơn.

PHẠM QUỲNH

-
1. ▲ Bài bình-phẩm sách « Khố-tình con » của ông Hiếu in trong báo *Đông-dương tạp-chí*, số 120-121.
-
-

Chú thích

Bài diễn-thuyết của quan học-chính Russier về việc nước Mĩ nhập cuộc với Đồng-minh

Trong bài *Thời-đàm* kỳ trước bản-báo đã nói về việc Đông-dương làm lễ mừng Hoa-kỳ nhập cuộc với Đồng-minh ngày 14 tháng 4 năm 1917. Hôm ấy ở nhà hát nhơn Hà-nội quan học-chính RUSSIER có làm một bài diễn-thuyết về nước Mĩ cho học trò các trường tây trường An-nam nghe. Bài ấy thực là một bài lịch-sự rất tường, tham-khảo nhiều sách vở, phát-minh nhiều ý-kiến, thực là tỏ sự học-vấn rộng của quan học-chính. Bản-báo tiếc vì dài quá không thể dịch hết được. Vậy xin kể đại-ý cùng dịch mấy đoạn chính như sau này.

Trước kể qua lịch-sử sự giao-thiệp nước Pháp với nước Mĩ từ đầu thế-kỷ thứ 16 đến giờ. Bấy giờ có mấy bọn đi bề người Pháp khởi đầu vượt bể sang Mĩ-châu, rồi sau nhiều người Pháp nữa cũng theo sang sinh-cơ lập-nghiệp ở đấy. Kịp đến khi người Mĩ cách-mệnh với nước Anh, tuyên-bố độc-lập ngày 4 tháng 7 năm 1776, thì nước Pháp mới can-thiệp vào để giúp nước Mĩ. Quốc-hội Mĩ vừa mới thành-lập sai ngay ông FRANKLIN — là người bác-học có tiếng trong thế-giới, đã chế ra ống thu-lôi — làm đầu một phái-bộ sang xin nước Pháp cứu-viện. Các nhà quý-tộc nước Pháp được tin ấy cổ-võ lắm, nhiều người xin sang giúp nước Mĩ. Có một người nhiệt-thành hơn cả, là hầu-tước LA FAYETTE. Hầu-tước nói: « Tôi được tin việc khởi-nghĩa bên Mĩ thì tấm lòng tôi như đã vào làm quân cho nước Mĩ rồi ». Hầu-tước bèn xuất tiền mình cùng với mấy người bạn đi sang Mĩ.

Đến đầu năm 1778 thì chính-phủ Pháp ký với nước Mĩ một tờ ước đồng-minh, nhận giúp việc chiến-tranh cho đến khi thành cuộc độc-lập. Tháng 7 năm 1780, bá-tước DE ROCHAMBEAU đem 6 nghìn người sang Mĩ. Được ít lâu thì thủy-quân-đại-tướng DE GRASSE cũng mang một hạm-đội sang theo. Người Mĩ thiếu-thốn gì nước Pháp cũng sẵn lòng cấp cho: quần áo, đạn-dược, binh-khí, tiền-bạc (số tiền giúp đến 20 triệu phật-lãng). Tháng 10 năm 1781, đại-tướng Hoa-thịnh-đốn (WASHINGTON) xuất quân vừa người Mĩ vừa người Pháp đánh quân Anh thua ở Ước-đốn (YORKTOWN). Đến tháng 10 năm sau là 1782, nước Anh phải chịu nhận cho nước Mĩ độc-lập.

Từ đấy cái cảm-tình người Mĩ với người Pháp mỗi ngày một thân-mật, một bền chặt thêm lên. Hai dân đã vì nghĩa tự-do hòa máu cùng nhau ở nơi chiến-trường, tất không bao giờ còn phụ được nhau nữa. Tự khi khởi việc chiến-tranh ghê-gớm bên Âu-châu, cái tình nó buộc hai dân với nhau lại càng thêm mặn thêm nồng hơn xưa. Người Mĩ trông thấy nước Pháp bị lầm-than khổ-sở, đem người đem của sang giúp từ tháng 8 năm 1914 cho đến đầu năm nay không biết bao nhiêu mà kể. Các nhà phú-hào bên Mĩ lấy làm một sự danh-dự xin nhận giả bội-phần cái nợ của ông cha đã chịu với nước Pháp hồi dựng nước, không những nợ tiền, nợ người, lại cả cái nợ lòng ân-ái nữa! Trong bài diễn-thuyết quan học-chính đã lục ra nhiều nhời khen-tặng cảm-phục của những bực tai-mắt bên nước Mĩ đối với nước Pháp, xem đấy thì biết cái tình của hai nước nặng mà sâu là chừng nào, chỉ chực phát-hiện ra thực sự mà thôi.

Từ ngày 5 tháng 4, thực hai bên được thỏa tình ao ước, cả nước duyên-hài.

Quan Toàn-quyền Sarraut định làm lễ mừng nước Mĩ ngày 14 tháng 4 là có ngụ một cái ý cao-thượng ở đấy: ngày 14 tháng 4 là ngày kỷ-niệm tổng-thống nước Mĩ Lâm-căn (Lincoln) bị hại năm 1865.

Các nhà tân-học cựu-học nước ta ai cũng đều biết tên ông LINCOLN (tàu dịch là Lâm-căn); ai cũng đều biết rằng về nửa phần thứ nhất thế-kỷ thứ 19 nước Mĩ phải một sự chiến-tranh ghê-gớm gọi là « Nam-bắc chiến-tranh » (Guerre de Sécession). Sự chiến-tranh ấy gây lên bởi cái tục « mại-nô », là tục buôn-bán những người giống da đen để dùng làm nô-lệ. Trong Hợp-chúng-quốc Mĩ thì các nước mặt Bắc lấy tục ấy là một sự nhục cho nhân-đạo, hết sức muốn bãi; các nước mặt Nam thì nói tục ấy có lợi cho nước mà cố muốn giữ lấy. Hai bên không chịu nhau, phải dùng đến kế chiến-tranh. Năm 1860, các nước mặt Bắc bầu được ông Lâm-căn lên chức tổng-thống, ông là người vốn có tiếng nhiệt-thành vì chủ-nghĩa bãi tục mại-nô. Được tin ấy các nước mặt Nam bèn phân-lia mà định khởi ra cuộc binh-đao. Đảng Nam thù ông Lâm-căn đến nỗi khi ông lên Hoa-thịnh-đốn nhận chức tổng-thống đảng ấy muốn tìm cách ám-sát ông. May ông kịp được người báo, cải hành-trình, đổi y-phục, mới thoát nạn. Ông vốn người đại-lượng, vẫn còn cố trừ-trừ để điều-đình; sau không xong, bất-đắc-dĩ ngày 15 tháng 4 năm 1861 phải hạ lệnh khai chiến. Trước còn chưng-điệu có 3 vạn 5 nghìn người, hạn cho đảng nam trong 20 ngày phải hàng, không

thời đánh kỳ-cùng. Hết hạn ấy đảng nam vẫn chưa chịu, ông bèn quyết chí dùng lối « sát-lực-chiến-tranh » (*guerre d'usure*) nghĩa là đánh cho kỳ bên địch hết sức không chống lại được nữa, tức là cái lối chiến-tranh đương thực-hành bên Âu-châu ngày nay. Đánh trong bốn năm gởi, năm 1865 đảng Nam kiệt-lực phải xin hàng.

« Nhưng than ôi! người chủ-trương việc nghĩa-cử ấy, nay việc đã thành mà không được hưởng lâu cuộc toàn-thắng.

« Ngày 1 tháng 4 năm 1865, thành Richmond là thủ-phủ các nước mặt nam, đã bị hàng. Thống-tướng đảng nam là LEE xin bó gươm bãi chiến. Tổng-thống Lâm-căn chỉ còn diển-dụ những nhời đồng-tâm hòa-hợp. Chiều ngày thứ sáu, 14 tháng 4, bụng khoan-khoái, trí thư nhàn, ngài định cùng phu-nhân với bạn buổi tối đi xem hát.

« Hôm ấy nhà hát diển một bài hí-kịch tên là « Người anh họ Mĩ-châu » (*Notre cousin d'Amérique*). Tổng-thống đã ngồi xem diển đến đầu hồi thứ 3. Ngài ngồi ở buồng bên tả trước sân khấu, đầu tựa vào tay, miệng cười, mắt nhìn vào nơi diển-kịch. Bỗng nghe thấy một tiếng súng. Giữa lúc bấy giờ thì trông thấy một người nhảy tự trong buồng khách lên sân khấu, mắt nhìn vào người xem hát, hét to lên một câu « *Sic semper tyrannis* » (Ta đã báo-thù cho phương Nam). Có người tưởng nhà hát ra trò kinh-ngạc để kích-động người xem. Nhưng chỉ trong giây phút, ai cũng rõ truyện. Một nhà luật-sư, ông STEWARD, chạy đuổi theo cái thằng vô-danh ấy

nó nhảy xổ vào trong hậu-viện; đã sắp nắm được thì nó đóng sập cửa vào mặt. Mở cửa ra nó đã đi đằng nào mất rồi.

« Tổng-thống phải đạn, cố gượng đứng giậy, nhưng lại ngã xuống ghế, rồi mất tinh-thần ngay. Mắt nhắm, thái-dương thủng, chỉ có một sợi máu chảy ra...

« Đương lúc kẻ khóc người kêu lộn nhộn, làm tạm cái cáng nhà thương đem lại, đem sắc đứng trượng-phu nằm lên đấy, như cây đa đương ngắt giò mà bỗng nhiên bị sét đánh... Khiêng sang trước cửa rạp hát, vào nhà một người thợ may, cho quân-lính canh giữ. Cho gọi quan thầy thuốc đến thì thầy thuốc nói không thể cứu được nữa. Bị thương vào ngay óc. Giả người yếu sức thì chết ngay tức-thì; tổng-thống vốn người sức-lực nên còn mong được ít giờ nữa...

« Đêm hôm ấy, hết giờ nọ đến giờ kia, giờ nào cũng thăm-đạm mà u-sầu. Giời mưa như thác, hình như trên giời cũng chia sầu chia thảm với dưới đất; nghe tiếng nước như chút trên mái nhà, không dứt...

« Tổng-thống đặt nằm trên giường, chốc-chốc hơi rùng mình một tí; thở khó mà không được đều... Viên y-sư cùng viên giáo-sư riêng của nhà « Bạch-cung » (Maison blanche)^[1], các viên quốc-vụ tổng-trưởng, các viên đại-tướng, sắp hàng đứng cả cạnh giường nằm, cố nghe xem còn thở được mấy tí, cố nhận xem có nhìn được chút đỉnh nữa không, nhưng chỉ trông thấy bóng cái chết tỏa dần xuống khắp mọi nơi mà thôi...

« Đến tang-tảng sáng thì tổng-thống rùng mình, thở dài một lần cuối cùng... Thế là cái quả tâm cao-thượng ấy thôi không truyền-động nữa. Nét mặt lúc này đau-đớn như thế, nay trông ra bình-tĩnh mà tôn-nghiêm. Các người đứng đầy quì cả xuống; viên giáo-sư thỏn-thức đọc một bài cầu-nguyện.

« Một viên thượng-thư đứng đấy nói: Thế là từ nay Tổng-thống thuộc về lịch-sử vậy. »^[2]

Thế là hết đời một bực thượng-đẳng-nhân-vật của loài người, nhưng cái công-nghiệp của ngài cũng đã thành rồi. Từ đấy, nước Mĩ nhờ ngài mà được hưởng tự-do, vậy vùng trong suốt cõi, tự bờ bể Thái-bình đến bờ bể Đại-Tây, không có quân-đội mà được hòa-bình, gồm biết bao nhiêu của cải, biết bao nhiêu công-nghĩa, dưới bóng cờ điểm sao!

PH. Q.

1. ▲ « Bạch-cung » (tiếng anh White House), là cung của Tổng-thống Mĩ ở, tại thành Hoa-thịnh-đốn.
2. ▲ Cả đoạn tả lúc chết của tổng-thống Lâm-căn là quan học-chính trích trong sách: Y. PITROIS, *Abraham Lincoln, le libérateur des esclaves*.

Chú thích

THỜI - ĐÀM [1]

VIỆC CHIẾN-TRANH

Chiến-tranh! Chiến-tranh mãi! Chiến-tranh không biết đến bao giờ thôi.

Quá nửa thế-giới vẫn còn đương sâu-sé nhau; một góc địa-cầu vẫn còn mờ-ám trong đám khói-đạn, càng ngày càng đặc, càng ngày càng nồng. Phàm người có tấm lòng khối óc, biết tư-tưởng, biết cảm-giác, ai là người chẳng nghĩ-ngợi trong trí, đau-sốt trong lòng, bấn-khoăn trong dạ, vì cái cuộc chiến-tranh thiên-sâu vạn-thảm này! Vì sự chiến-tranh không phải là chỉ quan-hệ đến một Âu-châu, thực quan-hệ đến cả thế-giới. Dù những nước ở thật xa nơi chiến-địa cũng phải chịu ảnh-hưởng những việc ngoại-giao, việc chiến-dịch xảy ra ở đất Âu-châu. Trong bài này ta thuật lại qua những việc nhón trong hai tháng bảy tháng tám.

Ở nước Pháp. — Mấy ngày đầu tháng bảy, quân Đức ở mặt Pháp phải một trận đại-bại, cũng đau bằng trận thành Verdun năm ngoái.

Nguyên mùa xuân năm nay, quân Pháp Anh hiệp-lực cố đánh, quân Đức phải tháo lui, bỏ mất nhiều trận-địa rất quan-trọng. Có một nơi gọi là cao-nguyên Craonne, ở phía bắc thành Reims, là cái thế hiểm-yếu nhất của quân Đức, từ

khi bị mất, xem ra tiếc lắm, vẫn chú-ý đánh cướp lại. Ngày 2 tháng 7, khởi đầu công-kích, phóng-pháo vào hàng trận Pháp rất dữ. Cái chiến-tuyến ở nơi ấy kể cũng không dài mấy mà quân Đức tập-hợp lại đẩy đến hai sư-đoàn (*division*), hơn 4 vạn người, toàn tinh-binh, đem lại chỉ để chủ đánh trận ấy. Về mặt Pháp ở tiền-binh chỉ có 4 đội khinh-bộ-binh (*chasseurs*), cả thảy hơn 4 nghìn người. Khi mới giao-chiến quân Pháp phải bỏ mất một phần đất ở nơi gọi là cao-nguyên Californie. Quân Đức lập-tức kéo tràn vào đây các hầm-hố. Giữa lúc bấy giờ pháo-binh Pháp nấp ở đằng xa được hiệu phóng-pháo vào như mưa, trong giây phút người chết như rạ. Mấy đội quân Pháp bèn quay lại, cầm đoản-kiếm (*baionnettes*) vào súng, xông vào áp-chiến, quân Đức còn người nào bị giết, hoặc đuổi chạy, hoặc xin hàng hết. Chiều ngày 3, quân Đức thực thua to, hai sư-đoàn tinh-binh bị phá tan cả. Bên Pháp thì không tổn-hại mất mấy. Thế là trong trận ấy chỉ có 4 nghìn quân Pháp đánh nổi 4 vạn quân Đức, nhờ có pháo-binh đến giúp vừa gặp dịp cũng có, nhưng cũng bởi quân-lính can đảm nhiều.

Từ đây quân Đức cứ công-kích luôn, đánh từng bộ-phận một trong suốt giọc quân, từ Verdun đến bể. Ngày 10 tháng 7 có cướp được một trận-địa của Anh ở gần Nieuport (mặt Tỉ), nhưng các nơi khác đều bị thua cả.

Trong khoảng bấy giờ nội-tình nước Đức đương quẫn lắm. Mưu việc hòa riêng với Nga không xong, lại bị quân Nga Lỗ (Nga với Lỗ-mã-ni) đánh công-thế ở mặt Áo rất dữ. Trong nước thì thủ-tướng BETHMAN-HOLLEWG bị đổ. Dư-luận đã

thấy sinh biến. Vậy quân Đức ở Pháp cố đánh lấy một trận cho được, dù trận nhỏ nữa mặc lòng, cốt để lấy cơ loa-truyền trong nước cho an-ổn lòng dân. Bởi thế ngày ngày công-kích, thua lại phản-kích, bộ-binh hai bên áp-chiến nhau, lửa đạn như tưới trên đầu, thực không có nhờ nào tả được cái cảnh-tượng kinh-hồn. Đánh dữ chẳng kém gì ở Verdun năm ngoái, thân người chất thành đống. Tuy vậy mà quân Đức cũng không tiến được thước nào. Hoàng-thái-tử Đức năm ngoái cầm quân ở Verdun đã bị thua, năm nay chủ-trương cái « đại công-thế » này lại hỏng nốt. Tưởng ghê-gớm lắm, rút cục cũng đến thất-bại mà thôi, mà hại biết bao nhiêu người. Sau này nhà vua Đức đờ-địa thì quốc-dân Đức chửa biết oán Hoàng-thái-tử chừng nào!

Quân Pháp-Anh đã kinh-doanh xong các trận-địa chiếm được mùa xuân mới rồi, sắp-sửa để khởi-hành công-thế nữa. Hiện đã bắt đầu từ ngày 1 tháng 8, mục-đích là đuổi quân Đức ở nơi đồng-bằng nước Bỉ, giữa khoảng sông Escaut cùng bể Bắc-hải, các tàu ngầm Đức vẫn dùng đường men bể ấy làm căn-cứ.

Ngày 1 tháng 8, pháo-binh bắn rạn đường trước, rồi quân Pháp-Anh tiến lên theo một giọc dài 24 cây-lô-mét, cướp được nhiều làng ở giữa khoảng từ thành Ypres ra bể, sang qua được con sông Yser, sông ấy từ tháng 8 năm 1914 vẫn phân cách hai quân. Tuy vùng ấy giời mưa nhiều, mà quân Pháp-Anh vẫn cứ tuần-tự tiến lên, chiếm từng trận-địa từng thôn-lạc một.

Về phía nam một ít thì quân Anh đương vây thành Lens, là nơi trung-tâm một vùng nhiều mỏ than. Hiện nơi phụ-cận thành đã vào tay quân Anh rồi. Ngày 18 tháng 8, quân Pháp-Anh lại được một cái chiến-thắng nữa, là hạ được thành Langemark, bắt được 1200 chiến-tù, cùng nhiều đại-bác.

Tự ngày 20 tháng 8 quân ở miền Verdun cũng khởi-hành công-thế theo một giọc quân dài đến 25 cây-lô-mét, định đánh đâm ngang vào sườn quân Đức đóng ở mặt ấy.

Về mặt Ý, thì quân Ý mấy độ này phải giữ thế thủ để kinh-doanh các trận-địa đã chiếm được, nay cũng mới đồng-thời bắt đầu tiến lên hướng thành Trieste.

Đó là những việc chiến-dịch nhón trong hai tháng mới rồi. Quân Đồng-minh vẫn được thắng-lợi luôn, quân Đức-Áo thì tuy cố hết sức mà chỉ thấy lùi không thấy tiến. Như thế thì dù chưa có trận nào quyết-chiến, nhưng cái đại-thế vẫn là rất tốt cho bên Đồng-minh.



Xét đó thì đủ biết cái thế của Đồng-minh thực là vững vàng. Bởi thế cho nên mấy lần đảng Đức-Áo dùng cách gián-tiếp để mời Đồng-minh bàn việc giảng-hòa, các chính-phủ Pháp, Anh, Ý, nhất quyết không làm tai nghe những nhời giả dối ấy. Tuy bên nước Nga có điều bối-dối, mà Đồng-minh không hề ngã lòng chút nào.

Thượng-tuần tháng 7, Hạ Nghị-viện Pháp mấy hôm bàn luôn về đại-thế việc chính-trị, đến ngày 7 thì quyết-nghị biểu lòng tin với tòa Nội-các của quan thủ-tướng Ribot, xin cứ giữ một chính-sách như cũ mà theo đuổi việc chiến-tranh cho đến ngày toàn-thắng. Như thế thì cả quốc-dân cũng là đồng lòng với chính-phủ mà chủ một mục-đích chung, lo gì chẳng có ngày tới được.

Cũng trong khoảng thượng-tuần tháng 7, quân-đội của nước Mĩ gửi sang giúp Đồng-minh mới sang tới Pháp. Đái-lãnh quân-đội ấy là đại-tướng Pershing. Thống-tướng Joffre sung phái-bộ sang Mĩ mấy tháng trước cũng về Pháp cùng một hồi ấy. Dân Pháp hoan-ngênh quân Mĩ rất là nhiệt-thành vui-vẻ, cái cảnh-tượng không nhời nào kể xiết được.

Người Mĩ vốn có tài kinh-doanh không ai bằng, hiện đã tổ-chức được quân-đội rất mạnh, võ-trang khí-giới đủ cả, lại đương gây-dựng một hạm-đội tàu bay, nhiều đến 2 vạn chiếc. Các xưởng tàu thủy cũng cực-lực chế-tạo, để cho trông được thật nhiều tàu mà bỏ vào số thương-thuyền của Anh bị tàu ngầm Đức đánh đắm.

Trong tháng 7 mới rồi số tàu bị hại đã kém hơn các tháng trước nhiều, xem như thế thì biết cái kế đánh bằng tàu ngầm của Đức cũng là không thành hiệu được mấy tí, mà cái mưu muốn dùng tàu ngầm để vây nước Anh cũng đến thất-bại mà thôi.

Việc nội-biến ở nước Nga. — Đầu tháng 7 thì cái tình-thế ở nước Nga đã thấy ràng-rạng được đôi chút.

Nhờ có thủ-tướng KERENSKY thực là một bậc đại anh-hùng trong nước Nga bây giờ, đương lúc bối-dối nhất-thân ra cáng-đáng cả trách-nhiệm chính-phủ, nên từ ngày 1 đến 3 tháng 7, quân Nga đánh một trận công-thế rất dữ, bắt được 1 vạn 4 nghìn chiến-tù Áo-Đức, 40 khẩu đại-bác. Mấy hôm sau nữa lại tiến lên, được một trận đại-thắng ở phía tây Stanislau, bắt được 8 nghìn chiến-tù, nhiều súng đại-bác cùng súng cơ-quan (*mitrailleuses*). Ngày 10 tháng 7 lại được một trận nữa, chiếm-cứ thành Haliez, đuổi quân địch chạy tán-loạn.

Giữa lúc bấy giờ thì bên Đức đương bối-dối. Thủ-tướng BETHMAN xin từ-chức.

Được mấy tin ấy, Đồng-minh lấy làm mừng lắm, tưởng cái giờ kết-cục đã sắp đến nơi, bọn Đức-Áo bị cặp giữa hai đầu kìm, tất không sao cựa được nữa.

Thủ-tướng Anh LLOYD GEORGES điện mừng thủ-tướng Nga KERENSKY có câu rằng: « Xem quân Nga đánh công-thế mới rồi đắc-thắng như thế thì đủ biết nước Nga nay đã thoát khỏi áp-chế, được hưởng tự-do, tất hiểu rõ rằng hiện nay chưa thể giảng-cầu sự hòa-bình được, nước Tắc nước Tỉ còn phải chịu lầm than, công-tội các chính-phủ còn chưa biện phân-minh được, thì còn chưa thể giảng-hòa được. »

Hốt-nhiên tự ngày 18 tháng 7 thấy tin bên Nga về nguy quá: Quân Nga ở Galicie đương thua chạy, không yếm-tế được cho hữu-dực quân Lỗ; tình-thế rất là cấp.

Cùng một ngày ấy ở Nga-kinh khởi loạn, lâm-thời-chính-phủ đương bị nguy.

Không biết đầu-đuôi ra làm sao, sự-tình thế nào.

Muốn giải duyên-do việc nội-biến ấy thì phải thuật lại ngành-ngọn sự Cách-mệnh ở nước Nga, kỳ báo trước chưa kịp nói đến vì khi ấy việc còn mập-mờ lắm, nay đã rõ đầu đuôi như sau này.

Khởi lên việc Cách-mệnh là bởi Nghị-viện (*Douma*) cùng bọn thợ ở thành Petrograd (Nga-kinh) kết-liên với bọn quân-lính.

Ở Nghị-viện, đảng có thế-lực nhất gọi là « đảng thiếu-niên » (*parti « cadet »*), người đầu đảng ấy là MILIOUKOF.

MILIOUKOF khởi lên công-cáo những tội của chính-phủ cũ. Vì ngày nay mới rõ rằng mọi sự bại-hoại trong nước Nga từ xưa đến giờ là bởi nhà vua Nga cả; vợ Nga-hoàng NICOLAS II vốn là người Đức, tính quyền-mưu hiểm-độc, nhân vì chồng nhu-nhược can-thiệp vào chính-sự trong nước, tư-thông với người Đức để hại nước Nga. Dùng tiền Đức hối-lộ những bọn quyền cao chức trọng trong nước để vị Đức mà phản-quốc. Thậm-chí đến trong quân-đội, các bậc tướng-tá cũng có người vị lợi phản nước như thế. Hồi năm 1916, vì viên

binh-bộ-tổng-trưởng STURMER mưu-phản nên quân Lỗ-mã-ni mới đến nổi thua to như thế. Nay phát-giác những việc ấy ra, nhân-dân rất là tức-giận, phá-đổ nhà vua, đặt lâm-thời-chính-phủ, họp thành hội-nghị Lập-hiến (*Assemblée Constituante*), định lập nước Nga làm nước cộng-hòa-dân-chủ, đặt hiến-pháp mới.

Đảng « thiếu-niên » khởi ra sự Cách-mệnh ấy là đảng trung-lưu-xã-hội, gồm những người có học-thức trong nước, nhưng không có liên-tiếp, không được lòng với bọn dân-đảng. Những tay lĩnh-tụ trong đảng « thiếu-niên », như MILIOUKOF, GOUTCHKOF, CHINGAREF, vương-tước LVOF, đều là người công-bằng chính-trực, tuy mở đường cho sự cách-mệnh, nhưng không muốn dùng những kế bạo-động. Sơ-tâm chỉ là muốn bãi chính chuyên-chế cũ để đặt chính lập-hiến theo lối nước Anh mà thôi.

Thực-hành sự cách-mệnh là tự đảng dân. Người dân xưa nay đã bị áp-chế nhiều, bị đói, bị khổ trăm chiều, được dịp cách-mệnh, muốn cách-mệnh cho đến cùng. Lại đảng quân kết-liên vào, vì quân cũng là ở dân mà ra, sai giết anh em mình không chịu.

Ngay tự ngày mới khởi cách-mệnh đảng thợ với đảng binh đã đồng-tâm-hiệp-lực với nhau. Ở Nga-kinh những đại-biểu của hai đảng ấy lập thành một hội-nghị. Các tỉnh khác cũng bắt chước đặt hội-nghị như thế.

Đại-biểu hai đảng « công-binh » thì toàn là những người giữ cái « xã-hội-chủ-nghĩa » (*socialisme*), có người giữ cái « quốc-tế-chủ-nghĩa » (*internationalisme*) nữa. Nhân thế họp-tập cả những bọn cách-mệnh, bọn « vô-chính-phủ » (*anarchistes*) ở tứ phương lại. Trong bọn ấy có nhiều những kẻ bại-liệt ô-hạnh, ăn tiền của Đức để mưu phản nước mình. Thứ nhất là tên Lenine khi trước phải tội trốn sang Thụy-sĩ, nghe tin cách-mệnh được giấy thông-hành của Đức cho đi qua nước Đức về Nga, công-nhiên vận-động để phản-bội nước mình. Nhờ được những phường vô-liêm-sĩ ấy, quân Đức lại tìm đường quấy rối chính-phủ mới nước Nga, cũng như xưa đã ngăn-trở chính-phủ cũ bởi tay bọn đầy-tớ vợ Nga-hoàng.

Bởi thế mà trong nước Nga sinh ra hai phe tranh-quyền nhau: một bên là Nghị-viện thuộc về đảng trung-lưu, chủ sự ôn-hòa, một bên là hội-nghị của hai đảng « công-binh », giữ cái xã-hội-chủ-nghĩa. Sự tranh-quyền ấy thực là hại cho nước Nga đương buổi bối-dối này. Nhờ có ông KERENSKY làm hình-bộ-tổng-trưởng, người rất có thế-lực, được lòng tin của hai bên, nên trong ba tháng giời vẫn điều-đình được, không đến nỗi sung-đột lắm. Nhưng mà sự cạnh-tranh tất có ngày vỡ-lở ra.

Mối sung-đột thứ nhất là thuộc về việc ngoại-chính Hội-nghị của đảng « công binh » thì phản-đối với cái chính-sâm-lược của nhà vua cũ; lâm-thời-chính-phủ thì muốn giữ cái chính-sách đã theo từ khi khai-chiến. Trong chính-phủ có MILIOUKOF cố giữ cái ý-kiến rằng nước Nga tất phải đánh lấy

được thành Constantinople (là kinh-đô nước Thổ) thì vận nước sau này mới có thể phát-đạt được.

Đảng xã-hội (tức là đảng công-binh) ngày 5 tháng 5 bèn vận-động để phản đối MILIOUKOF, kịch-liệt đến nỗi lưu-huyết trong thành Petrograd. Sau MILIOUKOF phải từ chức.

Hai bên điều-đình nhau mãi đến ngày 18 tháng 5 mới lập thành một tòa nội-các gọi là « đoàn-kết nội-các » (*cabinet de coalition*), trong tòa có sáu viên là người của đảng công-binh.

Từ đây nước Nga mới có một chính phủ nhất-chí, hợp với tình-thế quốc-dân.

Bấy giờ nhân nước Mĩ mới can-thiệp vào cuộc chiến-tranh, xướng lên cái nghị rằng xin các chiến-quốc sát-hạch lại cái mục-đích sự chiến-tranh của mỗi nước thế nào.

Ngày 18 tháng 5, chính-phủ mới nước Nga bèn công-cáo cho liệt-cường biết rằng nước Nga chỉ mong cho chóng được hòa-bình, không định cướp đất nào, không định lấy lợi gì, chỉ cốt bảo-tồn cho các dân-tộc được quyền tự-chủ mà thôi.

Từ đây tuy quân Đức hết sức vận-động để khiến nước Nga hòa riêng, mà chính-phủ Nga nhất-định không nghe, thực là một lòng trung-thành với Đồng-minh.

Bọn đương-đồ bên Đức thấy đảng cách-mệnh Nga đã tỉnh-ngộ, không chịu nghe mình khuyên-dỗ nữa, lấy làm căm-tức lắm, bèn lại gấp sức lên, đem người đem tiền sang mà vận-

động để thu lấy cái thế-lực cũ. LENINE đứng đầu đảng « quá-kích-cách-mệnh » (*révolutionnaires maximalistes*) đã tư thông với Đức, dùng cách bạo-động để xướng lên sự hòa riêng với Đức. Quân-lính ở trận-tiền cũng nghe nhời đảng ấy, tự nghĩ rằng như thế thì sự chiến-tranh không có mục-đích nữa, chẳng nên liều thân làm gì. Có nơi quân lùi về không đánh nữa. Quân Đức nhờ được thế, rút quân mặt Nga về đánh mặt Pháp, ngăn-trở công-thế của quân Pháp-Anh.

May bấy giờ chính-phủ có được ông KERENSKY lĩnh-chức lục-quân tổng-trưởng. Ông bèn thân-chính ra nơi hàng trận diển-dụ cho quân lính nghe. Đến cuối tháng 6 thì tình-thế đã bớt nguy. Nhưng chính-phủ không ngờ rằng còn đảng « cực-đoan cách-mệnh » (*extrémistes*), chịu mệnh-lệnh tự Berlin (Bá-lâm) mà vẫn đương vận-động để phản nước. Mục-đích Đức là muốn dùng đảng ấy để phá-đổ chính-phủ Nga đã làm hỏng mưu mình.

Kịp đến khoảng tự 15 đến 20 tháng 7, là cái thời-kỳ rất nguy cho nước Nga. Cái mưu nước Đức tuy bị hỏng lần trước, mà lần này thực là khéo bày.

Ngày 16 tháng 7. một bọn quân-lính nghe nhời đảng cách-mệnh, khởi loạn lên ở Petrograd, định bắt các viên chính-phủ, cướp nhà kho-bạc cùng các nhà ngân-hàng. Cái cơ sự khởi-loạn ấy là chính-phủ mới gửi mấy quân-đội ra trận-tiền. Bọn lính thủy đóng ở cửa Cronstadt cũng theo mà khởi loạn như thế.

Trong lúc bấy giờ quân Nga ở hàng trận Galicie không chịu theo tướng-lệnh, nhất-định lùi về không đánh. Quân Đức cứ việc tràn vào, tiến đến thành Tarnopol.

Đương buổi quá nguy ấy, KERENSKY cùng các viên chính-phủ lại hết sức hùng-cường mà chống-đối lại. Ngày 20 tháng 7 trấn-đoạt được sự khởi-loạn, sai quân hậu-vệ ở Galicie cố ngăn quân Đức không tiến lên được nữa, phàm tên quân nào lùi một bước là bắn ngay tức thì, không tha.

Nước Nga trong khoảng mấy ngày ấy thực đã qua nhiều buổi cực thảm. May sao mà lại thoát nạn được. Tự ngày 20 tháng 7, trong thành Petrograd lại được yên-ổn như thường.

KERENSKY từ nay thành bực anh anh-hùng cứu nước, lên làm thủ-tướng, thu hết quyền chính-trị trong tay. Bao nhiêu bọn cách-mệnh về đảng với Đức bị bắt hết, phát-giác nhiều giấy má chứng rằng bọn ấy đã bán nước cho Đức, giấy đem công-bố cho quốc-dân biết.

Song về đường quân-sự cái tình-thế vẫn còn chưa được tốt lắm. Quân Nga ở Galicie cùng Bukovine phải lùi về sau đường sông Dniester, cái kết-quả của sự thắng-lợi mấy tháng trước mất cả.

Trong tháng 8 này thì nhờ tay quả-đoán của ông KERENSKY được đảng « công-bình » cùng đảng dân nhà quê giúp cho, toàn-quốc đã được yên-ổn cả. Định đến 30 tháng 10 này thì họp quốc-hội để đặt hiến-pháp. Mong rằng từ nay đến bấy giờ không xảy ra sự biến gì, để cho nhẹ bớt cái gánh nặng

trên vai mấy nhà nghĩa-sĩ Nga đương khổ tâm lao-lực vì nước.

Đương khi quân Nga ở Galicie núng thì quân Lỗ-mã-ni nhờ có một tư-lệnh-bộ Pháp đái-lính, đã chực khởi-hành công-thế. Tự ngày 25 tháng 7 tiến lên đường quân Áo ở núi Carpathes, dài được 24 cây-lô-mét. Tiến luôn cho đến ngày 10 tháng 8, nhưng từ đấy vì quân Nga ở Bukovine lùi về, nên cũng bị ngăn trở. Quân Đức hết sức vây quân Lỗ. Từ ngày 10 quân Nga cùng quân Lỗ phải giữ thế-thủ, chắc còn lâu mới lại dỡ thế công được, phải đợi cho tình-thế quân Nga được bình thường đã.

Ở bán-đảo Balkans, nước Hi-lạp (Grèce) cùng các hàng trận khác. — Ở hàng-trận quân đồng-minh ở Salonique thì không có việc chiến-dịch gì to.

Ở Hi-lạp từ khi vua CONSTANTIN thoái-vị, con lên nối ngôi, giữ thái-độ tốt với Đồng-minh. VENIZELOS làm thủ-tướng đã về Athènes (kinh-đô Hi-lạp) nhận chức từ ngày 23 tháng 6. Ngày 29 tuyên-bố tuyệt-giao với Đức Áo. Từ đấy quân Hi-lạp vẫn giúp quân Đồng-minh ở Salonique. VENIZELOS cùng với viên tổng-giám-đốc của Đồng-minh là JONNART (người Pháp) thiết kế để tâm-nã khu-trục những đảng đồng mưu với Đức.

Các hàng trận khác ở Tiểu Á-tế-á (Asie Mineure), Mésopotamie, tình-thế không thay đổi. Cứ tin-tức sau cùng

thì quân Đức định khởi công-thế đánh Ai-cập (Egypte) cùng hàng trận Nga ở Arménie.

Việc nội-biến ở nước Đức trong tháng 7. — Trong tháng 7 nội-tình nước Đức bối-dối lắm. Dư-luận đã có ý phản-đối với chính-phủ. Đảng quốc-dân, đảng tự-do, yêu-cầu những sự cải-cách hiến-pháp. Thủ-tướng là BETHMAN HOLLWEG muốn khuynh-hướng về đường ấy cho bằng lòng dân.

Lại nước Na-uy (Norvège) nhân vì việc như sau mà đã suyết khai-chiến với Đức. Ngày 24 tháng 6 cảnh-sát thành Christiania (kinh-đô Na-uy) khám thấy trong nhiều nhà riêng cùng nhà ga không biết bao nhiêu là trái-phá và thuốc-đạn của người Đức. Bắt thì một người Đức tên là Nam-tước RAUTENFELL nói rằng những thứ ấy là định đem sang Finlande để phá tàu, phá xưởng thợ của Nga. Sau chính-phủ Đức phải xin lỗi, Na-uy mới nghe.

Đầu tháng 7, Nghị-viện Đức (*Reichs-tag*) thảo-luận về việc chiến-tranh, nói rằng cả quốc-dân Đức chỉ ước được tróng hòa-bình, không mong đánh lấy đất nào cả. Nhân việc ấy, thủ-tướng BETHMAN HOLLWEG bị đảng xã-hội công-kích, trách rằng đã gây ra sự chiến-tranh, ngày 14 tháng 7 phải từ-chức cùng với lục-quân tổng-trưởng STEIN.

Chức thủ-tướng giao cho một người tên là MICHAELIS, xưa nay không thấy nói đến mấy khi.

Xem ra thủ-tướng cũ phải từ-chức cũng là bởi Hoàng-thái-tử Đức cùng bọn quân-đảng. Xét cái giấy cảm-ơn của Đức-hoàng viết cho BETHMAN HOLLWEG, nhờ thành-thực, thì biết Đức-hoàng để cho viên ấy phải từ-chức là bị con ép, cũng như ngày tháng 8 năm 1914 bị con ép mà gây ra sự chiến-tranh này.

Ngày 19 tháng 7, thủ-tướng mới tuyên-cáo với Nghị-viện rằng chính-phủ Đức sẵn lòng nghị-hòa, không cầu chiếm đất của ai, chỉ vụ cho lãnh-thổ nước Đức được hoàn-toàn như cũ mà thôi. Thủ-tướng xem ra cũng thuộc về bọn quân-đảng, mà sao khởi ra những nhờ ôn-hòa như thế? Xem việc vận-động về sự nghị-hòa sau này thì hiểu cái mưu của nước Đức.

Nước Đức vận-động về việc nghị-hòa. — Nước Đức thấy thế mình yếu mà thế Đồng-minh mỗi ngày một mạnh, tự một năm nay dùng hết kế trực-tiếp gián-tiếp để mời Đồng-minh giảng-hòa. Lần nào cũng hỏng cả. Năm nay nghĩ ra kế dùng những đảng xã-hội trong các nước để gây lên cái phong-trào hòa-bình.

Cách-mệnh Nga vừa mới khởi thì đảng xã-hội Nga chịu mệnh-lệnh tự Berlin, xướng lên mời đảng xã-hội các nước chiến-quốc đến hội-nghị tại kinh-đô nước Thụy-điển (Suède) là thành Stockolm để cùng bàn về việc giảng-hòa. Mấy người đầu đảng xã-hội nước Thụy-điển cùng nước Đan-mạch (Danemark) nhận chủ-trương việc ấy. Đảng xã-hội Đức đồng lòng với chính-phủ tự hội trước nhất. Các nước Đồng-minh biết mưu Đức định lừa mình, cấm không cho đảng xã-hội

nước mình vào hội ấy. Bọn Đức đợi đầu tháng 7 ở Stockolm không thấy ai đến cả, mới biết rằng mưu mình thô-bỉ quá không đủ đánh lừa được ai.

Nhưng nước Đức dùng đảng xã-hội không xong, lại quay về lợi-dụng cái thế-lực của ông Giáo-hoàng. Một tháng sau việc hội-nghị Stockolm, nước Áo vốn vẫn có tình thân-mật với giáo-hoàng, bèn thông-đồng với nước Đức sai giáo-hoàng can-thiệp vào để xin điều-định việc giảng-hòa cho các chiến-quốc. Tức khắc các nước Đức, Áo, Bảo, Thổ vội vàng xin nhận nhời ngay. Bên Đồng-minh xét nhời bàn của Giáo-hoàng chẳng khác gì nhời tuyên-cáo của thủ-tướng Đức ngày 19 tháng 7, biết rằng nước Đức lại muốn đánh lừa mình, nhất-định không nhận. Thế là đến cái mưu cùng ấy cũng lại hỏng nốt.

Nói tóm lại thì đến ngày 20 tháng 8, cái tình-thế vẫn như đầu năm nay, phe Đồng-minh vẫn có thế-lực hơn đảng Đức Áo, dù có việc Cách-mệnh Nga bối-dối cũng không kém bớt chút nào.

Cứ bình-tình mà xét thì cái thế nước Đức chỉ có một ngày một nguy đi mà thôi, nhẽ tất-nhiên như thế. Xem việc Á-đông sau này thì đủ chứng thêm điều ấy.

VIỆC Á - ĐÔNG

Nước Xiêm. — Ngày 23 tháng 7, nước Xiêm khai-chiến với Đức-Áo. Bao nhiêu người dân hai nước ấy ngụ ở Xiêm bị bắt và giam cả. Chiến-thuyền thương-thuyền của địch-quốc đổ trong các cửa bể Xiêm bị tịch-ký.

Ngày nay phe Đồng-minh thêm được một nước nào để đối với đảng Đức-Áo, phải nên mừng như một sự chiến-thắng.

Nước Xiêm vào cuộc với Đồng-minh là một sự rất hay. Nước ấy tuy là dân-quốc nhỏ ở phương nam châu Á, song đã biết chịu khó chăm-chỉ cố chiếm lấy một địa-vị trong các nước văn-minh ngày nay, cái thế-lực về đường tinh-thần không phải là nhỏ.

Nước Đức vốn có cái già-tâm muốn áp-chế cả thế-giới, nên đối với nước Xiêm vẫn chỉ lâm-le chiếm-đoạt quyền-lợi của nước ấy về đường kinh-tế. Nay cái mưu ấy đến ngày đồ-địa vậy.

Nước Tàu. — Trong bài [Thời-đàm](#) kỳ trước (Xem *Nam-Phong* số 1), bản-báo đã phải chua rằng việc Tàu ngày nay mỗi ngày một biến-đổi, hết loạn nọ đến loạn kia, không thể đoán trước được những việc sẩy ra thế nào.

Quả như vậy. Kỳ trước mới thuật được những việc từ đầu năm đến cuối tháng sáu. Ngày 1 tháng 7 thì có tin ở Bắc-kinh mới khởi-phục lại quân-chủ-chính-thể, ai nghe thấy cũng lấy làm lạ.

Có người được mục-kích việc ấy đã từng nói một câu rằng: Việc gây loạn của TRƯƠNG HUÂN 張勳 này thực là một sự làm liều, không phải là một sự đại-biến về chính-trị. — Nhời nói sắc-đáng vậy.

Tự ngày 1 tháng 6 cho đến mấy hôm sau, chỉ-dụ ra như mưa, hứa trừ cho dân những thuế chưa nộp, giảm bỏ nhiều thuế khác nữa, sửa đổi lại việc hình-pháp việc chính-trị cho dân được nhờ, đặt tòa nội-các có trách-nhiệm, cùng sắp-sửa họp Nghị-viện.

Nhưng mà cướp được cái ấn nhà vua để dùng liều cũng chưa đủ, chiếm được nơi kinh-đô để tranh quyền chúa-tể cũng chưa đủ. Cử-quốc đều nổi loạn thì vua chúa mà làm gì? TRƯƠNG HUÂN thực là người ít trí-khôn mới mong mọi những sự cuồng như thế.

Hồi hội-nghị các đốc-quân ở Từ-châu-phủ, thì 14 viên đốc-quân có hứa sẽ giúp TRƯƠNG HUÂN. TRƯƠNG HUÂN thực là nhẹ dạ, quá tin tưởng là thực, nên mới dám làm liều như thế.

Há lại không biết rằng Đoàn Kỳ-Thụy 段棋瑞 không phải là người tầm-thường, mà Đoàn Kỳ-Thụy vốn không bao giờ ưng sự khôi-phục đế-chế?

Tảng sáng ngày 1 tháng 7, VƯƠNG SĨ-CHÂN 王士珍 cùng GIANG TRIỀU-TÔN 江朝宗 hai tướng-quân vào yết tổng-thống Lê NGUYÊN-HỒNG 黎元洪, để báo trước cho tổng-thống biết việc sắp xảy ra cùng cố ép tổng-thống phải thuận.

Nhưng ông Lê nhất-định không ưng, TRƯƠNG HUÂN đành phải chịu vậy.

Các tỉnh được tin chính-biến ấy nhất-luật khởi lên kháng-cự. Lê NGUYÊN-HỒNG khi ở Bắc-kinh chạy trốn có sai người đem ấn tổng-thống trao cho Đoàn Kỳ-THỤY ở Thiên-tân. Đoàn bèn lập đại-doanh ở Thiên-tân truyền hịch gọi quân để lên đánh TRƯƠNG HUÂN.

Ở Bắc-kinh thì trong chính-giới đối-loạn cả. Thủ-tướng Lí KINH-HI 李經羲 là cháu Lí HÙNG-CHƯƠNG 李鴻章 ngày xưa thì mấy hôm trước đã khờ vì gọi TRƯƠNG HUÂN đem quân lên Bắc-kinh, nay thấy sự tình nguy-cấp bỏ Bắc-kinh chạy trốn về Thiên-tân.

Chính tổng-thống Lê-NGUYÊN-HỒNG cũng cùng với mấy người tả-hữu chạy trốn vào nhà sứ Nhật-bản, biết rằng đảng đế-chính không thể bảo-toàn được cho mình. Trước khi vào nhà sứ Nhật-bản, ông Lê có đến nhà thương Pháp, nhưng bọn đạo-nữ (tức là « bà sờ ») trong nhà thương không nhận được mặt ông, chưa biết là ai, không dám cho vào.

Lê phu-nhân cùng gia-quyến ngày 3 tháng 7 cũng bỏ cung tổng-thống đi, chạy trốn vào nhà sứ Pháp.

Nhưng trước khi Lê tổng-thống chạy trốn đã có sai người trao cho Đoàn-kì-THỤY ấn tổng-thống, cùng một phong-thư nhờ truyền cho phó tổng-thống PHÙNG QUỐC-CHƯƠNG 馮國璋 Trong thư đại-khải nói như thế này:

« Hiện tôi không thể làm được hết chức Tổng-thống, xin chiếu theo điều thứ 42 trong hiến-pháp mà trao lại chức ấy cho quan phó tổng-thống PHÙNG QUỐC-CHƯƠNG, xin nhận cho, cùng cử Đoàn Kỳ-Thụy làm thủ-tướng, thủ-tướng cũ Lí Kinh-Hi đã bị cách rồi. »

Các tướng hội-nghị ở Thiên-tân bầu Đoàn làm thống-tướng quân « cộng-hòa »^[2], ngày 4 tháng 7 bắt đầu lên đánh Bắc-kinh.

Ngày 6, quân « cộng-hòa » được trận ở Lang-phòng 廊房; quân TRƯƠNG HUÂN toàn là quân để bím, phải rút về Bắc-kinh; bao nhiêu tướng cùng quân khác sang với quân « cộng-hòa » cả. TRƯƠNG HUÂN chỉ còn 5, 6 nghìn người để chống đối lại với cả nước Tàu.

Ngày 7 thì bọn quân nhỏ ấy cũng lại bị thua nốt ở nơi trường đấu ngựa, ngay ngoài tường thành Bắc-kinh.

TRƯƠNG HUÂN bấy giờ mới biết cái tình-thế nguy. Ngày 7 có một chiếc tàu bay của quân cộng-hòa đến ném trái phá vào cung, vua nhà Thanh sợ phải xin thoái-vị. Ngày 8, có dụ xuống nhận cho TRƯƠNG HUÂN từ chức cùng tuyên-cáo sự thoái-vị.

Quân cộng-hòa vây Bắc-kinh đã có đến hơn 8 vạn người.

Bấy giờ hai bên mới ngỏ nhờ nhờ ngoại-giao-đoàn^[3] điều-đình. Ngoại-giao-đoàn họp thành hội-nghị ngày 9 định nhờ

quyết-nghị như thế này: « Ngoại-giao-đoàn xin khuyên đừng giết TRƯƠNG HUÂN, chỉ bắt phải ra hàng cùng thả các quân lính về; có thế thì trong kinh-đô mới được yên-ổn, dân gian mới khỏi lầm than ».

TRƯƠNG HUÂN tiếp được nhời ấy giận dữ lắm, nói rằng: « Ta cố chết mà đánh không chịu hàng. »

Chiều ngày 10, TRƯƠNG HUÂN gửi điện cho Đoàn Kỳ-Thụy, xin hai bên giảng hòa. Nhưng Đoàn không chịu nghe.

Ngày 10 là ngày quân cộng-hòa định tiến lên đánh Bắc-kinh. Dân-gian hốt-hoảng lo-sợ lắm. Người có của thì tìm đường chạy trốn, xe hòm kéo đến tòa phố-sứ các ngoại-quốc nhiều lắm. Đến ngày thứ năm là ngày 13, ước 4 giờ rưỡi sáng, nghe tiếng súng bắn về mặt quân TRƯƠNG HUÂN đóng. Cách mấy giờ thì thấy quân TRƯƠNG HUÂN kéo cờ trắng, tức là hiệu xin hàng. Thế là tái-lập quân-chủ đầu đuôi được có 13 ngày.

Đến 11 giờ thì một chiếc xe hơi cắm cờ hồng-thập-tự, tự trong cung vua đi ra. Ngồi trong xe ấy tức là TRƯƠNG HUÂN cùng với hai người Đức. Cái người mấy hôm trước vừa mới thề cố chết mà đánh, nay cũng phải chạy trốn vào phố các tòa sứ, vào ở nhờ ngay dinh công-sứ Hà-lan, từ khi Tàu tuyệt-giao với Đức vẫn giữ quyền-lợi cho Đức.

Có người nhận thấy TRƯƠNG HUÂN về tòa sứ Hà-lan được ít lâu lại thiên sang trại lính Đức. Xem thế thì thực là rõ cái mưu của quân Đức. Việc khởi phục đế-chế ấy thực là bởi tay

người Đức gây nên. Quân Đức muốn đem sang nước Tàu những kế ám-muội đã thi-hành ở nước Nga để ngăn trở công việc của chính-phủ Tàu. Sợ nước Tàu khai chiến với mình chẳng, bèn nghĩ cách gây nên mối nội-loạn để cho người Tàu không kịp nghĩ đến việc ngoài nữa. Việc đó mưu đã lâu lắm. Chủ-trương sự vận-động ấy là KHANG HỮU-VI 康有為 xưa này đã có tiếng là người hâm-mộ vua Ủy-liên nước Đức, mà sự hâm-mộ ấy không phải là không vị lợi-lộc riêng. Mấy hôm trước ngày 1 tháng 7, KHANG HỮU-VI mặc giả-hình tỵ Thượng-hải lên Bắc-kinh, trong túi đã đầy sẵn những chiếu cùng dụ, định xui TRƯƠNG HUÂN gây nên cái vụ nhớn ấy. Sau có một nhà báo đến phỏng-vấn thì KHANG HỮU-VI nói rằng TRƯƠNG HUÂN đã thi-hành sai mất cái mưu của mình, bản tâm thì vẫn là nhiệt-thành với đế-chính, và trong ba tháng nữa sẽ sẩy ra việc lạ.

Chắc cái tình-hình nước Tàu còn sẩy ra nhiều sự lạ nữa, KHANG HỮU-VI chẳng phải nói ai cũng biết. Hiện nay ông Đệ-nhị Khổng-tử (thiên-hạ thường xưng KHANG HỮU-VI là thế) còn đương trốn ở trong dinh ông DIỄN-THÁNH CÔNG 衍聖公, là dòng-dõi đức Thánh ngày xưa.

Lại xét cái thái-độ của bọn TÔN DẬT-TIÊN đối với quân Đức thì biết quân Đức đã bị thua vì đảng bắc lại quay đầu về với đảng nam đế quấy rối cái tình-thế trong nước. Tức cũng lại như ở bên nước Nga, nhà vua đã bị bãi rồi thì quân Đức lại quay về khuyến-dụ các đảng cách-mệnh, cái kế thực là cũng một. Quân Đức cấp tiền bày mưu cho bọn TÔN DẬT-TIÊN để phản-đối với chính-phủ bắc. Không hiểu làm sao người Tàu

ngày nay đã lăm người có kiến-thực mà còn chịu để cho những bọn quyền-mưu yêu-hành nó đánh lừa đến bực ấy!

Tự ngày 13 tháng 7 khôi-phục lại Cộng-hòa-chính-thể, nhưng hai bên Nam-Bắc vẫn chưa chịu hòa nhau.

Lê NGUYÊN-HỒNG thì đã nói quyết không làm tổng-thống nữa, vào ở trọ nhà thương Pháp để chữa bệnh thấp.

Phó tổng-thống PHÙNG QUỐC-CHƯƠNG đã nhậm chức quyền tổng-thống. Mới trọng-nhậm thì duyệt nhận tòa Nội-các của Đoàn Kỳ-THỤY mới lập, trong tòa có những viên tai mắt như sau này: LƯƠNG KHẢI-SIÊU 梁啟超 sung bộ Tài-chính, THANG HÓA-LONG 湯化龍 bộ Nội-vụ, LÂM TRƯỞNG-DÂN 林長民 bộ Tư-pháp, TRƯƠNG QUỐC-KIM 張國淦 bộ Nông-thương, TÀO NHỮ-LÂM 曹汝霖 bộ Giao-thông, PHẠM NGUYÊN-LIÊM 范源濂 bộ Giáo-dục.

Thế là ở Bắc-kinh mọi sự đã được ổn-thỏa cả. Chỉ còn có đảng phương nam là đảng quốc-dân, đầu đảng là TÔN DẬT-TIÊN còn có ý phản-đối, không chịu nhận Đoàn Kỳ-THỤY làm thủ-tướng.

Tôn ngày 18 tháng 7 đến tỉnh-thành Quảng-đông, đọc một bài diễn-thuyết nhơn, xin đặt một cảng thủy-quân ở Quảng-đông để chống lại với Bắc. Mấy hôm sau thì có tin một phần thủy-quân Tàu về đóng ở Quảng-đông để giúp đảng Nam. Tôn bèn cổ-võ cho các tỉnh phương Nam họp nhau lại để đánh Bắc.

Mới có tin gần đây thì LỤC VINH-ĐÌNH 陸榮廷 làm « Lương-Quảng tuần-duyệt-sứ », xem ra ý không muốn giúp bọn TÔN DẬT-TIÊN, mà bọn ấy hiện nay dân Quảng-đông cũng không nhiều người theo nữa, vì người dân chỉ ước-ao được yên-ổn mà làm ăn buôn-bán như thường.

Đốc-quân Vân-nam là ĐƯỜNG KẾ-NGHIÊU 唐繼堯 ngày 4 tháng 8 tuyên-cáo độc-lập, nói sắp đề binh lên đánh Bắc. Nhưng mà xem chừng quân Bắc đã tiến xuống trước, có tin một quân-đoàn Bắc đương chàn vào tỉnh HỒ-nam.

Nói tóm lại thì cái tình-thế đến ngày 20 tháng 8 vẫn chưa thay đổi. Thế-lực Đoàn Kỳ-Thụy thì mỗi ngày một to, vì Đoàn là đại-biểu cái chính-nghĩa của nhà-nước, và những người giúp Đoàn là những bậc danh-giá cả. Quân-lực trong nước phần nhiều cũng ở trong tay. Đến như đảng phản-đối là đảng TÔN thì nghe như trong đảng cũng không được hòa-thuận với nhau. Tiền đã không có, người giỏi cũng không. TÔN thì chỉ thấy diễn-thuyết nhiều, phá-hoại được mà dựng-đặt không có tài. Đảng Nam nói muốn biệt-lập một nước Cộng-hòa lấy SÂM XUÂN-HUYÊN 岑春煊 là tay cừu-địch cũ của VIÊN THẾ-KHẢI làm tổng-thống, ĐƯỜNG KẾ-NGHIÊU làm phó tổng-thống.

Chính-phủ trung-ương thì nay hết sức để giữ lấy quyền chi-phối. Mới rồi khai-chiến với Đức-Áo là gây được một cơ-hội tốt, có thể nhờ đấy mà đạt tới mục-dích được.

Việc Tàu khai-chiến với Đức. — Nước Tàu khai-chiến với Đức-Áo ngày 14 tháng 8. Nhời khai-chiến của Tàu cũng như của Xiêm lấy cái cớ rằng nước Đức đã phạm nhiều điều tàn-ác giã-man, cả thế-giới văn-minh không thể dung được. Lại kể đến những việc người Đức xâm-phạm vào quyền trung-lập của nước Tàu, cùng việc âm-mưu khởi-phục đế-chế thảng trước để phá-hoại nền dân-chủ của nước Tàu, người Đức thực có một phần to vào đấy.

Từ khi khai-chiến, chính-phủ Tàu đương thương-thuyết với Đồng-minh để vay một món tiền nớn mà kinh-doanh mọi việc trong nước, cùng tổ-chức lại quân-đội để phòng việc biến loạn về sau này.

Nước Nhật-bản. — Bài *Thời-đàm* này đã dài quá, không thể kể được tường về các việc bên Nhật-bản. Và bên nước ấy trong thời-ký ta xét này cũng không có sẩy ra việc gì quan-trọng lắm, mà đáng thuật lại kỹ.

Bản-báo sau này sẽ có những bài chuyên-luận về tình-thế việc nội-chính của nước Nhật-bản cùng địa-vị nước ấy trong thế-giới bây giờ.

Việc trong nước.

Tuyên luật mới. — Trong nước thì trong tuần tháng bảy có một việc quan-trọng nhất là việc tuyên-bố luật mới ở Kinh. Khi bấy giờ bài *Thời-đàm* chữ quốc-ngữ trong số thứ nhất là số tháng 7 đã in rồi, nên chưa kịp thuật đến việc ấy.

chỉ có bài *Thời-đàm* chữ nho in sau mới kịp thêm vào được. Vậy nay muốn cho đủ xin ước-lượng đầu-đuôi mấy nhời về việc ấy.

Ngày 14 tháng 7 quan Toàn-quyền tới Kinh. Viện Cơ-mật định ngày 16 (tức là ngày 28 tháng 5 năm Khải-định thứ 2), đúng 7 giờ dưới sáng tân xin đặt đại-triều ở điện Thái-hòa để làm lễ tuyên-bố luật mới cho xứ Bắc-kỳ. Định ngày ấy Hoàng-thượng ra ngự, có đông đủ cả các quan tây nam đứng bài-liệt hai bên. Quý-quan thì có quan Toàn-quyền, quan Khâm-sứ Kinh, quan Thống-sứ Bắc-kỳ, quan Đông-dương tư-pháp tổng-trưởng, quan quản-lý phủ Toàn-quyền, v. v. Trong điện trước Hoàng-thượng ngồi có đặt một cái phượng-giá để một đạo dụ-chỉ. Khi kèn thổi, quan ràn, súng bắn đầu đầy rồi, hai viên Nội-các mở tờ dụ, quan Hình-bộ cầm lên đọc. Đọc đoạn quan Toàn-quyền diễn-thuyết một bài nói về tôn-chỉ việc cải-lương pháp-luật, nhời nghiêm-trang, giọng hùng-hồn, chẳng kém gì những bài đại diễn-thuyết của ngài khi trước. Trong *Thời-đàm* chữ nho kỳ trước đều có phụng-lục bài Thánh-Dụ cùng dịch nghĩa bài diễn-thuyết.

Lập Đại-học. — Kỳ sau bản-báo sẽ có bài bàn về trường Đại-học. Nay hăng dịch tờ nghị-định quan Toàn-quyền ngày 8 tháng 7 năm 1917, đặt một tòa « Đại-học tổng-cục » (*Direction de l'Enseignement Supérieur*). Nhời nghị-định rằng:

« *Khoản thứ nhất.* — Lập ra gần quan Toàn-quyền một tòa Đại-học tổng-cục.

« *Khoản thứ nhì.* — Nhiệm-vụ của cục ấy là phải nghĩ cách mở ra mấy trường cao-đẳng cho các học-trò người Pháp cùng người bản-xứ ở Đông-dương vào học, những trường ấy gồm lại gọi tổng-danh là trường « Đại-học Đông-dương » (*Université indochinoise*), cùng đặt chế-độ chương-trình cho các trường ấy.

« *Khoản thứ ba.* — Những trường cao-đẳng thuộc vào trường Đại-học mà cục ấy phải kinh-doanh, thì đại-khái có mấy thứ như sau này, hoặc có cái đã lập rồi, hoặc có cái sẽ lập trong các xứ ở cõi Đông-dương:

« Trường Y-học Dược-học (học thuốc, học bào-chế, đã có rồi);

« Trường Thú-y (có rồi);

« Trường Bách-công (gồm các khoa công-trình^[4], hóa-học và điện-học dùng cho kỹ-nghệ, khoáng-học, vật-lý học, bác vật-học);

« Trường Nông-học lâm-học;

« — Thương-nghiệp;

« — Hàng-hải, ngư-nghiệp;

« — Pháp-luật chính-trị;

« — Sư-phạm.

« *Khoản thứ tư.* — Đại-học tổng-cục sẽ tuần-tự mà nghĩ cách lập các trường ấy, tùy theo sự cần-dùng cùng cái tình-

thế việc lý-tài việc chính-trị trong bản xứ.

« Cục ấy sẽ hỏi ý cùng chiếu nhời bàn của các quan thủ-hiến các xứ, cùng các đoàn-thể có lợi-quyền trong bản-xứ, về cách lập các trường ấy, nơi nên lập, cùng chương-trình nên theo.

« *Khoản thứ năm.* — Đại-học tổng-cục sẽ liệu kỳ-hạn mà trình thảo-án cho quan Toàn-quyền xem, để có thể khởi đầu mở mấy trường nên mở trước nhất ngay tợ tháng 10 năm nay. »

— Chiếu theo nghị-định ấy, quan Y-khoa-tiến-sĩ COGNACO, giám-đốc trường Y-học Hà-nội, được sung-bổ chức tổng-trưởng Đại-học-cục. Nghe đâu ngài đã định xong các chương-trình, cuối tháng này vào Sài-gòn đệ-trình thảo-án để quan Toàn-quyền duyệt. Có nhẽ đến khi ngài trở về Hà-nội thì sẽ lục-tục mở trường Đại-học.



1. ▲ Thời-đàm kỳ này khá dài, vì có mấy việc nhớn trong thế-giới như việc cách-mệnh Nga, việc nội-loạn Tàu, cần phải thuật đầu đuôi một lần cho tường, mới hiểu được những việc về sau. Từ kỳ sau trở đi thì tắt ngắn hơn nhiều, chỉ phải thuật việc trong một tháng mà thôi.
 2. ▲ Tức là quân đảng dân-chủ. đối với quân TRƯỞNG HUÂN là đảng đế-chính.
 3. ▲ Ngoại-giao-đoàn là gồm các sứ-thần, công-sứ, lãnh-sự các ngoại-quốc trụ-trát ở nơi Kinh-đô (*corps diplomatique*).
 4. ▲ Tức là trường *Agents techniques*, đã có rồi,
-
-

Chú thích

TIÊU - THUYẾT

TRUYỆN CÁI DẤU ĐỎ [1]

Tiểu-thuyết Pháp của ALFRED DE VIGNY

PHẠM QUỲNH dịch ra quốc-ngữ

CHƯƠNG THỨ NHÌ

Truyện cái dấu đỏ

Trước hết tôi phải nói cho chàng [2] biết rằng tôi ở thành Bối-lôi-ti-đức. Cha tôi làm lính vệ-binh, cho nên từ năm lên chín tuổi tôi đã vào làm lính-tập con, được nửa xuất lương ăn, nửa xuất lương tiền. Nhưng tính tôi thích đi bể lắm; có một đêm được nghỉ ra chơi thành Bối-lôi-ti-đức, tôi trốn xuống dưới gầm một chiếc tàu buôn đi Ấn-độ. Ra đến giữa bể người ta mới trông thấy tôi, viên thuyền-trưởng không nỡ ném tôi xuống bể, cho tôi làm tên thủy-thủ con. Kịp đến đời Cách-mệnh thì tôi đã nên sự-nghiệp rồi, cũng làm thuyền-trưởng một chiếc tàu-buôn nhỏ, tàu coi cũng sạch-sẽ mà đã « quấy bọt bể » [3] trong mười lăm năm. Bấy giờ trong thủy-quân cũ của nhà vua, bỗng khuyết mất nhiều quân-quan, phải lấy trong bọn thuyền-trưởng các tàu buôn để thay chân vào.

Nguyên khi đi bể tôi có làm được mấy cái thủ-đoạn, sau này tôi sẽ kể cho chàng nghe: bởi thế người ta mới cho tôi coi một chiếc chiến-thuyền hiệu là Mã-lạp.

Ngày 28 tháng 12 năm 1797 tôi được lệnh sắp tàu đi Cai-yên, chở 60 tên lính với một tên phải tội đi đây, tên ấy là thuộc vào số 193 người phải tội tàu Đức-cát-đức đã mang đi mấy hôm trước. Tôi được lệnh phải đai tên ấy một cách khoan-dung. Trong cái thư của tòa « Giám-quốc phủ »^[4] gửi cho tôi lại có một cái thư nữa ngoài bao thư đóng ba dấu đỏ, ở giữa lại có một dấu nữa to quá chừng, có lệnh cấm không được mở cái thư ấy trước khi đi đến đường vĩ-độ thứ nhất, kinh-độ thứ 27, 28, tức là gần đường xích-đạo.

Thư ấy to nhớn, trông nó có một hình-giang riêng. Nó dài, đóng thật kín, nhìn chỗ khác, hoặc soi qua phong-bì cũng không đọc thấy chữ gì. Tôi không có tính mê-tin, nhưng trông thấy cái thư ấy mà ghê. Tôi để nó xuống dưới nắp phalê một cái đồng-hồ nhỏ kiểu nước Anh cheo ở trên đầu giường trong buồng tôi. Cái giường ấy thật là cái giường của con nhà đi bể, chàng tất cũng đã được biết cái lối giường như thế.

Mà có dễ chưa được biết thật, chàng năm nay mới độ 16 tuổi chớ gì? Tôi chưa già mà đã lẫn.

Buồng bà Hoàng-hậu có nhẽ không sạch-sẽ chỉnh-đốn bằng buồng một con nhà thủy-thủ, vật nào có chỗ nấy, để đâu có cái đanh nhỏ khoan vào đấy. Không gì lay động được. Tha-

hồ cho tàu lúc-lắc, không xô-đẩy được cái gì cả. Đờ dừng thì chế theo hình tàu, theo hình cái buồng nhỏ của từng người một. Cái giường của tôi tức là một cái hòm, mở hòm ra thì nằm vào đấy, đóng hòm lại thì làm cái ghế ngồi để hút thuốc. Có khi dừng làm bàn, bấy giờ thì lấy hai cái thùng rượu con trong buồng làm ghế ngồi. Sàn buồng của tôi đánh bóng như gỗ gụ, sáng như gương soi. Thôi! Kể cái buồng ấy thì vừa sinh vừa đẹp. Mà cả cái tàu của tôi cũng là đáng giá lắm. Trong tàu lắm khi chơi đùa thật là thỏa-chí; lần ấy bắt đầu đi cũng là vui vẻ, cho đến lúc... Nhưng phải kể cho lần lượt đã.

Bấy giờ đương có cái gió tây-bắc tốt. Tôi đang loáy-hoáy để cái thư xuống dưới nắp pha-lê đồng-hồ, thì anh chàng phải tội vào trong buồng tôi, tay rất một chị con gái nhỏ đẹp chừng 17 tuổi. Anh ta thì nói với tôi rằng anh ta 19 tuổi, người cũng đẹp giai, tuy mặt hơi xanh, đàn ông mà màu da như hấn ta thì khí trắng quá. Tuy vậy mà thật ra tư-cách kẻ trượng-phu, lâm-thời xử-sự đến cổ-nhân cũng vị tất đã hơn, xét sau này thì biết. Hấn cầm cánh tay tiểu-thư, tiểu-thứ thì tươi cười vui-vẻ như đứa con trẻ. Hú-hí như một đôi chim cưu vậy. Tôi trông thấy cũng vui mắt, bèn bảo rằng:

« Thế nào, các con đến chơi với lão chủ thuyền đấy à; tốt lắm. Ta đem các con đi hơi xa một tí, nhưng mà càng hay, lại được dịp thêm biết nhau. Xin tiểu-thư thứ cho ta tiếp khách không mặc áo thế này. Ta đương đóng cái thư nỡm to tướng này lên trên kia, có ai giúp hộ một tí không »?

Thật là một đôi con trẻ quý-hóa. Anh chồng bé cầm búa, chị vợ nhỏ cầm đinh, tôi lấy cái gì đưa cái ấy. Chị chàng thì vừa cười vừa hỏi tôi rằng: *Cụ chủ ơi, bên tay phải nhé? bên tay trái nhé?* Vì tàu chạy súc-sắc, cái đồng-hồ cứ đưa bên nọ sang bên kia. Đến bây giờ tôi còn phảng-phất nhớ cái tiếng thỏ-thẻ: *Cụ chủ ơi, bên tay phải nhé? bên tay trái nhé?* Nó muốn nói đùa tôi cho vui. Tôi bảo: « Chị chàng này ác, nhé; tôi lại bảo anh ấy mắng cho một lúc bây giờ. » Nó ôm ngay lấy cổ chồng hôn một cái. Trông rất là khả-ái, cứ thế mà tôi với hắn làm quen nhau, thành bạn ngay được.

Lại thêm chuyến đi bể ấy cũng thuận-hòa vui-vẻ, khí-giờ được vừa ý luôn. Trong tàu chỉ rặt những mặt đen đũi cả, cho nên ngày nào bữa cơm tôi cũng cho gọi hai anh-chị lên ngồi ăn cho vui. Khi đã ăn bánh ăn cá xong rồi, hai vợ chồng cứ ngồi nhìn nhau như xưa nay chưa trông thấy mặt nhau bao giờ. Bấy giờ tôi mới cười ồ lên, nói bỡn chúng nó, chúng nó cũng cười với tôi. Ai trông thấy ba người ngồi như thế, không biết truyện-trò thế nào, cũng phải buồn cười là một lũ dở-người, nhưng mà trông thấy đôi lứa thiếu-niên thương-yêu nhau như thế cũng vui mắt thật. Hai đứa ngồi đâu cũng vui vẻ, ăn gì cũng ngon lành, mà nào ăn có gì đâu, cũng ăn một thứ bánh lương như mọi người trong tàu mà thôi, khi nào tôi ăn cùng với chúng nó thì tôi mới điểm thêm một ít rượu mauh Thụy-diễn, một chén con thôi, cho nó ra cái phong-thể ông chủ tàu. Hai chúng nó ngủ thì có một cái võng, tàu chạy lặn lông-lốc, chẳng khác gì hai quả lê tôi để trong cái khăn mặt ướt này. Hai đứa bao giờ cũng vui-vẻ bằng-lòng. Còn tôi thì tôi cũng cứ làm như chàng vậy, tôi

không hề hỏi-han gì hấn cả, mà nghĩ phận tôi là cái người chở tầu, cần gì mà phải biết tuổi tên lai-lịch của người ta! Tôi chở hấn sang bên kia bể bắt quá cũng như chở đôi chim phí-thúy mà thôi.

Được một tháng thì tôi coi hấn như con tôi vậy. Cả ngày hễ tôi đến thì hấn đến ngồi cạnh tôi. Anh chàng thì ngồi viết ở cái bàn, tức là cái giường đó. Khi nào tôi bảo thì hấn giúp tôi để tính đường kinh-vĩ, không mấy nổi mà hấn làm cũng thạo bằng tôi; có khi tôi trông thấy làm giỏi quá mà ngạc-nhiên hấn. Chị chàng thì ngồi lên mặt cái thùng rượu nhỏ mà khâu.

Có một ngày hai người đương ngồi như thế, tôi mới bảo rằng:

« Anh chị thử trông bọn ta ngồi họp nhau như thế này có rõ thật ra một cái cảnh gia-đình không? Tôi không muốn hỏi-han đến việc riêng của anh chị làm gì, nhưng mà tôi chắc rằng hai người bây giờ dễ cũng chỉ vừa đủ tiền tiêu mà thôi, mà xem ra hai người cùng yếu-điều cả thế này thì đến Cai-yên cày cuốc như các người đi đây khác thế nào được. Ta chẳng nói giấu gì hai người, cái đất ấy thiệt là độc-địa, nhưng ta đây đã rầu xương rã nắng quen, người đã như cái da con lang già phơi nắng rồi, nếu có đến ở đây cũng còn sướng như tiên. Tôi chẳng muốn hỏi cái ý riêng của anh chị làm gì, nhưng tôi xem ra anh chị cũng có bụng mến tôi, nếu thật thế thì tôi bằng lòng bỏ ngay cái tầu mục này, và bây giờ nó cũng cũ lắm không dùng gì được nữa, mà tôi cùng với anh chị đến đây sinh-cơ lập nghiệp, anh chị nghĩ thế nào. Tôi

cửa nhà chẳng có, nghĩ cũng buồn. Anh chị làm bạn với tôi. Tôi sẽ giúp được nhiều việc, tôi lại mới buôn lậu được một ít đồ hàng, ta buôn-bán mà làm kế sinh-nhai, đến ngày tôi nhắm mắt lại thì cái cơ-đồ ấy để cho anh chị ».

Hai người đứng ngẩn ra mà nhìn nhau, trông bộ như không tin rằng tôi nói thật. Con bé ấy thì chạy ra ôm lấy cổ chồng như mọi khi, ngồi lên trên đầu gối chồng, đỏ mặt lên mà khóc. Anh ta cũng ôm lấy vợ vào trong tay, trông mặt cũng có nước mắt. Hấn ta chìa tay ra với tôi, mặt xanh hơn lúc thường. Vợ nói nhỏ vào tai, đương nói thì bối tóc sổ ra, như một cuộn thừng bỗng dơi tuột ra. Vì chị ta nhanh-nhau thoãn-thoắt như con cá vậy. Tóc vàng chươi-chươi phủ lên cả vai chồng. Chàng không được trông cái tóc ấy, rõ như đồng vàng thật. Hai người cứ nói nhỏ với nhau mãi, anh ta thì chốc-chốc lại hôn vào chán vợ, chị ta thì cứ khóc, tôi đợi mãi sốt ruột mới hỏi rằng:

— Thế nào, có ưng như thế không?

Anh ta nói:

— Thưa ông, ông tử-tế quá, nhưng mà chỉ ngại một điều... ngại một điều: ông ở cùng với kẻ có tội đi đây thế nào được, và...

Nói đến đây hấn cúi mặt xuống.

Tôi nói rằng:

— Tôi thì tôi chẳng biết anh có cái tội gì mà đến nỗi phải đi đây. Rồi sau này anh kể cho tôi nghe. Mà chẳng muốn kể nữa cũng được. Tôi xét bộ-giàng anh cũng không phải là người có cái ác-tâm gì. Ta chắc rằng trong một đời ta còn nhiều tội hơn các con, các con ạ. Thương thay con trẻ chịu oan! Như bây giờ cái chức-trách ta còn phải canh-giữ các người, thì thế nào ta cũng chẳng để cho thoát, cứ lại với ta thì ta có cái gan chặt cổ ngay như cắt cổ hai con chim vậy. Nhưng đã đặt cái quân-phục một nơi, thì bây giờ ta chẳng biết phân-biệt ông đại-tướng với thằng tội-nhân là ai nữa.

Hắn ta lại lắc đầu một cách buồn rầu mà nói rằng:

— Con chỉ ngại rằng ông là quan trưởng tàu mà lại có tình-ý riêng với chúng con thì sợ có điều nguy-hiểm cho ông chẳng. Chúng tôi còn tuổi thanh-niên cho nên hay cười-cợt đùa-bỡn, chúng tôi thương-yêu nhau cho nên mặt thường vui vẻ; nhưng lắm lúc tôi nghĩ đến sự tương-lai mà đau-đớn trong lòng, tôi không biết vợ tôi đây sau này ra làm sao. »

Hắn lại ôm đầu vợ vào ngực mà hỏi vợ rằng:

« Ta nói với ông chủ thế có phải không? Ông hỏi mình thì mình cũng nói thế chứ? »

Tôi cầm lấy cái điếu hút thuốc, đứng lên, vì tôi thấy trong mắt đã ươn-ướt, mà cái tính tôi không quen khóc.

Tôi nói: — Thôi được! Thôi được! Rồi xong việc cả. Tôi hút thuốc thế này dễ tiểu-thú khó chịu, xin hăng ra ngoài một

chốc.

Chị ta đứng dậy, mặt đỏ lừng lừng, nước mắt nhễ-nhại, như đưa con trẻ phải mắng. Nhìn vào cái đồng hồ đeo của tôi mà nói rằng: « Thế mà không ai nhớ đến cả! Thế cái thư kia để làm gì? »

Tôi thấy chột dạ, nghe hẳn nói thế như rức ở chân tóc vậy.

« Chết nỗi! Thế mà ta quên đấy. Lại còn cái truyện ấy mới rầy nữa! Nếu đã đi quá đường kinh-độ bắc thứ nhất rồi, thì đến phải đâm đầu xuống bể mà chết thật! May sao mà chị chàng này lại nhắc mình đến cái thư nỡm ấy! »

Tôi mở ngay bản-đồ đi bể của tôi ra xem thì thấy hãy còn ít ra một tuần-lẽ nữa mới đến, bấy giờ đã thấy trong đầu nhẹ bớt, nhưng mà trong lòng vẫn còn áy náy, không biết làm sao.

Tôi nói rằng: — Tôi sợ là vì Giám-quốc-phủ hay coi nghiêm cái điều vâng-mệnh lắm, không cho là truyện chơi được. Thôi, bạn này thì nhớ rồi. Ngày giờ đi nhanh quá đến nỗi ta quên hẳn truyện cái thư ấy. »

Ấy thế mà, ông ạ, ba người cứ ngễnh mặt lên nhìn cái thư ấy mãi, hình như nó sắp nói gì cho mà nghe. Có một điều tôi lấy làm kinh-ngạc, là mặt gờ chiếu qua chấn-song soi vào cái nắp pha-lê đồng-hồ, trông cái dấu đỏ nhón ở giữa với mấy dấu con phảng-phất như một cái mặt người ở trong đám lửa.

Tôi nói bốn hai người kia rằng: — Trông có khác gì cái đầu với hai con mắt thô-lố ra không?

Chị chàng nói với chồng rằng: — Anh ạ, trông nó giống như vết máu vấy thôi.

Chồng thì nắm lấy tay mà nói rằng: — Không phải, mình nhầm đấy. Trông nó giống như cái giấy mời cưới chứ! Thôi mình đi nghỉ đi. Việc chi mà bận lòng đến cái thư này làm gì? »

Hai đứa cùng chạy như có cái ma-quái gì đuổi theo sau mà chèo cả lên trên gác tàu. Một mình tôi đứng với cái thư to tướng ấy, tôi còn nhớ bấy giờ tôi vừa hút thuốc vừa cứ nhìn mãi, tựa-hồ như cái mắt đỏ của cái thư ấy nó buộc lấy mắt tôi lại, nó như cái mắt con rắn độc mà hút lấy mắt mình vậy. Trông cái thư bấy giờ rõ như mặt người xanh-sám, cái dấu đỏ nhón ở giữa to hơn hai con mắt, khác nào như mồm con hổ-lang há rộng hốc ra... tôi nhìn lấy làm bực tức trong người, bèn lấy cái áo cheo ra ngoài đồng-hồ, để không trông thấy cái thư kinh-ngạc ấy nữa, mà cũng đành không xem đồng-hồ nữa.

(Còn nữa xem kỳ sau)

1. ▲ Xem [Nam-phong số thứ 1](#).

2. ▲ Người làm sách bấy giờ còn tuổi trẻ. Viên trung-tá trước gọi là *ông* nay gọi là *chàng* là có ý đã thân rồi.
 3. ▲ Quấy bọ bễ nghĩa là đã đi bễ nhiều.
 4. ▲ Giám-quốc phủ là chính-phủ ở nước Pháp về thời đại Cách-mệnh, từ năm 1795 đến năm 1797. Sau bị Nã-phá-luân phá đổ. Chính-phủ ấy cũng không có tiếng tốt trong lịch-sử, được có mấy năm mà việc nước ở trong ở ngoài đều không được lợi cả.
-
-

Chú thích

Giới thiệu về bản điện tử này

Cuốn sách điện tử (e-book) này đến từ thư viện văn thư tự do [Wikisource](#)^[1]. Thư viện điện tử đa ngôn ngữ này được nhiều người tự nguyện xây dựng nên, với cam kết hình thành một thư viện có thể được truy cập tự do, bao gồm các tác phẩm với đủ mọi thể loại, từ tiểu thuyết, thơ, đến tạp chí, thư từ, v.v.

Sách do chúng tôi phân phối đều hoàn toàn miễn phí và tự do, có nguồn gốc từ những tác phẩm đã hết hạn bản quyền hoặc được phát hành theo một giấy phép tự do. Bạn được thoải mái sử dụng sách điện tử của chúng tôi cho bất kỳ mục đích nào (bao gồm cả mục đích thương mại), miễn là tuân theo những điều khoản của Giấy phép [Creative Commons Ghi công-Chia sẻ tương tự 3.0 Không chuyển đổi](#)^[2] hoặc Giấy phép [GNU FDL](#)^[3], tùy bạn lựa chọn.

Wikisource luôn cần những thành viên mới. Khi chúng tôi tạo nên cuốn sách này, rất có thể vẫn còn một số lỗi trong đó. Bạn có thể báo với chúng tôi tại [trang này](#)^[4].

Những thành viên sau đã đóng góp công sức vào cuốn sách này:

- AkBot
- Vinhtantran
- Toan DH
- Vietlong
- ThiênĐế98
- LMQ2401
- Tranminh360
- Mxn
- Hakutora
- Thanh061093
- Inductiveload
- Ignacio Rodríguez

-
1. [↑](https://vi.wikisource.org) <https://vi.wikisource.org>
 2. [↑](https://www.creativecommons.org/licenses/by-sa/3.0) <https://www.creativecommons.org/licenses/by-sa/3.0>
 3. [↑](https://www.gnu.org/copyleft/fdl.html) <https://www.gnu.org/copyleft/fdl.html>
 4. [↑](https://vi.wikisource.org/wiki/Wikisource:Thảo_luận) [https://vi.wikisource.org/wiki/Wikisource:Thảo luận](https://vi.wikisource.org/wiki/Wikisource:Thảo_luận)